

CỰU ƯỚC GIẢN LƯỢC

THỜI BAN SƠ

Kinh Thánh là sách bán chạy nhất thế giới, vì là thông điệp cần thiết cho mọi người được in hơn 1800 ngôn ngữ cho 95/o dân thế giới.

A. TẠI SAO CẦN NGHIÊN CỰU ƯỚC ?

1. Giá trị Cựu Ước: Bao trùm nhiều lãnh vực văn chương, lịch sử, tôn giáo:
 - . Do Thái giáo, Hồi giáo, Cơ Đốc giáo đều thấy nguồn gốc mình trong đó.
 - . Thu hút học giả uyên bác cũng như người thấp kém nhất
2. Cựu Ước công hiến bối cảnh lịch sử để hiểu Tân Ước
 - . Tân Ước trích dẫn và đề cập đến Cựu Ước hơn 500 lần (Chúa Jesus).
 - . Trình bày liên hệ giữa Người với Thượng Đế để ta tin cậy, vâng phục Chúa.
3. Xao lãng Cựu Ước hơn Tân Ước (xem Cựu Ước là luật pháp) là sai lầm :
 - . Hồng ân Thượng Đế hành động suốt lịch sử loài người ([SaSt 3:15, 21](#)).
 - . Thượng Đế bất biến, không chỉ Công chính (phán xét) mà còn Yêu thương
 - . Sđ Phaolô trích dẫn Cựu Ước và gọi Thượng Đế là Cha thương xót ([II Co 2Cr 1:3](#)).

B. LỊCH SỬ THỜI CỰU ƯỚC

Phần lớn nằm trong 17 sách đầu (Từ Sáng thế ký đến Êxotê).

1. Bố Cục: a. Kỷ nguyên sơ khai: Từ Adam đến Tharê
b. Lịch sử tuyển dân: Từ Ápraham(2000) đến Nêhêmi (450).
(Thi ca và Tiên tri: Phản ảnh văn hóa, chính trị, kinh tế).
2. Chủ đích: Thượng Đế Mạc Khải chính Ngài cho loài người qua Cựu Ước .
3. Nội dung: Là sách Thánh, tiên báo về Chúa Jesus ([LuLc 24:44](#)) là Sấm ngôn của Thượng Đế ([RoRm 3:2](#)) . Là Thánh sử ghi lại những Biến cố Tự nhiên được hướng dẫn bằng hoạt động Siêu nhiên của Thượng Đế.

C. KỶ NGUYÊN SƠ KHAI

1. Kinh Thánh: [SaSt 1:1-11:32](#).
2. Thời gian: Từ nguyên thủy đến 2000 TC.
 - . Thời gian lâu hơn cả phần còn lại của Cựu Ước (Ápraham-Malachi).
 - . Rất quan trọng cho cả Ngũ Kinh, cần thiết để hiểu cả Thánh Kinh.
 - . Sáng thế ký là Sách dẫn nhập của Môise cho Ngũ Kinh. Có lẽ Môise dựa vào những nguồn tài liệu thành văn cùng truyền khẩu để viết lịch sử Ysoraên nhưng phần Kỷ nguyên sơ khai phải do chính Đức Chúa Trời mạc khải.

I. CÂU CHUYỆN SÁNG TẠO [1:1-2:25](#)

Câu chuyện nguồn gốc vũ trụ tuy giản dị nhưng sâu sắc, khẳng định Thượng Đế tạo dựng nên muôn loài từ chỗ trống không (ex-nihilo).

1. Một Kế hoạch Thiên Thượng:

. Mục đích và trật tự sự sáng tạo được nêu lên cách rõ ràng và cao điểm của kỳ công sáng tạo là con người, một cá nhân có trách nhiệm. Nhìn chung, khoa địa chất học hiện đại cũng trình bày thứ tự giống như Kinh Thánh.

. [1:2](#) có 2 quan điểm giải thích: Quan niệm 1 cho biết câu 1,2 nói về tạo dựng nguyên thủy, những câu sau nói về sự phục hồi - Quan niệm 2 cho rằng câu 2 mô tả giai đoạn sơ khởi trong trình tự sáng tạo.

. Thời gian sáng tạo là 6 ngày nhưng mỗi ngày dài bao lâu không có nói vì thế theo quan niệm 2 mỗi ngày rất dài (cả nguyên đại) còn quan niệm 1 sự phục hồi chỉ cần mỗi ngày 24 giờ.

2. Thượng Đế, Đấng Sáng tạo và Nuôi dưỡng:

. Phần đầu câu chuyện dùng từ “Thượng Đế” (Elohim số nhiều) là Đấng sáng tạo vũ trụ vạn vật.

. Phần sau dùng từ “Thượng Đế Giêhôva” nói lên Ngài tương quan với con người như một Đấng yêu thương, chăm sóc, và con người dù được tạo dựng sau cùng lại là trung tâm của sân khấu kể từ [2:4b](#).

3. Tương quan giữa con người và tạo vật:

. Con người là một hữu thể rất thông minh và có trách nhiệm, khác biệt và cao quý hơn các thú vật. Adam được đặc quyền đặt tên cho thú vật, cai trị chúng và trông giữ vườn Êđen. Thượng Đế tạo nên Êva để làm bạn đời của Adam. Ngài yêu thương chăm sóc họ, ban cho họ được tương giao với Ngài và dự bị vườn Êđen cho họ an hưởng.

II. SỰ SA NGÃ VÀ HẬU QUẢ [SaSt 3:1-6:10](#)

Là biến cố quan trọng phải được hiểu theo nghĩa đen ([ITi1Tm 2:13, 14](#)).

1. Adam Êva bất tuân, bị đuổi ra:

. Vấn đề lớn là sự bất tuân chống nghịch vì nghe theo lời kẻ cám dỗ mà nghi ngờ Thượng Đế (về Tình yêu, Quyền năng và Lời Ngài).

2. Sự thương xót đi trước sự phán xét: Chúa hứa Hậu tự người nữ sẽ giầy đạp đầu con rắn ([SaSt 3:15](#)) trước khi tuyên bố rửa sả và Chúa ban bộ đồ da (ngụ ý sự cứu chuộc cần đổ máu) trước khi Ngài đuổi họ ra khỏi Êđen.

3. Niềm hy vọng được cứu chuộc: Tin cậy lời Chúa, Êva đã bày tỏ hy vọng khi sinh Cain, thất vọng vì Cain bà lại tiếp tục hy vọng khi sinh Sét và con người bắt đầu cầu khẩn Đức Giêhôva ([4:26](#)). Laméc cũng ấp ủ hy vọng được giải cứu khi nói về Nôê ([5:28-30](#)).

4. Án mạng đầu tiên: Có thể Cain đã đi ngược lại chỉ thị dâng sinh tế, nhưng chắc chắn là Cain đã không biết làm điều lành, không kính sợ Chúa và không quản trị nổi tội ác và không có một chút tình yêu!

5. Dòng dõi vô đạo của Cain: Cain xây thành, dân cư sống bằng chăn nuôi. Dần dần nghệ thuật phát triển, khoa học luyện kim hình thành và con người tự tạo cảm tưởng an ninh giả tạo. (LêMéc)

. Dòng dõi Cain không nhìn nhận hay nói gì về Thượng Đế.

5. Dòng dõi đạo hạnh của Sét: Sét làm niềm hy vọng của Adam Êva hồi phục. Đến đời Ênót người ta bắt đầu quay về cùng Thượng Đế. Rồi Hênóc, bậc đạo hạnh được sinh ra, sống tương giao với Thượng Đế mật thiết và không thấy sự chết. Và Nôê là niềm hy vọng của Laméc về sự giải cứu khỏi sự rửa sả tại vườn Êden.

III. CON HỒNG THỦY : SỰ PHÁN XÉT của THƯỢNG ĐẾ

1. Tình trạng loài người: Dùng những phú bẩm của Thượng Đế cho mình vào lạc thú, không đếm xỉa gì đến Ngài: Hủ bại, bạo động khiến hành vi con người đầy gian ác.

2. Thương xót đi trước phán xét: Thượng Đế dùng Nôê cảnh cáo trước về sự hủy diệt trong 124 năm. Ngài bảo đảm sẽ lập giao ước với ông và dòng dõi ông. Ngài bảo Nôê đóng tàu để được an toàn.

3. Hình phạt: Đại hồng thủy là cuộc phán xét nghiêm khắc và toàn diện với mục đích tiêu diệt nhân loại tội lỗi và gây dựng nhân loại mới với những người đạo hạnh còn lại.

IV. KHỞI ĐẦU MỚI CỦA CON NGƯỜI [SaSt 8:20-11:32](#)

1. Giao Ước của Thượng Đế với Nôê: Hành động đầu tiên của Nôê khi ra khỏi tàu là thờ phượng Thượng Đế bằng sự dâng sinh tế.

. Cái móng là dấu hiệu giao ước Thượng Đế, bảo đảm con người không bị tuyệt diệt bằng nước lụt nữa.

. Sau khi nhận giao ước, Nôê và các con được lệnh tái lập dân số và làm chủ trái đất cùng được giết súc vật làm đồ ăn . Nhưng hành động bất kính của Cham đã khiến Canaan bị rửa sả.

2. Tháp Babên: Con người cứ ở nguyên một chỗ, chống lại lệnh Thượng Đế bảo phân tán ra khắp đất và vì kiêu căng họ xây tháp Babên. Nhưng Thượng Đế chặn đứng khiến họ phải tản mác khắp đất.

3. Con cái Nôê tản lạc: Con cháu Gia phết đi về hướng Tâybannha, Hắc hải và biển Caspian. Con cháu Cham đi về hướng Nam đến Phi châu. Dòng dõi Sem chiếm vùng Bắc vịnh Batur.

4. Dòng Thiên Sai (Messianic): Ký sự thu hẹp lại dòng dõi Sem. Sau 10 đời thì tập trung vào Tharê. Cao điểm ký sự là lúc Ápram được kêu gọi và đổi tên thành Ápraham, tổ phụ dân Do Thái. Qua đó lời hứa về Đấng Cứu thế được thành tựu.

CÁC VỊ THÁNH TỔ

Kinh Thánh: Sáng 12-50

Thời gian: Khoảng 2000-1600. TC

Các thánh tổ sống giữa các nền văn hóa Cận Đông đầu thiên niên kỷ thứ 2 TC. Bắt đầu với Ápraham di cư từ thung lũng Ôphorát đến Palestine trong “vành đai phì nhiêu”(Giữa Nil, Tigoro và Ôphorát). Vào thời kỳ này đã có các Kim tự tháp ở Aicập và Bộ luật thương mại xã hội tại vùng Lưỡng Hà (Mêsôpôtami).

I. ÁPRAHAM

Ápraham là thánh tổ cho cả Do Thái giáo lẫn Hồi giáo, là gương sáng đức tin cho Cơ Đốc giáo.

1. Bối Cảnh Lịch sử: Ápraham sinh ra trong một gia đình và xã hội thờ hình tượng. Vâng theo tiếng gọi Thượng Đế, ông bỏ Charan đi đến Palestine khoảng 400 dặm. Trạm đầu tiên là Sicheim tại cây sồi Mamrê, ông dựng một bàn thờ cho Chúa (vẫn còn thấy cây sồi vùng đó). 25 năm đầu trước khi có Ysác (12-20) được ghi rõ hơn 75 năm sau (21-25)

2. Sự Thịnh vượng: Ápraham rất giàu có ([12:5](#), [24:10](#) đoàn 10 lạc đà đi hỏi vợ cho con) và thế lực lớn lao ([14:14](#) huy động 318 gia nhân đi cứu Lót). Các tù trưởng địa phương công nhận ông là vương hầu, lập giao ước với ông ([21:32](#), [23:6](#)).

3. Phong tục và văn hóa: Trong quan điểm Êđíphtô là nơi lý tưởng như Êđen, ông đã đi Êđíphtô khi bị đói kém bày tỏ sự thiếu đức tin và sa sút thuộc linh và đã bị tống xuất cách nhục nhã mang theo Aga, nguồn họa cho gia đình.

Luật Nuzu quy định việc thừa kế dành cho đầy tớ nếu chủ không con ([15:2](#)) Phong tục bấy giờ cũng cho cưới nàng hầu có con làm kẻ kế tự ([16:2](#)) nên Ápraham đã tự ý giúp đỡ Thượng Đế làm thành lời Chúa hứa ! Chúa bác bỏ và xác quyết lời hứa về Sara và Ysác và lập phép cắt bì làm dấu chứng. Một lần nữa Ápraham lại sa sút , nói dối trước Abimêléc nhưng được Chúa can thiệp. Khi Sara chết, Êprôn buộc ông phải mua cả hang đá Măcbêla lẫn cánh đồng vì luật Hêtit cho miễn thuế nếu chỉ làm chủ cái hang đá.

4. Một người có đức tin: Dù có lúc yếu đuối nhưng thật ra Ápraham đã vượt lên trình độ tôn giáo đương thời để tin một mình Chúa (Độc thần). Ông đã lập tức vâng lời Chúa ngay từ buổi đầu. Đi đâu ông cũng lập bàn thờ.

Vì thế Chúa đã hứa với ông sáu điều: Dân lớn - Ban phước - Nổi danh - Nguồn phước - Bệnh vực (ban phước hoặc rửa sả ai chúc phước hoặc rửa sả ông) - Các chi tộc sẽ nhờ ông được phước (thiên liêng, ứng nghiệm trong Chúa Jesus).

5. Giao ước với Ápraham: Càng ngày ông hiểu rõ hơn về lời Chúa hứa cho mình nhất là khi gặp khủng hoảng: Tranh chấp đất đai của Lót ([13:8](#)) xác nhận Chúa chọn cho ông điều tốt nhất. Không nhận phần thưởng vua Sôđôm xác nhận Chúa đã chu cấp mọi sự. Chờ đợi 25 năm xác nhận Chúa sẽ làm ứng nghiệm mọi lời Chúa phán hứa. Giao ước được mở rộng và xác nhận khi Ápraham 99 tuổi và phép cắt bì xác nhận lời hứa và giao ước dù Ysác chưa ra đời.

6. Người bạn của Thượng Đế: Chúa bày tỏ kế hoạch về Sôđôm Gômôrơ cho ông. Ông cầu nguyện, lý luận với Chúa: Chúa không làm điều phải, điều công bình sao, Chúa không thương xót sao ? Chúa tỏ ra “Thương xót đi trước công bình” và Ngài cứu Lót và gia đình vì có Ápraham ([19:29](#)).

7. Chịu thử nghiệm: Khi Chúa bảo dâng Ysác, Ápraham vâng lời bày tỏ đức tin Chúa có thể khiến Ysác sống lại. Ông trả lời Ysác bằng một lời tiên tri bày tỏ sự tin cậy phó thác bảo rằng Chúa sẽ dự bị của lễ (Trước hết là chiên đực và sau cùng là

Đức Chúa Jesus, chiên con của Đức Chúa Trời).

II. DÒNG DÕI ÁPRAHAM

1. Ysác: Người con lời hứa với việc cưới vợ bày tỏ sự Chúa đáp lời cầu nguyện, hướng dẫn người đầy tớ của Ápraham. Cuộc đời Ysác khá bình lặng sống hòa bình với mọi người, được Chúa ban phước vì có Ápraham ([26:24](#)).

2. Các con khác: Íchmaên là tổ phụ dân Ả-rập, Mađian là tổ phụ dân Mađian
Các con này được cho của cải để đi khỏi sản nghiệp Ápraham.

III. HAI ANH EM SINH ĐÔI

Học về cuộc đời Êsau-Giacóp vừa thú vị vừa thất vọng:

. Giacóp lợi dụng mua quyền trưởng nam của Êsau, toa rập với mẹ để lừa Ysác cướp lời chúc phước.

. Êsau thiếu đức tin, thiếu ý thức giá trị chân thật, coi thường quyền trưởng nam, bất cần tiêu chuẩn của cha mẹ trong hôn nhân, là người phạm tục.

1. Cuộc phiêu lưu của Giacóp: Dù nhận lời chúc phước, Giacóp phải trải qua nhiều nổi truân chuyên để tôi luyện đức tin: Đi Mê-sô-pô-ta-mi tìm vợ, dọc đường nằm mơ và hứa thờ phụng Chúa với điều kiện. Phục vụ Laban bị Laban gạt và sau này bị chính các con gạt !

2. Trở về Canaan: Được Chúa hướng dẫn, Giacóp trở về Canaan nhưng phải trốn đi và vì Rachên lấy mất mấy tượng thần nên Laban toan làm dữ, vì theo luật Nuzu, con rể có tượng thần nhà vợ được quyền chia gia tài nhà vợ. Bởi sự can thiệp của Chúa, Laban đành kết ước với Giacóp nhưng khôn khéo không cho Giacóp qua đòi gia tài. Đến rạch Giabôc , nghe tin Êsau đem 400 gia nhân đi đến, Giacóp sắp xếp khôn khéo để gặp Êsau. Nhưng đêm đó, ông vật lộn cùng Thiên sứ và được đổi tên thành “Ysôrên”: Người cùng cai trị với Thượng Đế, linh hồn được giải cứu, đời sống được biến đổi . Sau khi phải lìa Sichem, Giacóp đến Bê-tên, loại trừ hết thần tượng và lập bàn thờ thờ phượng Chúa như ông đã hứa nguyện. Cuối cùng định cư tại nhà cha ở Hê-prôn.

IV. CUỘC ĐỜI GIÔSÉP

Giô-sép là con Rachên, là niềm vui và hãnh diện của Giacóp nên Giacóp may cho Giô-sép chiếc áo dài nhiều màu dấu hiệu của trưởng tộc. Các anh ghen ghét vì chiếc áo, vì Giô-sép mách cha chuyện xấu của họ và nhất là vì những giấc mơ tiên tri của Giô-sép. Các anh bán Giô-sép qua Ai-cập và gạt cha là Giacóp đã bị thú dữ phân thân

1. Nô lệ tại Ai-cập: Trong mọi cảnh ngộ Giô-sép luôn tôn vinh Thượng Đế: Không chịu phạm tội - Cho biết nhờ Chúa mà giải mộng - Khẳng định Thượng Đế tể trị mọi sự đã báo trước sẽ làm ứng nghiệm - Nói với các anh rằng chính Chúa đem mình qua Ai-cập - Trấn an các anh khi Giacóp chết rằng Chúa mới là Đấng đoán xét.

. Trước khi qua đời Giô-sép nói lên lòng tin cậy Chúa làm thành lời hứa bằng việc

xin đem hài cốt mình về Canaan.

2. Cứu tinh của gia đình: Lòng trung kiên, tôn vinh Chúa trong mọi lúc của Giôsép đã được Chúa ban thưởng bằng sự thăng tiến, Ngài tôn cao ông từ nhà Phôtipha đến khi bị tù và tại cung điện Pharaôn. Tuy nhiên sau khi giải mộng cho hai quan, Giôsép phải học bài học chờ đợi chương trình Thương Đế suốt hai năm trong tù. Sau đó Giôsép được làm Thủ Tướng Aicập và đưa gia đình đến miền đất Gôsen màu mỡ.

Lời chúc tiên tri của Giacóp được dùng làm kết luận cho thời đại các thánh tổ.

MỘT QUỐC GIA THÁNH

Kinh Thánh: Xuất Ai cập ký, Lêvi ký

Thời gian: 1600-1400

I. DẪN NHẬP

. Thánh sử mang kích thước mới từ sách Xuất Aicập. Con cháu các thánh tổ sinh sôi đông đúc. Pharaôn mới lên ghét số dân đông nầy đầy dọa, bắt họ làm nô lệ nhưng Môise đã lãnh đạo và giải phóng dân sự thành 1 dân tộc độc lập tiến vào chinh phục Canaan

. Công cuộc giải phóng quan trọng vượt bậc , chiếm phần còn lại của ngũ kinh (4 sách) tức 1/6 toàn bộ Cựu Ước. Theo Bố cục:

1. Ysoraên làm nô lệ : 400 năm . [XuXh 1:1-2:25](#)

2. Từ Ai Cập đến Sinai : < 01 năm . [3:1-18:27](#)

3. Đóng trại tại Sinai : Độ 1 năm . [19:1-40:38](#); Le 1:1-27:34;; [Dan Ds 1:1-10:36](#)

4. Lang thang trong samạc: Độ 38 năm . [10:1-21:34](#)

5. Đóng trại ngoài Canaan: Độ 01 năm . [22:1-36:13](#); [PhuDnl 1:1-34:12](#)

. Aicập là 1 trong những trung tâm văn minh lớn nhất bấy giờ. Vương quốc thành lập từ thế kỷ 16 TC sau khi đánh đuổi Hysok. Thủ lãnh nổi tiếng là Thutmose III được sánh với Alìchson đại đế. . .

II. TỪ NÔ LỆ TRỞ THÀNH MỘT DÂN TỘC

A. Ysoraên tại AiCập ([XuXh 1:1-13:19](#))

1. Người Ysoraên bị áp bức: Dân Ysoraên phát triển đông đúc tại Gôsen trong mấy trăm năm, nhưng triều đại 18, Tân Vương có chính sách:

a. Lao dịch: Bắt dân Ysoraên xây thành Ramse và Phithom ([1:11](#))

b. Thủ tiêu: Chỉ dụ Giết con trai mới sanh ([1:15-22](#))

c. Đày dọa thêm: Không cung cấp rơm rạ làm gạch ([5:5-19](#))

2. Chuẩn bị lãnh tụ: Môise ra đời trong thời kỳ đen tối đó nhưng:

a. Vào cung: Làm con nuôi công chúa, hấp thu kiến thức Aicập.

b. Vào Samạc: Đến Mađian, cưới Sêphôra. 40 năm được Chúa huấn luyện, thuộc lòng địa thế đồng vắng. Được Chúa kêu gọi nên dù biết rõ khả năng Aicập, tính nết

Pharaôn và tình trạng vô vọng của Ysoraên, ông đã trở về Aicập làm theo điều Chúa truyền dạy.

3. Cuộc chạm trán: Với 10 phép lạ (tai họa) liên tiếp Môise đã:

- . Thách thức quyền uy của Pharaôn . Chứng tỏ quyền năng Đức Chúa Trời cho người Ysoraên và Aicập thấy với quyền kiểm soát mức độ, thời gian và phân biệt đối tượng

- . Nhắm vào các thần của Aicập

4. Cuộc Vượt qua ([12:27](#): Đức Giêhôva vượt qua nhà dân Ysoraên) khiến:

- . Người Aicập biết sự phán xét của Thượng Đế giết con trai đầu lòng họ.

- . Người Ysoraên biết quyền năng cứu chuộc khi bơi huyết, ăn thịt chiên. .

B. Từ AiCập đến Sinai: Phép lạ giải cứu ([13:20-15:21](#))

1. Không theo lộ trình ngắn nhất (Dọc Địa Trung Hải): Vì sợ dân thấy trần mạc, trở lòng. (Tốt nhất chứ không phải ngắn nhất).

2. Theo đường đến Hồng Hải: Để họ tiếp tục kinh nghiệm giải cứu và thấy sự can thiệp của Thượng Đế bảo vệ, nuôi sống họ. (Trụ mây Trụ lửa để bảo vệ và hướng dẫn họ).

III. LUẬT PHÁP CHO DÂN THÁNH

Tôn giáo Ysoraên là tôn giáo mặc khải, không du nhập và khác hẳn tôn giáo của các dân tộc ngoại bang.

A. Giao Ước MÔISE.

1. Mục đích: Để dân Ysoraên làm dân thánh cho Ngài ([19:3-24:8](#))

2. Nội dung: . Quan trọng nhất là 10 điều răn (Thập giới) với điểm nổi bật là Chủ nghĩa Độc Thần, không cho dân Ysoraên thờ hình tượng.

- . Triển khai thành những quy tắc hướng dẫn cư xử. Nhiều điều phổ thông ở Aicập, Canaan lại bị cấm đoán (anh chị em lấy nhau, dâm dục, cúng tế trẻ con. .). Nhắc nhở về bổn phận đối với kẻ nghèo. . .

B. Đền Tạm: Ysoraên chỉ có một thánh điện (khác Aicập nhiều đền thờ), giao cho Bếtsalêlên và Ôhôliáp xây cất, dân sự góp công, góp của.

- . Kích thước : 13,5m x 4,5m gồm nơi Thánh và nơi Chí Thánh. Bên ngoài về phía đông là khu thờ phượng có Bàn thờ của lễ thiêu và Thùng rửa bằng đồng .

- . Nơi Thánh : Từ trái qua: Chân đèn, Bàn thờ xông hương (trước màn) và Bàn Bánh trần thiết (trưng bày cho các Thầy tế lễ).

- . Hòm Giao Ước ở nơi Chí Thánh bên trong sẽ để 10 điều răn, hộp đựng Mana và Cây gậy trổ hoa của Arôn. Bên trên có nắp Thi Ân có 2 tượng cherubin. Mỗi năm một lần Thầy tế lễ Thượng phẩm rưới huyết sinh tế lên nắp thi ân trong ngày Đại lễ Chuộc Tội.

C. Chức Tư Tế (Thầy Tế Lễ)

- . Thờ Thánh Tổ, Gia Trưởng là người dâng sinh tế .

- . Chi tộc Lêvi được chọn thay các con đầu lòng dân Ysoraên để giúp việc các Tế

Sư.

. Arôn làm Thượng Tế, các con Arôn làm phụ tá.

. Tế Sư phải thánh thiện để làm ba công tác: Dâng Sinh Tế, Dạy Luật pháp cho dân và Phục vụ trong đền tạm.

D. Sinh Tế. Việc dâng sinh tế có từ sau khi người bị đuổi khỏi Eden.

. Có Bốn Lễ vật phải đổ máu:

1. Của Lễ Thiêu: Thiêu hủy toàn thể, nói lên sự tận hiến.

2. Của lễ Hòa bình: Lễ vật tự nguyện. Tế sư và người dâng cùng ăn một phần con sinh nói lên sự giao hảo giữa người và Thượng Đế.

3. Của lễ chuộc tội: Khi vô tình phạm tội mình không biết.

4. Của lễ chuộc lầm lỗi: Khi xâm phạm quyền lợi người khác và phải đền bù nếu được ([CoCl 2:13](#)).

. Lễ vật ngũ cốc: Tượng trưng bông trái công lao con người (dâng kèm).

E. Các Lễ Hội và Mùa Màng

Nhằm nhắc nhở dân Ysoraên rằng họ là dân thánh của Đức Chúa Trời

1. Ngày Sabát: (ngày Nghỉ, ngày Thánh) nhắc họ nhớ Đức Chúa Trời sáng tạo và Giải phóng họ ra khỏi Aicập.

2. Ngày trăng mới và Lễ Thối kèn: Mỗi đầu tháng có 1 hồi kèn . Lễ Thối kèn đầu tháng Bảy mở màn nhiều lễ Tôn giáo (Đại lễ chuộc tội, Lễ Lều tạm, Lễ Mùa màng).

3. Năm Sabát: Năm thứ bảy phải để đất nghỉ, không gieo hạt. Phải xóa nợ và phóng thích nô lệ để nhớ sự giải phóng khỏi Aicập.

4. Năm hân hỉ: Sau năm sabát tứ bảy là năm hân hỉ. Năm tự do, hoàn trả sản nghiệp, phóng thích nô lệ, đất nghỉ ngơi.

5. Lễ Vượt qua và Bánh không men: Nhắc sự giải phóng khỏi Aicập. Sau Lễ Vượt Qua (14 tháng Nisan tháng đầu tôn giáo) là một tuần ăn bánh không men.

6. Lễ Các Tuần (Ngũ tuần): Ngày 50 sau Lễ Vượt Qua. Dâng của lễ bằng hạt lúa hoặc bột (Lễ Đầu Mùa) nhận Thượng Đế là Đấng ban bánh ăn hằng ngày.

7. Đại Lễ chuộc Tội: Long trọng nhất trong năm (10. 7) [LeLv 23:27](#).

8. Lễ Đền Tạm: Vào cuối mùa gặt (Lễ Mùa Gặt) chấm dứt năm tôn giáo. Sống trong lều nhắc ngày sống trong lều tạm tại đồng vắng.

Dân sự cần Vâng phục và Tin cậy để duy trì giao ước.

HƯỚNG VỀ CANAAN

Kinh Thánh: Dân số ký. Phục Truyền

Thời gian : Khoảng 1600 - 1400

Dân Ysoraên đóng tại Sinai gần một năm, nhận thêm nhiều huấn thị. Sau 11 ngày đi bộ, họ đến Cade, phái 12 thám tử và rồi nổi loạn. Ba mươi tám năm sau mới đến đồng bằng Môáp và Môise từ biệt họ.

I. TỔ CHỨC DÂN YSORAÊN

1. Tu bộ: Tu bộ trước khi rời Sinai với con số gần giống lúc rời Aicập. Lúc ấy họ đếm được 603. 550 ([38:26](#)) không kể đàn bà con nít và người Lêvi. Sau gần 40 năm, thế hệ này đã ngã xuống và 601. 730 người khác thay thế ([Dan Ds 26:51](#)).
2. Thứ tự di hành: Luật pháp và Trật tự rất cần thiết cho dân Chúa. Người Lêvi thay các con đầu lòng để chăm sóc đền tạm. Khi ở thì đền tạm ở giữa, người Lêvi bao quanh. Khi đi thì người Lêvi khiêng đền tạm đi giữa 6 chi tộc phía trước và 6 chi tộc phía sau.
3. Khánh thành đền tạm: Môise khánh thành đền tạm vào năm thứ hai. Ông dâng tế lễ, trình diện Arôn và người Lêvi biệt riêng họ và chúc phước cho dân sự. Môise cũng tổ chức Lễ Vượt qua thứ hai đánh dấu đệ nhất chu niên dân tộc được giải phóng và bắt buộc mọi người phải tham dự dù là khách trú.
4. Thăng tiến về Canaan: Ngày 20. 2 họ nhỏ trại tiến về Canaan. Chúa hướng dẫn họ bằng trụ mây ban ngày và trụ lửa ban đêm. Như thế sự hướng dẫn thiên thượng kết hợp hài hòa với nhu cầu tổ chức.

II. CUỘC LANG THANG TRONG SA MẠC

1. Lầm bầm: Sau việc dân sự lầm bầm về Mana, 70 trưởng lão được chỉ định phụ giúp Môise và Chúa ban chim cút cho dân nhưng vì bội thực họ bị chết như một trận dịch. Cả Arôn và Miriam cũng lầm bầm về Môise !
2. Khủng hoảng tại Cade: 12 thám tử đi do thám lúc dân sự đóng trại tại Cade. Họ đồng tình báo cáo đất đai màu mỡ, dân cư hùng cường nhưng trong khi 10 người quả quyết không đánh được thì Giôsuê và Calép tin rằng họ sẽ chiến thắng với sự trợ giúp thiên thượng. Dân chúng bị giao động rồi nổi loạn, đòi ném đá hai người và chọn lãnh tụ khác thay Môise Chúa định tiêu diệt dân sự nhưng Môise cầu thay và Chúa nhậm lời: Ngài ân xá cho họ nhưng họ phải chết trong đồng vắng vì không có lòng tin.
3. Những năm lang thang: Hai nhóm nổi loạn cấu kết nhau: Côrê và đám Lêvi ủng hộ phủ nhận quyền tôn giáo của Arôn, còn Đathan và Abiram muốn thay Môise làm lãnh tụ chính trị vì là dòng Rubên. Chúa bênh vực Môise Arôn khi đất nuốt Gia đình Đathan, Abiram với Côrê, hơn 14. 000 người khác bị tiêu diệt và ngôi vị Arôn được xác nhận bằng cây gậy đâm chồi.
4. Trên đường đến đồng bằng Môáp Sau độ 38 năm dân sự đến đồng bằng Môáp. Môise trái lệnh Chúa đập hòn đá thay vì ra lệnh khiến nước phun ra nên không được vào Canaan. Biền cố rắn đồng nhấn mạnh hành động đơn sơ của đức tin đã được Chúa Jesus áp dụng về điều kiện được cứu rỗi. Dân sự tiếp tục đi vòng Êđôm (vì Êđôm không cho đi ngang qua) và Môáp. Họ được lệnh không đánh Môáp nhưng rồi cũng phải đánh Sihôn vua Hêpbôn và Óc vua Basan và chiếm giữ đất của họ.

III. HUẤN LÊNH TIẾN VÀO CANAAN

1. Balaam và Balác: Vua Balác rất lo ngại khi Ysoraên đóng trại phía bắc xứ ông nên thuyết phục tiên tri Balaam rửa sả Ysoraên. Ham lộc cao, bổng hậu nên Balaam ra đi. Nhưng con lừa bật tiếng nói và thiên sứ cảnh cáo nên Balaam phải bốn lần chúc phước Ysoraên. Về sau Balaam bày mưu dân Môáp căm dỗ Ysoraên phạm tội gian dân và thờ hình tượng khiến Ysoraên bị phán xét. Tuy nhiên Chúa không để dân Ngài bị rửa sả; và Balaam bị giết chung với dân Mađian.
2. Quyết định và Chỉ thị: Môise miễn cưỡng cho phép chi tộc Rubên, Gát và phân nửa Manase định cư phía đông Giôđanh là vùng cỏ tốt, nhưng bắt họ hứa tham dự cuộc chinh phục Canaan. Có ba thành ần nấu trong khu này. Kế hoạch quan trọng nhất là chỉ định Giôsuê làm lãnh tụ mới. Giôsuê có khả năng chỉ huy quân sự (đẩy lui Amaléc) và có đức tin (khi đi do thám).

IV. HỒI TƯỞNG VÀ TRIỂN VỌNG

1. Diền từ thứ nhất: Môise ôn lại Lịch Sử Ysoraên. Nhắc nhở về thế hệ lầm bầm phản loạn đã không được vào đất hứa và chỉ rõ điều kiện để được ơn Chúa là Tuân giữ Luật pháp và hết lòng sống cho Ngài.
2. Diền từ thứ hai: Môise nhắc nhở về Luật Pháp và lưu ý họ là dân tộc về Giao Ước: Căn bản cho lối sống là Mười điều răn và bí quyết giữ mình làm dân Thánh là Chân thành kính yêu Chúa, vâng phục Ngài; dẹp bỏ thần tượng. Môise cũng dạy về trách nhiệm dân sự, xã hội và gia đình và kết luận bằng lời chúc phước và rửa sả mà dân sự phải ghi nhớ khi vào đất hứa.
3. Từ biệt: Môise trao quyền chỉ huy cho Giôsuê và công tác dạy dỗ cho các tế sư. Môise cũng trao một bản chép luật pháp (lưu giữ trong hòm giao ước và đem đọc cho công chúng bảy năm một lần). Sau khi nhắc lại thời sơ lập Ysoraên, Môise chúc phước cho mỗi chi tộc. Trước khi qua đời, Môise lên đỉnh núi Nêbô để nhìn vào miền đất hứa.

LÀM CHỦ ĐẤT HỨA

Kinh Thánh : Giôsuê, Quanxét, Ruto

Thời gian : Khoảng 1400-1100

I. TÌNH TRẠNG XÃ HỘI CANAAN

1. Chính trị: Dân Canaan sống thành các Tiểu Quốc có tường thành bao bọc nằm trên vị trí cao rất kiên cố vì thế chinh phục Canaan dường như giấc mơ!
2. Tôn giáo: Dân Canaan thờ Đa thần: El là thần chính gọi là “Thần bò cha”. Vợ của El là Asêra. Trong các con có Thần chính là Baanh (nghĩa là Chúa) là Thần cai quản các thần khác, luôn cả trời đất và sự sinh sản. Các thần này thật tàn bạo vô luân, thể hiện qua cách thờ phượng như hiến tế trẻ em, hành dâm và dùng rắn trong nghi lễ. Môise đã cảnh cáo trước về điều này.
3. Thời kỳ ân huệ: Trước khi phán xét, Chúa đã cho họ một thời kỳ ân huệ khi các

thánh tổ sống giữa họ, làm gương cho họ về sự thờ phượng Đấng chon thật. Sau 4 thế kỷ, họ càng ngày càng tội tệ và sự gian ác đã trọn, chín muồi cho cuộc phán xét nên Chúa cho dân Ysơraên tiến vào chiếm lấy xứ.

II. GIÔ SUÊ LÃNH ĐẠO CUỘC CHINH PHỤC

1. Chuẩn bị: Giôsuê được học tập kinh nghiệm và được huấn luyện bởi Môise :
 - . Tại Rêphidim, Giôsuê cầm quân đẩy lui Amaléc nhờ sự cầu thay của Môise.
 - . Tại Cađê, được cử làm thám tử, tận mắt thấy đất hứa và bày tỏ Đức tin.
 - . Từ Aicập đến biên giới Canaan, Giôsuê chứng kiến quyền năng Thượng Đế.
 - . Tận mắt chứng kiến một thế hệ vui thay trong samạc vì không tin.
2. Tiến vào Canaan: Chúa bảo đảm với Giôsuê sẽ thành công nếu cẩn thận làm theo mọi điều trong sách Luật pháp do Môise truyền lại. Sự bảo đảm gia tăng khi hai thám tử báo cáo tâm trạng dân Canaan. Phép lạ vượt sông Giôđanh cho thế hệ mới nhận biết Chúa đang hành động. Họ được lệnh dựng 12 tảng đá kỷ niệm ở gần sông và ở Ghinh Ganh để nhắc thế hệ sau biến cố vĩ đại này.
3. Bốn biến cố : Có 4 biến cố khiến dân sự biết rằng họ đã vào đất hứa :
 - a. Dựng hai đài đá kỷ niệm sự giải phóng chắc chắn của Chúa.
 - b. Giữ Lễ Vượt qua nhắc lại sự Giải phóng khỏi xứ Aicập.
 - c. Giữ Lễ Cắt Bì nhận biết họ là dân thánh thuộc về giao ước của Chúa.
 - d. Mana ngưng để họ sống nhờ vào hoa màu của đất hứa.
4. Ba Chiến dịch quan trọng: Qua khảo tượng, Chúa nhắc Giôsuê nhớ rằng ông chỉ là đầy tớ dưới quyền của Chúa là Tư lệnh quân đội Đức Giêhôva.
 - a. Chiến dịch miền Trung: Nhắm vào Giêricô và Ahi (Giêricô chiến thắng nhờ quyền năng siêu nhiên của Chúa, Ahi chiến thắng nhờ Vâng lời Chúa loại trừ tội lỗi Acan và áp dụng chiến thuật quân sự do Chúa chỉ dạy) . Sau đó dân sự tập trung giữa Êbanh và Garixim để nghe đọc Luật pháp Môise (Môise dẫn).
 - b. Chiến dịch miền Nam: Đánh bại liên quân Amôrit nhưng phạm sai lầm không cầu hỏi ý Chúa nên kết ước với Gabaôn. Một lần nữa Chúa bày tỏ quyền năng bằng cách khiến mưa đá và kéo dài ngày để ban chiến thắng lớn tại Gabaôn. Tuy nhiên còn Ghêxe và Giêrusalem chưa bị chiếm.
 - c. Chiến dịch miền Bắc: Ghi vắn tắt với trận thắng tại vùng hồ Mêrôm, san bằng thành phố Hátô (có 40. 000 dân theo khảo cổ).Tổng kết có 31 vua bị đánh bại trong cuộc chinh phục Canaan.
5. Chia đất: Giôsuê cho bắt thăm chia xứ cho các chi tộc để tiếp tục đánh chiếm cho mình, 6 thành được chỉ định làm thành ả nầu (mỗi bên Giôđanh 3 thành) Lêvi được chia 48 thành rải rác khắp xứ để lo việc tôn giáo. Silô là trung tâm tôn giáo có đền tạm tại đó. Sau đó Giôsuê tập hợp dân sự tại Sichem kêu gọi họ kính sợ Chúa và phục sự Ngài cách thành tâm, trung tín.

III. CÁC QUAN XÉT

1. Tình hình tổng quát: Dân Canaan vẫn còn một số thành kiên cố khắp nơi Trong

vòng hai hay ba thế kỷ từng hồi từng lúc có những quan xét giải phóng và lãnh đạo dân sự. Hầu hết đều có tính địa phương nên có thể trùng nhau.

2. Chu kỳ bốn điểm: Cứ lặp đi lặp lại: Tội lỗi (liên kết dân bốn xứ đưa tới bội đạo, thờ hình tượng) Đau buồn (Bị Chúa phạt cho quân thù xâm chiếm) Khẩn cầu (Họ ăn năn, kêu xin Chúa) Cứu rỗi (Ban quan xét giải cứu họ)

3. Các dân tộc áp bức và các quan xét: Ốtniên (Mêsôbôtami). Êhút (Môáp). Samga (Philitin). Đêbôra và Barác (Canaan). Ghêđêôn (Mađian). Thôla và Giairo. Giépthê (Ammôn). Iépšan, Êlôn, Ápđôn. Samsôn (Philitin).

4. Tình trạng vô tổ chức: Tình trạng dân sự có thể tóm lại trong câu “Ai nấy làm theo ý mình lấy làm phải”.

THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP

Kinh Thánh : I. Samuên

Thời gian : 1100 - 1000

I. DÂN PHILITIN

1. Vị Trí: Dân Philitin định cư ở đồng bằng ven biển Tây Nam của Ysoraên. Họ cai trị ít nhất năm thành là Áchcalôn, Áchđốt, Écrôn, Gaxa và Gát. Họ bắt đầu lấn lướt Ysoraên từ thời Samsôn và vì thiếu lãnh đạo tập trung nên Ysoraên không thể đẩy lui quân thù này.

2. Ưu thế: Do nắm giữ bí quyết đúc đồ sắt (Dù trước 1200. TC dân Hêút ở Tiểu Á đã biết đúc sắt). Dân Ysoraên phải lệ thuộc người Philitin để có gươm giáo và các dụng cụ nông nghiệp.

3. Chiến sự: Kinh Thánh ghi cuộc chiến đấu giữa hai dân tộc qua nhiều thế hệ và mãi đến thời Đavít năm 1000. TC, thế lực Philitin mới bị bẻ gãy.

II. HÊLI, THẦY TẾ LỄ KIÊM QUAN XÉT

Silô, nơi dựng đền tạm vẫn là trung tâm tôn giáo. Là Thượng Tế, Hêli lãnh đạo dân sự cả về tôn giáo lẫn chính trị. Tuy nhiên Kinh Thánh tập trung vào Samuên, từ vòng tay người mẹ kính sợ Chúa đã nghe tiếng kêu gọi của Chúa từ ấu thơ, chiến thắng những áp lực vô đạo biệt mình cho chức vụ thánh.

1. Sự Bội đạo: Tình trạng tôn giáo xuống tới mức thấp nhất vì Hêli không dạy dỗ hai con là Hópni và Phinêa kính sợ Chúa mà lại giao chức vụ tư tế cho họ. Họ là người “gian tà, chẳng nhận biết Đức Giêhôva” bóc lột người dâng tế, đòi chia phần trước khi dâng tế lễ, làm uế tục đền thánh với sự dâm ô.

2. Sự phán xét: Chúa đã hai lần cảnh cáo Hêli: Tiên tri vô danh trách Hêli tôn trọng con hơn Chúa và Samuên thuật lại lời Chúa phán trong đêm.

Hêli không sửa đổi và phán xét đã đến, ảnh hưởng đến cả dân tộc: Ysoraên đại bại, Hòm giao ước bị cướp, hai con Hêli chết, nghe tin Hêli ngã xuống chết. Dâu Hêli trước khi chết đặt tên con là Ycabốt (thiếu vinh hiển).

III. SAMUÊN TIÊN TRI THẦY TẾ LỄ và QUAN XÉT

1. Lãnh đạo kiến hiệu: Samuên lập bàn thờ tại Rama và thường đi tuần hành khắp Ysoraên để thi hành nhiệm vụ tư tế và giáo dục dân sự. Toàn dân đều nhận biết Samuên đã được Chúa lập làm tiên tri giữa họ.

2. Thờ phượng: Dù hòm giao ước đã được trả nhưng còn ở nhà Abinadáp. Sự thờ phượng theo tôn giáo Canaan dần dần bị loại trừ.

Hai mươi năm sau, Samuên triệu tập dân sự tại Míchba để kiêng ăn, cầu nguyện và dâng tế lễ thì quân Philitin tấn công. Samuên cầu nguyện, dâng của lễ thì Chúa khiến sấm sét làm Philitin bỏ chạy. Từ đó Philitin không còn khiêu chiến nữa suốt đời Samuên. Ông đặt tên nơi đó là ÊbenÊxe (Đức Giêhôva đã cứu giúp chúng tôi cho đến bây giờ).

3. Xin ban một vua: Trước sự bất xứng của hai con trai Samuên, dân sự xin một vua. Samuên cảnh cáo họ về việc xin vua là từ chối thần quyền nhưng cuối cùng phải miễn cưỡng chọn một vua cho họ theo sự hướng dẫn của Chúa.

IV. SAUL Ở VỊ VUA ĐẦU TIÊN

1. Được xúc dầu: Saulơ được xúc dầu cách cá nhân rồi sau được tôn vương trong cuộc họp tại Míchba và được giao trách nhiệm “quản trị cơ nghiệp của Chúa”.

2. Lên ngôi vua: Cuộc giải phóng Giabe trong Galaát khỏi Ammôn đã đưa Saulơ chính thức làm vua tại Ghinh ganh nhưng Samuên cảnh cáo dân sự và Saulơ phải tuân theo luật pháp Môise nếu muốn được hưng thịnh. Lời Samuên được xác nhận bằng cơn mưa và sấm sét đang mùa gặt (tháng 5,6) khiến dân sự sợ hãi nhưng Samuên hứa sẽ “chẳng phạm tội cùng Chúa mà thôi cầu nguyện cho họ”.

3. Thành công: Saulơ đạt nhiều chiến thắng quân sự, đánh đuổi Philitin, đánh bại Amaléc và nhiều dân khác. Saulơ lập đồn Ghibêa làm thủ đô.

4. Nhược điểm: Dù được toàn dân hoan nghênh và Samuên cầu thay, Saulơ đã phạm nhiều sai lầm: Tự động dâng tế lễ mà không đợi Samuên. Không hoàn toàn vâng lời Chúa tuyệt diệt Amaléc và vì không ăn năn, Saulơ đã đánh mất ngôi nước vì không ý thức trọng trách thiêng liêng đã được giao phó với lời cảnh cáo “sự vâng lời tốt hơn của tế lễ”.

V. ĐAVÍT NỔI DANH KHẮP NƯỚC

1. Đavít được xúc dầu: Saulơ không hề hay biết. Qua việc này Samuên học được rằng con người xem bề ngoài nhưng Chúa nhìn thấy trong lòng.

2. Chuẩn bị: Đavít được chuẩn bị kỹ lưỡng từ thời niên thiếu: Học sử dụng nhạc khí để ca ngợi Chúa, Phát triển thể lực và tâm trí thông minh của người chăn dân sự cùng lòng nhờ cậy Chúa khi đối đầu với sư tử và gấu khi chăn chiên. Đavít đã bắt đầu nổi tiếng và được mời vào cung gây đàn cho Saulơ.

3. Xuất hiện: Vâng lời Cha đi tiếp tế cho các anh, Đavít nghe Gôliát thách thức. Đavít với đức tin, nhơn danh Chúa ra đi đối đầu Gôliát và chiến thắng vẻ vang nổi tiếng khắp nước và được ở luôn trong triều để phục vụ Saulơ.

4. Chạy trốn: Saulơ ganh tỵ tìm cách gài bẫy Đavít nhưng không thành công nên quyết định tiêu diệt Đavít. Nhờ Giônathan, Đavít thoát chết, chạy trốn nhưng Saulơ đuổi theo. Hai lần Đavít có thể giết Saulơ nhưng ông không làm vì xem Saulơ là người được Chúa xức dầu và giao sự báo thù cho Chúa.

5. Lánh nạn: Đavít lánh sang Philitin được Akích cho ở tại Xiéc-lác và tin dùng nhờ nổi dôi ! Trong khi đó Saulơ bị Philitin tấn công. Quá sợ hãi vì không còn ai để cầu vãn, ông đã đi cầu bà bóng và ngã chết chung với các con mình trên núi Ghinhbôa vì đã không học bài học vâng lời Chúa, tuân theo luật pháp Ngài để chu toàn sứ mạng thiêng liêng Chúa giao.

ĐAVÍT TRỊ VỊ

Kinh Thánh : II. Samuên, I. Sử Ký

Thời Gian : Khoảng 1011-971 TC

DẪN NHẬP

1. Đavít là vị vua nổi bật nhất trong cả lịch sử Ysoraên được I. Sử Ký ghi lại như vị vua đầu tiên chứ không phải Saulơ.

2. Về phương diện chính trị và tôn giáo, Đavít là nhà lãnh đạo lỗi lạc:

. Về chính trị Đavít thống nhất đất nước và mở rộng bờ cõi nhờ những chiến thắng quân sự và chính sách ngoại giao khôn khéo.

. Về Tôn giáo, Đavít tổ chức sự thờ phượng trong đền tạm và chuẩn bị chu đáo cho việc xây đền thờ.

I. VUA GIUĐA

1. Nhà Saulơ : Ysoraên lâm vào mạt vận khi Saulơ và ba con chết. Tổng binh Ápne lập lại trật tự vừa đủ để đưa Íchbô-sét làm vua tại Galaát trong 2 năm.

2. Vua Đavít : Đavít từ xứ Philitin trở về Hê-prôn được các thủ lĩnh Giuđa xức dầu tôn làm vua. Các chi tộc còn lại thấy Đavít không thù hận gì nhà Saulơ nên đàm phán thống nhất (Tuy nhiên Ápne và Íchbô-sét đều bị giết mà Đavít không đồng ý). Sau 7 năm rưỡi làm vua Giuđa, Đavít được xức dầu làm vua cả Ysoraên và không có một hành động trả thù nào với nhà Saulơ.

II. GIÊRUSALEM, THỦ ĐÔ CỦA QUỐC GIA

1. Phản ứng của Philitin : Khi Đavít làm vua cả Ysoraên, Philitin mới cảnh giác nhưng hai lần công công họ đã bị thảm bại trước Đavít.

2. Chiếm Giêrusalem : Giêrusalem (trước là Giêbu) là thành trì của dân Giêbusít còn sót. Đavít chiếm Siôn và ra lệnh đánh giết dân Giêbusít. Giêáp-xung phong thành công được phong tư lệnh (Tổng Binh). Vị trí Đavít chiếm là Ophel sau được gọi là thành Đavít, hay thành Siôn.

3. Tổ chức quốc gia : Đavít phong vương tước cho những người trung thành theo vua. Ký khế ước với dân Phênixi mua vật liệu xây cung điện tại Giêrusalem.

Giêrusalem thành trung tâm tôn giáo: Hòm giao ước được rước về, sự thờ phượng được thiết lập. Đavít muốn xây đền thờ nhưng Chúa hoãn lại và chỉ định cho con ông xây vì mặc dầu được Chúa yêu, Đavít lại là người chuyên chinh chiến. Tuy nhiên lời hứa Chúa cho Đavít thật lớn lao về ngôi nước, hậu tự và sự thương xót của Chúa cho dòng dõi ông.

4. Triều đại Đavít được tồn tại nhờ liên hệ với Chúa Jesus với lời hứa về Đấng Thiên sai trong dòng Vua Đavít.

III. THỊNH VƯỢNG VÀ THANH THỂ

1. Lãnh thổ: Bờ cõi được mở rộng từ sông cái Aicập và vịnh Aqaba đến vùng sông Ôphorát và đến đầu thế kỷ thứ 10 vương quốc Ysoraên đứng hàng đầu trong Vành đai phì nhiêu.

2. Cách mạng Kinh Tế: Người Philitin không còn độc quyền về sắt. Có lẽ Đavít đã học được cả cách dụng binh lẫn cách sản xuất khí giới lúc ở Philitin. Sa mạc Araba từ biển chết đến vịnh Aqaba rất giàu quặng sắt và đồng và Đavít đã chiếm Êđôm, lập đồn khắp xứ để kiểm soát nguồn tài nguyên này.

3. Quân sự: Ngoài Philitin và Êđôm, Đavít còn chinh phục Môáp, Amaléc, bắt triều cống vàng và bạc, đánh bại Ammôn và Aram, Kiểm soát con đường giao thương qua Đamách và các trục lộ khác. Nhưng với Phênixi thì lập thương ước vì họ có ngành giao thương hàng hải rất thịnh vượng.

4. Đối với nhà Saulơ: Rất độ lượng, không những cấp dưỡng mà còn cấp nhà cho Mêphibôset ở tại Giêrusalem. Mêphibôset cũng được biệt đãi trong cơn đói kém trừng phạt Ysoraên vì Saulơ muốn tận diệt Gabaôn. Đavít cũng cho chuyển hài cốt Saulơ và Giônathan về nghĩa trang gia tộc ở Bêngiamin.

5. Đối với Chúa: Đavít không bao giờ quên rằng Chúa đã ban cho vua thắng trận và thịnh vượng. Vua làm nhiều bài thơ cảm tạ ca ngợi Chúa, điển hình là Thi Thiên 18 (II. Sa 22).

IV. TỘI LỖI TRONG HOÀNG GIA

Kinh Thánh không che giấu tội lỗi các lãnh tụ nhưng tuyên bố sự phán xét của Chúa và lòng thương xót của Ngài dành cho kẻ thật lòng ăn năn.

1. Đa Thê: Rất thông thường và còn là biểu tượng của quyền quý, ngoài ra cũng bao hàm dụng ý chính trị (Cưới Micanh và Maaca), nhưng Cự Ước có cảnh cáo về việc này ([PhuDnl 17:17](#)). Đavít phải gánh hậu quả của việc này.

2. Bắtsêba: Việc Đavít thông dâm với Bắtsêba và giết Uri trót lọt hoàn hảo đối với con người. Nhưng Chúa biết rõ và vì vua lãnh một sự ủy thác thiêng liêng, Chúa đã sai Nathan đến chỉ tội lỗi vua. Đavít ăn năn thống hối như thi thiên 32 và 51 mô tả. Chúa tha tội chết cho Đavít nhưng hậu quả tội lỗi này thật trầm trọng: Đưa con tội lỗi bị Chúa đánh chết, Amnôn vô luân vì Đavít đã làm gương xấu và Ápsalôm giết Amnôn, Ápsalôm dấy binh làm loạn và bị Giôáp giết làm Đavít than khóc khiến Giôáp phải trách và cảnh cáo vua, Sêba dấy loạn và sau này Adônigia bị Salômôn

giết, Chúa quả đã tha thứ Đavít nhưng vua phải gánh chịu những hậu quả ([II Sa 12:5-6](#)).

V. HỒI TƯỞNG VÀ TRIỂN VỌNG

1. Chuẩn bị xây đền thờ: Đavít đã vẽ kiểu chi tiết và sắp đặt tỉ mỉ cho việc xây đền thờ, cả việc lao công trong nước và ngoại quốc và chi tiết thờ phượng trong đền thờ mới cũng được hoạch định cẩn thận. Vua cũng nhờ người Phênixi cung cấp vật liệu để xây đền thờ.

2. Kiểm tra quân số: Có lẽ Đavít kiêu hãnh về sức mạnh quân sự và các thành tích nên bị phạt còn dân sự bị phạt vì theo Ápsalôm và Sêba làm loạn. Tiên tri Gát tuyên bố hình phạt và vua chọn “sa vào tay Đức Giêhôva”. Đavít đã mua sân đập lúa của Arauna người Giêbusít để lập bàn thờ dâng tế lễ và Chúa ngừng tai họa dịch hạch. Địa điểm này trên núi Môria là nơi Ápraham dâng Ysác cũng là nơi xây đền thờ (sau này Salômôn sát nhập vào thủ đô).

Tóm lại, bảy năm rưỡi đầu tại Hêprôn là thời gian chuẩn bị và nội chiến. Thập niên kế là mở rộng vương quốc và chọn Giêrusalem làm thủ đô. Thập niên thứ ba là Tội lỗi và hậu quả. Thập niên cuối Đavít tập trung vào sửa soạn xây đền thờ. Trước khi qua đời, Đavít lập Salômôn kế vị, khuyên Salômôn vâng phục luật pháp Chúa và nhận biết trách nhiệm mình trước mặt Ngài. Đavít nói tiên tri về vương quốc sẽ tồn tại mãi mãi qua Đấng Thiên Sai.

VƯƠNG QUỐC SALÔMÔN

Kinh Thánh: I. Vua 1-11, II. Sử 1-9

Thời gian : Khoảng 971-931 TC

Thời đại vàng son của Salômôn được mô tả bằng hai chữ Hòa bình và Thịnh vượng. Ông thừa hưởng những kết quả của vua cha để lại. Bốn mươi năm cai trị được ghi lại theo đề mục. Thập niên đầu chú trọng vào việc xây cất và cung hiến đền thờ.

I. SALÔMÔN LÊN NGÔI

1. Đăng quang: Gặp trở ngại vì Adônigia được Giôáp và Thượng Tế Abiatha xúc dầu làm vua nhưng Nathan và Bát-sê-ba tâu với Đavít nên Salômôn được xúc dầu làm vua tại phía đông núi Ôphen và tổ chức lễ đăng quang.

. Đavít vạch cho dân sự thấy trách nhiệm họ với Salômôn và nhắc nhở Salômôn trách nhiệm vâng giữ luật pháp Môise.

. củng cố ngai vàng, Salômôn xử tử Adônigia vì xin cưới Abisác, xử tử Giôáp và đầy Abia tha đến Anatôt (ứng nghiệm lời tiên tri cho nhà Hêli).

2. Khôn ngoan: Lên ngôi mới hai mươi mấy tuổi, Salômôn cảm thấy cần sự khôn ngoan lãnh đạo quốc gia. Chúa nhậm lời hứa ban khôn ngoan và nếu vua vâng phục Ngài, Ngài còn ban giàu có, tôn trọng và sống lâu. Sự khôn ngoan của

Salômôn là một nhân tố gây nhiều thán phục.

3. Tổ chức:

- . Về tư pháp, Vua là quan án chung thẩm.
- . Thuế vụ: Cả nước chia làm 12 khu vực để đánh thuế, và mỗi tháng luân phiên nhau cung cấp cho chính phủ trung ương.
- . Quân đội tăng cường 1400 chiến xa. 12000 kỵ binh.
- . Tổ chức giỏi, quản trị khéo, đất nước Ysoraên phồn vinh và tiến bộ.

II. CHƯƠNG TRÌNH XÂY CẤT

1. Tầm quan trọng: Đền thờ Salômôn xây cất là cao điểm của lịch sử tôn giáo, là thể hiện niềm ước vọng của Đavít.
2. Sửa soạn: Qua hiệp ước với Hiram, vua Tyros, Salômôn có nguồn cung cấp nguyên liệu phong phú. Người Phênixi tiến bộ về kiến trúc, cung cấp cả vật liệu lẫn kỹ thuật được trả công bằng lúa, dầu và rượu.
3. Đền thờ: Rộng gấp đôi đền tạm Môise với nghệ thuật kiến trúc cơ bản là của Phênixi, đền thờ được xây trong bảy năm trên núi Môria phía bắc Siôn tồn tại đến 586 TC bị Nêbucát nêsa hủy phá. Được xây lại năm 520-515 TC và bị triệt hạ năm 70. SC. Từ thế kỷ thứ bảy, một đền thờ Hồi giáo đã được xây trên địa điểm này.

III. CUNG HIẾN ĐỀN THỜ

1. Tầm quan trọng: Là biến cố trọng đại hơn hết từ khi dân sự rời Sinai. Không còn trụ mây lơ lửng trên đền tạm nhưng vinh quang Chúa đầy đầy đền thờ. Lễ Cung hiến đúng vào Lễ Lều Tạm.
2. Tổ chức: Salômôn là nhân vật chính, đại diện toàn dân (là Tôi tớ Chúa, là Nước tư tế của Ngài).
3. Công trình khác: Salômôn còn xây cung điện trong mười ba năm, cung cho công chúa Pharaôn, và xây nhiều thành như Mêghidô trên khắp nước để duy trì quân đội hùng hậu.

IV. BANG GIAO QUỐC TẾ

1. Thủ đô kỹ nghệ: Duy trì sự kiểm soát Êđôm và lập trung tâm luyện sắt và đồng ở Êxion Ghêbe và với sự trợ giúp của các kỹ sư Phênixi, thành phố này trở nên thủ đô kỹ nghệ của Palestine.
2. Thương mại: Nhờ kiểm soát kỹ nghệ kim khí, Ysoraên có lợi thế trong việc buôn bán. Salômôn đóng tàu đem sắt, đồng đến Yemen, Êthiôpi và mua vàng bạc, ngà voi và khí. Mậu dịch với Phênixi đem lại nhiều của cải. Salômôn cũng được cung cấp ngựa chiến và chiến xa của người Hêtit qua người Aram. Salômôn còn có những đoàn lạc đà buôn hương liệu. Nhờ sự khôn ngoan được truyền tụng và được lân bang kính nể Salômôn nhận được nhiều phẩm vật.

V. BỘI ĐẠO VÀ QUA ĐỜI

1. Nhận định: Chương cuối thật bi đát và thất vọng ([IVua 1V 11:1-43](#)): Vua kết thúc cuộc đời như dân Dothái trong sa mạc. Vua đã phạm điều răn đầu tiên và tẽ tách khỏi con đường tận hiến cho Chúa.
2. Các bà vợ ngoại bang: Theo phong tục, Salômôn dùng hôn nhân củng cố liên minh với ngoại bang. Các bà vợ khiến ông trở lòng lìa bỏ Chúa, cho phép thờ hình tượng xung quanh đền thờ Chúa mãi đến đời Giôsia mới bị dỡ bỏ đi.
3. Sự phán xét và thù nghịch: Sự sụp đổ đã mở màn ngay khi Salômôn còn sống nhưng vì cơ Đavít nên sự chia xé hoãn lại đến sau đời Salômôn. Ba kẻ thù là Hadát người Êđôm, Rêxôn ở Đamách và Giêrôbôam, người được Ahigia trao cho 10 mảnh áo tơi để chỉ rằng sẽ cai trị 10 chi tộc. Kết cuộc thật đau buồn vì người khôn ngoan nhất đã trở nên kẻ ngu dại nhất vì không vâng phục, không trung thành phục vụ Thượng Đế.

VƯƠNG QUỐC MIỀN BẮC

Kinh Thánh: I. Vua 12 - II. Vua 17

Thời gian : Khoảng 931 - 722. TC

Sau cái chết của Salômôn, 10 chi phái nổi lên chống nghịch nhà Đavít, thành lập vương quốc phía Bắc với sự lãnh đạo của Giêrôbôam, lấy tên là Vương quốc Ysoraên (dù đó là tên chỉ cả dòng dõi Giacóp).

Về phía đông bắc giáp với nước Syri (Aram) vừa tuyên bố độc lập với sự lãnh đạo của Rêxon lấy Đamách làm thủ đô. Về phía nam giáp với Vương quốc Giuđa do Rôbôam lãnh đạo 2 chi phái còn lại là Giuđa và Bêngiamin vẫn tiếp tục lấy Giêrusalem làm thủ đô.

Vương quốc Ysoraên kéo dài hai thế kỷ nhưng các gia đình các triều đại thường thay đổi luôn.

I. TRIỀU ĐẠI GIÊRÔBÔAM

1. Lên ngôi: Giêrôbôam là người quản trị có tài được Salômôn giao xây tường thành Giêrusalem với tên là Milô. Tiên tri Ahigia trao cho Giêrôbôam 10 mảnh áo tơi báo cho ông biết sẽ cai trị 10 chi phái. Bị Salômôn nghi ngờ, ông phải tạm lánh qua Aicập. Khi các trưởng lão Ysoraên nổi dậy chống Rôbôam, Giêrôbôam trở về Sicheim và được tôn làm vua vương quốc miền Bắc và cai trị trong 22 năm nhưng không có nội chiến đẫm máu với Giuđa.
2. Khuynh hướng tôn giáo: Sợ dân sự xuống Giêrusalem thờ phượng sẽ thay đổi lòng trung thành chính trị nên ông đã thiết lập việc thờ các con bò vàng ở Bêten và Đan, tự chỉ định các thầy tế lễ, thay đổi các ngày lễ, tự dâng tế lễ.
3. Bị hai tiên tri cảnh cáo: Một tiên tri vô danh từ Giuđa lên đã rửa sả bàn thờ khiến Giêrôbôam chùng bót lòng sốt sắng phát động thờ hình tượng và đây là một bài học nhắc nhở về sự vâng phục Chúa tuyệt đối dù là sứ giả Chúa.

Tiên tri Ahigia thông báo cho vợ Giêrôbôam là không những con vua sẽ chết mà triều đại vua sẽ chấm dứt vì không vâng theo mạng lệnh Chúa. Kết quả, khi Giêrôbôam chết, con ông là Nadáp làm vua 2 năm rồi bị Baêsa ám sát.

II. TRIỀU ĐẠI BAÊSA

1. Baêsa: Thuộc chi phái Ysaca, lên ngôi vua, lấy Tiêcsa làm thủ đô, tận diệt nhà Giêrôbôam và tiến đánh Giuđa, dự định củng cố Rama đe dọa Giuđa. Nhưng Asa, vua Giuđa hối lộ Bênhadát để vua này tấn công Baêsa nên Baêsa không gây chiến với Giuđa nữa. Baêsa cai trị 24 năm.

. Tiên tri Giêhu: Sốt sáng truyền đứ điệp của Chúa, nhắc nhở Baêsa phải phục vụ Chúa và cảnh cáo vua nhưng vua cứ theo Giêrôbôam thờ hình tượng.

2. Êla: Con trai Baêsa cai trị chưa đầy 2 năm thì bị Ximri ám sát lúc vua đang say. Ximri tận diệt nhà Baêsa như lời Giêhu cảnh cáo. Ximri cai trị 7 ngày.

III. TRIỀU ĐẠI ÔMRI

1. Vua Ômri :

a. Lên ngôi: Ômri là Tổng binh, khi Êla bị giết thì dân sự tôn Ômri làm vua trở về đánh Tiêcsa. Ximri tự tử. Nhưng phải 6 năm sau khi Típni chết thì Ômri mới hoàn toàn nắm quyền cai trị Ysoraên.

b. Đối nội: 12 năm cai trị tóm tắt trong 8 câu KT ([IVua 1V 16:21-28](#)) nhưng rất có ý nghĩa. Ômri xây thành Samari tây bắc Sicheim (cách Sicheim 12 km) thành thủ đô bất khả xâm phạm trong hơn một thế kỷ rưỡi.

c. Đối ngoại: Ômri không chế Môáp bắt họ phải đóng thuế, lấy lại đất Syri chiếm thời Baêsa. Liên kết với Phênixi bằng cách cưới Giêsabên cho con trai vua là Aháp đem lợi ích thương mại lớn nhưng tai hại lớn về tôn giáo ! Ômri tạo tiếng tăm quốc tế khiến người Assyri gọi Ysoraên là Đất của Ômri.

2. Aháp và Giêsabên:

a. Đối ngoại: Aháp mở rộng ảnh hưởng chính trị và thương mại trong 22 năm trị vì. Kết thân với Giuđa bằng cách gả Athali cho Giôram con vua Giôsaphát để chống Syri. Đánh thuế gia súc nặng trên Môáp.

b. Đối nội: Xây dựng và củng cố nhiều thành lũy như Giêricô và cũng phung phí tiền xây một cung điện bằng ngà ([22:39](#)).

c. Tôn giáo: Phát động thờ Baanh, xây đền thờ Baanh, đem hàng trăm tiên tri Baanh vào Ysoraên nên Aháp nổi tiếng là vua tội lỗi nhất Ysoraên

Tiên tri Êli: Sau ba năm rưỡi hạn hán đã thách thức sự thờ thần Baanh và giám sát việc trừ diệt tiên tri Baanh. Nhưng sau đó bỏ chạy đến đồng vắng Sinai nhận ba mệnh lệnh của Chúa và trở về tuyển mộ Êlisê. Êli đối đầu với Aháp lần cuối tại vườn nho Nabót: Quở trách nặng nề và tuyên bố trừng phạt. Dù Aháp ăn năn nhưng sự sụp đổ của nhà Ômri chỉ hoãn lại thôi.

d. Chiến tranh với Syri: Aháp thường chiến tranh với Syri hơn là hợp tác. Aháp thuyết phục Giôsaphát liên minh đánh Syri, không nghe lời Michê cảnh cáo nên bị

tử thương, ứng nghiệm lời tiên tri Êli ([21:19](#)).

3. Achaxia: Con Aháp làm vua chỉ 1 năm. Không dẹp được cuộc nổi loạn của Môáp và thất bại trong cuộc thủy chiến chung với Giôsaphát tại vịnh Aqaba. Tiên tri Êli đối đầu lần cuối với nhà Ômri khi tuyên bố Achaxia sẽ chết.

4. Giôram: Con trai Aháp cai trị 12 năm, kết thúc triều đại Ômri. Giôram thường tranh chiến với Syri và sau khi Giôram chết, Syri chế ngự vùng Palestine.

Êli và Êlisê: Hai vị tiên tri này thiết lập trường huấn luyện tiên tri khắp xứ Ysoraên. Êli được cất lên trời đầu triều vua Giôram. Êlisê rất gần gũi với Giôram. Êlisê được nổi tiếng cả Ysoraên lẫn Giuđa, Êđôm và cả ở Syri (chữa bệnh cho Naaman, đối đầu quân Syri). Ngay tại Đamách, Êlisê cũng được nhìn nhận là “Người của Đức Chúa Trời” ([II Vua 2V 8:7](#)). Êlisê qua Đamách báo cho Haxaên biết sẽ làm vua Syri và sai đồ đệ đến xúc dầu cho Giêhu làm vua Ysoraên. Vì thế Tổng Binh Giêhu xưng vương và tận diệt nhà Ômri đúng như lời tiên tri Êli đã nói và giết luôn cả Achaxia vua Giuđa.

IV. TRIỀU ĐẠI GIÊHU

Cai trị Ysoraên gần một thế kỷ, lâu hơn bất cứ triều đại nào khác. Khiến Ysoraên từ yếu trở nên vương quốc hùng mạnh và uy tín quốc tế đến cao điểm vào thời Giêrôbôam đệ nhị.

1. Giê Hu: Cuộc cách mạng đẫm máu đã đưa Giêhu lên ngôi. Giêhu tiêu diệt nhà Ômri, tiêu diệt sự thờ Baanh làm trong sạch chính trị và tôn giáo nhưng vẫn còn để lại tượng bò vàng tại Bêten và Đan !

2. Giôacha: Haxaên lợi dụng Giêhu chết nên xâm lấn Ysoraên. Giôacha bắt lực, không chống nổi cả Êđôm, Môáp, Philitin. Dù Giôacha tạm thời quay lại cùng Chúa, nhờ Chúa giải cứu khỏi ngoại bang nhưng vẫn còn để hình tượng.

3. Giô Ách: Ysoraên lại hồi sinh và thành công nhờ Haxaên chết, Syri suy yếu . Ysoraên xây dựng lực lượng quân sự hùng mạnh chiếm được nhiều đất khiến Bênahát II lui về thế thủ. Bị Amaxia thách đố, Giôách đánh chiếm Giuđa, đập đổ một phần tường thành Giêrusalem, cướp đồ đạc và bắt tù binh.

Giôách đã đến thăm Êlisê lúc tiên tri sắp chết và được lời hứa thắng Syri , nhưng Giôách vẫn không từ bỏ thờ hình tượng !

4. Giêrôbôam II: Vua xuất sắc của dòng họ Giêhu cai trị 41 năm (12 năm chung với Giôách). Khi Syri bị Asyri đe dọa, Giêrôbôam lấy lại tới biên giới đông bắc. Tường thành Samari được làm rộng ra, thành phố được củng cố. Đất Ysoraên thái bình và thịnh vượng nhất của thời kỳ sau Salômôn nhưng tôn giáo lại suy đồi khiến Amôt và Ôsê đã phải cảnh cáo.

5. Xachari: Lên ngôi được 6 tháng thì bị Salum giết, ứng nghiệm lời tiên tri.

V. CÁC VUA CUỐI CÙNG 753-723 . TC

Ba thập niên này đánh dấu sự suy đồi và sụp đổ trong thời gian rất ngắn của Ysoraên trước sự bành trướng của đế quốc Asyri.

1. Mênahem và Phêcahia: Salum chiếm ngôi một tháng thì bị Mênahem giết. Mênahem và con là Phêcahia phải triều cống Assyri để khỏi bị xâm lăng.
 2. Phêca 739-731. TC: Có lẽ là lãnh đạo phong trào chống Assyri và ám sát Phêcahia. Liên minh với Rêxin vua Syri để chống Assyri, xâm lấn Giuđa nhưng thất bại. Tiếc-lác Philêse thắng Syri, giết Rêxin nên dân Ysoraên giết Phêca và tôn Ôsê làm tay sai cho vua Assyri.
 3. Ôsê vị vua cuối cùng Vương quốc miền Bắc: Ôsê dựa vào Aicập chấm dứt triều cống Assyri khi Sanhmanase nối ngôi Tiếc-lácphilêse. Năm 726 TC, vua Assyri bao vây Samari trong 3 năm. Ôsê đầu hàng và vương quốc miền Bắc chấm dứt: 28000 người Ysoraên bị bắt làm phu tù phân tán khắp Batur và đưa dân Babylôn qua Samari và Samari bị biến thành một tỉnh của Assyri.
- Sau 2 thế kỷ tồn tại, vương quốc Ysoraên vẫn cứ đi theo đường người sáng lập vương quốc là Giêrôbôam thờ hình tượng, vi phạm điều răn thứ nhất. Các tiên tri cảnh cáo nhưng họ không chịu nghe để trở về phụng sự Chúa nên cuối cùng họ đã mất nước, bị đẩy đi làm phu tù.

VƯƠNG QUỐC GIU ĐA

Từ Rôbôam đến Giôtham

Kinh Thánh: [IVua 1V 12:1-IIVua 15:38](#); [IISu 2Sb 10:1-27:9](#)

Thời gian : Từ 931 đến 735 TC

Chỉ có hai chi phái còn trung thành với nhà Đavít là Giuđa và Bêngiamin tạo thành Vương quốc Giuđa do 20 vua thuộc dòng họ Đavít kế tục nhau cai trị trong 345 năm trừ một ngoại lệ (khi Athali cướp ngôi). 12 vua đầu cai trị đồng thời với vương quốc miền Bắc. Có 4 vị vua tài ba là Giôsaphát - Ôxia - Êxêchia và Giôsia.

I. CÁC VỊ VUA ĐẦU TIÊN

1. Rôbôam và Abigiam: Sau cái chết của Salômôn vào năm 931, Rôbôam lên ngôi phải đương đầu với sự phản loạn và phân chia vương quốc bởi Giêrôbôam ở phía bắc và Rêxôn ở Đamách cùng Hađát ở Êđôm.
 - a. Nguyên nhân chia rẽ: Kinh Thánh đưa ra 2 nguyên nhân: Sự chống đối về thuế quá cao và sự bội đạo, thờ hình tượng của Salômôn khiến Chúa đoán phạt.
 - b. Đối đầu: Rôbôam triệu tập quân đội đàn áp nổi loạn thì chỉ có 2 chi phái hưởng ứng và Chúa sai tiên tri Sêmagia khuyên can Rôbôam. Sêmagia cũng bảo đảm với Rôbôam rằng dân tộc sẽ không bị tiêu diệt dù Sisác vua Aicập đã lòng xét Giêrusalem, cướp đi một số tài sản trong kho đền thờ
 - c. Tôn giáo: Rôbôam bắt đầu với lòng tin kính Chúa nhưng chẳng bao lâu lại đi thờ hình tượng. 17 năm của Rôbôam và 3 năm của Abigiam đều bội đạo: Thờ hình tượng song song với sự thờ phượng trong đền thờ dù tiên tri Yđô đã cảnh cáo họ.
2. Sự cải cách của Asa: 41 năm cai trị của Asa dọn đường cho phục hưng tôn giáo dưới thời Giôsaphát.

- a. Về Tôn giáo: Asa kêu gọi dân chúng giữ luật pháp Môise, dẹp bỏ sự thờ hình tượng khắp xứ (theo lời tiên tri Axaria) đập nát, thiêu hủy tượng Asêra cách chức thái hậu Maaca.
- b. Về Quân sự: Asa nhờ Chúa đẩy lui được quân Êthiôpi nhưng lại hối lộ Bênhadát khi Baêsa xây Rama. Dù Baêsa rút lui nhưng tiên tri Hanani quả trách vua nặng nề. Tiếc thay vua bắt nhốt tiên tri rồi bị bệnh và chết.

II. TRIỀU ĐẠI GIÔSAPHÁT

- 1. Tôn giáo: Lên ngôi lúc 35 tuổi, chịu ảnh hưởng các lãnh đạo tôn giáo, Giôsaphát tổ chức tôn giáo chắc chắn, phái người Lêvi đi khắp xứ dạy luật pháp Chúa cho dân sự.
- 2. Quân sự: Đây là thời thái bình. Dân Philitin và dân Ảrập triều cống cho vua. Vua xây đồn lũy và vừa lăm khắp xứ với 5 tướng lãnh tại Giêrusalem.
- 3. Đời sống đức tin: Khi Môáp và Êđôm tấn công thì vua công bố một ngày kiêng ăn cầu nguyện và vua hướng dẫn cầu nguyện tại sân đền thờ. Kết quả Giahaxiên bảo đảm họ sẽ thắng trận mà không cần phải đánh. Chiến thắng lớn đến nỗi thu góp chiến lợi phẩm suốt ba ngày khiến các dân đều sợ hãi.
- 4. Thất bại: Liên hiệp với triều đại Ômri: Cưới Athali con gái Aháp cho Giôram con trai vua. Dù an ninh được bảo đảm nhưng bị ít nhất 4 tiên tri quả trách:
 - a. Michê: Giôsaphát không yên tâm với 400 tiên tri Aháp nên Michê được mời đến nói lời Chúa dặn nói. Giôsaphát thoát chết trong đường tơ kẻ tóc.
 - b. Giêhu: Thua trận trở về bị Giêhu quả: “Vua nên giúp đỡ kẻ hung ác và thương mến kẻ ghét Đức Giêhôva sao ?”([IISu 2Sb 19:2](#)).
 - c. Êliêse: Liên kết với Achaxia con Aháp đóng tàu buôn ở Êxiôn Ghêbe thì theo lời tiên tri Êliêse những tàu buôn này đều bị đắm ([20:35-37](#)).
 - d. Êlisê: Đời Giôram, Êlisê báo tin chiến thắng Môáp nhưng cũng cho Giôsa phát biết là đã liên kết với những vua vô đạo, không kính sợ Chúa.
- 5. Hậu quả: Suốt một thập niên hậu quả sự liên hiệp với kẻ tội ác thật tai hại:
 - a. Giôram: Lên ngôi giết 6 em ruột và đi theo đường tội ác của Aháp là cha vợ vua, thờ hình tượng, bị Êli quả trách và bị chết vì bệnh nan y.
 - b. Achaxia con trai Giôram cai trị chưa đầy 1 năm đi theo con đường Aháp, khi đi thăm Giôram, cậu mình thì bị Giêhu giết khi Giêhu tận diệt nhà Omri.
 - c. Athali: Thấy con mình chết, Athali bèn giết dòng họ vua Giuđa và lên nắm chính quyền cai trị trong 6 năm đầy kinh hoàng.

III. THỜI ĐẠI ÔXIA (AXARIA)

- 1. Giô Ách: Con trai Achaxia được cứu thoát và được đưa lên ngôi lúc 7 tuổi:
 - . Thập niên đầu: Chịu ảnh hưởng Giêhôgiada, khôi phục thờ phượng Chúa.
 - . Sau khi Giêhôgiada chết, sự bội đạo lan tràn đến nỗi khi Xachari con trai Giêhôgiada cảnh cáo dân sự thì vua ra lệnh ném đá tại hành lang đền thờ.

. Kết quả bị Syri xâm chiếm và GiôÁch bị bảy tội giết chết và vua đã cho phép bội đạo lan tràn và dung túng việc đổ máu vô tội.

2. Amaxia: Con trai GiôÁch làm vua 29 năm. Khi Haxaên chết, Amaxia phát triển lực lượng quân sự chiến thắng Êđôm và đem các thần Êđôm về thờ ! Amaxia lại còn hăm dọa tiên tri Chúa và thách thức Giôách vua Ysoraên nên bị Giôách đánh, phá tường thành Giêrusalem và bắt tù binh.

3. Ôxia tức Axaria: Khi Amaxia bị phản thần giết, cả dân Giuđa lập Ôxia làm vua lúc 16 tuổi phục hồi vương quốc Giuđa, xây lại tường thành Giêrusalem.

a. Đối ngoại: Hợp tác thân thiện với Giêrôbôam vua Ysoraên. Nhưng đánh chiếm Philitin, Êđôm, Ammmôn mở rộng biên giới tận vịnh Aqaba.

b. Đối nội: Đào giếng khắp xứ, dựng tháp canh bảo vệ hầm ép nho. Khai thác mỏ đồng, mỏ sắt như thời Salômôn.

c. Bí quyết: Hết lòng nương cậy Chúa, được tiên tri Xachari hướng dẫn vua có thái độ khiêm nhường, thiện lành đối với Chúa.

Tuy nhiên khi lên tới đỉnh thành công, Ôxia kiêu ngạo tự ý vào đền thờ và dâng hương. Khi chống lại các thầy tế lễ can ngăn vua bị phung và bị đuổi khỏi hoàng cung và Giôtham nắm quyền suốt những năm còn lại của Ôxia.

4. Giôtham: Hoàn toàn nắm quyền khi Ôxia chết. Đây cũng là năm Êsai được gọi làm tiên tri ở Giêrusalem. Giôtham tiếp tục chính sách chống nghịch Asyri. Năm năm sau Giôtham chết, một đảng thân Asyri đưa Acha lên ngôi.

VƯƠNG QUỐC GIU ĐA

(Sau khi Ysoraên tan rã)

Kinh Thánh: [IIVua 2V 16:1-25:30](#), [IISu 2Sb 28:1-36:23](#)

Thời gian : Khoảng 735 đến 586. TC

I. VUA ACHA

1. Bối cảnh: Asyri sắp càn quét Ysoraên thì Acha được nhóm thân Asyri đưa lên làm vua Giuđa. Phêca vua Ysoraên liên minh với Rêxin vua Syri chống Asyri. Họ đánh chiếm Giuđa bắt hàng ngàn tù binh nhưng bị Tiên tri Ôđết cảnh cáo nên phải thả các tù binh.

2. Lời cảnh cáo của tiên tri Êsai:

a. Lời tiên tri: Êsai khuyên Acha hãy đặt lòng tin nơi Chúa vì hai vua phương Bắc sẽ bị truất phế ([EsIs 7:1-9:20](#)).

b. Đáp ứng: Gạt bỏ lời tiên tri và chống lại Êsai, Acha đã cầu viện vua Asyri là Tiếc-lác Philêse và vua Asyri đánh tan liên minh miền bắc, bắt họ triều cống và Ôsê, vị vua cuối cùng Ysoraên được đưa lên ngôi. Acha còn đến gặp vua Asyri tại Đamách cùng cúng tế tà thần và hứa trung thành với vua.

c. Lời cảnh cáo: Êsai cảnh cáo Acha rằng Asyri sẽ tràn qua Giuđa như dao cạo trong tay Chúa ([7:20](#)) như nước sông mạnh ([8:7](#)).

3. Tiếp tục con đường bội đạo:

a. Thờ hình tượng khả ố nhất: Acha đo kích thước bàn thờ ở Đamách bắt thầy tế lễ Uri làm và đặt trong đền thờ Chúa. Acha còn hướng dẫn thờ tà thần, đưa con mình qua lửa và đem kho báu đền thờ dâng cho vua Asyri.

b. Kết quả: Lời cảnh cáo của tiên tri Êsai được ứng nghiệm: Khi Êđôm, Philitin xâm chiếm Giuđa, Acha cầu cứu Asyri, vua Asyri đến hà hiếp thêm chứ không tiếp cứu. Acha chết không được chôn trong lăng tẩm các vua.

II. ÊXÊCHIA, VỤ VUA CÔNG CHÍNH

1. Bối cảnh: Lên ngôi năm 716. TC lúc Samari đã sụp đổ (722. TC). Trong 22 năm cai trị đã đảo ngược mọi đường lối chính trị và tôn giáo của vua cha.

2. Tôn giáo: Nhận thức Ysoraên bị lưu đày là do bội ước và bất tuân mạng lệnh Chúa nên Êxêchia đặt lòng tin nơi Chúa và tiến hành cải cách:

a. Dọn sạch: Dọn sạch đền thờ, dẹp bỏ thần tượng, hủy bỏ con rắn đồng Môise thanh tẩy dụng cụ đền thờ.

b. Tổ chức: Bắt đầu dâng tế lễ và lập ban hát lễ. Gửi thư mời các chi tộc phía Bắc dự Lễ Vượt qua vui mừng cả thể.

3. Chính trị Quân sự:

a. Đối ngoại Êxêchia chịu thuận phục Asyri như thời Acha để tránh sự xâm lấn của Satgôn II khi vua này đánh chiếm Áchđốt.

b. Đối nội Êxêchia xây cất phòng thủ, tổ chức quân đội, đào đường hầm dẫn nước từ suối Ghihôn đến ao Silôê dài 590m ngừa việc bị vây hãm, mở rộng tường thành Giêrusalem bao luôn ao Silôê. Dù làm hết sức nhưng không ỷ lại sức người mà công khai bày tỏ sự nương cậy Đức Chúa Trời ([II Su 2Sb 32:8](#)).

4. Chiến sự:

a. Lần thứ nhất: Năm 701 Sanchêríp lấy một số tài sản triều cống còn đòi chiếm Giêrusalem, khoe khoang rằng đã chiếm 46 thành kiên cố. Được Êsai khuyên khích, Êxêchia chỉ tin cậy sự giải cứu của Chúa. Kết quả Sanchêríp phải rút quân vì được tin có loạn tại Babylôn. Ý thức quyền năng Chúa, các nước láng giềng dâng lễ vật cho Êxêchia và chúc mừng Êxêchia khỏi bệnh, trong số ấy có sứ giả của Mêrôđa Balađan ở Babylôn được vua chỉ cho kho báu Giêrusalem và Êsai nói tiên tri về đoán phạt tương lai.

b. Lần thứ nhì: Sanchêríp gửi tới hậu thư đòi Êxêchia đầu hàng. Nhưng kinh nghiệm sự giải cứu lần trước, hưởng bình an thanh vượng nên vua yên lặng trình dâng bức thư trước Chúa khi cầu nguyện tại đền thờ. Êsai lại tiên báo sự bảo vệ của Chúa và đạo quân Asyri bị tiêu diệt (1 thiên sứ giết 185000).

III. CÁC VUA TIỀN NHIỆM CỦA GIÔSIA

1. Manase: Cai trị 55 năm, đi ngược lại vua cha tạo sự bội đạo khủng khiếp.

a. Tôn giáo: Thờ Baanh tương đương thời Aháp, thờ tinh tú, chiêm tinh, bói khoa, thờ Molóc của Ammôn, tế trẻ con tại trũng Hinôm. Công khai chống đối Chúa

bằng cách lập bàn thờ thiên binh trong sân đền thờ, đặt tượng Asêra ngay trong đền thờ. Làm đổ máu nhiều người vô tội (có lẽ có cả Êsai).

b. Hình phạt: Asyri bành trướng đến tận Thibê Aicập. Manase bị cùm dẫn đến Babylôn có lẽ vào thập niên cuối của triều đại ông ([33:11](#)).

c. Ăn năn: Manase hết lòng hạ mình ăn năn kêu xin Chúa. Chúa nhậm lời đem vua trở về Giêrusalem. Nhìn biết Giêhôva là Đức Chúa Trời, Manase đã dẹp bỏ tất cả hình tượng, sửa sang bàn thờ, dâng của lễ và dạy dân sự phục vụ Chúa và qua đời bình an.

2. Amôn: Phát động lan tràn việc thờ hình tượng vì sự huấn luyện trong thời gian đầu đã ảnh hưởng sâu đậm trên Amôn hơn thời gian sửa sai ngắn ngủi.

Kết quả Amôn bị tội tử giết sau 2 năm trị vì nhưng đã để lại ảnh hưởng bội đạo sâu đậm trên dân sự.

IV. VUA GIÔSIA

1. Bối cảnh: 31 năm trị vì của Giôsia có những thay đổi lớn lao: Đế quốc Asyri tan rã khi Asuabaniban chết và thủ đô Ninive bị tàn phá, nhường chỗ cho đế quốc Mêđi và Babylôn. Trong nước Giôsia đã đem lại cải cách tôn giáo.

2. Cải chánh tôn giáo:

a. Lên ngôi: Chỉ mới 8 tuổi, được các thầy giáo và các thầy tế lễ kính sợ Chúa dạy dỗ nên hết lòng tìm kiếm Chúa khi được 16 tuổi.

b. Cải cách: Trùng tu đền thờ thì tìm được cuốn sách luật pháp của Chúa. Giôsia dẹp bỏ thần tượng khắp xứ, tổ chức Lễ Vượt qua trọng thể chưa từng có.

3. Các Tiên tri:

a. Nữ Tiên tri Hũađã: Xác định lời cảnh cáo về hình phạt nhưng tuyên bố sẽ không xảy đến trong đời Giôsia vì vua hạ mình ăn năn trước mặt Chúa và bà khuyên vua tuân giữ luật pháp Chúa.

b. Tiên tri Giêrêmi: Chắc đã cộng tác chặt chẽ với Giôsia trong giai đoạn sau vì Giêrêmi bắt đầu chức vụ năm 627. TC còn cuốn sách tìm ra năm 621. TC.

4. Cái chết bất ngờ: Giôsia phạm lỗi lầm là đem quân chặn vua Nêcô của Aicập và không chịu nghe lời Nêcô nhơn danh Chúa mà nói nên bị tử thương lúc 39 tuổi.

Giêrêmi đặt bài ai ca than khóc Giôsia ([35:25](#)).

V. CÁC VUA CUỐI CÙNG GIUĐA

1. Giôacha: Cai trị ba tháng thì Nêcô thắng trận trở về bắt làm tù binh và đặt Giêhôgiakim lên ngôi. Giôacha chết tại Aicập như lời tiên tri Giêrêmi.

2. Giêhôgiakim: Thần phục Aicập đến 605 TC khi Nêcô bị đánh bại trong trận Cătăkêmit và quân Babylôn chiếm Giuđa bắt nhiều tù binh (có Đaniên). Năm 598. Giêhôgiakim chống Babylôn nên Nêbucátnétsa đánh Giêrusalem, Giêhôgiakim chết.

3. Giêhôgiakin: Lên ngôi ba tháng thì đầu hàng và bị bắt làm tù binh với nhân viên triều đình trong đó có cả tiên tri Êxêchiên.

4. Sêđêkia: Con út Giôsia được Babylôn đưa lên, thần phục Babylôn trong 11 năm. Sêđêkia liên kết Aicập chống Babylôn nên quân Babylôn bao vây Giêrusalem ba năm, tàn phá thành, đốt đền thờ ra tro, bắt phu tù, giết các con Sêđêkia trước mắt ông rồi móc mắt và đem ông qua Babylôn.

Chức vụ Giêrêmi:

a. Sứ giả trung tín: Phục vụ Chúa suốt 40 năm cho đến ngày chứng kiến sự tan rã của vương quốc Đavít và sách Ca Thương diễn tả nỗi niềm của ông khi chứng kiến thủ đô yêu quý bị tàn phá.

b. Bị Bắt bớ: Thời Giêhôgiakim, sách của Giêrêmi bị vua đốt. Suýt bị dân chúng giết nếu không có Ahicam khi ông tuyên bố sự tàn phá đền thờ. Bị bỏ sống với tầng lớp dân hạ cấp ông phải chịu khổ và bắt bớ thường xuyên. Bị giam cầm, quăng vào hầm bị dân chúng từ bỏ nhưng được Chúa bảo vệ.

c. Sứ điệp: Chống lại các tiên tri giả ở Giêrusalem, khuyên vua thần phục Babylôn, tiên tri về tàn phá Giêrusalem và tiên tri về sự hồi hương sau 70 năm lưu đày.

SAU LƯU ĐÀY

Kinh Thánh: Exôra. Êxotê. Nêhêmi

Thời gian: Khoảng 539 - 425. TC

Sự lưu đày của dân Do Thái đã được các tiên tri Êsai, Michê, Giêrêmi và nhiều tiên tri báo trước về sự đoán phạt của Chúa trên quốc gia tội lỗi.

Các tiên tri cũng báo trước ngày khôi phục nhất là Giêrêmi báo thời gian lưu đày là 70 năm và Êsai cho biết Siru sẽ được Chúa dùng cho dân sự trở về.

I. TÁI LẬP GIÊRUSALEM

1. Trở về tổ quốc ([Exo Er 1:1-3:12](#)): Khi Siru của Batur chiến thắng Babylôn, vua ra sắc dụ cho phép người Do Thái trở về quê hương (khác với Assyri: phân tán).

. Năm 538. TC 11 người lãnh đạo hàng ngàn người Do Thái trở về mang những vật dụng mà Nêbucátnétsa đã lấy từ đền thờ cùng với giấy phép của Siru.

. Lãnh tụ nổi bật là Xôrôbabên dòng vua Đavít và Thầy tế lễ Giêhôsua (Giêsua).

2. Ổn định ở Giêrusalem ([3:1-4:24](#)): Về đến nơi họ liền:

a. Dựng bàn thờ và lập lại sự thờ phượng, dâng tế lễ như Môise đã dạy.

b. Giữ Lễ Lều Tạm ngày 15. 7 vui mừng và lập kế hoạch xây đền thờ.

c. Bắt đầu xây đền thờ tháng 2 năm 537. TC với buổi lễ đặt nền trong tiếng khóc và niềm vui tràn ngập. Người Samari xin đóng góp bị khước từ nên tức giận chống phá và công việc ngưng lại mãi đến năm 520.

3. Đền thờ Mới ([5:1-6:22](#)):

a. Về chính quyền: Vua Đariút lên ngôi cho phép dân Do Thái tiếp tục xây cất, cấm Tắtênai cản trở nhưng phải cung cấp tiền thuế hoàng gia vùng Syri cho dân Do Thái xây cất đền thờ.

b. Về Giáo quyền: Tiên tri Aghê và Xachari khuyến khích động dân sự và Xôrôbabên

cùng Giêhôsua phát động công tác xây đền thờ.

c. Kết quả: Sau năm năm, đền thờ hoàn tất (515) về lễ cung hiến tổ chức long trọng sau 70 năm lưu đày (586-515. TC)

II. CÂU CHUYỆN ÊXÔTÊ

1. Người DoThái trong triều đình Batur (1-2): Khi Xácxe hay Asuêru (485) phế bỏ Vảthi thì Êxôtê được chọn làm hoàng hậu Batur. Mạcđôchê kháp phá âm mưu giết vua của hai lính thị vệ nên được sử ghi công cứu mạng vua.

2. Hiểm họa cho dân DoThái (3-5): Haman: Được thăng chức tể tướng thấy Mạcđôchê không cúi lạy mình nên tức giận nhờ tay vua diệt dân DoThái.

Mạcđôchê: Kêu gọi toàn dân DoThái kiêng ăn cầu nguyện và khuyến cáo Êxơ tê rằng Chúa đưa bà vào cung cho giờ phút lịch sử này ([EtEt 4:14](#)).

Êxôtê: Xin dân sự kiêng ăn cầu nguyện cho bà ra mắt vua và bà đã thành công mời vua và Haman dự tiệc và trình bày lời cầu khẩn vào ngày thứ hai.

3. Chiến thắng của dân DoThái (6-10):

a. Mạcđôchê được tôn vinh: Sau bữa tiệc đầu tiên vua không ngủ được, truyền đọc sử ký biết Mạcđôchê cứu mạng mà chưa được ban thưởng. Haman vẽ nghi lễ dành cho người được vua tôn trọng không ngờ chính ông phải đi tung hô Mạcđôchê là người ông đã dựng sẵn cây mộc hình cho ngày xử tội !

b. DoThái chiến thắng: Khi biết Haman âm mưu hại hoàng hậu, vua tức giận treo Haman lên chính cây mộc hình ông dành cho Mạcđôchê . Người DoThái được quyền tự vệ và đã ăn mừng chiến thắng trong ngày lễ Phurim đầu tiên.

III. EXORA NHÀ CẢI CÁCH

1. Từ Babylon đến Giêrusalem (7-8):

Thỉnh cầu: Exora là một thầy dạy luật đã thỉnh cầu vua Attaxétxe và được phép lãnh đạo dân DoThái trở về Giuđa.

Chuẩn bị : Thật rầm rộ: Hoàng tộc đóng góp, dâng chúng tự nguyện dâng hiến, vật dụng thánh được trao trả và các tỉnh trưởng bên kia sông Ôphorát được lệnh cung cấp lương thực tiền bạc vì sợ cơn giận của Chúa trên vua.

Trở về: Ngại xin vua cấp lính, Exora hiệp dân lại cầu nguyện kiêng ăn xin Chúa phò trợ và sau ba tháng rưỡi họ đến Giêrusalem (năm 457. TC).

2. Cải cách (9-10):

Nan đề: Nhiều người DoThái lập gia đình với dân ngoại kể cả người lãnh đạo tôn giáo !

Giải quyết: Exora kêu gọi một cuộc họp công khai tại đền thờ cảnh cáo về tội lỗi nghiêm trọng này, Điều tra thành phần phạm tội trong ba tháng, Dâng tế lễ chuộc tội cho phạm nhân và họ phải hứa từ bỏ hôn nhân dị chủng đi ngược lời Chúa của họ.

IV. TỔNG TRẦN NÊHÊMI

1. Chỉ thị của Attaxétxe ([NeNe 1:1-2:8](#)): Dù là quan dân rượu cho vua BaTư nhưng Nêhêmi rất quan tâm, đau buồn nghĩ đến tình trạng dân sự tại quê nhà.
. Sau khi cầu nguyện ăn năn tội của dân sự, ông thỉnh cầu vua khi vua hỏi thăm tình trạng sức khỏe của ông.
2. Sứ mệnh về Giêrusalem: ([2:9-6:19](#)) Về đến nơi Nêhêmi đã:
 - . Khảo sát vào ban đêm để đánh giá tình hình.
 - . Tổ chức xây lại tường thành. Gặp sự chống đối của dân Ả-rập, Ammôn, Ách-đót do Ghêsem, Tôbigia và Sanbalát lãnh đạo.
 - . Đồi đầu chống đối bằng cầu nguyện và khẩn trương tổ chức bảo vệ cùng khẩn trương làm việc từ sáng sớm đến chiều tối để hoàn thành bức tường.
 - . Công bố chính sách kinh tế chấm dứt cho vay nặng lãi. Ông làm gương bằng việc không nhận lương suốt 12 năm phục vụ.
 - . Tổ chức cung hiến tường thành Giêrusalem với hai đoàn người đi về đền thờ tổ chức đại lễ tạ ơn với ca đoàn và ban nhạc.
 - . Mạnh dạn xử lý những vi phạm trong thời gian ông vắng mặt trở về Batur.
 - . Cải tổ việc giữ ngày Sabát, giải quyết hôn nhân với dân ngoại. . .Kết thúc bằng lời cầu nguyện: Đức Chúa Trời con ôi, xin hãy nhớ đến con và làm ơn cho con.

Mục lục

7 Cự Uớc Giản Lược

Tác giả: Huang Sabin

Có thể dùng sách này vào những trường hợp nào?

Sáng Thế Ký

Xuất Ê-díp-tô Ký

Lê Vi Ký

Dân Số Ký

Phục Truyền Luật Lệ Ký

Giô-suê

Các Quan Xét

Ru-tơ

1Sa-mu-ên

2Sa-mu-ên

1Các Vua

2Các Vua

1Sử Ký

2Sử Ký

Ê-xơ-ra

Nê-hê-mi

Ê-xơ-tê

Gióp
Thi Thiên
Châm Ngôn
Truyền Đạo
Nhã Ca
Ê-sai
Giê-rê-mi
Ca Thương
Ê-xê-chi-ên
Đa-ni-ên
Ô-sê
Giô-ên
A-mốt
Áp-đia
Giô-na
Mi-chê
Na-hum
Ha-ba-cúc
Sô-phô-ni
A-ghê
Xa-cha-ri
Ma-la-chi

Ghi chú dành cho giao viên và người giảng dạy

Danh mục đọc giả

Có thể dùng sách này vào những trường hợp nào?

NHIỀU người tưởng rằng Kinh Thánh Cựu Ước là phần dành cho người tin Chúa lâu năm. Nhiều người khác dù thừa hiểu tầm quan trọng của Kinh Thánh Cựu Ước, lại không thêm ngó ngàng tới vì cho rằng Cựu Ước khó hiểu và chán ngắt.

Trong giới dạy Kinh Thánh Cựu Ước có người thấy chỉ có thể quanh quẩn giảng giải bối cảnh và nội dung của sách rồi tổng hợp sứ điệp này cùng những bài học chính của sách chớ khó lòng tiến xa hơn.

Do đó quyển sách này được biên soạn nhằm chứng minh rằng Kinh Thánh Cựu Ước thật ra:

- (1) Rất lý thú.
- (2) Rất thực tế.
- (3) Rất dễ hiểu.

- Nếu là người phục vụ trong tư cách tín hữu bạn có thể dùng sách này làm sách nghiên cứu bồi linh trong 39 ngày hoặc 39 tuần.

- Nếu đang hướng dẫn người khác học Kinh Thánh, bạn có thể giúp học viên nắm

vững Kinh Thánh Cựu Ước.

- Nếu mới bắt đầu nghiên cứu Kinh Thánh, nhờ sách này bạn có thể gặt hái được những hiểu biết căn bản về Kinh Thánh Cựu Ước.
- Nếu đã có vốn liếng nhiều về Kinh Thánh, nhờ sách này bạn có thể tập tành nghiên cứu Kinh Thánh theo chủ đề và có hệ thống.
- Nếu đang dạy lớp Kinh Thánh Chúa Nhật, bạn có thể dựa vào sách này mà soạn 39 bài dạy để dùng trong 39 Chúa Nhật.
- Nếu đang làm mục sư, bạn có thể dùng sách này làm tư liệu để soạn 39 bài giảng.
- Nếu đang dạy trong trường Kinh Thánh, bạn có thể dùng sách này làm sách giáo khoa đại cương.
- Nếu đang làm truyền giáo, giáo sĩ, bạn có thể chuyển ngữ sách này và cải biên cho thích hợp với đối tượng độc giả tại những nơi thiếu sách giáo khoa về Cựu Ước. Nếu không định tuân tự nghiên cứu trọn bộ Cựu Ước, bạn có thể chọn ra những sách đáp ứng những vấn đề trong thực tế của bạn. Ở cuối sách, trong bảng mục lục có liệt kê “đối tượng” mà sách này phục vụ.

Thí dụ bạn thấy mình đang trầm phần ngậm đắng nuốt cay mà chẳng hiểu vì lý do gì, bạn nên và cần đọc sách Gióp. Hoặc nếu bạn đang gánh vác công việc nhà Chúa nhưng vừa không thấy kết quả gì cả vừa phải đối đầu với những chống đối, bạn nên đọc sách Nê-hê-mi. Hoặc nếu bạn thuộc thành phần thiểu số đang bị bắt bớ chắc chắn sách Ê-xơ-tê đáp ứng hoàn cảnh của bạn.

Mỗi chương trong sách này khảo sát một cách súc tích và rành mạch một quyển sách trong Cựu Ước. Mỗi chương gồm 4 phần:

Tản mạn.

Thâm nhập.

Trọng tâm.

Thực hành.

Tản mạn: Phần dẫn nhập giúp độc giả nắm bắt chủ đề của sách.

Thâm nhập: Tóm lược nội dung sách, nhưng vẫn đặc biệt chú trọng đến đề cương (có nêu đề phụ), nhằm tránh vướng mắc vào quá nhiều tiểu tiết.

Trọng tâm: Gói gọn bài học chính trong 1, 2 câu ngắn. Học thuộc lòng phần trọng tâm là việc quan trọng vì chúng ta cần thường xuyên ôn lại để nhờ đó mà đời sống của chúng ta được thay đổi.

Thực hành: Nêu ra đường hướng áp dụng các bài học chính. Nhớ là cần dành thời gian suy ngẫm cầu nguyện và xin Đức Chúa Trời hướng dẫn bạn tìm ra cách áp dụng những bài học này vào đời sống của mình một cách cụ thể.

Nếu sử dụng sách này vào việc dạy hoặc giảng, hẳn nhiên là bạn muốn soạn lại phần Tản mạn và phần Trọng tâm cho phù hợp với trình độ và nhu cầu của học viên hoặc của hội chúng. Xin xem trang Đối Lời Với Giáo Viên và Giảng Viên ở trang áp chót sách về những gợi ý giúp bạn thực hiện việc này.

SÁNG THẾ KÝ

Tác giả: Ông Môi-se.

Thời kỳ hình thành sách: Sau biến cố xuất hành.

Mục đích: Dạy cho dân Đức Chúa Trời biết rằng họ là tuyển dân của Ngài.

Đối tượng: Người cần đặt nền móng cho niềm tin Cơ Đốc.

Tản mạn

Thế giới này chìm đắm trong đau thương khốn khó - Thế mà chúng ta lại đang sống trong thế giới này - Vì sao? Có thể đưa ra hai câu giải đáp cho vấn đề này.

Câu giải đáp thứ nhất là: Chúng ta hiện diện trên địa cầu này là do tình cờ. Câu trả lời này dựa vào sách của ông Charles Darwin: “Nguồn Gốc Của Các Chủng Loại” (The Origin of the Species) . Lần đầu tiên đọc sách này, ông Karl Marx, cha đẻ của chủ nghĩa cộng sản tỏ ra vui mừng vô hạn. Ông nhận biết rằng thuyết tiến hóa đem lại căn bản khoa học để ông xây dựng học thuyết vô thần của mình.

Câu trả lời thứ hai nằm trong Sáng Thế Ký. Tác giả là ông Môi-se quả quyết rằng con người được dựng nên theo ý muốn của Đức Chúa Trời chứ không phải do ngẫu nhiên may rủi.

Do ngẫu nhiên hoặc do chủ ý sáng tạo của Đức Chúa Trời? Thủy tổ là con vượn hoặc ông A-đam? Chỉ một trong hai khả năng này mà thôi, chứ không thể cả hai. Không có Sáng Thế Ký thì toàn bộ Kinh Thánh Cựu Ước tan rã vì thiếu cơ sở. Chính vì vậy mà trong thế kỷ vừa qua người không tin Chúa tập trung mọi nỗ lực bài bác Sáng Thế Ký. Không thông qua Sáng Thế Ký, chúng ta không hiểu các sách Phúc Âm. Ngày nay Hội Phiên Dịch Kinh Thánh chuyên ngữ Sáng Thế Ký trước các sách Phúc Âm trong Tân Ước. Trước tiên con người phải nhận biết Đức Chúa Trời là Đấng Sáng Tạo rồi mới nhận biết Ngài là Đấng Cứu Chuộc. Con người phải hiểu lý do Đức Chúa Trời tạo dựng nên họ rồi họ mới có thể hiểu lý do Ngài cứu chuộc họ.

Như vậy, vì sao Đức Chúa Trời lại tạo dựng con người? Phải chăng để con người làm tôi tớ cho Ngài? Sáng Thế Ký có dạy như thế không? Đừng vội buông sách, tiếp tục tìm hiểu, rồi bạn sẽ rõ...

Thâm nhập

Ông Môi-se viết sách Sáng Thế cho người Do Thái trong thời gian họ đi quanh quẩn trong sa mạc sau khi thoát ra khỏi xứ Ai Cập. Ông phải viết để bày tỏ cho họ biết về mối liên hệ đặc biệt giữa họ với Đức Chúa Trời. Không những Ngài là Đấng Cứu Chuộc họ mà còn là Đấng tạo dựng nên họ nữa. Tuy nhiên, Ngài dựng nên họ để làm gì? Phải chăng để đầy ải hành hạ họ, làm cho họ đau đớn khốn khổ? Không phải đâu, mà là để ban phước hạnh cho họ. Nhưng sao Ngài lại chọn người Do Thái để ban phước? Câu trả lời là câu chìa khóa của sách này: [SaSt 12:1-3](#)

(Sáng Thế Ký một - hai, một - hai - ba thật là dễ nhớ!) Đức Chúa Trời phán với ông Áp-ra-ham: “Ta sẽ ban phước cho ngươi... và các chi tộc trên thế gian sẽ nhờ ngươi mà được phước”. (Xem [SaSt 18:18 22:18](#)). Về sau Đức Chúa Trời cũng lặp lại lời hứa này với ông Y-sác là con trai ([SaSt 26:4](#)) và với ông Gia-cốp là cháu nội của ông Áp-ra-ham ([SaSt 28:14](#)). Đức Chúa Trời chọn người Do Thái để ban phước cho bao người khác.

I. Đầu tiên hưởng phước hạnh (1-2)

Đức Chúa Trời dựng nên muôn loài, rồi Ngài chúc phước cho tất cả ([SaSt Sa1:22](#)). Ngài dựng nên người nam và người nữ rồi Ngài chúc phước cho cả hai ([SaSt Sa1:28](#)). Sáng Thế Ký không mở đầu với dòng dõi dân Hê-bơ-rơ mà với nhân loại, loài người. Không phải Đức Chúa Trời chỉ quan tâm chúc phước cho người Do Thái mà thôi -Ngài luôn luôn mang nặng ưu tư đối với toàn thể nhân loại. Đáng buồn là người Do Thái thường quên đi điểm này nên sinh ra tự thị tự mãn. Mong sao hội thánh của Chúa không bao giờ rơi vào lỗi lầm này.

II. Mất quyền hưởng phước hạnh (3-5)

Ông A-đam và bà Ê-va không vâng lời Đức Chúa Trời nên ăn trái của cây biết điều thiện và điều ác. Vì vậy họ đánh mất phước hạnh và bị rửa sả ([SaSt 3:16-19](#)). Con cháu của họ và hậu duệ của các thế hệ về sau càng dần sâu vào con đường tội ác đến nỗi Đức Chúa Trời quyết định là không dung thứ cho họ nữa.

III. Ưu tiên hưởng phước hạnh (6-9)

Đức Chúa Trời gây ra một trận lụt làm cho tất cả dân cư trên địa cầu đều chết chìm. Nhưng một ông kia tên là Nô-ê được Đức Chúa Trời ưu đãi ([SaSt 6:8](#)). Ngài bảo ông Nô-ê đóng một con tàu. Rồi ông đưa vợ, ba người con trai, cùng với ba con dâu, tổng cộng tám người vào tàu, cùng với các loài thú và các loài chim, mỗi loài một cặp. Tất cả đều sống sót qua trận lụt. Họ sống sót nhờ họ tin Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài. Đức Chúa Trời chúc phước cho ông Nô-ê và các con trai và bảo họ lo tăng số dân cho địa cầu ([SaSt 9:1](#)).

IV. Đối tượng hưởng phước hạnh (10-11)

Một lần nữa loài người tỏ ra bất phục tùng Đức Chúa Trời. Họ nỗ lực xây một cái tháp tại Ba-bê-đê biểu dương và làm biểu tượng cho năng lực và sự hợp nhất của họ. Đức Chúa Trời đem đến sự rối loạn giữa vòng loài người bằng cách làm cho họ nói đủ thứ ngôn ngữ khác nhau. Thế là loài người tản mác khắp địa cầu, hợp quần theo từng nhóm người cùng một ngôn ngữ. Những nhóm nhỏ này sản sinh ra tất cả các giống người trên địa cầu ngày nay. Các giống người này sản sinh ra những đối tượng mà Đức Chúa Trời muốn ban phước...

V. Bền tâm chờ phước hạnh (12-24)

Một lần nữa, Đức Chúa Trời chọn một người làm công cụ cho Ngài để Ngài ban phước cho nhân loại. Đó là ông Áp-ra-ham. Ngài hứa với ông ba điều lớn lao: một vùng đất (rất rộng), một dân tộc (rất đông) và một danh rất nổi tiếng ([SaSt Sa12:1-2](#)). Thông qua ba điều này, Đức Chúa Trời chúc phước cho ông Áp-ra-ham

và khiến ông trở thành một nguồn phước cho các dân tộc trên địa cầu ([SaSt Sa12:3](#)). Đức Chúa Trời thử nghiệm đức tin của ông Áp-ra-ham nhiều lần. Đôi lúc đức tin ông bị nao núng. Nhưng qua hầu hết mọi trường hợp ông đều vững tin nơi Đức Chúa Trời, do đó ông được kể là công chính ([SaSt Sa15:6](#)). Nhờ tin Đức Chúa Trời như vậy ông trở nên nguồn phước cho người khác. Một trường hợp cụ thể là khi ông giải thoát gia đình của ông Lót, là cháu gọi bằng bác, khỏi hoàn cảnh hiểm nguy, ông nhất định không lấy tiền công hoặc tiền thưởng ([SaSt Sa14:1-24](#)). Khi nào ông tỏ ra trung tín tin cậy Ngài thì Ngài đều ban phước cho ông ([SaSt Sa14:19-20](#)). Ông lập bàn thờ tại nhiều nơi trong xứ thánh ([SaSt Sa12:7-8](#)); [13:18](#) [22:9](#)) để chứng tỏ lòng ông tin chắc rằng rồi đây Đức Chúa Trời sẽ ban xứ đó lần phước hạnh cho ông.

VI. Mắc mưu vì phước hạnh (25-26)

Phải chờ đợi lâu năm ông Áp-ra-ham mới có được một mụn con. Rốt cuộc khi ông đã già nua Đức Chúa Trời ban cho ông một cậu con trai tên là Y-sác. Rồi ông Y-sác cũng tin rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho ông con trai nối dõi dù bà Rê-be-ca bị hiếm muộn. ([SaSt 25:21](#)). Có lẽ nhờ lòng tin kính của ông mà Đức Chúa Trời ban cho ông hai cậu con trai sinh đôi. Ê-sau được sinh ra trước là con trưởng nam, người có quyền thừa kế gia sản và nhận phước hạnh dành cho người con nối dõi. Nhưng khi lớn khôn ông Ê-sau bán quyền trưởng nam cho em là Gia-cóp với cái giá là một tô súp đậu. Như vậy ông tỏ ý xem rẻ rúng quyền trưởng nam ([SaSt 25:34](#)). Về sau ông Gia-cóp lại gạt cha mình để phổng tay trên phước hạnh đáng lẽ dành cho ông Ê-sau. Ông dọn mời cha một món ăn mà cha ưa thích nhất với mục đích là cha sẽ chúc phước đặc biệt cho mình. Khi cha ăn xong ([SaSt 27:19](#)), vì có già nua và mù lòa nên ông Y-sác tưởng Gia-cóp là Ê-sau, nên đã chúc phước lành cho Gia-cóp. Như vậy ông Y-sác bị gạt trong việc chúc phước cho con nối dõi. Thay vì chúc phước cho ông Ê-sau thì lại chúc phước cho ông Gia-cóp ([SaSt 27:27-29](#)).

VII. Lừa đảo vì phước hạnh (27-36)

Khi phát hiện ra chuyện lừa đảo của ông Gia-cóp, ông Ê-sau tức giận đến nỗi muốn giết em mình. Thế là ông Gia-cóp trốn ra ngoại quốc lánh nạn. Ở tại nhà cậu La-ban và làm công cho cậu.

Thông qua ông Gia-cóp Đức Chúa Trời ban phước cho gia đình ông La-ban. Nhưng ông La-ban lại mưu mô quỷ quyệt hơn cả ông Gia-cóp. Ông La-ban hứa gả Ra-chên là thứ nữ nếu ông Gia-cóp chịu làm công trong bảy năm. Nhưng đến đêm tân hôn, ông La-ban trao trưởng nữ vào chỗ thứ nữ, khiến cho ông Gia-cóp ăn nằm với Lê-a thay vì Ra-chên ([SaSt 29:23](#)). Sau đó, ông La-ban gả luôn Ra-chên cho ông Gia-cóp với điều kiện là bảy năm làm công nữa. Trong thời gian hai mươi năm ông Gia-cóp sinh sống tại nhà ông La-ban. Đức Chúa Trời dần dà thay đổi ông Gia-cóp từ một người ích kỷ trở nên một công cụ đem phước hạnh cho những người khác. Để đánh dấu cho sự biến đổi này Đức Chúa Trời đặt cho ông một tên

mới - I-xơ-ra-ên - trong cuộc hành trình về quê hương của ông.

VIII. Tha thứ vì phước hạnh (37-50)

Qua hai người vợ, bà Lê-a và bà Ra-chên và hai nàng hầu là bà Bi-la và bà Xíp-ba, ông Gia-cóp có mười hai người con trai. Từ mười hai người này sản sinh ra mười hai chi phái I-xơ-ra-ên. Ông Giô-sép là con trai cưng nhất của ông Gia-cóp. Khi còn trẻ ông này ngây thơ, ăn nói vô tư khiến cho các anh càng thêm tị hiềm thù ghét. Họ âm mưu với nhau để trừ khử ông và bán ông cho đoàn lái buôn nô lệ trong khi đoàn này đang trên đường đi qua Ai Cập ([SaSt 37:28](#)). Tại Ai Cập, Đức Chúa Trời đặc biệt ban cho ông Giô-sép khả năng hiểu các điềm chiêm bao. Khi Pha-ra-ôn thấy chiêm bao mà không một ai có thể giải nghĩa, ông Giô-sép được triệu đến. Ông giải nghĩa chính xác điềm chiêm bao, tức là sắp tới sẽ có bảy năm được mùa, rồi tiếp theo là bảy năm mất mùa. Pha-ra-ôn cử ông Giô-sép đặc trách công tác thu gom nông phẩm trong bảy năm được mùa để chuẩn bị cho bảy năm mất mùa tiếp theo. Khi nạn đói diễn ra trong bảy năm này, các anh em của ông Giô-sép đi đến Ai Cập để tìm mua thực phẩm. Trong một buổi gặp gỡ đầy xúc động ông Giô-sép tiết lộ gốc gác của mình cho các anh em và tha thứ cho họ về hành vi tàn nhẫn năm xưa ([SaSt 50:20](#)). Như vậy ông Giô-sép đã trở nên nguồn phước chẳng những cho đại gia đình của mình, mà còn cho toàn thể nhân dân Ai Cập cùng các dân tộc láng giềng nữa. Sách Sáng Thế kết thúc với lời ông Gia-cóp chúc phước cho ông Giô-sép ([SaSt 48:15](#) [49:25-26](#)) cho mười hai chi phái ([SaSt 49:28](#)), cho hai con trai của ông Giô-sép ([SaSt 48:16,20](#)) và cho cả Pha-ra-ôn nữa.

Trọng tâm

Đức Chúa Trời tạo dựng nên bạn để ban phước lành cho bạn; và chọn bạn để bạn làm nguồn phước cho thế giới.

Thực hành

Nhiều người dành thời gian dài củng cố mối liên hệ giữa họ với Đức Chúa Trời. Chúng ta trông mong Đức Chúa Trời ban phước cho mình đến độ quên rằng chúng ta phải là nguồn phước cho người khác. Chúng ta nghe Đức Chúa Trời phán rằng: “Ta sẽ ban phước cho con” mà không nghe câu kế tiếp là “để thông qua con ta sẽ ban phước cho nhiều người khác”.

Lắm Cơ Đốc nhân đánh văng từ thái cực này qua thái cực nọ. Họ bận rộn túi bụi vì vương quốc của Đức Chúa Trời đến nỗi không còn thời gian để gặp vua của vương quốc. Họ muốn làm nguồn phước cho người khác đến độ quên rằng trước tiên họ phải kinh nghiệm phước hạnh của Đức Chúa Trời dành cho họ.

Phước hạnh của Đức Chúa Trời gồm những gì? Không như những phước hạnh mà ông Áp-ra-ham được hưởng, phước hạnh dành cho chúng ta phần lớn nằm trong lãnh vực thuộc linh. Đức Chúa Trời hứa cho chúng ta một đời sống sung mãn ([GiGa 10:10](#)) niềm vui, lòng bình an và tình yêu thương ([GaGl 5:22](#)). Ngay cả thành phần trọn thời gian phục vụ trong hội thánh, cũng có thể bị cuốn hút vào tình trạng lo lắng (trái ngược với lòng bình an), âu sầu (trái ngược với niềm vui) và cay

đáng (trái ngược với tình yêu thương). Sự sống sung mãn là chính Chúa Giê-xu ([GiGa 14:6](#)). Hằng ngày chúng ta cần thấm đẫm trong mối liên hệ với Ngài. Ông Áp-ra-ham, ‘cha đẻ của trung gian đem phước hạnh’ đã hiểu chân lý này. Ông Gia-cơ diễn đạt điều này như sau: “Ông Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, nên ông được kể là công nghĩa; và được gọi là bạn của Đức Chúa Trời” ([Gia Gc 2:23](#) so sánh [SaSt 15:6](#)).

Nhưng phải chăng chúng ta cũng là nguồn phước cho người khác? Cho những người phân nửa địa cầu phía bên kia? Thử viết thư khích lệ họ, nên chăng? Hoặc gởi cho họ một gói quà tỏ lòng quan tâm cứu giúp, nên chăng? Hoặc đem biếu hàng xóm một món ăn ngon, được không? Chúng ta cần gieo tình yêu thương, sự bình an và niềm vui của Chúa Giê-xu cho mọi người chung quanh chúng ta. Bạn có là nguồn phước cho mọi người chung quanh chưa? Họ có thể nhận định như vậy chưa?

SÁNG THẾ K Ý

Ý chính : Thời khai nguyên của phước hạnh.

Chủ đề chính : Phước hạnh.

Cụm từ chính : “...các dân thế gian đều sẽ nhờ dòng dõi ngươi mà được phước.” (6 lần)

Câu chính : “Hãy ra khỏi... đến xứ mà Ta sẽ chỉ cho. Ta sẽ làm cho ngươi nên một dân lớn; Ta sẽ ban phước cho ngươi, cùng làm nổi danh ngươi, và ngươi sẽ thành một nguồn phước. Các chi tộc nơi thế gian sẽ nhờ ngươi mà được phước.” ([SaSt 12:1-3](#)).

Bài học chính : Đức Chúa Trời tạo dựng chúng ta để ban phước cho chúng ta. Đức Chúa Trời chọn chúng ta để chúng ta làm nguồn phước cho thế giới.

XUẤT Ê-DÍP-TÔ KÝ

Tác giả: Ông Môi-se.

Thời kỳ hình thành sách: Sau cuộc xuất hành.

Mục đích: Để nhắc nhở dân I-xơ-ra-ên về quyền năng của Đức Chúa Trời trước khi họ đánh chiếm Đất Hứa.

Đối tượng: Người mới được cứu.

Tàn mạn

Một sinh viên trường Thần học còn non trẻ trong niềm tin Cơ Đốc ngồi đọc Xuất Ê-díp-tô Ký ở một đầu cái ghế dài. Một người phái phóng khoáng và là giáo sư của anh ta ngồi ở đầu kia.

Đang đọc anh ta reo lên: “Vinh danh Chúa! Vinh danh Chúa!”

Vị giáo sư già nua hỏi: “Anh tôn vinh Chúa về chuyện gì đây?”

Anh sinh viên trả lời: “Dạ, tôi đang đọc chuyện ông Môi-se đưa dân I-xơ-ra-ên qua

Biển Đỏ.”

Vị giáo sư nói tiếp: “Những sao chép bị lầm lẫn, khiến cho bản chuyển ngữ cũng bị ảnh hưởng - bộ anh không biết sao? Trong chuyện đó phải đổi từ ‘Biển Đỏ’ thành biển sậy. Dân I-xơ-ra-ên đã lội qua sông sậy chỉ độ hai mươi phân thôi. Có gì mà lạ lùng rồi rít thế.”

“Dạ” anh sinh viên nhẹ nhàng đáp, rồi tiếp tục đọc, một lát anh lại reo lên: “Vinh danh Chúa!”

“Sao? Có gì mà phải ca ngợi Đức Chúa Trời nữa đây! Trong sách đó chẳng có phép lạ nào đâu. Tưởng đâu anh hiểu rõ ý tôi rồi chứ!”

“Không có phép lạ sao được? Đức Chúa Trời làm cho toàn bộ quân sĩ Ai Cập chết chìm trong biển chỉ sâu độ hai mươi phân mà không phải phép lạ sao? Hay quá! Vinh danh Chúa!”

Dù sao anh sinh viên trẻ tuổi này cũng đúng ít nhất ở một điểm. Sự kiện Đức Chúa Trời giải phóng dân I-xơ-ra-ên cũng đủ khiến chúng ta tôn vinh Ngài. Cốt lõi trong cuộc xuất hành không phải chỉ là chuyện xiềng xích nô lệ hoặc công cuộc giải phóng. Trọng tâm cũng không hẳn chỉ là sự cứu chuộc, dù rằng rõ ràng đó là những chủ đề quan trọng trong sách. Nhưng các chủ đề đó không thể lý giải phần thứ hai của Xuất Ê-díp-tô Ký, vì phần này tập trung xoay quanh con người trong khi sách này tập trung viết về Đức Chúa Trời ([XuXh 34:6-7](#)). Như vậy muốn hiểu Xuất Ê-díp-tô Ký, thì mấu chốt là phải tìm ra chủ đề chính của sách. Chủ đề chính là gì?

Thâm nhập

Chủ đề chính của Xuất Ê-díp-tô Ký là thờ phượng. Lấy đâu ra chủ đề này? Trong cụm từ chính của sách. Phần đầu trong ba phần chính của sách lập lại cụm từ này đến 7 lần.

I. Mười tai vạ (1-14)

Sau trận đói, ông Gia-cốp và những người Do Thái thuộc mười mấy thế hệ nối tiếp lưu ngụ tại Ai Cập suốt 400 năm. Khi dân Do Thái gia tăng đông đảo, dân Ai Cập lo ngại và tìm cách diệt trừ họ. Trong nỗi thống khổ họ cầu cứu Đức Chúa Trời nên Ngài dấy lên một vị cứu tinh để giải phóng họ khỏi Ai Cập. Đó là ông Môi-se. Nhưng thoát đầu ông Môi-se hành động hấp tấp. Vừa thấy một người Ai Cập đánh đập một người Do Thái là ông giết ngay người Ai Cập rồi chôn giấu xác chết. Khi chuyện bị bại lộ ông chạy trốn để cứu mạng. Ông lo lẩn tránh người ta và lo việc chăn cừu trong thời gian suốt bốn mươi năm.

Một ngày nọ, Đức Chúa Trời hiện ra với ông từ một bụi gai đang cháy và giao cho ông công tác giải phóng dân Do Thái khỏi Ai Cập. Khi ông Môi-se yết kiến Pha-ra-ôn và yêu cầu vua buông tha cho dân Do Thái ra đi, thì Pha-ra-ôn nổi giận. Hậu quả là Đức Chúa Trời lần lượt giáng mười tai vạ xuống trên Ai Cập cho đến chừng Pha-ra-ôn phải chấp thuận. Sau mỗi tai vạ, ông Môi-se trở lại yết kiến Pha-ra-ôn và đưa ra yêu cầu: “Hãy tha cho dân Ta đi...”

Chủ đề chính của sách này được gói ghém trong lời yêu cầu của Đức Chúa Trời đưa ra cho Pha-ra-ôn sau khi tai vạ thứ bảy chấm dứt. Dân Do Thái được giải thoát khỏi ách nô lệ và nổi thống khổ để làm gì? “Để chúng nó hầu việc Ta.” Đây là cụm từ chính trong sách. Dân Do Thái được Giải phóng để Thờ phượng .

“Hãy tha cho dân Ta đi” là cụm từ tóm gọn phần thứ nhất của Xuất Ê-díp-tô Ký.

“Để chúng nó hầu việc Ta” lý giải phần thứ hai và phần thứ ba của sách.

II. Mười Thánh Luật (Mười Điều Răn) (15-24) .

Sau khi chứng kiến Đức Chúa Trời làm phép lạ mở đường đi khô ráo xuyên qua lòng Biển Đỏ để dân Do Thái thoát khỏi quân binh Ai Cập, ông Môi-se và bà Mi-ri-am (cũng như anh sinh viên trẻ nọ trong câu chuyện tản mạn) lớn tiếng ca ngợi tôn vinh Đức Chúa Trời. Chương 15 có ghi lại bài ca mà họ sáng tác.

Khó tin nhưng có thật là chuyện dân sự cần nhân bất mãn sau khi đã chứng kiến bao nhiêu là phép lạ. Họ than van bất mãn vì không có lương thực và nước. Thế là Đức Chúa Trời cung cấp ma-na từ trời rơi xuống và cho nước chảy ra từ vàng đá. Những việc lạ đó nhằm chứng tỏ cho họ biết rằng Đức Giê-hô-va thật sự là Đức Chúa Trời của họ ([XuXh 16:12](#) và [17:7](#)).

Rồi trong một buổi lễ lạ kỳ, Đức Chúa Trời lập giao ước với dân I-xơ-ra-ên. Người ta gọi giao ước này là Giao Ước Môi-se hoặc Giao Ước Si-nai vì giao ước được lập thông qua ông Môi-se tại núi Si-nai. Đây là một giao ước có điều kiện, điều kiện yêu cầu là họ phải vâng phục Đức Chúa Trời ([XuXh 19:6](#)). Như vậy Mười Điều Răn là mười điều khoản, mười tiết luật trong bản giao ước này. Ông Phao-lô thường đề cập đến trong Tân Ước ([RoRm 2:12](#); [ICo1Cr 9:9](#); [GaGl 2:16](#)...) luật của Môi-se. Luật đó được tóm tắt trong Mười Điều Răn. Phần còn lại của Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê-vi Ký và một phần Dân-số Ký và Phục Truyền Luật Lệ Ký đều nhằm diễn giải Mười Điều Răn này. Nếu dân sự tuân thủ những luật này thì Đức Chúa Trời hứa rằng họ sẽ “là một dân làm thầy tế lễ, và một dân thánh” ([XuXh 19:6](#)). Một dân tộc làm thầy tế lễ và một dân thánh có nhiệm vụ gì? Dĩ nhiên là thờ phượng và phục vụ Đức Chúa Trời. Họ được giải cứu để thờ phượng Ngài. Mười Điều Răn là Bản Luật lệ về sự thờ phượng . Luật pháp cung cấp cho họ những lời chỉ dẫn về cách thức họ có thể thờ phượng Đức Chúa Trời.

III. Mười trang thiết bị thiết yếu trong trung tâm thờ phượng (25-40)

Nhưng dân sự phục vụ Đức Chúa Trời ở đâu? Ở nơi Ngài sẽ chỉ định. Nơi đó là một cái lều gọi là Đền Tạm. Hầu hết phần cuối của sách trình bày sơ đồ và công tác chế tạo cái đền đặc biệt này.

Có 10 món đồ thiết yếu trong sự hình thành Đền Tạm này:

- Vách ngăn bằng vải
- Bàn thờ dâng của lễ bằng đồng
- Chậu chứa nước tắm rửa bằng đồng
- Mái phủ nhiều lớp của Đền Tạm
- Bàn đặt bánh trần thiết

- Chân đèn bằng vàng
- Bàn thờ xông hương
- Tấm màn phân cách nơi Chí Thánh và Nơi Thánh
- Hòm Giao Ước
- Nắp Thi Ân cũng dùng làm nắp đậy Hòm Giao Ước.

Sách xác định rõ cho chúng ta mục đích của Đèn Tạm. Đức Chúa Trời truyền phán với ông Môi-se rằng: ‘Họ sẽ làm cho Ta một đèn thánh và Ta sẽ ở giữa họ’ ([XuXh 25:8](#); [29:46](#)). Đèn Tạm là trung tâm thờ phượng .

Nhưng trong thời gian ông Môi-se lưu lại trên núi để nhận những chỉ thị và chỉ dẫn về việc dựng Đèn Tạm, dân sự ở dưới núi lại đúc tượng một con bò bằng vàng và thờ lạy. Khi xuống núi và thấy cảnh đó, ông Môi-se ném bễ tan tành hai bảng đá mà Đức Chúa Trời đã đích thân khắc Mười Điều Răn. Cử chỉ đó có ý bày tỏ việc hủy giao ước (giữa họ với Đức Chúa Trời). Đức Chúa Trời giáng một trận dịch giết chết 23.000 người. Dầu vậy Ngài không tiêu diệt toàn dân vì có ông Môi-se đã cầu thay cho họ. Sau đó, Đức Chúa Trời tái lập giao ước và ban cho họ hai bảng đá khác có khắc Mười Điều Răn. Một lần nữa Đức Chúa Trời nhấn mạnh rằng họ không được phép thờ một ‘thần nào khác’ ([XuXh 34:14](#)). Sách kết thúc với quang cảnh ánh hào quang vinh hiển của Đức Chúa Trời ngự đầy đầy Đèn Tạm vừa được dựng lên.

Trọng tâm

Chúng ta được cứu chuộc để thờ phượng Đức Chúa Trời.

Thực hành

Ngày nay, tại nhiều nhà thờ, hội chúng hát nhiều bài ca của các tác giả đương đại với những nội dung ướm át lãng mạn kiểu tân thời: “Nguyên dâng trọn đời con chỉ để thờ phượng Chúa yêu dấu” và “Lòng con mong luôn được vào chiêm ngưỡng Chúa Giê-xu và đến tôn thờ Ngài”. Dầu vậy những môi miệng hát lên những câu ca này lại thường bỏ nhóm họp vào ngày Chúa Nhật sau đó.

Sao lại có thể xảy ra chuyện như thế? Có lẽ vì họ không hiểu thờ phượng thật sự có nghĩa ra sao. Có người trả lời rằng họ thật sự đang thờ phượng Đức Chúa Trời khi họ có ‘xúc động lâng lâng ấm áp’. Sự thật là dù thật tâm thờ phượng, đôi khi người ta có cảm xúc kỳ diệu tương tự, đôi khi chẳng có gì cả. Như vậy thờ phượng thật là sao?

Trước tiên, sự thờ phượng thật tập trung vào Đức Chúa Trời. Cả hai, Mười Điều Răn và Đèn Tạm đều được sắp xếp với chủ ý tập trung tâm hồn của người ta vào sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Chúng ta thật sự thờ phượng Đức Chúa Trời khi Ngài hài lòng. Chúng ta không phải là đối tượng hoặc là khán thính giả, mà chính Đức Chúa Trời là đối tượng của sự thờ phượng. Không phải chúng ta có mặt tại một buổi thờ phượng để ngắm nhìn một cuộc biểu diễn. Chính chúng ta là người biểu diễn. Diễn viên phải đến đúng giờ và đã chuẩn bị sẵn sàng đầy đủ. Chúng ta thật sự thờ phượng trong khi chúng ta tham gia. Chúng ta dâng lên cho Ngài sự ca

ngợi thông qua môi miệng, hành động lắng nghe thông qua đôi tai cùng tâm hồn và tinh thần sẵn sàng vâng lời. Việc dâng tiền biếu tượng về thái độ của chúng ta phục tùng quyền cai trị của Ngài như người thuê đất sẵn sàng đóng tiền cho chủ đất.

Chúng ta có bốn phận tham gia vào mọi tiết mục trong giờ thờ phượng.

Thứ hai, thờ phượng và phục vụ luôn luôn phải đi đôi. Nguyên ngữ Hi-bá-lai dùng cùng một từ khi nói về hai việc này. Ông Phao-lô diễn tả như sau: “Vâng, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lẽ của anh em” ([RoRm 12:1](#)). Trong thời Cựu Ước, khi thấy tế lễ đâm con dao vào cổ con sinh, ông ta thật sự đang thực hiện sự thờ phượng Đức Chúa Trời vì đó là việc Đức Chúa Trời muốn ông thực hiện đúng vào thời điểm đó. Cũng vậy, khi người tiếp tân đón người đến nhà thờ, khi nhạc sĩ tấu bài nhạc, khi người lãnh nhiệm vụ chuẩn bị bánh và nước lo thực hiện việc đó một cách chu đáo, thì tất cả những người này đang thực sự thờ phượng Đức Chúa Trời, dù là họ có cảm thấy lâng lâng hay không.

Thứ ba, sự thờ phượng dành cho những người đã được cứu. Đức Chúa Trời không ban Mười Điều Răn và Đền Tạm cho người chưa được cứu. Ngài chỉ ban cho họ sau khi họ đã được giải cứu khỏi cảnh nô lệ ở Ai Cập. Chúng ta không thể nào thật sự thờ phượng Đức Chúa Trời cho đến chừng nào chúng ta được giải phóng khỏi xiềng xích của tội lỗi. Nếu bạn chưa hề tin Chúa Giê-xu là Cứu Chúa riêng cho bạn, thì sao bạn không tin Chúa ngay giờ này đi?

Nhưng nếu bạn đã được cứu thì bạn được cứu là để thờ phượng Ngài. Thử quyết định không bỏ qua một buổi thờ phượng nào cả trong trọn một năm tới xem sao. Sao không quyết định tham gia vào buổi thờ phượng dưới một hình thức nào đó trong một tiết mục hoặc công việc nào đó? (Thí dụ phụ trách giàn âm thanh, ban đàn, ban hát...) Ước mong chúng ta đặt buổi thờ phượng vào vị trí tối ưu tiên trong sinh hoạt gia đình và trong sinh hoạt hội thánh của chúng ta.

XUẤT Ê-DÍP-TÔ KÝ

Ý chính: Thoát ra để tôn vinh

Chủ đề chính: Thờ phượng

Cụm từ chính: “Hãy tha cho dân Ta đi... để chúng nó hầu việc ta” (7 lần)

Câu chính: “Hãy cho con Ta đi, để nó phụng sự Ta” ([XuXh 4:23](#))

Bài học chính: Đức Chúa Trời cứu chuộc bạn để bạn thờ phượng Ngài. Chúng ta được cứu chuộc để thờ phượng Đức Chúa Trời.

LÊ-VI KÝ

Tác giả: Ông Mô-i-se.

Thời kỳ hình thành sách: Tại núi Si-nai.

Mục đích: Để kêu gọi dân của Đức Chúa Trời biết giữ mình tách riêng khỏi các dân khác khi họ tiến vào xứ thánh.

Đối tượng: Người được cứu chuộc, cần nhận thức về địa vị khác biệt của mình.

Tản mạn

Năm 1973, chuyến bay 401 của hãng At-lantic Southeastern Airlines sắp sửa đáp xuống sân bay Miami, Florida, Mỹ. Nhưng phi công không rõ bộ bánh xe có bung ra hay chưa. Bởi vì thường thường hễ các bánh xe bung ra thì trong buồng lái có ba bóng đèn hiệu sẽ sáng lên. Lúc đó, một trong ba bóng đèn hiệu vẫn không sáng. Và lại về đêm trời tối quá nên đài kiểm soát không lưu cũng không nhìn thấy gì để xác nhận giùm họ.

Toàn bộ tổ lái, viên trưởng và phó phi công lẫn viên kỹ sư lo chúm mũi tìm hiểu nguyên nhân nên sơ hở trong việc cảm lái. Máy bay đâm xuống Everglades, một vùng đầm lầy rộng lớn ngoại vi phi trường Miami. Toàn bộ hành khách lẫn phi hành đoàn trên máy bay đều tử nạn. Cuộc điều tra cho thấy là bộ bánh xe dưới lòng máy bay có bung ra rồi. Chỉ tại cái bóng đèn bị đứt giây. Ngoài ra chẳng có trục trặc nào khác cả. Toàn bộ máy bay tan tành chỉ vì một cái bóng đèn bé tí đáng giá vài Mỹ kim.

Có những tội lỗi tưởng chừng vô nghĩa, vô hại, tựa như mảnh bụi của thủy tinh vỡ, nhưng đối với Đức Chúa Trời, tội lỗi ‘tí teo’ đó chẳng khác gì mảnh bụi thủy tinh vỡ rơi vương trong mắt Ngài. Tội lỗi ‘nhỏ’ kéo theo hậu quả lớn. Lê-vi Ký chép về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời và thái độ không dung dưỡng của Ngài đối với tội lỗi.

Thâm nhập

Ông Môi-se viết Lê-vi Ký cho người Do Thái khi họ còn ở trong sa mạc. Ông giúp cho họ hiểu bản tánh của Đức Chúa Trời là Đấng đã sáng tạo và giải cứu họ (Sáng Thế Ký và Xuất Ê-díp-tô Ký). Sự thánh khiết là bản tánh bày tỏ nhiều nhất về Đức Chúa Trời, và cũng là chủ đề của Lê-vi Ký. Sách dùng đến 87 lần từ ‘thánh khiết’ dưới các dạng khác nhau.

Thánh khiết là gì? Đa số Cơ Đốc nhân biết rằng họ phải nên thánh, nhưng lại không biết giải nghĩa nên thánh là gì (giải nghĩa thánh khiết là biệt riêng ra thì chẳng làm sáng tỏ gì hơn). Như vậy thánh khiết là gì? Là trọn vẹn. Trọn vẹn là chuẩn mực mà Đức Chúa Trời yêu cầu nơi chúng ta. Trong bài giảng trên núi Chúa Giê-xu đưa ra yêu cầu này đối với thính giả của Ngài: “Thế thì các ngươi hãy nên trọn vẹn, như Cha các ngươi ở trên trời là trọn vẹn”(Mat Mt 5:48). Phải chăng Chúa Giê-xu dạy điều mới mẻ? Xin so sánh với câu chìa khoá của Lê-vi Ký: “Vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi; Ta là thánh, nên các ngươi phải nên thánh, thì sẽ được thánh. Các ngươi chớ vì một con nào của loài côn trùng trên mặt đất mà làm lây ô uế cho thân mình. Vì Ta là Đức Giê-hô-va, Đấng đã đem các ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô để làm Đức Chúa Trời của các ngươi; các ngươi phải nên thánh, vì Ta là thánh.” (LeLv 11:44-45).

Có lẽ trong lòng của bạn bùng lên một ý phản bác: “Còn khuya mình mới trở nên trọn vẹn được, làm sao mà trọn vẹn được cơ chứ! Chắc thánh khiết có nghĩa khác đây thôi”. Đúng vậy, tự thân mình, chúng ta chẳng bao giờ trở nên trọn vẹn ‘trên đất’ này được. Lê-vi Ký dạy chúng ta phương cách trở nên trọn vẹn.

I. Cách nào để trở nên thánh khiết? (1-10)

Đức Chúa Trời cho biết phương cách trở nên thánh khiết là dâng của lễ trọn vẹn (Chương 1-7) thông qua một thầy tế lễ trọn vẹn (Chương 8-10). Vì có chúng ta là người tội lỗi, chúng ta chỉ có thể trở nên thánh khiết sau khi chúng ta đã được giải tội bằng những của lễ hoàn toàn không bị tì vết hư hỏng nào ([1:3](#) [2:1](#)...) do thầy tế lễ tuyển chọn của Đức Chúa Trời dâng lên ([LeLv 1:5](#); [2:2](#)...). Chính vì vậy mà chúng ta cần đến Chúa Giê-xu. Ngài là thầy tế lễ trọn vẹn. Ngài đã dâng lên một của lễ trọn vẹn (chính mình Ngài). Đây là sứ điệp của thư Hê-bơ-rơ. Sứ điệp của thư này đặt cơ sở trên sứ điệp của Lê-vi Ký. Tự thân chúng ta không thể trở nên thánh khiết. Nếu thật sự hiểu phương cách khiến cho chúng ta được nên thánh thì chẳng ai trong chúng ta còn dám có thái độ tự phụ tự mãn ‘Tôi thánh khiết hơn người’. Rất tiếc là nhiều Cơ Đốc nhân lại giống như người Do Thái trong thời Cựu Ước, họ không hiểu rõ điều này. Không thể tự sức mình giành giật lấy hoặc đạt đến sự thánh khiết nhưng Đức Chúa Trời đã ‘mua’ sự thánh khiết, đã sắm ‘sự thánh khiết’ cho chúng ta.

II. Những gì phải trở nên thánh khiết? (11-15)

Phần thứ hai của sách có thể xem là phần ‘Tinh sạch và Ô uế’. Phần này dùng đến 157 lần hai từ đó (‘tinh sạch’ và ‘ô uế’) trong khi ba phần kia của sách chỉ dùng đến 37 lần thôi. Mọi thứ từ thực phẩm đến áo quần, đều được phân loại ‘tinh sạch’ hoặc ‘ô uế’. Thật vậy, ngay cả những đồ vật mà họ đụng đến cũng được phân loại. Mọi thứ đều phải trở nên thánh khiết. Không phải chỉ thánh khiết trong một số lãnh vực của cuộc sống nhưng chúng ta phải thánh khiết trong mọi lãnh vực.

III. Những ai phải trở nên thánh khiết? (16-22)

Phần thứ ba mở đầu với ngày chuộc tội (Chương 16-17). Ai là người cần trở nên thánh khiết và cần được tẩy khỏi tội lỗi và mọi điều ô uế? Mọi người kể cả thầy tế lễ thượng phẩm ([LeLv 16:6](#)). Những chương sau (18-22) đề ra nhưng luật lệ về sự ô uế của các nhóm người khác (chớ không nói đến đồ vật nữa). Trở nên thánh khiết là một mạng lệnh, mạng lệnh dành cho mọi người chớ không phải riêng ai.

IV. Khi nào phải trở nên thánh khiết? (23-37)

Dân sự phải thánh khiết vào thời gian nào? Suốt năm. Mỗi chương này mô tả những ngày thánh (ngày nghỉ) trong năm theo lịch của người Do Thái. Cần nhớ là vào những ngày đó người ta phải dâng thêm những của lễ khác ngoài những của lễ dâng hằng ngày ([XuXh 29:38-42](#)). Ngày lễ là ngày thánh càng triệt để hơn nữa. Ngày Chuộc Tội là ngày thánh hơn cả - ngày nào cũng là ngày thánh cả. Hôm nay đây cũng là ngày thánh, chẳng có thời gian nào dành cho tội lỗi cả.

Như vậy chúng ta đã có câu trả lời cho 4 cột: Cách nào? , Những gì? , Những ai? và

Khi nào? trong vấn đề thánh khiết. Dầu vậy chúng ta bỏ sót chưa trả lời một câu hỏi rất quan trọng: Vì sao chúng ta phải trở nên thánh khiết? Câu trả lời nằm trong câu chìa khoá phần hai. “Vì Ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, vốn là thánh”, sách lập lại câu này đến 5 lần ([LeLv 11:44-45](#); [19:2](#); [20:7,26](#) cũng xem [21:8,15](#); [22:9,16,32](#)). Sứ đồ Phi-e-rơ cũng trích dẫn câu này trong thư của mình (). Cụm từ này cũng nằm trong bảng tổng lược ý chính trong sách. Cụm từ “Ta, Giê-hô-va” được dùng đến 48 lần rải rác trong phần thứ hai, ba và bốn của sách (Chương 11-27). Phần thứ nhất trình bày mạng lệnh phải thánh khiết. Phần thứ 2,3,4 trình bày lý do phải thánh khiết. Lý do là Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ lạy là Đức Chúa Trời thánh khiết.

(Chú ý là câu chìa khoá: “Hãy nên thánh, vì...” là một mạng lệnh chứ không phải là một đề nghị, mạng lệnh này không miễn trừ ai. Người nào không thánh khiết thì không có phần gì với Ngài cả.)

Trọng tâm

Thánh khiết là một mạng lệnh đối với mọi người chứ không phải là sự lựa chọn của một số người.

Thực hành

Khi nghe Đức Chúa Trời phán “Hãy nên thánh” một số Cơ Đốc nhân hiểu rằng: “Tất cả các mục sư, các lãnh đạo hội thánh, các cán sự phục vụ trọn thời gian và các Cơ Đốc nhân thành tâm thiện ý hãy nỗ lực trở nên càng thánh càng tốt.” Đa số trong chúng ta tự loại mình ra, cho rằng mình không thuộc lớp người buộc lòng phải sống thánh khiết. Chúng ta tiếp tục sống bất khiết, ‘uốn cong luật pháp’ và phân bua rằng: “Đức Chúa Trời sẽ sẵn sàng tha thứ cho tôi và thông cảm cho nỗi yếu đuối của tôi.” Chúng ta không muốn bạn hàng, bạn cùng sở, bạn đồng công và hàng xóm láng giềng liệt chúng ta vào hạng ‘người thánh thiện’. Hội thánh đang hết sức cần một làn sóng tìm cầu sự thánh khiết. Đừng bao giờ định nghĩa thánh khiết ở chuẩn mực thấp hơn là sự trọn vẹn. Trọn vẹn phải luôn luôn là mục tiêu của chúng ta dù chẳng bao giờ chúng ta có thể đạt mức trọn vẹn khi còn ở trên đời này. Nhưng chúng ta luôn luôn được kể là thánh khiết khi chúng ta xưng tội mình và để huyết của Chúa Giê-xu tẩy sạch chúng ta. Cuộc sống hằng ngày của chúng ta phải phản ánh địa vị của chúng ta ở bên Đấng Cứu Thế. Đừng bao giờ vin vào cớ chúng ta bất toàn để hạ chuẩn mực của Đức Chúa Trời xuống.

[LeLv 19:1-37](#) trình bày cho chúng ta Mười Điều Răn theo lối nói diễn ý. Thông qua chương này chúng ta có điều răn thứ hai: yêu thương người lân cận như mình ([LeLv 19:18](#) so sánh [LuLc 20:27](#)). Một đời sống thánh khiết được biểu lộ qua mối liên hệ giữa chúng ta với người khác. Chúng ta không được phép trộm cắp, nói dối hoặc lừa gạt người khác (câu 11), gian lận người khác (câu 13) đối xử bất công hoặc thiên vị (câu 15), tìm cách trả thù hoặc ôm ấp mối hận thù (câu 18),... Nếu chúng ta có dính dáng đến những tội đó thì chúng ta nên xưng nhận và xin Đức Chúa Trời khiến cho chúng ta trở nên thánh khiết trở lại. Đừng sao chép phần mềm

của người ta cũng đừng sao bằng bài hát của người khác mà không có phép. Yêu thương người lân cận như mình. Đừng lê la đây đó, phổ biến những điều chúng ta nghe đồn về người khác. Ý chính xác gói gọn việc này là vu khống, ngòi lê đôi mách ([LeLv 19:16](#)). Yêu thương người lân cận như mình. Rồi trong khi chúng ta học tập loại trừ tội lỗi, thậm chí cả những tội ‘bé tí tẹo’ ra khỏi đời sống của mình và trong mối liên hệ với người khác, thì chúng ta có thể duy trì địa vị thánh khiết của chúng ta bên Đức Chúa Trời. Chúng ta được thánh khiết thông qua của lễ của Đấng Cứu Thế. Chúng ta duy trì tình trạng thánh khiết của mình thông qua một đời sống thánh khiết nhờ sức của Đức Thánh Linh. Không phải chúng ta giành được sự thánh khiết nhờ sống thánh khiết, vì chúng ta hoàn toàn bất lực trong việc này. Một cuộc sống thánh khiết chẳng bao giờ giúp chúng ta đạt đến một đời sống thánh khiết. Nhưng phải luôn luôn sống thánh khiết để duy trì đời sống thánh khiết. Bạn nên thánh đến mức nào? Thánh 30%? 40%? Thật tình tôi không mong là bạn nghĩ như thế. Bạn nên thánh 100% hoặc chẳng thánh gì cả. Bạn đạt được sự thánh khiết nhờ huyết của Chúa Giê-xu Cứu Thế. Vì vậy bạn thánh 100%. Nên giờ đây hãy sống một cuộc sống phản ánh địa vị đó. “Hãy nên thánh” không phải là một đề nghị mà là một mạng lệnh.

LÊ-VI KÝ

Ý chính: Thầy tế lễ (và) các ngày lễ.

Chủ đề chính: Thánh khiết.

Cụm từ chính: ‘Hãy nên thánh, vì Ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, vốn là Thánh’ (5 lần.)

Câu chính: “Vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi; Ta là thánh, nên các ngươi phải nên thánh, thì sẽ được thánh. Các ngươi chớ vì một con nào của loại côn trùng trên mặt đất mà làm lây ô uế cho thân mình. Vì Ta là Đức Giê-hô-va, Đấng đã đem các ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô để làm Đức Chúa Trời của các ngươi; các ngươi phải nên thánh, vì Ta là thánh.” ([LeLv 11:44-45](#))

Bài học chính: Hãy thánh khiết là một mạng lệnh dành cho mọi người chớ không phải điều một số người lựa chọn.

DÂN-SỐ KÝ

Tác giả: Ông Môi-se Thời kỳ hình thành sách: Trong sa mạc

Mục đích: Để dân sự biết rằng họ sẽ bị hình phạt đích đáng nếu không vâng lời Đức Chúa Trời dù họ là con cái, là dân riêng của Ngài.

Đối tượng: Thế hệ thứ hai trong đức tin cần biết luật pháp của Chúa và biện pháp kỷ luật của Ngài.

Tân mạn

Một thanh niên kia vào tu tại một tu viện. Các tân tòng trong dòng tu này phải hứa

nguyện câm lặng. Trong thời gian 20 năm tu luyện đầu tiên, họ được phép nói hai tiếng sau một đợt 10 năm.

Cuối đợt 10 năm, chàng tu sinh này đến gặp vị viện trưởng.

Ông hỏi: “Sau khi tu ở đây được 10 năm, anh muốn nói hai tiếng nào?”

Anh trả lời: “Thức ăn dở”

Cuối đợt 10 năm thứ hai, anh ta đến gặp vị viện trưởng một lần nữa.

Ông này hỏi: “Sao, lần này anh muốn nói hai tiếng nào?”

Anh ta trả lời: “Giường tệ”

Cuối đợt 10 năm thứ ba, anh ta đến gặp vị viện trưởng lần thứ ba.

Ông này nói: “Hy vọng lần này anh có ý kiến sáng sủa hơn.”

Anh ta đáp: “Rút lui”.

Ông viện trưởng nhận xét: “Có gì lạ đâu! Từ khi vào đây anh chẳng nói gì ngoài ra than phiền”.

Dân-số Ký ghi lại những câu chuyện xảy ra sau khi dân Do Thái tiếp nhận Mười Điều Răn. Họ than phiền về mọi thứ: từ chuyện không có thức ăn hợp khẩu, đến chuyện ông Môi-se được chọn làm lãnh tụ.

Khi Đức Chúa Trời đã truyền ra một mạng lệnh, chúng ta chỉ có thể thuận phục hoặc than phiền.

Nào, chúng ta tìm hiểu xem người I-xơ-ra-ên đã xử sự ra sao?

Thâm nhập

Ông Môi-se viết sách này để nhắc lại những hậu quả sẽ xảy ra khi dân sự bất phục tùng ý muốn của Đức Chúa Trời. Dù là con cái của chính Ngài - tức là tuyển dân của Ngài - Ngài cũng không dung thứ nếu họ bất phục tùng. Khi con cái của chúng ta có lỗi chúng ta cũng phải đánh đòn chúng nó, huống chi là Đức Chúa Trời.

Nhưng thoát đầu họ không phải là những người chống nghịch, không vâng lời.

Thật ra họ rất phục tùng.

I. Kiên trì khi vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời (1-10)

Dân tộc I-xơ-ra-ên mới được khai sinh lưu ngụ tại chân núi Si-nai, để chuẩn bị cho cuộc hành trình tiến về Đất Hứa. Đó là thời gian xảy ra những chuyện có ghi trong mười chương đầu của sách Dân Số. Theo sự chỉ dẫn của Đức Chúa Trời, họ thực hiện một cuộc kiểm tra dân số, sắp xếp đội ngũ tiên quân, biệt riêng dòng Lê-vi và lập thầy tế lễ, và kỷ niệm ngày Vượt Qua đầu tiên. Phần này không ghi lại một tội lỗi nào hoặc một lời than phiền nào hoặc một thái độ chống đối nào. Kết quả ra sao? Lòng ưu ái của Đức Chúa Trời ngự trên họ dưới hình thức trụ mây ngự trên Đền Tạm ([9:15-23](#)).

Cụm từ chính của toàn bộ sách này là ‘theo mạng (lệnh) của Đức Giê-hô-va’ . Chú ý là từ ‘mạng (lệnh)’ ở dạng số ít. Sách dùng cụm từ này đến 17 lần, nhiều lần nhất so với các sách khác trong Kinh Thánh. Từ ‘mạng (lệnh)’ trong sách Dân Số chỉ về yêu cầu cụ thể mà Đức Chúa Trời truyền cho dân sự để họ làm theo ý muốn của Ngài chứ không chỉ về những điều luật tổng quát. Trong các sách khác nhất là sách

Phục Truyền ‘các mạng lệnh’ ở dạng số nhiều chỉ về những điều luật, những luật lệ đó.

Câu chìa khoá của phần đầu sách này lặp lại cụm từ chính đến ba lần: “Dân I-xơ-ra-ên hạ trại và ra đi tùy theo mạng (lệnh) Đức Giê-hô-va; họ theo chương trình của Đức Giê-hô-va, tùy mạng (lệnh) Ngài đã cậy Môi-se mà truyền cho.” (9:23) Như vậy căn cứ vào nội dung phần sách này thì chúng ta thấy dân I-xơ-ra-ên hoàn toàn kiên trì làm trọn ý muốn của Đức Chúa Trời. Nhưng theo nội dung của phần hai thì họ đã đổi khác.

II. Kính sợ khi vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời (11-19)

Diễn biến chính trong phần hai là sự kiện phái một đoàn trinh thám gồm 12 người vào Đất Hứa. Họ trở về với những tin mừng và bản tường trình đen tối. Tin mừng là đất đai vô cùng màu mỡ đúng như lời Đức Chúa Trời đã phán. Bản tường trình đen tối là vì cư dân thuộc giống dân khổng lồ, còn người I-xơ-ra-ên thì chẳng khác gì cào cào so với họ. Thế là ai nấy than van rên rỉ, mong ước được chết trong sa mạc thay vì chết trong tay dân đó (14:2). Thế là Đức Chúa Trời làm trọn điều họ mong ước (14:28). Về sau, ngoại trừ ông Ca-lép và ông Giô-suê, là hai người sẵn sàng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, mọi người đều chết dần chết mòn trong sa mạc. Dĩ nhiên, ngay lúc đó Đức Chúa Trời dung tha họ vì ông Môi-se cầu thay (14:20). Nhưng giá đau thương mà họ phải trả cho bài học này là sự bất phục tùng đem lại hậu quả nghiêm trọng. Câu chìa khoá của phần này là lời tuyên án của Đức Chúa Trời dành cho dân I-xơ-ra-ên thuộc thế hệ thứ nhất: “Các ngươi... thì chẳng hề được vào xứ” (14:29-30 bản NIV có thêm ý nhấn mạnh.)

III. Không tin khi vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời (20-25)

Chương 20 là mốc buồn thảm nhất của sách này vì chương này ghi lại chuyện ông A-rôn và bà Mi-ri-am qua đời. (Cả hai là chị và anh ruột của ông Môi-se và cùng với ông Môi-se lãnh đạo dân I-xơ-ra-ên). Bản thân ông Môi-se cũng phạm tội với Đức Chúa Trời khi ông không hoàn toàn làm theo sự chỉ dẫn của Đức Chúa Trời là nói với vàng đá. Ông Môi-se đã đập vàng đá hai lần để khiến vàng đá tuôn nước ra như ông đã làm trong lần trước (Xh 17:6). Đương nhiên dòng nước vẫn tuôn ra, nhưng Đức Chúa Trời vẫn tuyên án hình phạt ông Môi-se. Ông sẽ chẳng bao giờ được vào Đất Hứa mà còn sống. (Về sau, Đức Chúa Trời đặc biệt cho phép ông Môi-se được vào xứ khi ông và ông Ê-li hiện ra trên núi hóa hình, bàn bạc với Chúa Giê-xu.)

Ngược lại diễn biến chính thứ hai của phần này là chuyện ông Ba-la-am, một tiên tri ngoại đạo triệt để vâng lời Đức Chúa Trời. Khi người ta thuê ông đi rửa sả dân I-xơ-ra-ên, ông Ba-la-am trả lời rằng: “Đức Chúa Trời chẳng phải là người dễ nói dối, cũng chẳng phải là con loài người đặng hối cải. Điều Ngài đã nói, Ngài há sẽ chẳng làm ư? Điều Ngài đã phán, Ngài há sẽ chẳng làm ứng nghiệm sao? Này, tôi đã lãnh mạng chúc phước; Ngài đã ban phước, tôi chẳng cãi đâu” (23:19-20). Hai câu này giữ vai trò chủ chốt trong phần này, mà cũng là đầu mối giúp chúng ta

hiểu toàn bộ sách này. Không vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì không thể nào tránh khỏi hậu quả.

IV. Khẳng khái khi vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời .

Trong phần thứ tư này người I-xơ-ra-ên thuộc Thế hệ Thứ hai đã chứng kiến và học tập kinh nghiệm của Thế hệ Thứ nhất. Vì vậy sau khi toàn bộ thế hệ này qua đời, họ liên tục gặt hái thắng lợi. Tương tự như phần thứ nhất phần này hoàn toàn vắng bóng những sự than phiền lẫn nổi loạn, chỉ có thái độ và hành động vâng lời mà thôi. Đặc biệt lần này có ghi hành động của chị em nhà Xê-lô-phát bày tỏ niềm tin mãnh liệt đối với lô đất mà gia đình của họ được phép nhận tại Đất Hứa trong tương lai. Việc làm của họ tiêu biểu cho tinh thần và đức tin của toàn bộ thế hệ thứ hai, và cho thấy tin tưởng nơi lời của Đức Chúa Trời có nghĩa là gì? (Xem chương 27 và 36).

Diễn biến chính trong phần thứ tư này là công cuộc tiến chiếm vùng đất phía đông sông Giô-đanh, thường gọi là vùng đất phía bên kia sông Giô-đanh (ngày nay vùng này mang tên là ‘Gioóc-đan’ (Jordan)). Sau khi chinh phục dân Ma-đi-an là cư dân tại vùng, giới tướng lĩnh của quân đội I-xơ-ra-ên phúc trình với ông Môi-se như sau: “Những kẻ tôi tớ ông đã dựng sổ chiến sĩ, là người ở dưới quyền chúng tôi, và không thiếu một tên” ([31:49](#)). Bản NIV có hàm ý nhấn mạnh. Trong chương 14, khi họ không vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì không một người nào còn sống sót. Nhưng trong chương 31, khi họ vâng phục Đức Chúa Trời thì không một người nào tử trận cả.

Hầu hết mọi người đều biết Kinh Thánh dạy rằng vâng lời dẫn đến phước hạnh còn không vâng lời sẽ bị kỷ luật, nhưng nhiều Cơ Đốc nhân vẫn tìm cách ‘tự xoay xở rồi tránh né hậu quả’ -chẳng khác gì tinh thần lang chạ xả láng trong phương diện tình dục với niềm tin tưởng rằng chẳng bao giờ mình bị nhiễm AIDS. Nhưng hậu quả sẽ ra sao khi sự thật là hễ lang chạ xả láng hoặc quan hệ tình dục với phường điểm dĩ thì luôn luôn là mắc bệnh AIDS. Có lẽ số người lang chạ xả láng hoặc quan hệ tình dục với phường điểm dĩ sẽ giảm hẳn (Nhưng dù sự thật có nghiêm trọng đến đâu người ta vẫn tiếp tục ăn nằm với điểm dĩ). Cũng vậy, Cơ Đốc nhân phải nhận biết rằng ‘Không vâng lời dẫn đến bị kỷ luật’. Đó là chuyện đương nhiên, chắc chắn chứ không phải chuyện may rủi. Không ngoại trừ một ai cả dù là ông Môi-se cũng vậy. Không vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời luôn luôn phải lãnh hậu quả nghiêm trọng.

Trọng tâm

Cần xác định rằng “vâng lời dẫn đến phước hạnh còn không vâng phục sẽ bị kỷ luật” là lời chắc chắn như đinh đóng cột chứ chẳng phải một câu nói băng quơ dựa vào chuyện may rủi.

Thực hành

Đa số trong chúng ta đều dễ dàng nhất trí với những lời dạy bảo có tính cách chung chung tổng quát của Đức Chúa Trời. Khi nghe mục sư giảng và khuyên giục chúng

ta Đức Chúa Trời và người lân cận của mình thì trong thâm tâm chúng ta đồng ý với ông. Nhưng chúng ta có làm theo lời dạy bảo của Đức Chúa Trời trong những vấn đề cụ thể và chi tiết không? Vì sao sau hai mươi thế kỷ chúng ta vẫn chưa hoàn toàn tuân thủ mệnh lệnh cụ thể về việc làm chúng về Ngài cho đến tận những nơi thâm sơn cùng cốc. Chẳng qua là chúng ta lo thiết lập và xây dựng những vương quốc tí hon riêng của mình thay vì nỗ lực mở rộng biên cương vương quốc của Đức Chúa Trời. Vì sao vẫn còn quá đông phụ nữ gánh vác công tác thay cho nam giới trong địa hạt truyền giáo hải ngoại? Chẳng lẽ trong hội thánh của chúng ta đầy đầy các đảng nam nhi nhắm mắt bịt tai đối với lời kêu gọi của Đức Chúa Trời? Phải chăng vì thế mà hội thánh của chúng ta đang chết dần chết mòn?

Có lẽ đã đến lúc chúng ta phải nộp đơn xin nhập học tại thần học viện hoặc nộp đơn cho một hội truyền giáo để xin đi truyền giáo. Có lẽ đã đến lúc phải thôi đừng than phiền hội thánh để bắt đầu tuân theo lời kêu gọi của Đức Chúa Trời và phục vụ Ngài. Nếu lỡ ra chúng ta chưa nghe tiếng kêu gọi đi truyền giáo ở hải ngoại, chẳng lẽ chúng ta cũng chưa nhận được lệnh bước sang nhà hàng xóm mà làm chứng? Có thể hàng xóm của bạn dư sức ăn tươi nuốt sống Cơ Đốc nhân đấy, nhưng chúng ta đã được lệnh là sang thăm người đó và chinh phục người đó cho Chúa Cứu Thế.

DÂN-SỐ KÝ

Ý chính: Hành trình đến sông Giô-đanh

Chủ đề chính: Ý muốn của Đức Chúa Trời

Cụm từ chính: ‘mệnh (lệnh) của Đức Giê-hô-va’ (20 lần)

Câu chính: “Đức Chúa Trời chẳng phải là người để nói dối, cũng chẳng phải là con loài người đặng hối cải. Điều Ngài đã nói, Ngài há sẽ chẳng làm ư? Điều Ngài đã phán, Ngài há sẽ chẳng làm ứng nghiệm sao? Này, tôi đã lãnh mệnh chúc phước; Ngài đã ban phước, tôi chẳng cãi đâu.” ([Dan Ds 23:19-20](#))

Bài học chính: Câu nói: ‘Vâng lời đem đến phước hạnh còn không vâng phục đem đến sự hoảng loạn’ không phải là một câu nói băng quơ, cầu may mà là một câu nói chắc chắn như đinh đóng cột.

PHỤC TRUYỀN LUẬT LỆ KÝ

Tác giả: Ông Môi-se.

Thời kỳ hình thành sách: Thời gian ở tại đồng bằng Mô-áp.

Mục đích: Khuyến cáo người I-xơ-ra-ên thuộc thế hệ thứ hai đừng đi vào vết xe đổ của thế hệ trước.

Đối tượng: Những người sắp phải đối đầu với cuộc thách thức thuộc linh.

Tán mạn

Cáo và sói nhờ sư tử dạy mình cách săn bắt mồi. Sau một ngày trời tung hoành,

xác hươu, nai chắt thành đồng. Sư tử bảo cáo chia chiến lợi phẩm ra. Cáo chia làm ba phần bằng nhau.

Sư tử hỏi : “Chia làm ba phần như vậy là sao?”

Cáo trả lời: “Một phần dành cho sư tử, một phần dành cho sói và một phần dành cho cáo”.

Chẳng nói chẳng rằng sư tử quơ chân tát cáo một cú tướng nát thân cáo luôn. Xong sư tử bảo sói chia phần.

Sói trả lời: “Ừa, chia rồi đó mà. Một phần dành cho sư tử dùng bữa trưa, một phần dành cho sư tử dùng bữa tối, một phần cho sư tử dùng điếm tâm sáng mai.”

Sư tử hỏi: “Sói học khôn ở đâu vậy?”

Sói trả lời: “Học từ cú đập của sư tử mới đập cho cáo đó.”

Trong Phục Truyền Luật Lệ Ký ông Môi-se nhắc nhở dân I-xơ-ra-ên về những lỗi lầm mà cha ông họ đã phạm bốn mươi năm về trước. Có lúc chúng ta phải trả giá rất đắt cho bài học kinh nghiệm của mình. Có lúc chúng ta học từ kinh nghiệm của người đi trước mà chẳng phải trả giá gì cả.

Thâm nhập

Ông Môi-se giảng ba bài cho người I-xơ-ra-ên khi họ sắp tiến vào chinh phục Đất Hứa. Ba bài giảng đó trở thành Phục Truyền Luật Lệ Ký ngày nay. Bài giảng thứ hai, dài nhất, gồm hai phần. Do đó có thể chia sách ra làm bốn phần: bài giảng thứ nhất, hai phần của bài giảng thứ hai và bài giảng thứ ba. Chìa khóa để hiểu bốn phần này là nắm vững chủ đề kép lồng trong toàn bộ bốn phần này. Chủ đề kép này là: Kính mến Đức Chúa Trời và vâng theo mạng lệnh của Ngài .

I. Nghe lời của Đức Chúa Trời (1-4).

Trong bài giảng thứ nhất, ông Môi-se ôn lại lịch sử của dân I-xơ-ra-ên. Ông nhắc lại tội lỗi mà họ đã phạm trong quá khứ rồi khuyên cáo họ đừng tái phạm. Trong phần mở đầu của bài giảng thứ nhất, ông bảo họ rằng gốc rễ của vấn đề nằm ở chỗ họ nghe mạng lệnh của Đức Chúa Trời ([1:43](#)). Đến cuối bài giảng ông khuyên họ lắng nghe luật pháp của Đức Chúa Trời ([4:1](#)) .

Nhóm từ chính của sách này là ‘hết lòng, hết linh hồn’, được dùng đến chín lần trong sách. Còn câu chìa khóa của bài giảng thứ nhất (tức là phần thứ nhất) là “Tìm cầu Giê-hô-va Đức Chúa Trời... hết lòng tìm cầu ...” ([4:29](#)). Tiếp theo chúng ta sẽ thấy hết năm câu chìa khóa (câu chìa khóa của mỗi bài giảng và câu chìa khóa của toàn bộ sách) đều có cụm từ ‘hết lòng hết ý’.

II. Hiểu lời của Đức Chúa Trời (5-11)

Câu chìa khóa của phần hai là: “hết lòng hết ý kính mến và phục sự Giê-hô-va...” ([10:12,11:13](#)). Trong khi phần thứ nhất ôn lại lịch sử dân I-xơ-ra-ên, phần thứ hai hướng về Đức Chúa Trời của I-xơ-ra-ên. Trong phần thứ nhất ông Môi-se bảo họ lắng nghe lời của Đức Chúa Trời. Còn trong phần thứ hai ông bảo họ hãy hiểu Ngài ([9:6](#)).

Phần này xác định lại Mười Điều Răn. Vì vậy mà sách có tên là Phục Truyền Luật

Lê Ký, nghĩa là ban hành ‘luật pháp lần thứ hai’. Thật ra trong sách này ông Môi-se không ban hành một bộ luật nào khác. Trái lại ông giảng giải luật pháp (được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký, Lê Vi Ký, Dân-số Ký) mà ông đã truyền dạy cho thế hệ thứ nhất, là những người rời khỏi xứ Ai Cập khi xưa.

III. Nắm vững lời của Đức Chúa Trời (12-26)

Có thể xem phần thứ ba là phần ‘khai trừ sự gian ác’ vì cụm từ này (‘diệt kẻ hung ác’, ‘cắt kẻ hung ác’, ‘cắt sự ác’, ‘trừ sự ác’) chỉ được dùng trong phần này (9 lần). Một cụm từ đặc thù khác của phần này nữa là “nghe và sợ”. Ông Môi-se dùng cụm từ này để kết thúc những trường hợp điển hình cho thấy khi Đức Chúa Trời thi hành kỷ luật cách kinh hoàng trên dân của Ngài khi họ không vâng phục. Như vậy, phần này chứa những lời cảnh báo về sự không vâng lời Đức Chúa Trời. Trong khi phần một và phần hai nhìn lại quá khứ (ôn lại lịch sử) và nhìn lên thì phần này kêu gọi nhìn ra .

Câu chìa khóa của phần thứ ba nằm trong lời thách thức ở phần kết (ba phần kia cũng áp dụng cùng một kiểu như vậy). Câu chìa khóa là “hết lòng hết ý mà làm theo (luật pháp)”, “và người sẽ gìn giữ hết các điều răn Ngài” ([26:16](#), [18](#))

IV. Vâng theo lời của Đức Chúa Trời (27-34)

Trong khi phần thứ nhất tập trung nói về công tác của Đức Chúa Trời giao phó còn phần thứ hai và thứ ba tập trung nói về mạng lệnh của Đức Chúa Trời , thì phần thứ tư chắc chắn phải tập trung nói về giao ước của Đức Chúa Trời. Bài giảng và những lời chỉ dẫn cuối cùng này khuyên giục dân hãy nhìn tới cuộc sống đầy phước hạnh mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho họ trong tương lai nếu họ chịu vâng lời Đức Giê-hô-va. Rồi ông căn dặn họ là khi vừa vào đến Đất Hứa họ phải lo tái lập giao ước với Đức Chúa Trời.

Câu chìa khóa của phần cuối này là “hết lòng hết ý vâng theo tiếng phán của Ngài” ([30:2](#)). Bốn câu chìa khóa của bốn phần dạy chúng ta:

- 1) Lắng nghe Đức Chúa Trời.
- 2) Phục vụ Ngài.
- 3) Vâng theo luật pháp của Ngài.
- 4) Vâng theo tiếng phán của Ngài.

Tổng hợp những ý này lại chúng ta có câu chìa khóa cho toàn bộ Phục Truyền:

“Người phải hết lòng, hết ý, kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời người” ([6:5](#)).

Phần ba ([13:3](#)) lẫn phần bốn ([30:6,16](#)) đều nhắc lại mạng lệnh này. Vâng lời Đức Chúa Trời vì yêu thương kính mến Ngài mới là vâng lời thật sự.

Trọng tâm

Sự vâng lời thật sự đặt cơ sở trên lòng yêu thương kính mến chứ không ở trên luật pháp.

Thực hành

Bốn phần trong sách này đại để tương ứng với bốn loại đất trong ẩn dụ của Chúa Giê-xu ([Mat Mt 13:3-9,18-23](#)). Không phải chỉ lắng nghe lời của Đức Chúa Trời là

đủ. Chúng ta phải hiểu, phải thấu triệt và phải sống thể hiện lời của Ngài nữa. Như thế mới là vâng lời thật.

Trong cuộc sống của Chúa Giê-xu có một trường hợp điển hình minh họa rất sát về vấn đề này. Khi Sa-tan cám dỗ Ngài tại sa mạc, cả ba lần Ngài đều trung dân Kinh Thánh trích từ phần thứ hai của Phục Truyền ([8:3](#) [6:16](#) và [6:13](#)). Phần thứ hai của Phục Truyền là đầu mối cho phép hiểu thấu đáo luật pháp của Đức Chúa Trời. Sự vâng lời thật là hình thức bày tỏ lòng yêu thương kính mến Đức Chúa Trời của chúng ta. Khi trong lòng chúng ta yêu thương kính mến Đức Chúa Trời và chúng ta bày tỏ ra ngoài bằng cách vâng theo lời của Ngài, đó là sự vâng lời thật. Khi ở tại sa mạc Chúa Giê-xu đã bày tỏ tinh thần vâng lời thật sự này. Không một người nào nhìn thấy Ngài khi Ngài bị cám dỗ. Chúa Giê-xu bị cám dỗ trong một hoàn cảnh như vậy bao hàm ý gì? Sự kiện cám dỗ đó là một cuộc thử nghiệm xem Ngài có vâng theo lời của Đức Chúa Trời hay không? Dù chung quanh chẳng có ai hiện diện và dòm ngó cả. Nếu chỉ vâng theo lời của Đức Chúa Trời trong những lúc có người dòm ngó và nhìn thấy thì đó là vâng lời vì luật pháp chứ không phải phát xuất từ lòng yêu thương kính mến.

Tiếp theo sau Ma-thi-ơ 4 và chuyện Chúa Giê-xu bị cám dỗ tại sa mạc là gì? Dĩ nhiên là Bài Giảng Trên Núi ([Mat Mt 5:1-7:29](#)). Thế sứ điệp của Chúa Giê-xu trong Bài Giảng Trên Núi ra sao? Ngài giảng dạy và giải bày luật pháp chính xác và thấu đáo! Kỳ diệu quá phải không? Cuộc thử nghiệm mà Chúa Giê-xu đã ném trái trong [Mat Mt 4:1-25](#) làm cho Ngài có đủ điều kiện để giải nghĩa chính xác và áp dụng đúng đắn luật pháp trong bài giảng ở [Mat Mt 5:1-7:29](#)!

Vâng lời Đức Chúa Trời vì luật pháp là làm giống như người Pha-ri-si. Vâng lời Đức Chúa Trời vì lòng yêu thương kính mến Đức Chúa Trời là làm giống như Chúa Giê-xu.

Phải chăng chúng ta nghe nhiều mà không ứng dụng lời của Đức Chúa Trời vào đời sống của chúng ta? Hoặc là chúng ta nghe, hiểu, hiểu kỹ và thực hành theo lời của Đức Chúa Trời? Nếu lúc nào chúng ta cũng tìm đủ lý do để khỏi vâng theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời thì chúng ta giống như những người Pha-ri-si, là những người không thật sự hiểu luật pháp của Đức Chúa Trời chi cả. Khi thật sự hiểu mạng lệnh của Đức Chúa Trời thì tất cả chúng ta đều trở nên những người đi thêm dặm thứ hai trong vấn đề vâng lời Ngài, tức là chúng ta sẵn sàng làm vượt yêu cầu. Đức Chúa Trời truyền cho bạn mạng lệnh gì? Phải chăng là mạng lệnh hãy yêu thương người láng giềng khó ưa? Phải chăng là hãy vận dụng những ân tứ thuộc linh mà Ngài đã ban cho bạn? Phải chăng là hãy có lòng hiếu khách? Hoặc hãy kiềm chế miệng lưỡi lại? Hoặc hãy triệt để thật thà, liêm khiết trong mọi việc? Hoặc hãy tha thứ cho người lường gạt và gây thiệt hại cho bạn? Hoặc hãy thờ lạy một mình Đức Chúa Trời mà thôi, ngoài Ngài ra không thờ lạy người nào hoặc thần nào hoặc một thứ nào khác? Rồi khi chúng ta làm theo mạng lệnh của Chúa, phải chăng chỉ vì thiên hạ đang nhìn chúng ta? Khi không có người nào nhìn thấy

(ngoại trừ Đức Chúa Trời) chúng ta có vâng lời Ngài không?

Chúng ta vâng lời vì chúng ta chủ trương làm theo luật pháp hoặc vì chúng ta yêu thương kính mến Đức Chúa Trời?

PHỤC TRUYỀN LUẬT LỆ KÝ

Ý chính: Ôn lại (rồi) tái lập.

Chủ đề chính: Đức Chúa Trời nhân từ, nhân ái.

Cụm từ chính: Hết lòng, hết ý, kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời. (9 lần)

Câu chính: “Hỡi I-xơ-ra-ên hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai. Người phải hết lòng, hết ý, hết sức kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời người.” ([PhuDnl 6:4-5](#))

Bài học chính: Sự vâng lời thật sự căn cứ trên sự yêu thương chứ không phải trên chủ trương theo luật pháp.

GIÔ-SUÊ

Tác giả: không rõ (Giô-suê?)

Thời kỳ hình thành sách: Sau cuộc chinh phục Đất Hứa

Mục đích: Để dạy dân I-xơ-ra-ên rằng an ninh của họ tùy thuộc vào mức độ đức tin của họ nơi Đức Chúa Trời.

Đối tượng: Những người cần biết bí quyết đắc thắng trong cuộc chiến đấu thuộc linh.

Tân mạn

Người phụ nữ đã qua đời vì chứng loét bao tử và lũng bao tử. Bác sĩ ngỡ ngàng kinh ngạc. Ông có kê toa cho bà thuốc kháng a-xít (nhai nát trước khi uống nước). Những viên thuốc này nhằm bão hòa chất a-xít trong bao tử. Vì bà bị thấp khớp nên ông phải trị bằng một thứ thuốc khác. Lâu nay bà vẫn quả quyết với bác sĩ rằng bà dùng đầy đủ mọi thứ thuốc mà ông viết trong toa. Thế mà nay bà chết vì loét bao tử mà loét bao tử là do dùng thuốc trị phong thấp. Vì sao những viên kháng a-xít kia lại không bão hòa chất a-xít trong thuốc trị phong thấp?

Cuộc giải phẫu pháp y đã trả lời cho bác sĩ. Thay vì nhai thuốc kháng a-xít trước khi uống nước, bà uống nguyên viên luôn. Bà chết vì không hoàn toàn làm đúng theo lời chỉ dẫn.

Sách Giô-suê cho chúng ta một số những trường hợp điển hình chứng minh rằng thành công hoặc thất bại thường tùy thuộc vào mức độ chúng ta có triệt để tuân thủ những chỉ dạy của Đức Chúa Trời không.

Thâm nhập

Có thể chia sách Giô-suê làm hai phần bằng nhau. Mười hai chương đầu mô tả những diễn biến trong thời gian bảy năm kể từ khi ông Môi-se chuyển quyền lãnh đạo cho ông Giô-suê. Mười hai chương cuối mô tả những chuyện xảy ra (thời gian

không rõ bao lâu) trong thời gian ông Giô-suê đã cao tuổi ([13:1](#)). Phần thứ nhất lại có thể chia làm hai phần nữa, và phần thứ hai của sách cũng vậy. Rốt cuộc, sách này gồm 4 phần.

I. Triệt để thực thi giao ước (1-5)

Phần thứ nhất ghi chuyện dân I-xơ-ra-ên chuẩn bị đầy đủ mọi phương diện cho chuyến đi qua sông Giô-đanh. Câu chìa khóa của toàn bộ sách nằm trong phần này. Đức Chúa Trời tỏ cho ông Giô-suê biết rằng ‘bí quyết’ thắng lợi là làm mọi việc đúng theo luật pháp (1:8). Thật vậy, trong phần đầu, dân I-xơ-ra-ên có vâng lời Đức Chúa Trời. Họ bày tỏ một thái độ quyết tâm triệt để thực thi giao ước giữa họ với Đức Chúa Trời. Họ chịu lễ cắt bì vì đây là một dấu chứng của giao ước ([5:2-9](#)). Họ cũng kỷ niệm lễ Vượt Qua ([5:1-11](#)) và dùng đá không qua đèo gọt mà lập một bàn thờ kỷ niệm việc Đức Chúa Trời chặn nước sông Giô-đanh cho họ đi bộ ngang qua sông ([4:20-24](#)).

Chuyện bà Ra-háp giầu hai thám tử cũng nằm trong phần này ([2:1-22](#)). Câu chuyện này minh họa việc Đức Chúa Trời ban phước cho mọi người đặt trọn niềm tin nơi Ngài. Phần này kết thúc với chuyện ‘Đại Tướng’ của Đức Chúa Trời vạn quân hiển hiện với ông Giô-suê ([5:13-15](#)). Trước khi bắt đầu cuộc chiến, ông Giô-suê phải hoàn toàn qui phục Đức Chúa Trời.

II. Triệt để thực hiện công tác (6-12)

Chuyện tường thành Giê-ri-cô đổ ập xuống mở màn cho 3 đợt hành quân chinh phục xứ. Nhưng tiếp liền sau đó là câu chuyện buồn thảm về sự thất bại vì tội lỗi của một người: ông A-can. Rõ ràng đây là bài học về sự vâng lời triệt để là điều kiện thiết yếu. Sau đó dân I-xơ-ra-ên không còn thua trận nữa vì họ đã học thấu đáo bài học đó. Ông Giô-suê hoàn tất công tác chinh phục tất cả những thành lũy chính trong Đất Hứa, còn tại những khu dân cư không có tường thành bảo vệ thì ông để lại cho từng chi phái tự xoay sở về sau. Khi chiến dịch quân sự ở miền trung, miền bắc và miền nam kết thúc, sách ghi rằng: “Giô-suê làm theo phàm điều gì Đức Giê-hô-va phán dặn Môi-se, Giô-suê không bỏ sót gì hết.” ([11:15](#))

III. Triệt để tin cậy (13-19)

Phần thứ ba ghi lại đầy đủ chi tiết về ba cuộc phân chia đất đai và định cư dân trong xứ. Hai chi phái rưỡi đầu tiên định cư bên vùng đất phía đông sông Giô-đanh. Về sau người ta gọi vùng này là vùng bên kia sông Giô-đanh hoặc đơn giản là Jordan ngày nay. Hai chi phái rưỡi khác nhận vùng đất nay là vùng Bờ Tây (cuộc tranh chấp hiện nay xoay quanh vấn đề ai có quyền sở hữu vùng đất này - người Do Thái hoặc người Palestine?) Chót hết, vùng đất còn lại được chia cho bảy chi phái.

Trong cuộc phân chia đất đai, ông Ca-lép được đặc biệt đề cập đến. Vì sao? Vì ông “trung thành vâng theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời của I-xơ-ra-ên” ([14:14](#)). Rõ ràng là đức tin của ông Ca-lép cũng đã nảy nở nơi A-csa, con gái của ông ([15:17-19](#)). Bà A-csa là vợ của ông Ôt-ni-ên, là người tin kính Chúa và cũng là vị quan xét đầu

tiên ([Cac Tl 3:9-10](#)). Dường như chính ông Giô-suê cũng học được tính khiêm nhu của ông Môi-se ([Dan Ds Dan12:3](#)). Phần sách thứ nhất ghi ông Ca-lép được lãnh phần đất đầu tiên, còn ông Giô-suê là người nhận cuối cùng ([19:49-50](#)). Như vậy ông Giô-suê hoàn tất công tác mà Đức Chúa Trời giao cho ông.

IV. Triệt để tôn thờ (20-24)

Dầu vậy, ông Giô-suê còn phải làm một việc. Tương tự như ông Môi-se đã làm khi xưa, ông Giô-suê giã từ dân sự qua một bài giảng. Ông khuyến giục họ trọn lòng tôn thờ kính sợ Đức Chúa Trời. Ba lần ông kêu gọi họ. Ba lần họ tuyên hứa vâng phục Đức Chúa Trời. Dầu vậy họ chưa nghe kỹ lời ông nói. Ông không chỉ kêu gọi họ kính sợ Đức Chúa Trời, mà ông còn kêu gọi họ loại bỏ hình tượng ([24:14,20,23](#)). Cả ba lần họ hứa nguyện đi theo Đức Chúa Trời, nhưng đối với vấn đề trừ bỏ hình tượng thì họ không hứa gì cả. Họ muốn đi theo Đức Chúa Trời, nhưng không triệt để. Xem ra ông Giô-suê nhận thấy tinh thần này. Chính vì vậy mà ông kêu gọi họ đến ba lần chứ không phải một lần. Với giọng khá bi quan (và châm chọc) ông kêu gọi họ chọn đối tượng họ sẽ thờ phượng. Chúng ta thường hiểu sai lệch lời kêu gọi này ([24:15](#)). Ông Giô-suê bảo họ chọn hoặc loạt hình tượng mà họ đã bỏ lại tại Ai Cập, hoặc loạt hình tượng trước mắt họ tại Ca-na-an, chứ ông không kêu gọi họ chọn hoặc Đức Chúa Trời hoặc hình tượng. Vì trong thâm tâm họ dự định chỉ vâng phục Đức Chúa Trời đến một mức độ nào đó thôi, cho nên chẳng bao lâu sau đó họ rơi vào một thế kẹt.

Trọng tâm

Không triệt để vâng phục Đức Chúa Trời là bất vâng phục Đức Chúa Trời.

Thực hành

Phải chăng Chúa Giê-xu phải là Chúa của chúng ta trước rồi Ngài mới là Đấng Cứu Chuộc chúng ta? Sách Giô-suê không trả lời rành mạch câu hỏi này. Nhưng sách cho thấy rõ rằng vâng phục triệt để là một mạng lệnh phải tuân hành chứ không phải một câu nói màu mè băng quơ. Nếu không triệt để vâng phục, chúng ta sẽ lâm vào cảnh rắc rối nghiêm trọng. Thật là đại đột nếu chúng ta vâng phục nửa vời dù vẫn được cứu.

Đừng tự lừa dối mình. Chắc bạn cho rằng mình có vâng lời Đức Chúa Trời. Nhưng bạn có vâng lời cách triệt để chưa? Những khoản chúng ta vâng lời không thể bù trừ cho những khoản chúng ta chưa vâng lời. Chúng ta có ăn gian chủ của chúng ta trong những điều nhỏ nhặt nhất? Chúng ta có lừa và dối bạn đời của mình trong những điều nhỏ nhặt nhất? Hoặc biết đâu bạn đang ăn gian với chính Đức Chúa Trời trong những điều nhỏ nhặt nhất?

Không thể viện cớ chúng ta đang vâng lời Đức Chúa Trời mà dấn dập vào những chuyện gian dối nhỏ nhặt. Có lẽ chúng ta đang xây dựng một nhà thờ nguy nga đồ sộ cho Đức Chúa Trời. Nhưng trong khi làm việc đó chúng ta có tuân thủ mọi luật lệ trong ngành xây dựng không? Có thể chúng ta đang làm nhạc trưởng trong hội thánh, nhưng chúng ta đem bản nhạc của người ta đi sao chụp thay vì phải mua. Có

thể chúng ta đang chuyên cần lo truyền bá đạo của Chúa, nhưng chúng ta có hoàn toàn chân thật khi làm chứng cho người khác không?

Thời buổi này hoàn toàn sống theo lời của Đức Chúa Trời không phải là chuyện về vang gì, trước kia cũng vậy mà sau này cũng vậy thôi. Thành phần không muốn hoàn toàn sống theo lời của Đức Chúa Trời sẽ lên án là bạn là người theo luật pháp chủ nghĩa, vi luật pháp. Sự thể như thế thì sao đây? Có lẽ nhiều người không muốn sống theo lời của Đức Chúa Trời nhưng chúng ta hãy nói như ông Giô-suê:

“Nhưng ta và nhà ta sẽ phục sự Đức Giê-hô-va” ([24:15c](#)).

GIÔ-SUÊ

Ý chính: Giao chiến rồi ổn định

Chủ đề chính: Quyền hành của Chúa

Cụm từ chính: ‘trong sách luật pháp.’ (12 lần)

Câu chính: “Quyển sách luật pháp này chớ xa miệng ngươi, hãy suy gẫm ngày và đêm, hầu cho cẩn thận làm theo mọi điều đã chép ở trong; vì như vậy ngươi mới được may mắn trong con đường mình, và mới được phước.” ([Gios Gs 1:8](#))

Bài học chính: Không triệt để vâng phục Đức Chúa Trời là bất vâng phục Ngài.

CÁC QUAN XÉT

Tác giả: Kh ông r ô (Sa-mu- ên?)

Thời kỳ hình thành sách: Trong thời kỳ vương quốc còn hiệp nhất

Mục đích: Để chứng minh cho dân sự thấy rõ rằng họ cần có sự lãnh đạo của Đức chúa trời.

Đối tượng: Những người sống trong một xã hội bị băng hoại về mặt đạo đức.

Tán mạn

Một ông kia, người trong một nước ở bán đảo Scandinavie, được công ty của mình phái đi làm việc ở xứ nhiệt đới. Lúc rảnh rỗi ông giải trí bằng môn nhiếp ảnh, thế nên ông đem theo máy chụp hình hiệu Leica cùng với một lô các ống kính loại đắt tiền. Ông biết là máy ảnh không chịu ẩm nên ông gói kỹ các món phụ tùng vào ngăn kéo mát mẻ kín đáo nhất trong tủ, hoàn toàn không có ánh sáng mặt trời rọi vào.

Công việc làm ông bận rộn lâu ngày nên ông không có cơ hội sờ đến máy ảnh.

Mấy tháng sau khi có dịp mở máy ảnh ra, ông rất đỗi kinh hoàng khi phát hiện ra rằng có những sợi li ti như tơ nhện bên trong các ống kính. Ông đem máy ảnh ra tiệm và tìm hiểu xem vì sao lại xảy ra tình trạng tệ hại như thế. Thoạt đầu chủ tiệm nhiếp ảnh bông đùa rằng tại nhện giăng lưới trong ngăn kéo. Nhưng thật ra, những sợi tơ bên trong ống kính là những sợi nấm. Vì không khí nhiệt đới có độ ẩm cao nên bên trong ống kính bị mốc. Còn cần một yếu tố nữa. Có lẽ bạn cũng đoán ra rồi. Đó là bóng tối! Các loại nấm, meo mốc chỉ có thể phát triển mạnh trong môi

trường không có ánh sáng.

Cũng vậy, tội lỗi phát triển trong bóng tối. Sách Các Quan Xét ghi lại lịch sử của dân I-xơ-ra-ên trong thời kỳ tăm tối. Trong thời đó, người ta thử sống tránh xa ánh sáng của sự hiện diện của Đức Chúa Trời. “Ai nấy làm theo ý mình lấy làm phải...” (21:25) là một câu nhận định rất chính xác về thời kỳ đó. Do đó không có gì đáng ngạc nhiên khi đọc về những tội lỗi kinh khủng mà dân I-xơ-ra-ên đã phạm trong thời kỳ đó.

Thâm nhập

Chủ đề của sách này là ‘tội lỗi’. Ai ai cũng có thể thấy khi lật từng trang sách này. Dầu vậy, sách không mở đầu bằng những cảnh tượng tội lỗi đâu. Trái lại, buổi đầu họ vẫn tuân thủ mạng lệnh của Đức Chúa Trời.

I. Căn nguyên của tội lỗi (1-2)

Sau khi ông Giô-suê qua đời, các chi phái I-xơ-ra-ên tiếp tục chiến thắng người Ca-na-an nơi trận tiền, bách chiến bách thắng (1:1-18). Rồi đến một thời điểm tình hình xoay trở trái nghịch. Binh sĩ trong chi phái Giu-đa không thể đánh đuổi cư dân ở đồng bằng được vì họ có chiến xa bằng sắt (1:19). Sáu chi phái khác cũng không thể đánh đuổi người Ca-na-an còn lại trên phần đất của mình do ông Giô-suê chưa lại cho họ (1:21-36).

Nhưng vì sao Đức Chúa Trời cho phép một số người Ca-na-an còn tồn tại? Câu nhận định của tác giả cho thấy rõ: “Đức Chúa Trời dùng người Ca-na-an để thử nghiệm người xem I-xơ-ra-ên có tiếp tục đi trong đường lối Ngài không” (2:22). Họ phải chọn giữa điều tốt hoặc điều xấu, giữa vâng phục hoặc không vâng phục. Họ không đánh đuổi người Ca-na-an được không phải vì người Ca-na-an có chiến xa bằng sắt mà vì họ không vâng phục Đức Chúa Trời. Do đó, tiêu đề của phần thứ nhất là căn nguyên của tội lỗi.

II. Chu trình của tội lỗi (3-16)

Phần thứ hai ghi lại bảy chu trình của tội lỗi đã diễn ra trong thời các quan xét dài khoảng 400 năm. Mỗi chu trình mở đầu với câu chìa khóa (và là câu đánh dấu phân đoạn) trong phần này: “Dân I-xơ-ra-ên lại làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va.” (Thí dụ xem 3:12). Trong phần trước cũng có chép về một chu trình tội lỗi (2:10-19). Họ xây bo Đức Chúa Trời và cúng thờ thần của dân Ca-na-an. Do đó cơn giận của Đức Chúa Trời nổi phùng cùng họ và phó họ cho quân thù đàn áp bức hại. Khi không chịu đựng nổi nữa, khi đã học xong bài học, họ tỏ lòng ăn năn hối lỗi quay về với Đức Chúa Trời. Thế là Đức Chúa Trời đẩy lên các vị quan xét để giải cứu họ. Nhưng chẳng bao lâu họ lại chạy theo các thần Ca-na-an. Phần thứ hai ghi đầy đủ chi tiết của bảy chu trình đó lẫn mười ba vị quan xét của dân I-xơ-ra-ên (nếu cũng kể bà Ê-de-bô-ra và ông Ba-rác là quan xét.)

Đa số chúng ta đều biết một trong những nhiệm vụ của quan xét là giải phóng dân I-xơ-ra-ên khỏi quân thù đang áp bức họ. Trong khi thi hành công tác đó họ dạy dân I-xơ-ra-ên làm thế nào để vâng lời Đức Chúa Trời và làm điều thiện (2:22).

Nhưng chúng ta cũng phải nhớ thêm rằng quan xét có nhiệm vụ khác nữa. Đó là duy trì công lý và xử lý các vụ tranh chấp (4:5). Không phải tất cả các vị quan xét đều trung tín thì hành công tác này. Nhưng ít ra họ cũng phải phân xử giữa phải và trái. Đây là vấn đề nan giải đối với dân sự, họ không biết phân biệt giữa điều phải và điều trái.

III. Cụ thể về tội lỗi

Phần thứ ba nêu ra rõ ràng và đầy đủ chi tiết. Ai nấy làm theo ý mình “lấy làm phải” (17:6; 21:25). Không có tiêu chuẩn khách quan để xác định phải trái. Thật ra có một tiêu chuẩn tức là lời của Đức Chúa Trời, nhưng xem ra chẳng ai lưu tâm đến. Hai trường hợp cụ thể phạm tội cực kỳ đồi bại và tảo tợn minh họa cho tình trạng suy thoái của dân sự. Tội lỗi dẫn đến cuộc nội chiến tàn khốc giữa các chi phái. Mĩa mai một điều là trong khi họ không thể diệt trừ người Ca-na-an, thì họ lại thành công trong nỗ lực hình phạt chi phái Bên-gia-min, đến nỗi suýt tận diệt toàn bộ chi phái này. Họ hành động như thế vì có muốn “loại trừ sự gian ác khỏi dân I-xơ-ra-ên” (20:13)!

Họ có nhận biết ai là kẻ thù của mình không? Họ có nhận thức được thế nào là phải, thế nào là trái không? Dường như không. Trong khi họ làm điều “theo ý mình lấy làm phải” thì lại là “làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va”. Lưu ý là họ không mấy may nhận thấy việc họ đang đeo đuổi là sai. Thời nay cũng vậy: không mấy ai làm những chuyện tội lỗi lại ngỡ rằng họ thực sự đang gây tội ác và là những con người đáng tội. Họ có khuynh hướng đo mức độ công nghĩa của mình so với chuẩn mực do người khác đề ra chứ không phải do Đức Chúa Trời đề ra. Rồi sau đó họ lại thắc mắc vì sao mọi chuyện tan hoang rã rời và vì sao Đức Chúa Trời để cho những khó khăn trục trặc như thế tràn vào cuộc sống của họ. Họ chẳng bao giờ nhận thấy có ‘người Ca-na-an’ hiện diện trong đời sống của họ, chớ nói chi đến chuyện họ nhận biết rằng Đức Chúa Trời dùng những ‘người Ca-na-an’ đó nhằm thử nghiệm họ, xem họ vâng phục Ngài đến mức nào (2:22).

Trọng tâm

Chúng ta cần xác định rõ ràng về tội lỗi, một nhóm người phát hiện ra tội lỗi, một Đấng Cứu Thế giải phóng chúng ta khỏi tội lỗi.

Thực hành

Đa số chúng ta là những con người thuộc về bóng tối. Chúng ta không thích, không muốn chịu trách nhiệm. Chúng ta tránh né những người truy cứu trách nhiệm nơi chúng ta. Như ông Ghê-đê-ôn từng trốn tránh người Ma-đi-an (6:11), chúng ta cũng thường tránh những người xét nét, xử đoán chúng ta như vậy, vì họ sẽ chiếu rọi ánh sáng vào đời sống của chúng ta, rồi bao nhiêu đồi bại, suy thoái sẽ lộ rõ thôi. Chúng ta chỉ muốn tự mình ấn định tiêu chuẩn trong trắng thánh sạch và hành động theo quan điểm của mình về điều phải điều trái. Nào có ai cần đến quan xét để chỉ rõ cho chúng ta thấy những điều sai quấy trong đời sống đâu? Họ không có khả năng nhận biết là nguyên cả cây xà đang vướng trong mắt họ thì làm sao họ có

thể gỡ cái dằm trong mắt của chúng ta được?

Dầu vậy, chúng ta cần mục sư và các lãnh đạo trong hội thánh nhiều hơn là họ cần chúng ta. Chúng ta cần họ lỗi tội lỗi của chúng ta ra ánh sáng cũng như cần họ giúp chúng ta tháo gỡ bao nhiêu là nan đề và giải toả cho chúng ta những bức vách chèn ép. Chúng ta cần tìm các quan xét trong cuộc sống của chúng ta, những người mà chúng ta có thể khai trình, là những người có thể nhắc nhở chúng ta về quan điểm của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi trong đời sống của chúng ta. Bất cứ ai cũng có thể làm quan xét cho chúng ta, có thể là tổ trưởng tổ tế bào, có thể là một người bạn hoặc ngay chính người phối ngẫu. Chúng ta cần họ khi chúng ta gặp rắc rối. Nhưng chúng ta cũng cần họ khi chưa gặp rắc rối.

Vị quan xét cao quý nhất dĩ nhiên là Đức Thánh Linh. Dầu vậy có lúc chúng ta dám bóp nghẹt sự thôi thúc của Ngài. Tôi nhận thấy rằng cầu nguyện với Ngài nhiều lần trong ngày thì y như là giơ cặp kính ra trước ánh sáng. Chắc hẳn những người không cần đeo kính không thể nào ngờ rằng kính mắt lại dơ bẩn đến thế. Lý do là khi đeo kính người ta không còn nhìn thấy tình trạng dơ bẩn của kính nữa. Phải gỡ kính xuống và giơ kính ra trước ánh sáng. Hằng ngày nhiều lần chúng ta cần cầu xin Thánh Linh: “tra xét con và biết lòng con, xin xem thử con có lỗi ác nào chăng?” (Thi [139:23-24](#)). Khi chúng ta quên cầu nguyện như vậy, chúng ta phó mặc mình cho những khó khăn nghiêm trọng.

Nhưng mỗi người đều cần chịu trách nhiệm với một người khác hoặc với một nhóm người. Ngay cả mục sư truyền đạo cũng cần có ‘quan xét’ trong đời sống của mình. Các doanh nhân khởi sự phát tài cũng cần chịu trách nhiệm với một người khác. Nhiều doanh nhân Cơ Đốc sinh nguội lạnh chỉ vì không chịu trách nhiệm với ai cả. Vợ chồng phải chịu trách nhiệm đối với nhau đã đành mà còn cần chịu trách nhiệm đối với người khác nữa, tốt nhất là đối với một cặp vợ chồng lớn tuổi hơn. Thanh thiếu niên phải chịu trách nhiệm đối với cha mẹ mình dù ghét chuyện đó đến đâu chăng nữa. Còn mỗi công nhân, nhân viên, người làm công đều phải chịu trách nhiệm với cấp trên của mình. Nên liệt kê ra giấy một số quan điểm của bạn căn cứ trên lời của Đức Chúa Trời đối với cuộc sống lứa đôi của mình, đối với đời sống thuộc linh của mình, đối với việc mưu sinh hiện tại hoặc ngành bạn đang kinh doanh, hoặc tổ ấm mà bạn dự định xây dựng. Tìm chọn một người dày dặn kinh nghiệm để nhờ làm cố vấn rồi trao cho người đó một bản ghi những quan điểm và những lời hứa nguyện của bạn.

Thật ra chúng ta cần đến vài ‘quan xét’ cho đời sống của mình, có lẽ mỗi lĩnh vực cần một người. Tuy nhiên, bạn và tôi, chúng ta đều biết rõ rằng mở rộng cánh cửa cuộc đời cho người ta vào xem xét đời sống riêng tư lẫn đời sống thuộc linh là chuyện nhột nhạt vô cùng. Khi tiếp chuyện với mục sư hoặc lãnh đạo hội thánh, chúng ta mong họ cứ hàn huyên về chuyện ‘thời sự’ và đừng có dò la hỏi về đời sống riêng tư và thuộc linh của chúng ta. Thật vậy, có người cảm thấy lúng túng ngượng ngịu khi phải tiếp chuyện với lãnh đạo của hội thánh đến nỗi họ không

muốn lãnh đạo hội thánh biết danh tánh của họ. Chúng ta bỏ chỗ nhóm cũ đến nhóm ở những hội thánh đông đúc để được chìm trong đám đông. Đáng buồn là thường có những người nhất định chọn ngồi ở cuối phòng nhóm, đến trễ về sớm, không chịu tham gia một nhóm tế bào nào hoặc một nhóm nhỏ nào khác. Sống và sinh hoạt ngoài rìa như vậy là rất nguy hiểm cho đời sống thuộc linh của mình vì không muốn ai làm quan xét trên đời sống của mình cả. Họ không bao giờ muốn làm một phần tử trong tổ chức hội thánh nên họ chẳng bao giờ thật sự thuộc về một hội thánh địa phương nào cả.

Bạn có một vài vị ‘quan xét’ tin kính Chúa trong đời sống của mình không? Nếu không thì chắc chắn là chẳng bao lâu tội lỗi sẽ chế ngự bạn. Ấy thế mà khi sự việc xảy đến bạn vẫn không nhận biết. Tất cả chúng ta đều cần có định nghĩa rõ ràng về tội lỗi, có vài người giỏi ‘phát hiện’ tội lỗi và một Đấng Cứu Thế vĩ đại giải cứu chúng ta khỏi tội lỗi.

CÁC QUAN XÉT

Ý chính: Chu trình (của) tội lỗi

Chủ đề chính: Tội lỗi

Cụm từ chính: Dân I-xơ-ra-ên (lại) làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va (8 lần)

Câu chính: “Đương lúc đó, không có vua trong I-xơ-ra-ên; ai nấy làm theo ý mình lấy làm phải.” ([Cac Tl 21:25](#))

Bài học chính: Chúng ta cần xác định rõ tội lỗi là gì, cần vài người giỏi phát hiện tội lỗi, và cần một Đấng Cứu Thế vĩ đại giải phóng chúng ta khỏi tội lỗi.

RU-TƠ

Tác giả: Kh ông r ồ (ông Sa-mu- ên?)

Thời kỳ hình thành sách: trong thời gian vương quốc còn thống nhất.

Mục đích: Để phổ hệ ông Đa-vít với các tổ tiên của ông là những người trung thành với giao ước.

Đối tượng: Những người cần thấy một nhân vật sống làm gương mẫu về lòng yêu mến và trung thành với giao ước của Đức Chúa Trời.

Tản mạn

Người Trung Hoa yêu thích nhất hai loại hoa: hoa mạn và hoa sen. Hoa mạn không nở vào mùa xuân mà vào mùa đông, không nở khi môi trường ấm áp êm ả mà nở trong hoàn cảnh khắc nghiệt. Hoa sen không được vun trồng chăm chút trong vườn hoa diễm lệ nhưng mọc và nở ở ao hồ và ven sông bùn lầy.

Hai loại hoa này không phải là hoa xinh đẹp nhất trong các loại hoa. Có nhiều loại hoa đẹp dễ hơn, nhưng sao người Trung Hoa lại yêu thích hai loại hoa này nhất? Vì lý do nào? Vì hoa có thể nở đẹp dù hoàn cảnh bất lợi, khắc nghiệt. Vẻ đẹp phát sinh từ những hoàn cảnh như thế thật là đáng cho người ta trân trọng ngưỡng mộ

hơn.

Hai loại hoa này minh họa chính xác về cô Ru-tơ - cô sống trong thời kỳ hắc ám của các quan xét, là thời kỳ băng hoại về mặt đạo đức lẫn thuộc linh. Dầu vậy, từ bối cảnh đen tối đó xuất phát một phụ nữ diễm lệ với sức mạnh đạo đức lớn lao. Trong khi ai nấy đều bất trung vô tín, cô Ru-tơ chứng tỏ một lòng trung thành với người khác và với Đức Chúa Trời. Về đẹp nơi cô càng tăng bội phần vì cô sống trong một thời kỳ đạo đức suy đồi và xã hội băng hoại.

Thâm nhập

Chủ đề chính của sách này là ‘phước hạnh’, cùng một chủ đề với sách Sáng Thế. Sáng Thế Ký nói về phước hạnh dành cho người Do Thái, còn ở đây nói về phước hạnh của Đức Chúa Trời ban cho qua một người ngoại bang. Trong Sáng Thế Ký, Đức Chúa Trời hứa ban phước qua một người nam là ông A-đam. Còn trong sách này Đức Chúa Trời ban hạnh phước qua một người nữ là cô Ru-tơ. Trong Sáng Thế Ký, Đức Chúa Trời là Đấng chủ động lập giao ước ([SaSt 2:1-3](#)). Trong sách Ru-tơ, chính cô Ru-tơ chủ động lập giao ước ([Ru R 1:16-17](#)).

I. Quyết định trở nên nguồn phước (1)

Câu chuyện mở đầu trong bầu không khí ảm đạm. Bà Na-ô-mi, chồng và hai con trai bỏ xứ Giu-đa di cư qua xứ Mô-áp để tránh nạn đói. Trong khi ở tại Mô-áp, chồng cùng hai con trai lần lượt qua đời. Còn lại một mình bà phải gánh trách nhiệm về hai cô con dâu người Mô-áp. Bà cay đắng đổ lỗi cho Đức Chúa Trời (4 lần trong [1:20-21](#)), rồi quyết định hồi hương.

Bà phải thuyết phục nhiều lần một cô con dâu mới chịu quay về nhà cha mẹ ruột trong xứ Mô-áp. Nhưng cô Ru-tơ khẳng khái ở lại với bà và quyết định làm nguồn phước cho bà ([1:16-17](#)). Lời hứa nguyện của cô đối với bà Na-ô-mi là một trong những lời bộc lộ đẹp đẽ nhất trong Kinh Thánh về lòng yêu thương.

II. Nỗ lực trở nên nguồn phước (2)

Trong chương 2 cô Ru-tơ bươn chải làm lưng cực nhọc ngoài đồng để trở nên nguồn phước. Cũng như bà Na-ô-mi, cô Ru-tơ là goá phụ, không có con để nương tựa nhờ cậy. Cô hoàn toàn không có một tài sản nào cả ngoài tuổi trẻ và năng lực. Cô đã bỏ quê hương, nền văn hoá và chỗ đứng của mình trong lòng dân tộc để nhận vị trí một người ngoại quốc đáng khinh dể tại Giu-đa - số là người Do Thái ghét người Mô-áp vì họ là dân ngoại bang thờ hình tượng. Dầu vậy, cô Ru-tơ thử phiêu lưu chấp nhận bất trắc, ra đồng mót lúa của người Giu-đa. Đây là một công việc nhiều nguy hiểm bất trắc vì không có ai bảo vệ binh vực cho cô cả. Cô là một phụ nữ ngoại quốc sống trong một nước thù địch và vô đạo đức.

Như thế do ngẫu nhiên tình cờ, cô đi vào mót trong đồng ruộng thuộc quyền sở hữu của ông Bô-ô. Cô làm việc không biết mệt vì tình yêu thương đối với bà gia. Chẳng bao lâu dân làng đều thán phục và nể trọng cô vì nỗ lực đó. Ông Bô-ô cũng biết chuyện nên quyết làm nguồn phước đặc biệt cho cô và cho bà Na-ô-mi. Ông bảo thợ gặt cố tình bỏ sót vài gié lúa cho cô mót và coi chừng đừng để ai quấy phá

cô.

Điểm chủ chốt của sách nằm trong việc bà Na-ô-mi nghe nói ông Bô-ô quan tâm đến cô Ru-tơ. Ở đây bà phản ứng khác hẳn -điều bà nói trong chương 1, bà reo lên rằng: “Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho người, vì Ngài không dứt làm ơn cho kẻ sống và kẻ chết!” (2:20).

III. Hi sinh trở nên nguồn phước (3)

Bà Na-ô-mi vạch ra một chương trình hành động để ‘kiếm’ cho cô Ru-tơ một tấm chồng. Cô Ru-tơ luôn luôn là người hoàn toàn vâng phục nên nhất trí với chương trình này. Đêm hôm đó cô Ru-tơ phải lên vào vựa lúa ngoài đồng nơi ông Bô-ô nằm ngủ (vào mùa gặt, chủ ruộng thường ngủ lại ngoài đồng ruộng trong vựa lúa). Rồi khi ông Bô-ô phát hiện thì cô xin ông bảo vệ cô. Cô dạn dĩ thực hiện việc đó cho thấy cô không phải là hạng người yếu hèn. Cô có lòng can đảm. Khi đáp lời cô, ông Bô-ô khen ngợi tinh thần hi sinh của cô. Xem ra ông Bô-ô lớn tuổi hơn cô nhiều. Ông khen ngợi cô là không tìm cách thu hút những người đàn ông trẻ tuổi hơn. Ông bảo cô yên tâm để ông sắp xếp mọi chuyện. Rồi ông bảo cô kín đáo rời khỏi vựa lúa sau khi tặng cô một số lượng lớn lúa mạch. Đến giai đoạn này chúng ta có thể kết luận cách an toàn rằng giữa ông Bô-ô và cô Ru-tơ không phải chỉ có lực thu hút lẫn nhau mà còn là một sức thu hút rất mạnh!

IV. Được chọn trở nên nguồn phước (4)

Nhưng câu chuyện gặp trở ngại bất ngờ trong chương cuối vì có một nhân vật xen vào giữa ông Bô-ô và cô Ru-tơ. Ông này mới là người bà con gần nhất của bà Na-ô-mi. Nhưng ông ta không hề được nêu danh, mà chỉ được gọi là ông ‘paloni almoni’ (trong Hi-bá-lai có nghĩa là ông ‘có tên gì gì đó’). Ông đó đồng ý chuộc đất đai của bà Na-ô-mi và thanh toán hết nợ nần cho bà. Nghe đến đây chắc tim ông Bô-ô muốn rụng luôn! Nhưng ông nhanh nhẩu nhắc ông đó rằng nếu muốn chuộc đất đai của bà Na-ô-mi thì ông cũng phải làm trọn một bổn phận khác đối với người bà con gần nhất, đó là sinh con cho bà Na-ô-mi, có nghĩa là phải lấy cô Ru-tơ. Thế là ông ‘tên gì gì đó’ lập tức rút lui còn ông Bô-ô thở phào nhẹ nhõm. Rốt cuộc cô Ru-tơ vẫn thuộc về ông.

Sách kết thúc với sự kiện Đức Chúa Trời ban cho ông Bô-ô và cô Ru-tơ một bé trai kháukhinh. Về sau bé trai này trở nên ông cố của vua Đa-vít. Rồi về sau Đấng Mê-si là chính Chúa Giê-xu ra đời trong dòng họ này. Đức Chúa Trời đã chọn cô Ru-tơ không những để làm nguồn phước cho bà gia Na-ô-mi mà còn là nguồn phước cho toàn thể nhân loại.

Sách còn ghi lại nhiều phước hạnh nữa. Đám thợ gặt, bà Na-ô-mi, các trưởng lão đều chúc phước cho ông Bô-ô (2:4,19,20; 4:11). Ông Bô-ô chúc phước cho cô Ru-tơ (3:10), còn giới phụ nữ trong làng ca ngợi Đức Chúa Trời và chúc phước cho bà Na-ô-mi (4:14). Những lời chúc phước này có vẻ như những lời trao đổi thân tình ở mặt nổi. Nhưng Đức Chúa Trời làm thành những lời chúc đó vì những lời chúc đó nhằm đem phước hạnh đến cho nhiều người khác. Đời sống của cô

Ru-tơ nổi bật một cách khác thường. Cô nghèo nàn hơn mọi người nghèo. Dầu vậy cô vẫn có thể làm nguồn phước cho nhiều người khác. Cô ‘chỉ’ là một góa phụ, dầu vậy cô vẫn đem phước hạnh đến cho bà Na-ô-mi cũng là một góa phụ.

Trọng tâm

Không cần phải giàu có mà vẫn có thể làm nguồn phước cho người khác.

Thực hành

Về mặt vật chất, cô Ru-tơ hoàn toàn trắng tay. Nhưng cô có tuổi trẻ, sức khỏe và tâm hồn cao thượng. Cũng như cô, bạn có thể vận dụng khả năng sẵn có, có thể chịu khó nhọc và với lòng tin tưởng mạnh mẽ bạn có thể biến những điều đó thành kho báu của cuộc đời. Còn ngược lại, ông ‘tên gì gì đó’ mãi mãi vẫn là một người vô danh tiểu tốt - dù ông ta có địa vị, có ưu thế, và có thể lực. Tất cả chỉ vì ông không chịu trả giá.

Không có một chi tiết nào trong sách gợi ý cô Ru-tơ là một người có nhan sắc. Nhưng chúng ta dám chắc chắn rằng cô là một người đẹp. Cái đẹp của cô phát xuất từ tâm hồn, cô là một ‘phụ nữ tài đức’ (3:11). Chính cụm từ này cũng được dùng để mô tả người phụ nữ trong [ChCn 31:1-31](#) ([ChCn 31:10](#)). Có thể ví cô Ru-tơ với một cái máy điều hoà không khí. Cô có ảnh hưởng trên hoàn cảnh chung quanh mình. Cô đem niềm vui đến cho người chung quanh mình. Còn có thể ví bà Na-ô-mi với cái nhiệt kế. Nhiệt độ thuộc linh của bà lên xuống tùy theo cảnh ngộ. Nhiều Cơ Đốc nhân cũng chẳng khác gì bà Na-ô-mi. Họ sẵn sàng làm nguồn phước cho người khác khi Đức Chúa Trời ban phước cho họ. Câu nói của miệng của họ là: “Để khi nào nền kinh tế của tôi ổn định thì tôi sẽ giúp đỡ người khác.” Hoặc: “Để con cái tôi lớn chút đã rồi tôi sẽ giúp hội thánh phục vụ người khác.” Có người cũng thường nói: “Tôi chỉ là một người nội trợ nghèo nàn thôi, tôi chẳng làm gì được.” Hoặc: “Tôi chỉ là một sinh viên non trẻ”. Cũng có đôi người nói: “Tôi chỉ là một người ngoại quốc” v.v... Thật ra chúng ta có vô số lý do để khỏi phải làm nguồn phước cho người khác. Thực tế là dù nghèo khổ đến đâu, dù kém may mắn đến đâu, dù bị kỳ thị đến đâu, BẠN vẫn có thể trở nên nguồn phước cho gia đình của mình, cho bạn đồng công, cho bạn bè, cho thuộc viên trong hội thánh, cho dân tộc đất nước của bạn hoặc cho toàn thể nhân loại chẳng kém gì cô Ru-tơ. Biết đâu chừng bạn đang muốn làm một con người ‘tên gì gì đó’ vì bạn không chịu trả giá!

RU-TƠ

Ý chính: Trở về (uơm) tình yêu

Chủ đề chính: Phước hạnh

Cụm từ chính: ‘Đức Giê-hô-va ban phước’ (4 lần)

Câu chính: “Na-ô-mi đáp cùng dẫu mình rằng: Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho người, vì Ngài không dứt làm ơn cho kẻ sống và kẻ chết!” ([Ru R 2:20](#))

Bài học chính: Không nhất thiết phải giàu có mới làm được nguồn phước.

I SA-MU-ÊN

Tác giả: Kh ông r ỡ (Ông Sa-mu- ên? Ông Na-than? Ông G át?)

Thời kỳ h ình th ành s ách: Trong thời gian vương quốc chia đôi.

Mục đích: Để chứng minh rằng người lãnh đạo phải là người Đức Chúa trời chọn.

Đối tượng: Người sống trong thời kỳ xáo trộn khủng hoảng, muốn hiểu biết vai trò Đức Chúa trời trong lịch sử.

Tản mạn

Thời gian gần đây bạn có gặp người Phi-li-tin nào không? Chắc là không. Nếu thế chúng ta học được gì trong sách 1Sa-mu-ên đây vì sách này viết nhiều về người Phi-li-tin (sách này nhắc đến từ Phi-li-tin nhiều lần hơn bất cứ sách nào khác trong Kinh Thánh.) Từ ‘Philistine’ là một từ cổ tương ứng với từ tình thế khắc nghiệt hoặc bức bách thời hiện đại. Chắc chắn cuộc đời của bạn trong thời gian gần đây có lần đã rơi vào những cảnh ngộ này. Vậy là bạn hiểu vì sao chúng ta cần học sách này. Ai ai cũng đều cần học tập cách tháo gỡ những cảnh ngộ bức bách này. Chẳng một ai, trong khi tinh thần còn minh mẫn lại cả gan rước vào thân những chuyện khó khăn hoặc trù liệu cho bản thân những cảnh ngộ bức bách khắc nghiệt. Vấn đề không phải là chúng ta có đối phó với những cảnh ngộ đó hoặc không.

Nhưng vấn đề là chúng ta sẽ đối phó với cảnh ngộ đó như thế nào .

Tiếp theo đây chúng ta sẽ khảo cứu xem bốn nhân vật chính của sách này đối phó với áp lực của người Phi-li-tin ra sao.

Thâm nhập

Hai nhân vật chính (ông Sa-mu-ên và vua Sau-lơ) và hai nhân vật hỗ trợ (ông Hê-li và ông Đa-vít) tạo ra khung sườn chính của sách. Ông Hê-li và vua Sau-lơ bị loại bỏ. Ông Sa-mu-ên và ông Đa-vít được tuyển chọn. Ông Hê-li đi vào đời trong vai một vị tiên tri tin kính Chúa, nhưng kết cuộc ông chết thảm vì ông đã tỏ ra nhu nhược khi dung dưỡng tội lỗi của hai con trai của mình. Ông là mẫu người ‘xưa kia vốn là’ .

Ông Sa-mu-ên là một vị tiên tri tin kính Chúa. Niềm tin và nếp sống vâng lời Đức Chúa Trời của ông là gương sáng cho mọi người. Ông là mẫu người ‘rõ ràng là’ ngoại hạng của Đức Chúa Trời.

Vua Sau-lơ ‘ước sao là’ một người vĩ đại. Vua có quyền hành, uy thế và danh vọng. Nhưng vua cũng thất bại và chết thảm.

Ông Đa-vít là mẫu người ‘lẽ ra phải là’ . Trong nhiều trường hợp ông tỏ ra mình là một người tin kính chân thành. Nhưng khi học đến sách 2Sa-mu-ên, chúng ta sẽ thấy ông là mẫu người ‘lẽ ra phải là’ tin kính Chúa hơn nữa.

I. Tình thế khắc nghiệt dẫn đến sự kiệt quệ .

Tình thế khắc nghiệt của ông Hê-li là ông bỏ mặc cho hai con trai của mình phạm

tội ghê tởm và kinh dị trong khi họ làm thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời và phục vụ trước Hòm Giao Ước. Vì có đó mà Đức Chúa Trời cho người Phi-li-tin cướp được Hòm Giao Ước và giết chết hai con trai của ông. Khi ông Hê-li nhận được tin này ông té ngựa, gãy cổ và chết ngay tại chỗ.

Tác giả có nêu nguyên nhân khiến ông gãy cổ: quá mập (4:18). Tác giả dùng từ ‘nặng nề’, cùng một dạng với từ ‘đáng kính’ trong tiếng Hi-bá-lai. Lẽ ra ông đáng được tôn kính, trọng vọng, nhưng không, ông chỉ được cái quá phục phịch.

Câu chìa khoá của sách này cho ta biết ‘bí quyết khắc phục tình thế khắc nghiệt’ là: “Ai tôn kính Ta, Ta sẽ làm cho được tôn trọng, còn ai khinh bỉ Ta, tất sẽ bị khinh bỉ lại.” (1Sa 2:30). Vì ông Hê-li để cho Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời bị khinh dễ trước mặt các con trai của ông và trước mặt người Phi-li-tin nên mạng sống của ông kết thúc cách bất chợt. Ông chẳng hề biết rằng bí quyết khắc phục tình thế khắc nghiệt là tôn trọng Đức Chúa Trời. Phản ứng của ông trước tình thế khó khăn khắc nghiệt là tình trạng tê liệt.

Lưu ý là từ dùng để chỉ “cái ghế” mà ông đang ngồi (4:18) cũng có nghĩa là ‘cái ngai’. Ông Hê-li té khỏi ‘ngai’ của mình và chết bất đắc kỳ tử. Hàm ý của tác giả khi dùng từ có hai ý như thế này sẽ sáng tỏ hơn khi chúng ta phát hiện ra là hai sách Sa-mu-ên và hai sách Các Vua đều tập trung xoay quanh chủ đề Đa-vít và ngôi vua.

II. Tình thế khắc nghiệt dẫn đến sự khản nguyện (5-7)

Ông Sa-mu-ên là một người thường cầu nguyện. Thân mẫu của ông cầu nguyện xin Chúa ban cho bà một người con trai ngay cả khi ông chưa chào đời (1:15). Tên riêng của ông có nghĩa là ‘được Đức Chúa Trời nhậm’ (1:20). Ông đối phó với mọi tình thế ngặt nghèo và mọi áp lực thù địch bằng lời cầu nguyện (7:5; 8:6). Ông nổi tiếng với câu tuyên bố: “Còn ta đây, cũng chẳng phạm tội cùng Đức Giê-hô-va mà thôi cầu nguyện cho các người...” (12:23).

Ông Sa-mu-ên thận trọng tránh làm ô danh Đức Chúa Trời. Trước khi về hưu ông thách thức mọi người lên tiếng tố cáo ông nếu ông có phạm tội ăn bớt ăn xén, trộm cắp hoặc tham nhũng của ai (12:3). Vì có đó mà ai nấy đều nhận định ông là người đáng kính nể (9:6). Ông là vị quan xét cuối cùng của I-xơ-ra-ên nhưng ông cũng là một ông tướng cầm quân ra trận (7:5-15). Ông thực sự phải đối diện với nhiều tình thế khó khăn khắc nghiệt nhưng ông luôn luôn đắc thắng. Trong suốt cuộc đời của ông, người Phi-li-tin không còn quấy phá dân I-xơ-ra-ên nữa (7:13).

III. Tình thế khó khăn khắc nghiệt dẫn đến sự kinh hoàng (8-15).

Đáng lẽ vua Sau-lơ phải chờ ông Sa-mu-ên đến bảy ngày vì trước khi bắt đầu giao chiến với quân Phi-li-tin ông Sa-mu-ên phải dâng của lễ cho Đức Chúa Trời.

Nhưng trong thời gian chờ đợi, binh sĩ I-xơ-ra-ên đào ngũ. Sáu ngày trôi qua rồi mà ông Sa-mu-ên vẫn chưa đến. Do đó vua Sau-lơ bất tuân luật pháp của Đức Chúa Trời cứ tiến hành cuộc dâng tế lễ (13:7-12). Trong lúc đang dâng của lễ thì ông Sa-mu-ên đến, thấy rõ tội lỗi của vua, nên khiển trách vua. Về sau vua phạm

tội trầm trọng hơn khi không vâng lời Đức Chúa Trời lần thứ hai ([15:9-23](#)). Tuy nhiên, Đức Chúa Trời phán rằng vì có tội phạm lần thứ nhất này mà Ngài đem ngôi nước cho người khác ([13:13-14](#)).

Vua Sau-lơ đối phó với tình thế khó khăn khắc nghiệt trong tình thần hoảng loạn. Để làm nổi bật tình trạng kém đức tin của vua Sau-lơ, tác giả đặt trường hợp vua Sau-lơ phạm tội lần thứ nhất sát bên cạnh chiến công của hoàng tử Giô-na-than (Chương 13 và 14). Vua Sau-lơ hoảng hốt khi bên cạnh mình còn có 600 binh sĩ ([14:2](#)) trong khi Giô-na-than đơn phương độc chiến với mỗi một người vác binh khí đã có thể tạo một tình trạng hoảng loạn đậm sâu vào hàng ngũ của quân Phi-li-tin. Ông tâm sự với người vác binh khí rằng: “Đức Giê-hô-va khiến cho số ít người được thắng cũng như số đông người vậy” ([14:6](#)). So sánh với số 300 binh sĩ mà ông Ghê-đê-ôn được phép dùng ([Cac Tl 7:8](#)).

Vua Sau-lơ không thể xoay sở trong những tình thế khắc nghiệt vì vua không tôn trọng Đức Chúa Trời. Vua quan tâm đến uy tín danh dự của mình nhiều hơn. Sau khi chiến thắng người A-ma-léc vua cho dựng một đài để tôn vinh mình ([15:12](#)). Ngay cả khi ông Sa-mu-ên khiển trách vua về tội lỗi vua phạm lần thứ hai, vua vẫn nói với ông Sa-mu-ên rằng: “... xin hãy tôn trọng tôi trước mặt các trưởng lão của dân sự tôi và trước mặt I-xơ-ra-ên ...” ([15:30](#)). Nhưng ngay cả khi ông Sau-lơ chưa lên làm vua có nhiều người đã coi thường ông ([10:27](#)).

IV. Tình thế khắc nghiệt dẫn đến sự kiên cường(16-31)

Trong đời sống của ông Đa-vít, tình thế khắc nghiệt sản sinh quyền năng. Câu chuyện minh họa rất sát về điều này dĩ nhiên là chuyện ông đối đầu với ông Gô-li-át, một người Phi-li-tin khổng lồ. Trong khi những người khác nhận định về ông Gô-li-át rằng: “Làm sao giết nổi gã khổng lồ đó được!” thì Đa-vít lại nghĩ rằng: “Làm sao mà bắn hụt cái thân hình khổng lồ đó được!” Trong trận chiến này ông hết sức tôn vinh Đức Chúa Trời ([17:45-47](#)). Gô-li-át khinh thường ông ([17:42](#)), nhưng kết cuộc ông chém đầu Gô-li-át.

Chính ông Đa-vít tự nhận mình xuất thân là người nghèo nàn, không danh giá ([18:23](#)) nhưng trong thực tế người ta hết sức tôn trọng ông ([22:14](#)). Về sau chúng ta thấy ông hết lòng muốn tôn vinh Đức Chúa Trời như thế nào. Ông nhảy múa trước công chúng, trên mình chỉ có bộ đồ lót, chỉ vì ông vui mừng vô vùng khi làm vinh hiển danh của Đức Chúa Trời. Nhưng vợ ông, bà Mi-canh lại chê bai ông về hành vi này. Còn dân chúng lại càng tỏ lòng ngưỡng mộ ông hơn nữa ([2Sa 6:22](#)).

Trọng tâm

“Bí quyết” của năng lực nhằm khắc phục tình thế khắc nghiệt nằm ở chỗ biết tôn vinh Đức Chúa Trời.

Thực hành

Thời nay người ta thảo luận nhiều về phương cách phát huy lòng tự hào đích thực.

Sách này có câu trả lời: Hãy tôn trọng Đức Chúa Trời thì bạn sẽ được tôn trọng.

Một khi Đức Chúa Trời đánh giá cao bạn thì tưởng tượng xem niềm tự hào của bạn

sẽ đến mức nào.

Vua Sau-lơ là một người cao ráo lịch sự, nhưng dường như vua không tự hào về mình cho lắm (15:17). Nhưng vua thêm được người khác tôn trọng mình (15:24,30). Có lẽ vua chết trong nỗi bất mãn và vỡ mộng. Vua bị Đức Chúa Trời đánh giá thấp (2:30), bị những người khác coi thường (10:27), nhưng vua vẫn tự hào về mình (15:12). Vua chết đơn độc tại chiến địa. Người Phi-li-tin đem thi thể trần truồng, cụt đầu của vua ra bêu riếu để chứng tỏ cho sự chiến thắng của họ (31:1-9). Quá thảm! Dường như hễ ai cứ chăm bẵm lo xây dựng uy tín của mình sẽ bị thất bại. Nhưng hễ ai luôn luôn công nhận Đức Chúa Trời và qui vinh hiển cho Ngài thì chung cuộc sẽ được tôn trọng.

Chúng ta tỏ lòng tôn trọng Đức Chúa Trời bằng cách nào? Bằng cách tin cậy vào sự cầu nguyện và quyền năng của Đức Chúa Trời. Chúng ta nỗ lực thực hiện những việc tưởng chừng bất khả thi cho Đức Chúa Trời không phải vì chúng ta có khả năng thực hiện mà vì có đó là những việc cần phải làm. Chúng ta trông chờ Đức Chúa Trời, chớ không phải trông chờ người ta tôn trọng mình. Chúng ta khắc phục tình thế khắc nghiệt, không phải trong tình trạng kiệt quệ (bất động, hoạt động quá ít) hoặc kinh hoảng (hoạt động quá độ). Trái lại chúng ta cần đối phó với những khó khăn khổng lồ trong cuộc sống với niềm tin chắc là uy danh của Đức Chúa Trời quan trọng hơn chính mạng sống của chúng ta nữa.

Vì sao Đức Chúa Trời cho phép cuộc đời có những vấn đề khó khăn và những áp lực khắc nghiệt? Vì qua những cảnh ngộ đó, chúng ta mới học tập cầu nguyện và có thêm năng lực. Trong những cuộc khủng hoảng trong cuộc đời, đức tin của chúng ta nơi Đức Chúa Trời và dũng khí của chúng ta mới lộ ra. Vào những lúc đó, những người yêu mến và kính sợ Đức Chúa Trời mới đạt được những thành quả lớn lao nhất và thành công ở mức cao nhất.

Trong tuần này bạn sẽ đối diện ra sao với những vấn đề khó khăn và những tình thế khắc nghiệt trong cuộc sống của bạn? Trong môi trường sống của bạn có nhiều áp lực buộc bạn phải ăn gian, nói dối, phải hòa đồng và hoà hoãn không? Cần hết sức thận trọng, phải ý thức rõ ràng cách bạn đối phó. Phải chăng bạn đối phó trong tình trạng kiệt quệ hoặc kinh hoảng? Phải chăng bạn đối phó bằng sự khẩn nguyện và kiên cường? Trên hết mọi sự, cần nhớ tôn vinh Đức Chúa Trời, chớ không tôn vinh chính mình.

I SA-MU-ÊN

Ý chính: Ông Sa-mu-ên và vua Sau-lơ.

Chủ đề chính: Tình thế khắc nghiệt

Cụm từ chính: ‘Đang chịu xúc dầu’ ‘Người chịu xúc dầu’ (14 lần)

Câu chính: “Bởi có đó Giê-hô-va Đức Chúa Trời của I-xơ-ra-ên phán như vậy: Vì phạm ai tôn kính Ta, Ta sẽ làm cho được tôn trọng, còn ai khinh bỉ Ta, tất sẽ bị khinh bỉ lại.” ()

Bài học chính: ‘Bí quyết’ của năng lực nhằm khắc phục tình thế khắc nghiệt nằm ở

chỗ biết tôn vinh Đức Chúa Trời.

IISA-MU-ÊN

Tác giả: Không rõ (ông Sa-mu-ên, ông Na-than, ông Gát?)

Thời kỳ hình thành sách: Trong thời gian vương quốc bị chia đôi

Mục đích: Nhằm chứng tỏ người lãnh đạo phải là người Đức Chúa Trời chọn

Đối tượng: Những người sống trong tình cảnh khó khăn, rối loạn và muốn tìm hiểu vai trò của Đức Chúa Trời trong lịch sử con người

Tán mạn

Để mừng đám cưới của chúng tôi, có người (nay chúng tôi không nhớ rõ là ai) tặng chúng tôi một tấm sơn mài hết sức đẹp. Có lẽ các bạn có lần đã nhìn thấy tấm sơn mài loại này. Trên tấm sơn mài có ghi câu: “Chúa Cứu Thế là chủ của gia đình này, là khách vô hình dự mỗi bữa ăn, là Đấng yên lặng nghe mọi lời nói.” Hồi đó chúng tôi không biết phải xử trí ra sao đối với tấm sơn mài đó. Vì sao? Vì một từ trong phần thứ hai: “...là khách vô hình dự mỗi bữa ăn.” Câu này không đúng với Kinh Thánh. Chúa Cứu Thế không phải là khách. Ngài là chủ nhà, chủ mời tại mỗi bữa ăn. Chúng ta vừa là tôi tớ vừa là khách mời của Ngài. Chúng tôi cảm ơn người bạn đã tặng chúng tôi tấm sơn mài đó. Người đó làm với ý tốt. Người đầu tiên nghĩ ra và viết ra câu đó cũng có ý tốt. Có lẽ người đó mô tả Chúa là khách vì chắc chắn không để cho Chúa phải rửa chén bát sau khi ăn! Nhưng chúng ta phải nhớ rằng nếu Chúa Cứu Thế thật sự là Chủ trong gia đình của chúng ta thì Ngài cũng phải là chủ nhà, chủ tiệc nữa - Ngài là Chủ của chúng ta, là Thầy và là Chúa của chúng ta. Trên lý thuyết, khi công nhận Chúa Cứu Thế là Chúa là Chủ của tôi thì chẳng có gì là khó khăn. Nhưng trong thực tế, thử đoán xem ai là chủ trong cuộc đời của tôi? Dĩ nhiên tôi làm chủ chớ ai nữa. Nhưng cũng trong thực tế một người không thể nào có hai chủ. Tục ngữ Trung Hoa cũng có câu: “Không thể có hai con cọp trên cùng một ngọn núi”. Ai đang ngự trên ngai trong cuộc đời của bạn? Sách 2Sa-mu-ên ghi lại câu chuyện của một người tên là Đa-vít đã khởi đầu đặt Đức Chúa Trời trên ngai trong cuộc đời của ông. Nhưng chúng ta thử tìm hiểu xem điều gì xảy ra với ông liền sau đó.

Thâm nhập

Rõ ràng ông Đa-vít là nhân vật chính (dĩ nhiên ngoài Đức Chúa Trời) trong sách này. Toàn sách viết về cuộc đời, những tội lỗi và những thành công của ông.

Chủ đề chính là ‘được Đức Chúa Trời xức dầu’ (11 lần). Nội dung chính của sách được chia làm ba phần chính như sau:

- (i) Ông Đa-vít thành công.
- (ii) Ông Đa-vít bị trừng phạt (hình phạt).
- (iii) Ông Đa-vít gặp thách thức (nan đề).

I. Đức Chúa Trời xúc dầu lập ông Đa-vít làm vua (1-9)

Phần thứ nhất ghi lại sự kiện ông Đa-vít thành công trong việc thống nhất hai miền nam bắc. Đức Chúa Trời lập ông Đa-vít làm vua trên toàn thể I-xơ-ra-ên và ông cai trị suốt bốn mươi năm. Ông Đa-vít cai trị trên Giu-đa ở miền nam suốt bảy năm đầu, trên cả miền nam lẫn miền bắc suốt ba mươi ba năm tiếp theo ([5:1-5](#)).

Đức Chúa Trời hoàn toàn điều khiển cuộc đời của ông Đa-vít trong giai đoạn thứ nhất này. Ngài đã chọn ông làm vua I-xơ-ra-ên trong lúc ông còn đi chăn chiên nơi đồng cỏ. Ông phục vụ trong vai trò một vị vua chăn ‘dân’ dưới sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời, là vua trên muôn vua, Chúa trên muôn chúa ([5:2](#); [7:7-8](#)). Trước khi làm bất cứ việc gì ông đều cầu hỏi ý Chúa ([2:1](#); [5:19](#), [23](#)). Cụ thể là ông cầu hỏi ý Chúa để xem Ngài có cho phép ông xây một Đền Thờ tại Giê-ru-sa-lem hay không? Thế nhưng Đức Chúa Trời đáp rằng Ngài sẽ lập triều đại và vương quốc của ông bền vững ([7:16](#)).

II. Đức Chúa Trời thi hành kỷ luật (10-20)

Trong phần thứ nhất vua Đa-vít lên nắm quyền và được hưng thịnh. Nhưng đến phần thứ hai, quyền lực của vua bắt đầu suy sụp. Phần này ghi lại chuyện vua Đa-vít thông dâm với bà Bát-sê-ba. Chương 10 cho biết bối cảnh vua Đa-vít phạm tội. Chương 11 mô tả vua phạm tội tà dâm với bà Bát-sê-ba. Chương 12-20 ghi lại những vấn đề nảy sinh giữa vòng các con trai của vua. Đó là những hậu quả gián tiếp và trực tiếp của tội tà dâm mà vua đã phạm.

Vua Đa-vít phạm tội khi vua đẩy Đức Chúa Trời khỏi ngai lòng và bắt đầu đưa bản ngã lên. Vì là vua nên vua cho rằng vua có thể làm mọi điều theo ý mình. Nhưng vua quên rằng vua chỉ là một vị vua chăn ‘dân’. Nhìn thấy vợ đẹp của người khác là vua liền chiếm hữu nàng một cách dễ dàng. (Có thể nói rằng bài học đạo đức từ câu chuyện này là: Hãy thận trọng đối với người phụ nữ ở bên cạnh mình!)

Tiên tri Na-than nhắc nhở vua rằng vua chỉ là một vị vua chăn chiên ([12:2](#)), rồi ông vạch trần tội lỗi của vua ra. Dù chưa hiểu chủ ý của tiên tri Na-than trong câu chuyện này, vua vội vàng lên án rằng người phạm tội trong câu chuyện phải bồi thường thiệt hại gấp 4 lần. Có lẽ vì thế mà bốn con trai của vua (con trai mà bà Bát-sê-ba sinh do tội tà dâm, Am-môn, Áp-sa-lôm và A-đô-ni-gia) chết đúng theo bản án này ([12:6](#); so sánh [XuXh 22:1](#)).

III. Đức Chúa Trời bảo vệ người được xúc dầu (21-24)

Phần thứ ba ghi lại các chuyện dưới triều vua Đa-vít nhưng không theo thứ tự thời gian. Phần lớn các biến cố này nằm trong giai đoạn 1 và 2.

Phần thứ ba tường thuật những rắc rối mà vua phải đương đầu. Nạn đói (Chương 21) và nạn dịch (Chương 24) xảy ra vì có tội lỗi. Trong phần cuối sách vua Đa-vít ra lệnh kiểm tra dân số để có thể tự hào về tầm cỡ của vương quốc mà mình cai trị. Đức Chúa Trời không hài lòng việc này nên Ngài cho ông chọn một trong ba hình phạt: hoặc nạn đói khắp xứ kéo dài trong bảy năm, hoặc thất trận bị quân thù truy đuổi trong ba tháng, hoặc nạn dịch hoành hành trong dân chúng suốt ba ngày. Dầu

là một nhà quân sự tài ba nhưng vua không chọn ba tháng bị quân thù truy đuổi. Ông đã chọn ba ngày bị bệnh dịch hoành hành để giao phó chính mình vào tay Đức Chúa Trời vì lòng thương xót của Ngài bao la vô cùng ([24:14](#))

Trong phần thứ nhất khi vua nhớ rằng vua là một vị vua chăn chiên thì mọi sự đều tốt đẹp. Nhưng trong phần thứ hai, khi quên điều này thì vua bắt đầu lợi dụng bầy chiên ([12:2](#)). Hậu quả là tai họa giáng trên cá nhân vua cũng như trên vương quốc. May mắn thay, đến cuối đời vua đặt Đức Chúa Trời lên ngai lòng vua trở lại. Vua nhớ rằng mình chỉ là một người chăn dắt dân mà thôi ([24:17](#)).

Rõ ràng, chủ đề sách 1Sa-mu-ên và 2Sa-mu-ên có liên quan với nhau vì thật ra trong bản Kinh Thánh nguyên ngữ Hi-bá-lai thì 1Sa-mu-ên và 2Sa-mu-ên chỉ là một sách. Chủ đề của 1Sa-mu-ên là ‘kính sợ Đức Chúa Trời’ còn chủ đề của 2Sa-mu-ên là ‘vương quyền của Đức Chúa Trời’ (tức là Đức Chúa Trời là Chúa, là Chủ). Mở đầu sách 1Sa-mu-ên là bài ca của bà An-ne. Còn kết thúc của sách 2Sa-mu-ên là bài ca của vua Đa-vít ([2Sa 22:1-51](#)). Cả hai bài ca này đều ví Đức Chúa Trời như Vàng Đá ([1Sa 2:2](#); [2Sa 22:2](#), [32](#), [47](#)). Bởi sự hà hơi của Thánh Linh bà An-ne đã nói tiên tri thật rõ ràng rằng Đức Chúa Trời sẽ lập vua của Ngài ([1Sa 2:8,10](#)).

Vì thế dân I-xơ-ra-ên phạm tội không phải vì họ xin một vị vua nhưng vì họ muốn có một vị vua như các dân tộc khác ([1Sa 8:20](#)). Và thật ra bởi vì họ từ chối Đức Chúa Trời là vị vua vĩ đại của họ ([10:19](#)). Do đó, ngôi vua trở thành chủ đề rất quan trọng của 2Sa-mu-ên. Trong 1Sa-mu-ên, dân I-xơ-ra-ên chối bỏ Đức Chúa Trời là Đấng tể trị cao cả của họ. Còn trong 2Sa-mu-ên, với tư cách là người chăn, là đại diện của dân sự, vua Đa-vít có nhìn nhận Đức Chúa Trời là vua không? Đôi lúc vua Đa-vít nhìn nhận Đức Chúa Trời là vua nhưng cũng có những lúc vua chối bỏ Ngài.

Câu Kinh Thánh chìa khoá của 2Sa-mu-ên nằm trong bài ca của vua Đa-vít ở phần kết của sách ([2Sa 22:26-28](#)). Ba câu Kinh Thánh này tương ứng với 3 phần chính của sách 2Sa-mu-ên. “Người hay thương xót Chúa sẽ thương xót lại; đối cùng người trọn vẹn, Chúa sẽ tỏ mình trọn vẹn lại.” ([22:26](#)) là lời tóm tắt thích hợp của phần thứ nhất. Đây là phần ghi lại việc vua Đa-vít qui phục vương quyền của Đức Chúa Trời (chú ý là các câu chìa khóa của 1Sa-mu-ên và của 2Sa-mu-ên có dạng giống nhau.) Câu tiếp theo: “Còn đối cùng kẻ trái nghịch, Chúa sẽ tỏ mình nhặt nhiệm lại” ([22:27b](#)) tương ứng với cách Đức Chúa Trời sửa phạt vua Đa-vít trong phần hai.

Đức Chúa Trời đã tha thứ tội tà dâm mà vua phạm với bà Bát-sê-ba ([12:13](#)). Tuy nhiên, vua phải gánh chịu hậu quả của tội lỗi mình. Gươm sẽ không tha gia đình vua ([12:10](#)), các cung phi sẽ bị bắt và bị làm nhục trước mắt mọi người I-xơ-ra-ên ([12:11](#) được ứng nghiệm trong [16:21-22](#)). Phần thứ ba được tóm lược bằng câu Kinh Thánh sau đây: “Vì Chúa cứu dân bị khốn khổ; nhưng mắt Chúa coi chừng kẻ kiêu căng đang làm chúng nó bị hạ xuống.” ([22:28](#))

Trong phần cuối, vua Đa-vít trở nên kiêu hãnh và bị Đức Chúa Trời hạ nhục. Nhưng khi vua đầu phục Đức Chúa Trời thì Ngài tiếp tục bảo vệ ông.

Trọng tâm

Hễ ai đặt Đức Chúa Trời lên ngai trong cuộc đời của mình và cứ để Đức Chúa Trời ngự tại đó thì người ấy sẽ nhận được mả miễn từ nơi Ngài.

Thực hành

Cả hai sách 1Sa-mu-ên và 2Sa-mu-ên đều viết về vương quyền của Đức Chúa Trời. Nhưng 1Sa-mu-ên nhằm kêu gọi đầu phục vương quyền của Đức Chúa Trời cách hoàn toàn còn 2Sa-mu-ên kêu gọi đầu phục vương quyền của Ngài cách thường xuyên.

Có thể có trường hợp chủ nhân và các nhân viên phục vụ đều ăn mặc trang phục giống nhau trong một bữa tiệc. Nhưng căn cứ vào cách cư xử của họ chúng ta không thể nào nhầm lẫn một nhân viên phục vụ với chủ nhân.

Khi chúng ta hành động độc lập khỏi Đức Chúa Trời tức là chúng ta cư xử như người chủ thay vì một người đầy tớ. Chúng ta đòi hỏi người khác đối xử đặc biệt với mình, chúng ta nuông chiều, dễ dãi với chính mình, chúng ta hành động như người ở trên luật pháp hoặc trên những người khác. Khi chúng ta xử sự như vậy tức là chúng ta đặt cái tôi của mình vào ngai của Đức Chúa Trời. Chỉ khi nào Đức Chúa Trời chiếm vị trí đặc biệt trong lòng chúng ta thì chúng ta mới là người đặc biệt. Khi người ta gọi chúng ta là “ông” hoặc “Ngài” hoặc “chủ” thì chúng ta cảm thấy hài lòng. Nhưng chúng ta quên rằng trang phục không thể làm chúng ta trở thành một người chủ ở buổi tiệc được. Người làm chủ công ty (của chúng ta) cũng như người làm đầu gia đình của chúng ta không phải là chúng ta nhưng là Chúa. Hội thánh không thuộc về chúng ta nhưng thuộc về Chúa. Có thể lắm hôm qua Đức Chúa Trời còn là Chúa của bạn, phải không? Có thể lắm hôm nay Đức Chúa Trời vẫn là Chúa của bạn. Còn ngày mai thì sao? Ngài vẫn luôn là Chúa của bạn chứ? Cần thận trọng, đừng chỉ giao du với những người luôn tán thành và bỏ mặc chúng ta làm mọi điều mà chúng ta muốn. Nhưng chúng ta cần có những người sẵn sàng bày tỏ ý kiến của họ và phê bình chúng ta. Đó là cách để kiểm soát chúng ta khi chúng ta tỏ ra độc đoán.

Bên cạnh đó, chúng ta có thể thực hiện phương cách bắt buộc tự đánh giá mỗi năm một lần. Hoặc cách khác là nhờ một nhóm tín đồ ở hội thánh khác đến kiểm soát sổ sách của hội thánh, của công ty bạn và thẩm tra đời sống của bạn trong lãnh vực tài chính, luật pháp yêu cầu kiểm toán hàng năm. Còn trong lãnh vực thuộc linh dường như chưa ai nghĩ đến việc này. Lại lòng chưa?

II SA-MU-ÊN

Ý chính: Vua Đa-vít (bắt đầu) suy sụp

Chủ đề chính: Ngôi vua

Cụm từ chính: ‘Người được Đức Giê-hô-va lựa chọn’. ‘Người chịu xúc dầu của Đức Giê-hô-va’. (12 lần)

Câu chính: “Kẻ hay thương xót, Chúa sẽ thương xót lại; Đối cùng kẻ trọn vẹn, Chúa sẽ tỏ mình trọn vẹn lại. Đối cùng kẻ tinh sạch, Chúa sẽ tỏ mình tinh sạch lại; còn đối cùng kẻ trái nghịch, Chúa sẽ tỏ mình nhậm nhiệm lại. Vì Chúa cứu dân bị khốn khổ; nhưng mắt Chúa coi chừng kẻ kiêu căng đang làm chúng nó bị hạ xuống.” ([II Sa 22:26-28](#))

Bài học chính: Chỉ khi nào bạn đặt Đức Chúa Trời trên ngai trong cuộc đời của bạn và cứ để Đức Chúa Trời ngự tại đó thì bạn sẽ nhận được mả miễn từ nơi Ngài.

ICÁC VUA

Tác giả: Kh ông r ỗ (Giê-rê-mi?)

Thời kỳ hình thành sách: Trong thời kỳ lưu đày

Mục đích: Nhằm giải thích cho tuyền dân của Đức Chúa Trời hiểu lý do khiến họ bị lưu đày

Đối tượng: Những người phạm tội và đang từng trải sự sửa phạt của Đức Chúa Trời

Tản mạn

Giữa thời trị vì của nữ hoàng Elizabeth I và nữ hoàng Elizabeth II, giữa thời vua Charles I và vua Charles II đã diễn ra một biến chuyển. Ông Oliver Cromwell là người tạo nên biến chuyển đó. Ông Cromwell đã vĩnh viễn thay đổi diện mạo của chế độ quân chủ ở nước Anh. Ông đã chuyển giao thực quyền của đế chế Anh từ ngôi vua sang quốc hội (lúc ấy quốc hội Anh đã tồn tại). Kể từ thời Cromwell tất cả các vua và nữ hoàng của nước Anh chỉ còn là biểu tượng của thời kỳ đã qua. Những ‘bậc cầm quyền’ này không còn cai trị đất nước nữa. Hoạt động của họ chỉ là điều nhắc nhở về một quá khứ vinh quang và là biểu tượng về sự hiệp nhất của đất nước.

Đa số chúng ta đều sống trong các nước cộng hoà nên đối với chúng ta ngôi vua không có ý nghĩa cho lắm. Còn một số người vẫn sống trong những quốc gia còn vua hoặc nữ hoàng. Nhưng các vị vua hoặc nữ hoàng này nắm giữ rất ít thực quyền. Chúng ta không biết cần cai trị một vương quốc như thế nào. Nhưng Đức Chúa Trời là vua của vương quốc Ngài. Hội thánh không phải có tính cách dân chủ. Hội thánh đã, đang và sẽ không bao giờ có tính cách dân chủ. Đối với nhiều Cơ Đốc nhân, cương vị làm đầu của Đức Chúa Trời chỉ mang tính chất tượng trưng. Đúng vậy, đôi lúc chúng ta xin Đức Chúa Trời phê chuẩn các kế hoạch của chúng ta. Nhưng chúng ta không chờ đợi Ngài chỉ dẫn chúng ta thực hiện chương trình của Ngài.

Hai sách Các Vua 1 và 2 tập trung vào ngôi vua của I-xơ-ra-ên. Và ngôi vua này có một đặc điểm - Đức Chúa Trời hứa rằng chỉ bảo tồn ngôi vua khi mà vị vua ngồi trên ngai nhìn nhận còn có một ngai vua khác cao hơn ngai của mình. Ngai cao cả

đó thuộc về Vua trên muôn vua và Chúa trên muôn chúa.

Đa số các vua của I-xơ-ra-ên (bắt đầu từ Sa-lô-môn) đều thất bại trong việc này. Họ tìm cách cướp luôn cả quyền hành của Đức Chúa Trời và hạ Ngài xuống vị trí tượng trưng dù vẫn mang danh là đứng đầu. Liên sau đó thảm họa liên tục xảy ra. Chẳng những bản thân và gia đình phải gánh chịu hậu quả từ các hành động của họ, nhưng vì địa vị của họ mà cả quốc gia I-xơ-ra-ên đều phải chịu khốn khổ. Họ đã trả giá rất đắt cho bài học này: một khi tiếng nói của thế gian trở nên bùi tai hơn là tiếng của Đức Chúa Trời thì cuộc đời luôn luôn chuốc lấy sự tan nát.

Thâm nhập

Vương quyền của Đức Chúa Trời là chủ đề chung của các sách 2Sa-mu-ên đến hai sách Các Vua. Nhưng trong 1Các Vua, vương quyền của Đức Chúa Trời được trình bày qua hình ảnh ngôi nước nhà Đa-vít. Cụm từ chính của sách này là “người ngồi trên ngôi I-xơ-ra-ên” ([2:4](#); [8:25](#); [9:5](#)). Đức Chúa Trời hứa cùng vua Đa-vít rằng sẽ chẳng hề thiếu người (nghĩa là con trai) ngồi trên ngôi I-xơ-ra-ên. Nhưng đây là một lời hứa có điều kiện. Ấy là vua phải trung thành với Đức Chúa Trời bằng cách cẩn thận “đi trong đường lối Ngài, gìn giữ luật pháp và điều răn Ngài”. Và tác giả muốn chúng ta ghi nhớ điều kiện này vì ông đã nhắc đến năm lần trong sách ([2: 3-4](#); [3:14](#) [8:25](#); [9:4-6](#); [11:38](#)).

I. Lời hứa dành cho triều đại Đa-vít (1-10)

Lời Đức Chúa Trời hứa với vua Đa-vít thường được nhắc đến như Giao Ước Cho Dòng Dõi Đa-vít. Trong [2Sa 7:8-16](#) vua Đa-vít là người đầu tiên nhận giao ước đó. Trong phần thứ nhất của sách 1Các Vua, giao ước đó được nhắc lại bốn lần cho vua Sa-lô-môn (con trai của Đa-vít) hoặc do chính Sa-lô-môn nhắc đến ([2:3-4](#); [3:14](#); [8:25](#); [9:4-6](#)). Mười chương đầu của sách 1Các Vua ghi lại cuộc đời của vua Sa-lô-môn, chỉ trong phần này từ ‘ngai’ được dùng 29 lần. Cung điện và ngai của vua Sa-lô-môn được mô tả thật chi tiết. Thời gian đầu vua Sa-lô-môn cai trị rất tốt. Ông học theo gương của vua cha trong việc cai trị đất nước. Đức Chúa Trời ban phước cho vua. Ngài mở rộng lãnh thổ của vua. Sự khôn ngoan và giàu có của vua lừng lẫy khắp nơi. Đức Chúa Trời giữ lời hứa của Ngài với vua Sa-lô-môn và Đa-vít, cha vua.

II. Thất bại của triều đại Đa-vít (11-16)

Nhưng vì cơ hưng thịnh mà vua Sa-lô-môn quên vị vua cao cả cai trị trên ngôi của vua. Nhiều người cho rằng những rắc rối của vua Sa-lô-môn là vua đã cưới nhiều người vợ ngoại quốc. Nhưng đó chỉ là một phần của vấn đề. Còn nan đề chính là vì yêu thương các bà vợ ([11:1](#)) nên vua bắt đầu nghe lời họ quyến dụ rồi lòng vua chối bỏ Đức Chúa Trời ([11:3](#)). Có lẽ các bà vợ đã ‘quấy rầy’ vua Sa-lô-môn quá nhiều đến nỗi cuối cùng vua phải xây cho mỗi bà vợ ngoại quốc một miếu thờ thần của họ ([11:7-8](#)). Thật là chuyện khó tin bởi vì chính vua đã xây Đền Thờ Giê-ru-sa-lem nguy nga tráng lệ cho Đức Chúa Trời. Vì vua Sa-lô-môn đã phạm tội nên Đức Chúa Trời bắt đầu trừng phạt I-xơ-ra-ên và sau đó vương quốc bị tách

làm hai nước ([11:11-13](#)).

Rô-bô-am, con trai của vua Sa-lô-môn tiếp tục phạm tội như cha mình. Vua Sa-lô-môn nghe lời quyến dụ của các hoàng hậu còn vua Rô-bô-am nghe theo lời của bạn bè. Thoạt đầu, vua Rô-bô-am hỏi ý kiến ban tham vấn uyên bác và kính sợ Đức Chúa Trời của vua cha, nhưng vua không nghe theo lời khuyên của họ. Vua chỉ nghe theo nhóm người trẻ đồng trang lứa và thân cận với vua. Kết quả vua đánh thuế cao hơn, dân chúng phải làm việc nặng nề hơn và họ chống đối đến mức đất nước mấp mé bên bờ vực nội chiến (Chương 12). Dầu cuộc chiến không diễn ra nhưng vương quốc vẫn bị tách đôi.

Sau khi vương quốc bị chia đôi, triều đại Đa-vít tiếp tục cai trị miền nam. Có một số vị vua tốt, nghe theo lời các tiên tri của Đức Chúa Trời và giữ lời giao ước của nhà Đa-vít. Nhưng đa số đều là các vị vua gian ác chỉ nghe theo lời các công chức và triều thần không tin kính Đức Chúa Trời. Còn tất cả các vua cai trị miền bắc đều là những vị vua xấu xa, độc ác. Các triều đại nhanh chóng chấm dứt và triều đại khác thay chỗ qua những cuộc đảo chính. Khi vị vua nào không nhìn nhận Đức Chúa Trời là Chúa của mình thì Đức Chúa Trời sai một tiên tri đến cảnh cáo tình trạng kém khôn ngoan của vua ấy. Các tiên tri này nói theo lệnh của Đức Chúa Trời nên lời cảnh cáo của họ vô cùng nghiêm trọng. Nếu vua nào không hoàn toàn vâng theo thì bị giết ngay (ứng nghiệm [13:26tt](#); [20:35tt](#); [22:27tt](#)). Cụm từ “lời của Đức Giê-hô-va” là đặc điểm nổi bật trong sách này ([6:11](#); [12:22](#); [13:1](#), [9](#), [17](#)...)

III. Nguy cơ đe dọa triều đại Đa-vít (17-22)

Phần cuối sách 1Các Vua không ghi lại cuộc đời của các vua nhưng chép về cuộc đời của ông Ê-li, một ‘đại tiên tri’. Các thiếu nhi trung tín học Trường Chúa Nhật đều biết chuyện tiên tri Ê-li tiến hành cuộc thử nghiệm thuộc linh để chống lại 450 tiên tri của thần Ba-anh. Nhưng có lẽ các em không hiểu vì sao ‘đại tiên tri’ này lại có liên quan đến ‘cuộc thử nghiệm vĩ đại’ này. Nguyên nhân dẫn đến cuộc thử nghiệm này là vương quốc I-xơ-ra-ên và Giu-đa đang đối diện với một nguy cơ nghiêm trọng phát xuất từ bà Giê-sa-bên, một hoàng hậu người Ca-na-an gian ác. Ông A-háp, vua I-xơ-ra-ên đã phạm một tội kinh khủng khi cưới người tín đồ cuồng nhiệt của thần Ba-anh. Có 450 tiên tri giả đang phục vụ bà. Bà Giê-sa-bên nổi danh về lòng độc ác và tham vọng. Không những bà muốn xóa bỏ sự thờ phượng Đức Giê-hô-va ở miền bắc mà còn muốn lập sự thờ lạy thần Ba-anh trên toàn miền nam. Bà lập ra một kế hoạch kếp. Thứ nhất, bà sẽ giết cách có hệ thống tất cả các tiên tri và thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va ở miền Bắc ([18:4 tt](#)).

Thứ hai, bà Giê-sa-bên gả công chúa A-tha-li cho ông Giô-ram là hoàng tử của miền nam. Về sau bà A-tha-li tiến hành theo kế hoạch của mẹ mình nhằm xóa bỏ vương triều Đa-vít. Nhưng Đức Chúa Trời không cho phép điều này xảy ra vì Ngài đã hứa rằng sẽ chẳng thiếu người ngồi trên ngai Đa-vít. Vì thế Ngài dấy lên một thầy tế lễ tin kính và dùng ‘con gái của Đa-vít’ để cứu hoàng tử thuộc dòng dõi vua Đa-vít (xem 2Vua 11:1-21;).

Chúng ta hãy trở lại phần cuối 1Các Vua. Sách kết thúc bằng hình ảnh của hai vị vua khước từ lời tiên tri của Đức Chúa Trời mà chỉ tập trung vào điều mà họ muốn nghe. Ông A-háp, vua I-xơ-ra-ên muốn ông Giô-sa-phát, vua Giu-đa, giúp vua đánh quân Sy-ri. Vua Giô-sa-phát muốn cầu hỏi ý kiến tiên tri của Đức Chúa Trời. Nhưng vua A-háp muốn nghe theo triều thần của vua gồm 400 vị tiên tri (có lẽ họ thay thế cho 450 tiên tri của thần Ba-anh đã bị Ê-li giết). Các tiên tri này luôn báo điều lành cho vua. Chỉ có tiên tri Mi-chê kính sợ Đức Chúa Trời và không chịu theo ý vua. Vua A-háp nói rằng ông ghét hỏi ý kiến ông Mi-chê bởi vì “người chẳng nói tiên tri lành về việc của tôi bèn là nói tiên tri dữ” ([22:8,18](#)). Nhưng vua Giô-sa-phát cho người mời ông Mi-chê đến trước mặt vua. Ông Mi-chê (với giọng đầy mỉa mai) bắt đầu nói tiên tri rằng họ sẽ thắng trong trận chiến chống quân Sy-ri. Nhưng vua A-háp gạt văng lại bằng những lời coi như mỉa mai nhất trong Kinh Thánh. Vua nói với Mi-chê rằng “Biết bao lần ta đã lấy lời thề buộc người chỉ khá nói chân thật với ta nhân danh Đức Giê-hô-va” ([22:16](#)). Thế là ông Mi-chê nghiêm chỉnh báo cho hai vua điều mà ông đã nhận từ Đức Chúa Trời. Cách ông Mi-chê mở đầu lời tiên tri có ý nghĩa rất quan trọng “Tôi thấy Đức Giê-hô-va ngự trên ngôi Ngài” ([22:19](#)). Rồi ông tiếp tục cảnh cáo hai vua không nên ra trận để đánh quân Sy-ri. Hai vị vua đang ngồi trên ngai ([22:10](#)) đương nhiên là phải hiểu ý quan trọng mà ông Mi-chê nói: họ chỉ là hai vua chư hầu, họ phải luôn đầu phục Vua trên muôn vua, Chúa trên muôn chúa. Nhưng vua A-háp từ chối nghe theo lời tiên tri của ông Mi-chê, dầu vua biết rằng điều đó đến từ Đức Chúa Trời. Vua ra lệnh giam ông Mi-chê trong tù rồi ra trận. Trong trận chiến đó vua bị giết đúng như lời tiên tri đã báo trước ([22:37-38](#)).

Trong sách Giô-suê, dân sự theo một Đức Chúa Trời duy nhất, nhưng họ không hoàn toàn vâng lời Ngài. Trong 2Sa-mu-ên, Đa-vít theo Chúa nhưng không đặt Ngài làm chủ cuộc đời mình cách trọn vẹn. Ở đây, trong 1Các Vua, dân sự theo Đức Chúa Trời nhưng đồng thời họ cũng theo các thần khác. Sách 1Các Vua ghi lại chuyện điển hình. Vua Sa-lô-môn xây Đền Thờ ở Giê-ru-sa-lem. Nhưng ông cũng xây miếu thờ các thần ngoại giáo ([14:4-8](#)). Vua Rô-bô-am cầu vấn ý kiến các trưởng lão khôn ngoan và kính sợ Đức Chúa Trời. Nhưng ông cũng nghe theo lời của nhóm người trẻ ngu dại ([12:6-11](#)). Dân sự thờ phượng Đức Chúa Trời đồng thời họ cũng thờ thần Ba-anh. Vì vậy ông Ê-li thách thức họ qua câu Kinh Thánh chính của sách này: “Các ngươi đi gieo hai bên cho đến chừng nào? Nếu Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, khá theo Ngài; nếu Ba-anh là Đức Chúa Trời, hãy theo hấn.” ([18:21](#)) Nhưng dân sự không trả lời ông. Lòng chúng ta phải trọn lành với Giê-hô-va Đức Chúa Trời ([8:61](#) so sánh với [2:4](#)). Vấn đề của vua Sa-lô-môn là vua không hoàn toàn trung thành với Đức Chúa Trời ([11:4](#)). Chỉ có ông A-sa là một vị vua tốt, kính sợ Chúa, được chọn để đề cập đến cách đặc biệt. Suốt đời lòng ông luôn trọn lành với Giê-hô-va Đức Chúa Trời ([15:14](#) trái ngược với [15:3](#)).

Trọng tâm

Đức Chúa Trời là vua hoặc ban chấp hành đang cai trị đời sống của bạn?

Thực hành

Đối với bạn Đức Chúa Trời là nhân vật rất quan trọng hoặc là Đáng quan trọng nhất? Trong cuộc sống bạn chỉ lắng nghe tiếng của Đức Chúa Trời hoặc vừa nghe tiếng Ngài vừa nghe các cổ vấn khác? Bạn muốn lắng nghe “những tiên tri” nói lẽ thật của Đức Chúa Trời hoặc bạn chỉ muốn lắng nghe “các tiên tri” mà bạn thích? Trong suốt tuần, chúng ta thờ phượng chỉ một mình Đức Chúa Trời hoặc đồng thời chúng ta cũng thông đồng với các thần tượng? Chúng ta đang ăn cái bánh dành cho mình mà còn muốn có thêm nữa phải không? Có phải chúng ta vừa phục vụ Chúa vừa phục vụ Ma-môn không?

Đa số chúng ta gặp khó ở khâu nghe. Điều Đức Chúa Trời phán và điều chúng ta nghe thường là hai điều hoàn toàn khác nhau. Khi Đức Chúa Trời bảo rằng chúng ta phải vâng lời và đặt Ngài ngự trên ngai của đời sống chúng ta thì chúng ta thưa: “Dạ, con đã làm điều đó rồi ạ”. Nếu chúng ta đã áp dụng bài học rồi thì còn gì nữa đâu mà vận dụng vào cuộc sống, đúng không?

Không đúng! Sai! Chúng ta chưa vận dụng bài học đó. Trong một mức độ nào đó thì đúng. Chúng ta đã đặt Đức Chúa Trời trên ngai cuộc đời của mình. Nhưng chúng ta đặt Chúa vào loại ngai nào? Chúng ta đặt Ngài làm đầu một cách tượng trưng như các vua I-xơ-ra-ên và Giu-đa đã làm, phải không? Hoặc là đối với chúng ta, Ngài chỉ là hình ảnh tượng trưng như kiểu nữ hoàng Elizabeth II đối với nước Anh. Ai đang cai trị cuộc đời của chúng ta? Đức Chúa Trời là vua hoặc ban chấp hành này ban trị sự kia? Khi chúng ta muốn mua một ngôi nhà, thay đổi việc làm hoặc tìm người bạn đời của mình thì Chúa có quyền quyết định không? Khi lãnh đạo hội thánh, chúng ta có tra xem lời của Ngài không? Đối với bạn, Đức Chúa Trời là vua ở mức độ nào?

I CÁC VUA

Ý chính: Sa-lô-môn (nguyên nhân) rạn nứt, phân chia

Chủ đề chính: Triều đại vua Đa-vít

Cụm từ chính: ‘Người ngồi trên ngai I-xơ-ra-ên’ (3 lần)

Câu chính: “Đoạn Ê-li đến trước mặt dân sự mà nói rằng: Các ngươi đi gieo hai bên cho đến chừng nào? Nếu Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, khá theo Ngài; nếu Ba-anh là Đức Chúa Trời, hãy theo hă. Song dân sự không đáp một lời.” ([IVua 1V 18:2](#))

Bài học chính: Đức Chúa Trời là vua hoặc ban trị sự, ban chấp hành đang cai trị cuộc đời của bạn?

II CÁC VUA

Tác giả: Kh ông r ô (Gi ê-r ê-mi?)

Thời kỳ hình thành sách: Trong thời kỳ lưu đày

Mục đích: Nhằm giải thích cho những người trong tuyến dân của Đức Chúa Trời đang sống cảnh lưu đày.

Đối tượng: Những người phạm tội và đang gánh chịu sự hình phạt của Đức Chúa Trời.

Tản mạn

Thuở tôi còn bé, cha mẹ tôi sống trong một căn hộ nhỏ hẹp với bảy con đông. Dần dà việc làm ăn của cha tôi càng ngày càng khấm khá nên chúng tôi dọn đến những ngôi nhà rộng rãi hơn. Rồi khi tôi lớn, các anh chị tôi lập gia đình và ra riêng thì ngôi nhà của chúng tôi vẫn chật chội như trước. Có vẻ như chúng tôi chẳng bao giờ có đủ chỗ để cất đồ đạc. Nhiều lần tôi cố gắng dọn dẹp cho ngôi nhà được ngăn nắp, gọn gàng. Nhưng sau mỗi lần nỗ lực dọn dẹp, nhà cửa trông vẫn ngổn ngang như trước. Một lần kia, trong thời gian cha mẹ tôi đi nghỉ mát dài ngày ở nước ngoài, tôi lại ra tay dọn dẹp nhà cửa. Lần này, sau khi dọn xong tính ra đồ đạc tôi đã liệng chất đầy sáu xe. Lần này ngôi nhà trông khác hẳn. Còn nhiều khoảng trống trong tủ lẫn trên nóc tủ.

Tôi chợt nghĩ: muốn dọn dẹp, sắp xếp lại đồ đạc trong nhà, bạn phải loại bỏ rác rến và đồ đạc vô dụng. Trong đời sống tâm linh của chúng ta cũng vậy. Chúng ta tưởng đâu rằng cứ gia tăng những điều tốt việc lành chúng ta sẽ thiêng liêng hơn. Nhưng không thể được vì không có chỗ. Vậy đó, chúng ta lo sắp xếp lại đời sống mình nhưng không chịu vứt bỏ rác rến (nghĩa là những điều vụn vặt vô giá trị) nên rốt cuộc chúng ta chỉ sắp xếp rác lại. Kết quả ra sao? Toàn là những đống rác ngăn nắp và gọn gàng!

Sách 2 Các Vua viết về dòng dõi các vua không chịu vứt bỏ rác rến trong chính cuộc đời và vương quốc của họ. Vì vậy kết quả ra sao? Bạn đoán được mà: một vương quốc có tổ chức tốt nhưng đầy dẫy tội lỗi. Nhưng Đức Chúa Trời vẫn là chủ của ngôi nhà, còn họ chỉ là người thuê nhà mà thôi. Vì họ không chịu loại bỏ rác khỏi đời sống mình nên cuối cùng Đức Chúa Trời loại bỏ họ.

Thâm nhập

Sách 2 Các Vua gồm 3 phần. Cuối mỗi phần tác giả đều dùng cùng một cụm từ để mô tả số phận của tuyến dân Đức Chúa Trời: Đức Chúa Trời ‘tức giận’ (13:23; 17:18,20,23; 23:27 và 24:3,20). Nghĩa đen của cụm từ này là Đức Chúa Trời loại bỏ họ “khỏi trước mặt Ngài”. Nhưng vì sao Đức Chúa Trời phải loại bỏ họ? Bởi vì họ đã làm “điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va”. Sách lặp lại cụm từ này đến hai mươi một lần. Đức Chúa Trời tức giận tuyến dân khỏi trước mặt Ngài bởi vì Ngài rất ghét tội lỗi. Trong khi đó họ cứ phạm tội và vẫn không chịu loại bỏ hình tượng khỏi cuộc sống của mình.

I. Loại bỏ các trụ thờ (1-13)

Thật sai lầm khi nghĩ rằng trong cuộc sống của chúng ta nếu có hình tượng thì chỉ có một dạng một loại. Thật ra hình tượng nằm dưới nhiều dạng, nhiều loại. Dân

I-xơ-ra-ên có 3 nhóm hình tượng chính. Phần sách thứ nhất tập trung vào ‘các hình tượng Ba-anh’ (3:2; 10:26-27). (Bản New International Version dùng từ “các văng đá thiêng” để chỉ về các hình tượng này). Đặc biệt vương quốc I-xơ-ra-ên rất dễ bị lôi cuốn vào sự thờ phượng hình tượng Ba-anh (17:10).

Phần thứ nhất không viết nhiều về các vua I-xơ-ra-ên nhưng chủ yếu viết về cuộc đời của ‘đại tiên tri’ Ê-li-sê, là người nối nghiệp tiên tri Ê-li. Về sau ông Giê-hu tiếp tục gánh công tác trừ diệt hình tượng Ba-anh khỏi nước I-xơ-ra-ên (10:28).

Tuy nhiên, hình tượng các thần khác vẫn tồn tại (13:6).

Đầu vậy vì sao Đức Chúa Trời không loại bỏ dân I-xơ-ra-ên sớm hơn? Vì Ngài giàu lòng thương xót, Ngài muốn ban ân huệ cho họ; ngoài ra, vì có giao ước mà Ngài đã lập với ông Áp-ra-ham (11:23).

II. Loại bỏ các tượng bò bằng vàng (14-17)

Mặc dù sự thờ phượng Ba-anh kể như hoàn toàn bị xóa bỏ nhưng sự thờ lạy tượng bò bằng vàng (10:29; 17:16) và sự thờ phượng tại các nơi cao

(12:3; 14:4; 15:4,35; 16:4; 17:9-11, 29-32) vẫn thịnh hành khắp nơi. Thật ra tình trạng ngày càng trở nên tồi tệ hơn cho đến khi Đức Chúa Trời không thể tiếp tục ban ân huệ nữa. Ngài để cho vương quốc I-xơ-ra-ên ở miền bắc rơi vào cảnh lưu đày. Trước đây, Đức Chúa Trời đã cảnh cáo họ về việc này (1Vua 14:15-16).

Nhưng họ cứ miệt mài thờ hình tượng. Vì vậy cuối phần hai của sách, tác giả lập lại ba lần rằng Đức Chúa Trời phải trục xuất dân I-xơ-ra-ên khỏi trước mặt Ngài (17:18,20,23).

III. Loại bỏ ‘các thần’ khác (18-25)

Vương quốc Giu-đa ở miền nam tiếp tục thờ hình tượng. Các tượng bò bằng vàng ở miền bắc đã bị phá hủy nên dân chúng miền nam tìm “các thần khác” để thờ lạy (17:29-38; 18:34-35; 19:12,18; 22:17; 23:24). Họ tiếp tục tìm đồng ruộng (21:3,7; 23:4-7) và các nơi cao (21:3 trái ngược với 23:5) làm nơi thờ lạy “các thần khác” này. Giống như (những người láng giềng ở) miền bắc, tình trạng thờ hình tượng của người Giu-đa ngày càng tồi tệ hơn. Một lần nữa, Đức Chúa Trời chờ cho đến khi sự thờ lạy hình tượng trở thành một phần quan trọng trong cuộc sống của họ rồi Ngài hành động và đưa họ vào chốn lưu đày. Tương tự phần trước, tác giả cũng lập lại ba lần việc Đức Chúa Trời phải trục bỏ dân Giu-đa khỏi trước mặt Ngài (23:27; 24:3,20).

Thành phần những người đầu tiên đọc sách này là dân Do Thái từ nước Giu-đa bị lưu đày sang Ba-by-lôn. Họ nhìn lại lịch sử để tìm hiểu vì sao mình bị lưu đày.

Đây là lý do khiến tác giả lập lại nhiều lần vấn đề Đức Chúa Trời loại trừ dân sự khỏi trước mặt Ngài. Tác giả muốn dân sự biết rằng họ bị lưu đày không phải vì Đức Chúa Trời không đủ quyền năng để bảo vệ họ, cũng không phải bốc đồng hủy bỏ giao ước. Nhưng họ bị lưu đày vì có họ đã thờ hình tượng.

Trong sách Các Quan Xét, dân sự là ‘những tội nhân giản đơn’. Họ bỏ Đức Chúa Trời để thờ hình tượng (Cac Tl 2:13). Nhưng trong thời 2Các Vua, họ trở nên

‘những tội nhân khôn lanh’. Họ không đơn giản bỏ Đức Chúa Trời để thờ hình tượng. Nhưng họ lý luận: Sao không thờ cả Đức Chúa Trời lẫn hình tượng để nhận phước lành từ cả đôi bên? Câu Kinh Thánh chính của 2Các Vua ghi rõ: “Các dân tộc ấy kính sợ Đức Giê-hô-va và cũng hầu việc những hình tượng chạm của mình” ([17:41](#). Xem thêm [17:32-33](#)). Có lẽ bạn thắc mắc: “Sao có thể làm như thế được?” Điều đó không những có thể mà còn là chuẩn của những tín hữu lỗi đời ngày nay.

Trọng tâm

Hãy loại bỏ các hình tượng của bạn! Đừng sắp xếp lại làm gì!!!

Thực hành

Ngày nay việc thờ hình tượng cũng lan tràn chẳng kém gì thời vương quốc bị chia đôi. Lần cuối mà bạn nghe một bài giảng chống lại sự thờ hình tượng là khi nào? Vì sao ngày nay Cơ Đốc nhân không công nhận họ phạm tội thờ hình tượng? Vì họ cho rằng các thuộc viên của hội thánh chỉ là ‘những tội nhân giản đơn’ như dân I-xơ-ra-ên trong thời Các Quan Xét. Nhưng trong thế giới hiện đại, tội lỗi cũng tiến bộ chứ! Các thuộc viên của hội thánh có thể là ‘những tội nhân khôn lanh’ hơn cả dân chúng trong thời 2Các Vua. Ngày nay, ‘các tội nhân khôn lanh’ thường trấn an lương tâm và tiếp tục phạm tội bằng cách chỉ công nhận một định nghĩa về tội lỗi trong cuộc sống của mình: họ cho rằng chỉ khi nào theo chủ nghĩa vật chất mới là thờ hình tượng. Đúng phần nào thôi. Theo chủ nghĩa vật chất là có sự tham lam, mà tham lam là thờ hình tượng ([CoCl 3:5](#)). Nhưng không phải chỉ có tánh tham lam mới là thờ thần tượng. Đặc điểm của xã hội hiện đại là sự lựa chọn. Có hàng trăm loại dầu gội đầu cho bạn chọn thì cũng có hàng nghìn thần tượng cho bạn chọn. Một số Cơ Đốc nhân tự hào là họ không thể phạm tội thờ thần tượng vì họ không chạy theo vật chất. Dầu vậy có thể họ thờ thần tượng bản ngã. Dầu vậy họ thờ các thần tượng của xác thịt: mê ăn uống, ma túy, rượu, thuốc lá, hình ảnh khiêu dâm, thủ dâm.

Bất cứ điều gì cũng có thể trở thành thần tượng. Ngay cả con rắn đồng mà ông Môi-se đã đúc ra trong đồng vắng cũng trở thành thần tượng. Thậm chí dân sự còn đặt tên cho nó là Nê-hu-tan ([18:4](#)). Cái ti vi có thể trở thành hình tượng của tôi. Câu lạc bộ bóng đá có thể trở thành hình tượng của bạn. Nghề nghiệp hoặc ngôi nhà đẹp có thể trở thành hình tượng của anh ta hoặc cô ta. Nhưng cũng có những loại hình tượng tinh tế hơn. Tri thức của Kinh Thánh có thể trở thành hình tượng nếu tôi xem việc trau dồi tri thức Kinh Thánh quan trọng hơn việc nhận biết chính Đức Chúa Trời. Thời khoá biểu có thể trở thành hình tượng nếu cuộc sống của bạn lệ thuộc vào thời khoá biểu thay vì để thời khoá biểu phục vụ bạn. Nếu bạn cho rằng phải đem theo máy vi tính xách tay khi đi nghỉ hè thì hoá ra bạn can tội mang theo một hình tượng nhỏ trong cặp hoặc trong giỏ của mình.

Cũng cần thận trọng để hội thánh không trở thành hình tượng của chúng ta. Những sinh hoạt thuộc linh như hát trong ca đoàn cũng có thể trở thành hình tượng. Cung cách ‘thiên liêng’ mà chúng ta khoắc vào khi thực hiện mọi việc trong hội thánh

cũng có cơ nguy trở thành hình tượng. Trong thời Tân Ước, tục lệ truyền thống đã từng trở thành hình tượng của người Do Thái.

Làm sao có thể nhận biết một điều đã trở thành hình tượng của bạn? Thử loại bỏ điều đó (dù là nhất thời thôi) khỏi đời sống của bạn. Bạn có thể khẳng định rằng đối với bạn điều đó không phải là hình tượng. Nhưng nếu thiếu điều đó bạn không thể sống được thì điều đó là hình tượng! Như vậy, bây giờ bạn nhận ra trong đời sống của bạn có bao nhiêu hình tượng rồi chứ!

Tiết chế là phương cách hữu hiệu nhằm chữa bệnh thờ hình tượng. Hãy tập tiết chế không chỉ đối với thức ăn nhưng ngay cả đối với việc xem ti vi, đá bóng, tình dục, máy vi tính xách tay, ngay cả điện thoại nữa (nên thận trọng - thậm chí tiết chế cũng có thể trở thành một loại hình tượng!) Nếu tiết chế không có hiệu quả thì chuyển sang cách khác triệt để hơn. Vua Ê-xê-chia phải phá hủy con rắn đồng Nê-hu-tan, chỉ là một di vật vô giá trị mà nó đã trở thành đối tượng thờ tụng. Chúng ta phải loại bỏ các hình tượng khỏi đời sống của mình, nếu không Đức Chúa Trời sẽ loại bỏ chúng ta trước mặt Ngài.

IICÁC VUA

Ý chính: Vương quốc (rơi vào) lưu đày

Chủ đề chính: Thờ lạy hình tượng

Cụm từ chính: ‘làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va’ (21 lần) ‘điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va’ (8 lần)

Câu chính: “Như vậy, các dân tộc ấy kính sợ Đức Giê-hô-va và cũng hầu việc những hình tượng chạm của mình; tổ phụ chúng nó làm thế nào, thì con cái cháu chắt chúng nó cũng hãy còn làm thế ấy cho đến ngày nay.” (II Vua 17:41;)

Bài học chính: Hãy loại bỏ các tượng thần của bạn. Đừng sắp xếp lại làm gì?

ISỬ KÝ

Tác giả: Không rõ (ông E-x ơ-ra?)

Thời kỳ hình thành sách: Ngay sau thời lưu đày

Mục đích: Nhằm khơi dậy nơi những người bị lưu đày niềm hy vọng là họ sẽ trở về vì Đức Chúa Trời không từ bỏ họ.

Đối tượng: Những người gánh chịu sự sửa phạt của Đức Chúa Trời cần nhận biết rằng Đức Chúa Trời vẫn có một chương trình cho đời sống họ.

Tản mạn

Ông Thomas Hobson là một nhà chăn nuôi ngựa người Anh sống trong thế kỷ XVII. Khách hàng nào đến chuồng ngựa của ông cũng được tự do chọn lựa ngựa - miễn là con ngựa được chọn phải là con ở gần cửa ra vào nhất. Về sau người ta gọi sự ‘tự do lựa chọn’ giả đó là sự lựa chọn của Hobson.

Còn trong thế kỷ này, ông Henry Ford cập nhật chủ trương của ông Thomas

Hobson. Con người nổi tiếng vì là người đầu tiên sản xuất xe hơi hàng loạt có lần nói rằng: “Bạn có thể chọn một chiếc xe Ford màu nào cũng được tùy ý bạn - miễn là nó màu đen!”

Trong mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời, chúng ta thường tìm cách cho phép Ngài lựa chọn theo kiểu của ông Hobson. Chúng ta cho Chúa biết là Ngài nên đáp lời cầu nguyện của chúng ta như thế nào. Chúng ta trình với Chúa những điều chúng ta xem là quan trọng cần bàn thảo. Chúng ta sắp xếp hết những vấn đề cần bàn thảo giữa chúng ta với Ngài.

Nhưng Đức Chúa Trời nghĩ gì? Ngài hoạch định điều gì? Chương trình của Ngài là gì? Ngài muốn chúng ta làm gì? Làm sao chúng ta có thể biết những điều này? Chúng ta có thể tìm biết chương trình của Đức Chúa Trời qua sách 1Sử Ký - một trong những sách trong Kinh Thánh Cựu Ước ít có người quan tâm nhất. ít có người đọc nhất. Nếu bạn muốn biết hoạt động của Đức Chúa Trời trong thế giới này, bạn hãy đọc sách 1Sử Ký.

Thâm nhập

Có thể xem hai sách Sử Ký là một sách lược khảo thời Cựu Ước. Trong bộ nguyên ngữ Hi-bá-lai người ta ghép hai quyển này thành một sách và đặt ở cuối bộ Kinh Thánh của người Do Thái. Vị trí cuối bộ Kinh Thánh là vô cùng quan trọng. Trong khi biên tập, tác giả cung cấp cho chúng ta một bản tường thuật tổng quát về toàn bộ lịch sử của tuyển dân Đức Chúa Trời rồi còn đưa ra những lời bình luận về một số chi tiết. Những lời bình luận này cho phép chúng ta thấy lịch sử loài người qua cái nhìn của Đức Chúa Trời. Đây chính là những lời diễn giải và chú thích của Đức Chúa Trời về những diễn biến đã xảy ra trong cuộc sống của tuyển dân của Ngài. Những lời ấy bày tỏ cho chúng ta biết điều mà Đức Chúa Trời xem là quan trọng.

I. Mười hai chi phái I-xơ-ra-ên (1-10)

Tác giả viết 10 chương đầu của 1Sử Ký theo kiểu một quyển sổ niên giám điện thoại! Có những bảng danh sách dài dằng dặc liệt kê các chi họ I-xơ-ra-ên. Đối với Đức Chúa Trời, mỗi tên riêng trong các bảng liệt kê này đều quan trọng. Mỗi tên riêng tiêu biểu cho một người trung tín theo Ngài hoặc bất trung với Ngài.

Cụm từ chính trong phần thứ nhất của sách là ‘không trung thành với Giê-hô-va Đức Chúa Trời’. Cụm từ này mô tả sự kiện hai chi phái Ru-bên, Gát và phân nửa chi phái Ma-na-se bị lưu đày vì có tội tà dâm thuộc linh (tức là tội thờ hình tượng [\(5:25\)](#)). Về sau người Giu-đa cũng bị lưu đày vì lòng bất trung của họ [\(9:1\)](#). Sau-lơ, một vị vua bất trung cũng bị giết vì vua không vâng lời Đức Chúa Trời [\(10:13\)](#). Tên tuổi của những người bất trung này được ghi lại trong sử sách. Họ nổi danh không phải nhờ lòng tin kính Đức Chúa Trời mà vì có tội lỗi của họ. Đây là lời cảnh cáo dành cho những người Do Thái hồi hương từ các nước lưu đày cũng như dành cho tất cả các độc giả ngày nay. Đừng như họ nếu bạn không muốn cùng chung số phận với họ.

II. Triều đại vua Đa-vít (11-21)

Trong phần thứ nhất, điều mà Đức Chúa Trời xem quan trọng là các chi phái. Trong phần thứ hai, điều quan trọng là ngôi vua. Vì vua Sau-lơ bất trung với Đức Chúa Trời nên vua Đa-vít lên ngôi thay thế. Chương 17 là chương chính của phần 2 này. Chương đó ghi lại việc Đức Chúa Trời lập giao ước với vua Đa-vít (xem thêm 2Sa-mu-ên chương 7). Vua Đa-vít muốn làm vinh hiển danh Đức Chúa Trời ([16:2,8,10,29,35](#)) bằng cách xây một Đền Thờ cho Ngài ([17:1](#)). Thế nhưng Đức Chúa Trời phán với vua rằng Ngài sẽ làm cho vua nổi danh ([17:8](#)), và Ngài dựng cho vua một nhà ([17:10](#)). Dĩ nhiên đây không phải là nhà theo nghĩa đen, nhưng là một triều đại. Nhà ấy bao gồm những người kế vị vua ([17:11](#)), là những người lập thành triều đại Đa-vít ([17:12,14](#)).

Phần thứ hai là bảng liệt kê các danh sách tạo nên nhà (tức là dân tộc) I-xơ-ra-ên. Trong phần thứ hai, vua Đa-vít quan tâm đến danh Đức Chúa Trời hơn. Vì thế vua muốn xây nhà cho Đức Chúa Trời. Trong phần thứ nhất, Đức Chúa Trời quyết định chuyển giao quyền trưởng nam của chi phái Ru-bên cho chi phái Giu-đa ([5:1](#)). Trong phần thứ hai, Đức Chúa Trời quyết định chuyển ngôi vua của Sau-lơ qua cho Đa-vít ([12:23](#)). Trong phần một, cuộc đời của vua Sau-lơ tiêu biểu cho những sự thất bại lớn lao của dân I-xơ-ra-ên. Trong phần hai, cuộc đời của vua Đa-vít tiêu biểu cho các vị anh hùng vĩ đại của dân tộc I-xơ-ra-ên (Chương 11, 12).

III. Đền Thờ của Đức Chúa Trời (22-29)

Phần thứ ba tiếp tục chủ đề vua Đa-vít muốn làm vinh hiển danh Đức Chúa Trời bằng cách xây Đền Thờ cho Ngài ([22:7, 8, 10, 19; 29:16](#)). Nhưng vì có vua Đa-vít làm đổ máu nhiều trong các cuộc chiến tranh ([22:8-10](#)) nên Đức Chúa Trời quyết định chuyển việc xây dựng Đền Thờ cho Sa-lô-môn, con trai của vua. Trong phần thứ nhất, gia đình vua Sau-lơ chết ([10:6](#)). Trong phần thứ ba, nhà A-bi-na-đáp bị rửa sả ([13:7](#)) và nhà Ô-bết - Ê-đôm được ban phước ([13:14](#)). Trong phần thứ ba, nhà Đức Chúa Trời được xây dựng ([22:2,6,7,8,10,11; 28:2,3,6](#)). Trong phần một, dân tộc là điều quan trọng đối với Đức Chúa Trời. Trong phần hai, triều đại Đa-vít là quan trọng đối với Ngài. Trong phần thứ ba, điều quan trọng đối với Đức Chúa Trời là Đền Thờ của Ngài. Khi dân sự từ các xứ lưu đầy trở về, các chi phái ở miền bắc không còn nữa. Đền Thờ bị hủy phá tan tành. Dù người Giu-đa vẫn còn vua thuộc dòng dõi Đa-vít ([2Vua 25:27-30](#)) nhưng vua không còn ngồi trên ngai.

Trước thực trạng đó ưu tiên hàng đầu của dân sự là trung thành với Đức Chúa Trời để rồi Ngài tái lập cho họ ba điều ấy.

Như vậy mười hai chi tộc I-xơ-ra-ên, triều vua Đa-vít và Đền Thờ Giê-ru-sa-lem quan trọng như thế nào? Vô cùng quan trọng. Hãy chú ý đến sự kiện Kinh Thánh Cự Ước thường nhắc đến ba vấn đề này chung với nhau (ví dụ [Thi Tv 122:1-5](#)). Trong Kinh Thánh Tân Ước cũng vậy. Khi Đức Chúa Trời phục hồi quyền cai trị tuyệt đối của Ngài trên toàn thế giới thì sẽ có dấu hiệu phục hồi mười hai đại tộc I-xơ-ra-ên ([KhKh 21:12](#)), lập lại ngai vua Giu-đa ([KhKh 21:5, 22:3](#)) và chính Đức Chúa Trời trở thành Đền Thờ mới ([KhKh 21:22](#)).

Trong cuối thế kỷ này, nhiều biến cố liên quan đến dân Do Thái đã đưa các học giả Kinh Thánh đến kết luận rằng chúng ta đang sống trong thời kỳ cuối cùng. Có thể là như vậy. Tuy nhiên, vẫn còn những lời tiên tri chưa được ứng nghiệm. Hiện nay, I-xơ-ra-ên đã trở thành một quốc gia nhưng mười hai chi tộc vẫn còn ‘tản lạc’. Dân I-xơ-ra-ên đã trở về vùng đất của họ. Nhưng họ không có vua, tức là ngôi vua. Họ đã giành lại thành Giê-ru-sa-lem. Nhưng Đền Thờ không còn nữa. Người ta xây một ngôi đền Hồi giáo ngay trên nền của Đền Thờ mà vua Sa-lô-môn đã xây dựng. Trong quá khứ đã có những nỗ lực và chắc chắn trong tương lai sẽ có những nỗ lực để lập lại Các Chi Tộc, Ngai Vua và Đền Thờ. Cho đến nay, tất cả mọi cố gắng đều thất bại. Chúa Giê-xu có thể trở lại ngay hôm nay. Hãy tỉnh thức khi Đức Chúa Trời bắt đầu lập lại Các Chi Tộc, Đền Thờ và Ngôi vua. Ngày cuối cùng của thế giới đã gần rồi.

Thế là bạn hiểu sứ điệp của 1Sử Ký quan trọng đến thế nào rồi. Đức Chúa Trời hoàn toàn điều khiển lịch sử thế giới để thực hiện chương trình của Ngài và thiết lập vương quốc của Ngài. Nhờ nghiên cứu 1Sử Ký mà chúng ta không còn xem con người là trung tâm của vũ trụ nữa. Nhờ đó chúng ta sẽ chú tâm đến các công việc trong chương trình của Đức Chúa Trời hơn thay vì chỉ miệt mài với những việc thường nhật của mình. Nhờ đó chúng ta sẽ không bị sa lầy trong những vấn đề của gia đình và hội thánh chúng ta. Đồng thời chúng ta cũng sẽ chú tâm vào những việc thật sự lớn lao mà hiện nay Đức Chúa Trời đang thực hiện trong vương quốc của Ngài. Đức Chúa Trời, Vua, đang tái lập Vương Quốc của Ngài. Còn tất cả chúng ta đều được đặc ân dự phần.

Câu Kinh Thánh chính của sách này là một lời cầu nguyện của vua Đa-vít. Tuy nhiên, mỗi Cơ Đốc nhân chúng ta đều có thể áp dụng lời cầu nguyện này: “Nguyện điều ấy được vững chắc, và Danh Chúa được tôn vinh đời đời, để người ta nói rằng: Đức Giê-hô-va vạn quân, là Đức Chúa Trời của I-xơ-ra-ên, tức là Đức Chúa Trời cho I-xơ-ra-ên; còn nhà Đa-vít, là tôi tớ Chúa, được đứng vững trước mặt Chúa!” ([1Su 17:24](#)).

Trọng tâm

Chúng ta hãy làm việc để xây dựng Danh Đức Chúa Trời và cầu nguyện để Đức Chúa Trời xây dựng gia đình của chúng ta.

Thực hành

Đa số Cơ Đốc nhân đảo lộn thứ tự ưu tiên của những công việc trong đời sống của mình. Chúng ta làm việc tích cực hàng giờ để tạo tiếng tốt cho bản thân; hoặc chăm chỉ làm việc để xây một mái ấm cho gia đình; hoặc nỗ lực giúp con cái thành công trong cuộc sống. Rồi chúng ta và con cái dâng cho Đức Chúa Trời thì giờ, sức lực, tiền bạc còn thừa. Những nỗ lực đó hoàn toàn vô ích. Chúng ta có thể thật sự thành công bằng một phương cách tốt hơn nhiều - đó là trước hết lo làm vinh danh Đức Chúa Trời và lập vương quốc của Ngài rồi cầu nguyện xin Ngài xây dựng mái ấm gia đình cho chúng ta. Chúng ta cần tham gia và giúp đỡ con cái Ngài

tham gia vào việc thiết lập vương quốc của Đức Chúa Trời trên toàn cầu. Một cách cụ thể, chúng ta hãy nhớ cầu thay cho dân Do Thái, tuyền dân của Đức Chúa Trời, và cầu nguyện cho Giê-ru-sa-lem được hoà bình. Chúng ta cần phải làm hết sức vì Chúa Cứu Thế có thể trở lại bất kỳ lúc nào. Chúng ta hãy sốt sắng làm việc cho Đức Chúa Trời.

Nhưng khoan, thử xét lại xem động cơ nào khiến chúng ta phục vụ Chúa. Có thể chúng ta làm công việc của Đức Chúa Trời nhưng không làm cho Đức Chúa Trời. Vậy động cơ khiến chúng ta phục vụ Đức Chúa Trời phải xuất phát từ tấm lòng chân thật muốn làm vinh hiển danh Ngài, “vì Đức Giê-hô-va dò xét tấm lòng và phân biệt các ý tưởng” ([28:9](#)). Chúng ta sốt sắng tham gia vào ban hát, tham gia chứng đạo, dạy đạo và phục vụ Chúa Cứu Thế. Nhưng Đức Chúa Trời biết rõ chúng ta làm việc nhằm mục đích lập danh và lập một ‘triều đại’ cho bản thân chúng ta trong hội thánh.

Thảm hại biết bao nếu chúng ta bỏ trọn cuộc đời để thực hiện thành công những điều sai. Cách duy nhất để tránh sự sai lầm này là luôn luôn cầu nguyện và tìm hiểu chương trình của Đức Chúa Trời thay vì nỗ lực tự sắp xếp chương trình. Chúng ta có thể tìm hiểu chương trình của Đức Chúa Trời bằng cách nghiên cứu Kinh Thánh từng trang một từ đầu đến cuối thay vì bỏ qua phần khó mà chỉ đọc những phân đoạn Kinh Thánh dễ hiểu và hấp dẫn. Khi học Kinh Thánh chúng ta cần chuyên tâm học những vấn đề khó - còn tìm tòi những chuyện dễ dàng, học cách nhẹ nhàng, thoải mái thì có thể chúng ta vui thích trong giây lát. Nhưng đừng bao giờ tập trung vào những phần phụ đến mức chúng ta bỏ qua “những điều quan trọng hơn trong luật pháp” ([Mat Mt 23:23](#)). Qua việc đọc và học Kinh Thánh, bạn có thể nhận ra chương trình của Đức Chúa Trời dành cho bạn ngày hôm nay không?

I SỬ KÝ

Ý chính: Hậu tự (của) Đa-vít

Chủ đề chính: Nhà Đa-vít

Cụm từ chính: ‘cất Đền cho danh Ta’ (14 lần)

Câu chính: “Nguyện điều ấy được vững chắc, và Danh Chúa được tôn vinh đời đời, để người ta nói rằng: Đức Giê-hô-va vạn quân, là Đức Chúa Trời của I-xơ-ra-ên, tức là Đức Chúa Trời cho I-xơ-ra-ên; còn nhà Đa-vít, là tôi tớ Chúa, được đứng vững trước mặt Chúa!” ([1Su 17:24](#))

Bài học chính: Chúng ta hãy làm việc để xây dựng nhà Đức Chúa Trời và cầu nguyện để Đức Chúa Trời xây dựng gia đình của chúng ta.

II SỬ KÝ

Tác giả: Không rõ (ông E-xơ-ra).

Thời kỳ hình thành sách: Ngay sau thời kỳ lưu đày

Mục đích: Nhằm khơi dậy niềm hy vọng nơi những người trở về chốn lưu đày khi biết rằng Đức Chúa Trời không từ bỏ họ.

Đối tượng: Những người gánh chịu sự sửa phạt của Đức Chúa Trời cần nhận biết rằng Ngài vẫn có một chương trình dành cho đời sống họ.

Tân mạn

Vị Mục sư ngẫm nghĩ và thâm tự hào. Ông cảm thấy dường như ông vừa giảng xong một bài hay nhất trong cuộc đời mình. Ông hồi tưởng hình ảnh ông đứng trước hội chúng đông đảo, múa may hai tay thật mạnh mẽ để nhấn mạnh các luận điểm. Ông cảm thấy rất thỏa lòng khi giảng xong. Ngồi trên xe, ông cầu nguyện trước khi lái xe về nhà. Ông cúi đầu xuống và sững sờ trong giây lát khi thấy rằng ông đã đứng giảng với cái quần chưa cài dây kéo!

Đức Chúa Trời biết cách giữ tôi tớ Ngài trong tinh thần khiêm nhu. Sách IISử Ký dạy chúng ta cách sống gần gũi với Đức Chúa Trời từ đầu đến cuối. Sách nghiên cứu về cuộc đời của những người thành công và thất bại trong vương quốc của Đức Chúa Trời. Tác giả cho chúng ta thấy nếp sống của họ và giúp chúng ta học tập cách sống thành công, chứ không phải thất bại, trước mặt Đức Chúa Trời.

Thâm nhập

Về mặt nội dung, hai sách Sử Ký ghi lại những biến cố tương tự như hai sách Các Vua. Nhưng hai sách này tập trung vào vương quyền của Đức Chúa Trời, còn hai sách Sử Ký tập trung vào nhà của Đức Chúa Trời. Trong lịch sử, tác giả dùng hình ảnh dân I-xơ-ra-ên và Đền Thờ để chỉ về nhà của Đức Chúa Trời, còn trong sách 2Sử Ký tác giả nói về nhà của Đức Chúa Trời qua hình ảnh Đền Thờ tại Giê-ru-sa-lem.

I. Xây dựng Đền Thờ (1-9)

Phần thứ nhất không đặt nặng việc trị vì của vua Sa-lô-môn mà tập trung viết về vua Sa-lô-môn xây dựng Đền Thờ. Ngoài ra việc vua cung hiến Đền Thờ sau khi xây dựng xong là sự kiện có ý nghĩa nhất trong phần một này. Sau khi dời hòm giao ước và các khí dụng thánh ra khỏi đền tạm và chuyển vào Đền Thờ mới (Chương 5), vua Sa-lô-môn cầu nguyện với Đức Chúa Trời rồi chúc phước cho dân chúng (Chương 6). Ngay lúc ấy, vinh quang của Đức Chúa Trời giáng xuống đầy đầy Đền Thờ và Ngài lập lại giao ước Đa-vít với vua (Chương 7).

Trong một phương diện, lời Đức Chúa Trời hứa với vua Đa-vít là lời hứa vô điều kiện: Nhà Đa-vít sẽ không bao giờ tuyệt tự, tức dòng dõi Đa-vít luôn có để cai trị dân I-xơ-ra-ên và dòng dõi vua không bao giờ bị tiêu diệt. Nhưng theo một phương diện khác, giao ước này có điều kiện: Nếu con trai của vua vâng lời Đức Chúa Trời cùng trung thành với Ngài thì con trai ấy sẽ ngồi trên ngai I-xơ-ra-ên. Còn ngược lại, nếu con cái vua không vâng phục và bất trung với Đức Chúa Trời thì Ngài sẽ truất phế họ (7:17-18). Khi dân sự bất tuân, Đức Chúa Trời cho hạn hán xảy ra trên xứ để cảnh báo họ (7:13). Câu Kinh Thánh chính của sách này gói ghém một giải

pháp: "...và nhượng bằng dân sự Ta, là dân gọi bằng danh Ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt Ta và trở lại, bỏ con đường tà, thì Ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó và cứu xứ họ khỏi tai vạ" (so sánh [34:27](#)).

II. Làm ô uế Đền Thờ (10-27)

Phần thứ hai nêu ra một số trường hợp cụ thể về những con người không tự hạ mình trong lịch sử của dân Giu-đa. Hận hán và chiến tranh xảy ra trong xứ vì có tội lỗi của họ. Đền Thờ tại Giê-ru-sa-lem cũng được dùng như một nhiệt kế đo nhiệt độ thuộc linh của dân Giu-đa. Vua Sa-lô-môn xây dựng Đền Thờ này khi vua tin cậy rằng Đức Chúa Trời là Đấng cho đất nước được thái bình ([IISu 2Sb 22:9-10,17-19](#)). Trái lại ông Ba-ê-sa, vua của vương quốc I-xơ-ra-ên ở miền Bắc, phải ngưng ngay công tác xây đồn lũy ở Ra-ma khi vua bị quân thù tấn công ([IISu 2Sb 16:5](#)). Một số vị vua gian ác lấy đi vàng bạc trong Đền Thờ và bỏ mặc Đền Thờ trong tình trạng hư nát ([12:9](#); [16:2-3](#)). Một vị vua nhân đức lo sửa chữa Đền Thờ để thờ phượng Đức Chúa Trời ([15:18](#); [24:14](#)). Trong ISử Ký lòng trung thành của các vua đối với Đức Chúa Trời được thử nghiệm qua công tác xây dựng nhà của Đức Chúa Trời. Còn trong 2Sử Ký, tấm lòng của họ đối với Đức Chúa Trời được thử nghiệm qua việc tu bổ nhà của Ngài.

Khi một vị vua gian ác làm điều xấu xa tội lỗi, toàn dân phải chịu khốn khổ dưới sự hình phạt của Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời luôn sẵn lòng phục hồi họ với điều kiện họ phải hạ mình xuống trước mặt Ngài. Vua Rô-bô-am con trai của vua Sa-lô-môn, người gây ra cảnh đất nước chia đôi là một trường hợp điển hình về điều này. Dù là một vị vua gian ác, nhưng rốt cuộc Đức Chúa Trời ban phước cho vua vì vua hạ mình xuống trước mặt Ngài ([12:12](#)).

III. Phá hủy Đền Thờ (28-36)

Điểm khác biệt rõ rệt giữa I Sử Ký và hai sách Các Vua là: hai sách Các Vua mô tả các vua theo một hướng nhất định: hoặc hoàn toàn tốt, hoặc hoàn toàn xấu. Còn IISử Ký nêu ra các chi tiết bày tỏ những biến đổi trong lòng họ. Dĩ nhiên, điều quan trọng là Đức Chúa Trời luôn phục hồi họ nếu họ ăn năn, hạ mình xuống trước mặt Ngài. Có những vị vua gian ác, xấu xa nhưng biết hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời và được phục hồi. Đó là Rô-bô-am ([12:6-7,12](#)), một số người trong chi phái A-se ([30:11](#)) và Ma-na-se, vị vua gian ác nhất trong lịch sử dân Giu-đa ([33:12,19](#)).

Trái lại, có những vị vua lúc đầu nhân đức sau trở thành xấu xa chẳng hạn như vua Giô-ách ([24:22](#)), vua A-ma-xia ([25:19,27](#)), vua Ô-xia ([26:16](#)) và vua Ê-xê-chia ([32:25-26](#)). Nan đề chính của họ là gì? Kiêu ngạo. Và Đức Chúa Trời bảo họ làm gì? Hạ mình xuống trước mặt Ngài ([7:14](#)).

Tác giả đặc biệt viết về những vị vua tiêu biểu: Giô-tham, một vị vua nhân đức hiếm có. Vua trở nên cường thịnh vì sống chính trực trước mặt Đức Chúa Trời ([27:6](#)). Đối lập với vua Giô-tham là Xê-đê-kia, một vị vua gian ác. Ngay cả khi Đức Chúa Trời sửa phạt vua, vua vẫn không chịu hạ mình xuống trước mặt Ngài

([36:12](#)). Những người không chịu ăn năn đều bị Đức Chúa Trời hạ nhục trước mặt người ta ([28:19](#)). Trong phần cuối lịch sử của dân Giu-đa, Đức Chúa Trời nhận định rằng tình trạng tội lỗi của họ trở nên tồi tệ “chẳng còn phương chữa được” ([36:16](#)). Cuối cùng, Đức Chúa Trời thi hành phán quyết của Ngài và đưa họ vào chốn lưu đày.

Tuy nhiên sách không kết thúc trong tuyệt vọng mà là hy vọng. Si-ru, hoàng đế xứ Ba Tư, ban sắc lệnh cho dân Giu-đa trở về Giê-ru-sa-lem và xây dựng lại Đền Thờ ([36:22-23](#)). Đức Chúa Trời sửa phạt chứ không từ bỏ tuyển dân của Ngài.

Ông Winston Churchill nói rằng: “Thành công không phải là chung cuộc; thất bại không phải là đòn chí mạng. Chỉ can đảm là điều đáng kể” (“Success is never final; Failure is never fatal; It is courage that counts”).

Sứ điệp trong 2Sử Ký cũng tương tự như vậy. Tuy nhiên, điều đáng kể trong 2Sử Ký không phải là can đảm mà là lòng khiêm nhu.

Trọng tâm

Thành công không phải là chung cuộc; thất bại không phải là đòn chí mạng; tự hạ mình mới là đáng kể.

Thực hành

Thành công và thất bại là hai điều khó xử lý nhất trong cuộc sống. Thành công khiến chúng ta kiêu ngạo. Còn thất bại khiến chúng ta nản lòng và bỏ cuộc. Để tránh tình trạng này, chúng ta cần học tập khiêm nhu. Khi thành công, cần hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời và tự nhủ chúng ta chỉ thành công nhờ ơn phước Chúa ban cho mà thôi. Khi thất bại, cần nhận biết Đức Chúa Trời cho phép thất bại xảy đến trong đời sống chúng ta nhằm hạ chúng ta xuống để sau đó Ngài có thể phục hồi chúng ta. Có thể Đức Chúa Trời phải hình phạt chúng ta khi chúng ta phạm tội. Nhưng một khi chúng ta còn sống, Ngài sẽ ban cho chúng ta cơ hội để được phục hồi.

Chúng ta cần nhận biết rằng có những sự việc lẫn con người mà Đức Chúa Trời đưa đến trong đời sống chúng ta để giữ chúng ta khiêm nhường. Đôi khi Ngài đưa đến một vấn đề rắc rối, đôi lúc Ngài đưa đến một người. Cũng có khi Ngài đưa đến một điều bất lợi hoặc bệnh tật. Đối với chúng ta có lẽ những lời phê bình gay gắt và những con người khắt khe là khó chấp nhận nhất. Có khi chúng ta cho rằng họ là ‘sứ giả của Sa-tan’ được sai đến để ‘cho một cái giẫm xóc vào thịt chúng ta’ ([II Co 2 Cr 12:7](#)). Nhưng Đức Chúa Trời có thể sử dụng ngay cả ‘sứ giả của Sa-tan’ để giữ chúng ta khiêm tốn. Có những lúc chúng ta cần cẩn thận lắng nghe những điều mà ‘kẻ thù’ thuộc loại này nói về chúng ta hơn là lắng nghe bạn bè. Bạn bè của chúng ta thường khen ngợi chúng ta, rồi chúng ta tin lời họ và nghĩ rằng chúng ta thật tuyệt vời. Rắc rối một điều là thông thường những lời giáo huấn giữ chúng ta tinh thần khiêm tốn lại phát xuất từ môi miệng của ‘kẻ thù’ chúng ta, là những người không khi nào ủng hộ chúng ta cả. Đây là nhưng ‘tấm kính chiếu hậu’ của Đức Chúa Trời trong cuộc sống chúng ta để giúp chúng ta loại bỏ những ‘điểm

mù' của mình. Kẻ thù tồi tệ nhất của bạn có thể hoá thành tiên tri của Đức Chúa Trời.

E-XƠ-RA

Tác giả: Không rõ (E-xơ-ra?)

Thời kỳ hình thành sách: sau thời kỳ lưu đầy

Mục đích: Nhằm khích lệ người Do thái trở về lập quốc

Đối tượng: Những người muốn biết phương cách nhận lại ân huệ của Đức Chúa Trời.

Tản mạn

Một ông kia phạm tội tà dâm, li dị vợ, bỏ gia đình và hội thánh. Giờ đây, ông quay về nói rằng ông thật lòng ăn năn và muốn trở về với hội thánh. Ông công nhận rằng ngoại tình là tội lỗi và công nhận ông hoàn toàn sai khi li dị vợ cũ cùng bỏ rơi gia đình cũ. Nhưng bà vợ thứ hai đang mang thai nên ông không thể bỏ bà ấy. Dầu vậy ông và bà ấy muốn trở thành thành viên của hội thánh bạn

Giả sử bạn đang lãnh đạo một hội thánh. Bạn nghi rằng người đàn ông này không thật lòng ăn năn. Bạn phải làm gì? Ông đã xưng nhận tội lỗi rồi. Nhưng nếu bạn chấp nhận cho ông ta gia nhập vào hội thánh thì có công bằng đối với người vợ trước của ông không?

Chúng ta có thể tìm thấy lời giải đáp cho câu hỏi khó này trong sách E-xơ-ra. Câu giải đáp này phát xuất từ số vốn hiểu biết đúng mức về lòng ăn năn.

Thâm nhập

Tương tự sách Sử Ký, sách E-xơ-ra được viết cho thành phần những người vừa trải qua sự sửa phạt của Đức Chúa Trời và cần nối lại mối tương giao với Ngài. Sách 2Sử Ký dạy rằng họ phải tự hạ mình xuống. Còn sách E-xơ-ra dạy họ phải ăn năn. Thế nào là ăn năn thật? Dường như các tín hữu thời nay cảm thấy bối rối về vấn đề này. Vì vậy sách E-xơ-ra giúp chúng ta hiểu rõ sự ăn năn theo quan điểm của Đức Chúa Trời.

I. Dân sự tái thiết Đền Thờ (1-6)

Phần thứ nhất chép về đợt hồi hương đầu tiên của dân sự từ chốn lưu đầy. (Có tất cả ba đợt hồi hương). Phần này tập trung kêu gọi dân sự Đức Chúa Trời tham gia tái thiết Đền Thờ. Tác giả ghi lại những khó khăn mà dân sự phải đối diện và những kỳ công của các đầy tớ trung thành của Đức Chúa Trời. Nhưng sang phần hai, ông E-xơ-ra lãnh đạo công tác phục hồi dân của Đức Chúa Trời. Trong lúc dân sự tái thiết Đền Thờ, có một nhóm người đến xin được 'đồng công cộng tác' với họ. Nhưng ông Xô-rô-ba-bên và các trưởng tộc của dân I-xơ-ra-ên từ khước. Vì thế, nhóm người này tìm mọi cách ngăn cản công việc của Đức Chúa Trời (Chương 4).

Những người không thật lòng ăn năn cũng giống như vậy. Họ quan tâm đến công việc của bản thân họ hơn là công việc của Đức Chúa Trời. Nếu họ không thể thành công, họ cũng không muốn người khác thành công. Họ thích là cho mọi người đau khổ thay vì học tập mang lấy gánh nặng cho người khác.

Tuy vậy nhờ tiên tri A-ghê và tiên tri Xa-cha-ri khuyến giục dân sự nên rốt cuộc dân sự hoàn tất công tác tái thiết Đền Thờ tại Giê-ru-sa-lem.

II. Dân sự trở về với Đền Thờ (7-10)

Giữa chương 6 và chương 7 của sách E-xơ-ra có một thời gian khoảng chừng sáu mươi năm. Phần thứ hai ghi lại đợt hồi hương thứ hai do chính ông E-xơ-ra cầm đầu. Ông E-xơ-ra là thầy tế lễ và chức vụ của ông chủ yếu tập trung vào việc lập lại mối tương giao giữa dân sự với Đức Chúa Trời. Tiến trình phục hồi này chưa xong trong khi công tác tái thiết Đền Thờ đã kết thúc. Tám mươi năm sau đợt hồi hương thứ nhất trong xứ vẫn còn nhiều tội lỗi. Nhiều độc giả còn xa lạ với Kinh Thánh Cựu Ước có thể nghĩ rằng trong thời lưu đày có lẽ dân Do Thái học xong các bài học về tội lỗi. Nhưng thực tế không phải là như vậy. Trong thời kỳ lưu đày, dân sự nhận được vài bài học thuộc linh. Nhưng họ vẫn phải chiến đấu với nhiều tội lỗi tương tự như những tội lỗi mà cha ông họ đã phạm trong thời trước.

Trong lời cầu nguyện với Đức Chúa Trời, ông E-xơ-ra thưa rằng Đức Chúa Trời đã ban cho dân Do Thái “một phần dư lại” nguyên văn là một “cây cọc của trại” trong Nơi Thánh Ngài (9:8). Đức Chúa Trời không ban cho họ toàn bộ cái trại mà chỉ một cây cọc của cái trại thôi. Dân sự mới bước vào giai đoạn đầu của sự phục hồi. Còn xa lắm mới đến giai đoạn kết thúc. Cây cọc của cái trại chỉ là một điểm tựa để tiến đến sự phục hồi.

Ăn năn là một tiến trình chứ không phải chỉ một lần quyết tâm là đủ. Ăn năn bao gồm quyết tâm lẫn tiến trình phục hồi. Quyết tâm chỉ là điểm tựa để tiến đến sự phục hồi. Nhưng nhiều người lại biến ăn năn thành một chiếc ghế bành. Cắn dừng lại toàn bộ cái trại bắt đầu từng phần một. Ngay cả sau khi ăn năn, phần lớn đời sống chúng ta vẫn còn trong tình trạng bất ổn. Tình trạng này là kết quả của những năm tháng phạm tội và thờ ơ đối với Chúa.

Chúng ta đừng ngây thơ nghĩ rằng chỉ cần một quyết định là toàn bộ cuộc sống của chúng ta sẽ trở lại bình thường. Khi chúng ta xưng nhận tội lỗi mình thì Đức Chúa Trời tha thứ cho chúng ta nhờ Chúa Cứu Thế. Tuy nhiên, hậu quả của các tội lỗi mà chúng ta đã phạm trong quá khứ vẫn còn đó. Vì vậy chúng ta cần khép mình vào một chương trình học tập cầu nguyện và học Kinh Thánh để học lại những phương cách mới giúp chúng ta chống lại tội lỗi và sự cám dỗ.

Trọng tâm

ăn năn bao gồm cả quyết tâm lẫn tiến trình phục hồi.

Thực hành

Bạn có cho con người ‘ăn năn hồi cải’ gia nhập hội thánh của bạn không? Tôi sẽ chấp nhận nếu nơi ông ấy có những dấu hiệu bày tỏ lòng khiêm nhu. Một trong

những dấu hiệu ấy là ông ta chấp nhận một thời gian thử nghiệm. Trong suốt thời gian này ông tham gia (chứ không phải chỉ tham dự) vào chương trình học tập làm môn đệ của Chúa. Chương trình này hoàn toàn không nhằm phạt ông ta, nhưng nhằm xác định rằng ông không đối xử với người vợ sau như đã đối xử với người vợ trước. Ông cần tìm hiểu nguyên nhân đã khiến ông phạm tội tà dâm khi trước và học tập phương cách giúp ông chiến thắng sự cám dỗ trong tương lai. Nếu ông ta không thường xuyên hoặc không nhiệt tình tham gia chương trình này, hoặc ông không làm tròn nhiệm vụ của mình thì người lãnh đạo hội thánh có quyền dứt phép thông công ông. Ngược lại, nếu trong thời gian ông ta tham gia chương này, nếu lãnh đạo hội thánh nhận thấy ông thật lòng ăn năn thì nên tiếp nhận ông làm thuộc viên của hội thánh đồng thời cho phép ông dự tiệc thánh.

Ông ta có thể phản ứng theo một trong ba cách. Thứ nhất, ông rút lại ý định của mình đối với hội thánh, thậm chí có thể ông nổi giận với hội thánh. Nếu ông hành động như thế, chắc chắn là ông chưa thật lòng ăn năn. Nếu khi đó hội thánh bạn loại bỏ ông thì không ai có thể lên án hội thánh bạn đã làm điều sai vì đó là quyết định của ông ta. Thứ hai, có thể ông ta chấp thuận tham gia chương trình môn đệ hóa, nhưng không có quyết tâm theo trọn chương trình này. Rồi ông lại phạm tội một lần nữa. Như vậy ông chưa ăn năn thật. Ông chỉ muốn hưởng những quyền lợi của một thuộc viên trong hội thánh nhưng ông không có mối thông công đúng đắn với Đức Chúa Trời. Thứ ba, ông theo trọn chương trình và thật sự trở về với Đức Chúa Trời và hội thánh. Rồi đây hội thánh bạn sẽ nhận được phần thưởng ân điển Đức Chúa Trời.

E-XƠ-RA

Ý chính: ĐỀN THỜ (và) DÂN SỰ

Chủ đề chính: Nhà Đức Chúa Trời

Cụm từ chính: ‘Đền (đền thờ, nhà) của Đức Chúa Trời’ (33 lần)

Câu chính: “Song bây giờ, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi tạm làm ơn cho chúng tôi, để một phần dư lại của chúng tôi thoát khỏi, và ban cho chúng tôi một cái đình ở trong chỗ thánh này; hầu cho Đức Chúa Trời chúng tôi soi sáng con mắt chúng tôi và khiến cho chúng tôi ở giữa sự nô lệ mình được dấy lên một chút.”

([Exo Er 9:8](#))

Bài học chính: Sự ăn năn bao gồm cả quyết tâm lẫn tiến trình phục hồi.

NÊ-HÊ-MI

Tác giả: Không rõ (ông E-xơ-ra và ông Nê-hê-mi?)

Thời kỳ hình thành sách: Sau thời kỳ lưu đày

Mục đích: Nhắc Đức Chúa Trời nhớ đến những việc làm của người trung thành với Ngài

Đối tượng: Những người làm công việc Chúa, đang gặp chống nghịch và thu gặt được ít kết quả.

Tán mạn

Vào mùa hè năm 1990, bức tường Berlin cuối cùng đã bị phá đổ. Sự kiện này đem lại một niềm vui lớn cho cả Đông Đức lẫn Tây Đức. Thế thì vì sao chúng ta lại nghiên cứu sách Nê-hê-mi - một quyển sách chép về việc xây dựng tường thành? Chẳng phải chúng ta nên cổ vũ cho việc phá đổ những bức tường ngăn cách? ([Eph Ep 2:14](#)). Chuyện ở đây là chuyện khác. Trong sách Nê-hê-mi, tường thành Giê-ru-sa-lem đổ nát là điều sỉ nhục đối với dân sự của Đức Chúa Trời ([2:17](#) so sánh [5:9](#)). Vì thế xây dựng tường thành Giê-ru-sa-lem là làm công việc Đức Chúa Trời. Mặc dầu đây là một công tác thuộc thể, nhưng không kém phần vinh dự so với công tác của ông E-xơ-ra là phục hồi đời sống thuộc linh cho dân sự của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời thấy thật cần và đúng khi dành trọn một sách trong Kinh Thánh cho tất cả những người thực hiện các công tác kém màu sắc ‘thuộc linh’ và ‘hấp dẫn’, chẳng hạn như: sửa chữa hoặc lái xe tải, đánh máy, giữ sổ sách kế toán, sửa mái nhà dột... Tất cả đều làm việc vì vinh hiển của Đức Chúa Trời. Sách Nê-hê-mi bày tỏ điều Đức Chúa Trời nghĩ về những người như thế cùng các công việc mà họ đảm nhận.

Thâm nhập

Những sự việc trong sách này diễn ra sau thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn. Dưới sự hướng dẫn của ông Xô-rô-ba-bên và ông E-xơ-ra, những người Do Thái hồi hương trong lần thứ nhất và lần thứ nhì bắt tay vào công tác tái thiết Đền Thờ. Nhưng các tường thành Giê-ru-sa-lem vẫn còn trong tình trạng đổ nát. Ông Nê-hê-mi cư mang thực trạng này. Ngoài ông ra, hình như chỉ có một số ít người khác quan tâm đến việc này. Có lẽ họ không nhận thấy tầm quan trọng của công tác thuộc thể đó. Có lẽ họ không hiểu rằng tái thiết tường thành là làm việc cho Đức Chúa Trời. Nhưng ông Nê-hê-mi nhận biết điều đó. Vì vậy, ‘làm công việc của Đức Chúa Trời’ trở thành mục đích của cuộc đời ông và cũng là chủ đề của sách này.

I. Công cuộc tái thiết tường thành (1-7)

Trong phần thứ nhất của sách, làm công việc của Đức Chúa Trời là tái thiết lại tường thành Giê-ru-sa-lem. Đây là công việc thuộc thể nặng nhọc. Nhưng ông Nê-hê-mi nhận biết rằng công việc này cũng có liên quan đến cuộc chiến thuộc linh.

Cầu nguyện là ‘bí quyết’ đưa ông Nê-hê-mi đến thành công. Trong nửa phần đầu của sách, ông cầu nguyện tám lần. Trong nửa phần thứ hai của sách, ông cầu nguyện bốn lần nữa. Chắc chắn đời sống của ông là một đời sống cầu nguyện. Ông Nê-hê-mi gặp những trở ngại lớn và nhiều cuộc chống đối thuộc linh. Nhưng ông đương đầu với cơn khủng hoảng bằng sự cầu nguyện - và cuối cùng ông chiến thắng.

II. Phục hồi luật pháp (8-13)

Trong phần sách thứ nhất, làm công việc của Đức Chúa Trời liên quan đến công tác tái thiết tường thành. Còn phần sách thứ hai tập trung vào việc phục hồi luật pháp của Đức Chúa Trời trong đời sống của dân sự. Nếu đời sống tâm linh của cư dân trong thành phố đang bất ổn thì việc xây bức tường vững chắc bao quanh thành phố có ích gì? Do đó, phần công tác của ông E-xơ-ra là đốc thúc dân sự cam kết sống theo luật pháp của Đức Chúa Trời. Một lần nữa, cầu nguyện là ‘bí quyết’ giúp hai ông thành công ([8:6](#); [9:3](#), [5-38](#)).

Nhưng nếu nói rằng chỉ cần cầu nguyện là bảo đảm thành công thì chúng ta lại đơn giản hoá vấn đề. Chúng ta phải cầu nguyện về vấn đề gì? Ông Nê-hê-mi đã cầu nguyện về vấn đề gì?

Ông cầu nguyện về hai vấn đề sau đây:

Thứ nhất, ông cầu xin Đức Chúa Trời nhớ lại tất cả những việc mà kẻ thù nghịch ông đã làm ([6:14](#); [13:29](#)). Trong phần sách thứ nhất, ông phải đương đầu với sự khó khăn lớn nhất khi kẻ thù ngăn cản chống nghịch công việc của ông. Nhưng nhờ cầu nguyện ông không phản ứng quá gay gắt và không trả thù kẻ chống nghịch ông. Khi làm công việc Đức Chúa Trời, chúng ta mắc phải rắc rối to là vì đôi khi chúng ta lo tự vệ và mãi mê tấn công ‘kẻ thù’ đến mức chúng ta không còn đủ sức để thực hiện công việc thật sự hữu ích.

Điều thứ hai, ông Nê-hê-mi cầu xin Đức Chúa Trời nhớ lại tất cả những việc mà ông đã làm (5 lần). Trong phần thứ nhất ông Nê-hê-mi cầu xin Đức Chúa Trời nhớ lại việc ông đã thực hiện cho dân sự, tức là tái thiết tường thành ([5:19](#)). Sang phần thứ hai, ông cầu xin Đức Chúa Trời nhớ lại việc ông đã thực hiện cho Ngài, tức là phục hồi luật pháp ([13:14](#), xem thêm [13:22,31](#)). Trong phần một, ông gặp khó khăn từ phía quân thù. Còn trong phần hai ông gặp khó khăn từ chính đồng bào của ông.

Chúng ta hãy thẳng thắn công nhận điều này. Làm công việc Đức Chúa Trời đôi lúc rất dễ nản lòng và mất tinh thần. Giống như ông Nê-hê-mi, kết quả của những công việc mà ông đã thực hiện dường như không bền vững. Dân sự Đức Chúa Trời có khuynh hướng quay về với lối sống tội lỗi cũ ([13:7,10,15,23](#)).

Điều gì kèm giữ ông Nê-hê-mi lại, không cho ông bỏ cuộc, từ chức để nghỉ ngơi hoặc trở vào thần học viện mong kiếm bằng cấp cao hơn? Ông cầu nguyện và cầu xin Đức Chúa Trời nhớ đến việc ông đã làm. Đức Chúa Trời có nhớ đến ông không? Đức Chúa Trời không chỉ nhớ đến ông Nê-hê-mi mà Ngài còn nhớ đến nhiều người khác nữa. Nhìn vào bảng danh sách dân sự trong Chương 7 và Chương 10 đến Chương 12 chúng ta thấy tên ông Nê-hê-mi đứng đầu ([10:1](#)).

Trọng tâm

Hãy tiếp tục làm công việc Đức Chúa Trời, và cầu xin Ngài, chứ không phải xin người ta nhớ đến việc bạn đã thực hiện.

Thực hành

Trong hội thánh, có rất nhiều người trước kia từng phục vụ Chúa, nhưng giờ đây,

một nỗi sợ ám ảnh họ khiến họ không tham gia công tác nữa. Nào ai dám chê trách họ? Sự chống đối và kết quả kém là hai nguyên nhân khiến ai ai cũng nản lòng. Chính vì vậy mà có rất nhiều câu trong Kinh Thánh nhắc nhở người phục vụ Đức Chúa Trời đừng nản chí, ngã lòng ([Thi Tv 90:17](#); [ICo1Cr 15:58](#); [IICo 2Cr 4:1](#); [GaGl 6:9](#); [HeDt 6:10](#); [12:3,13](#)). Trong quân đội của Đức Chúa Trời, chúng ta không cần những người lính làm nghĩa vụ vài năm, nhưng chúng ta cần những người lính chuyên nghiệp. Chúng ta không thể nào chấp nhận tốn kém thời gian, công sức, tiền bạc huấn luyện nhiều người để một thời gian sau họ bỏ ngang công việc, không phải vì thương tật vĩnh viễn nhưng chỉ vì mệt mỏi, chán chường. Dưới bất kỳ hình thức nào, nếu bạn dự phần vào công tác mở mang vương quốc của Đức Chúa Trời và làm vinh hiển danh Ngài thì bạn là một người phục vụ thật của Ngài. Trong hội thánh, có những người chuyên lo các công việc thuộc linh tương tự như ông E-xơ-ra. Đừng xem những người làm công tác tương tự như ông Nê-hê-mi là kém quan trọng. Kẻ thù, và tự thân công việc thừa sức làm chúng ta nản lòng rồi.

Trong lúc chúng ta đang bàn về kẻ thù xin tất cả những ai đang chống đối công việc của Đức Chúa Trời thận trọng. Đức Chúa Trời và tất cả các tín hữu nhớ đến danh tánh của Tô-bi-gia và San-ba-lát là những người cản trở công việc của Đức Chúa Trời. Rất có thể ông Tô-bi-gia và ông San-ba-lát không ngờ rằng chính họ là những con người xấu xa. Nhưng trước mặt Đức Chúa Trời, họ là những kẻ xấu vì họ cản trở công việc của Ngài. Những ai luôn luôn phản đối mạnh mẽ những nghi lễ và các nguyên tắc hãy thận trọng: bạn có thể trở thành một Tô-bi-gia hoặc một San-ba-lát vì bạn đang cản trở công việc của Đức Chúa Trời đang đà tiến triển. Còn những ai đang phải đương đầu với các Tô-bi-gia và San-ba-lát trong thế gian này, thì nên nhớ rằng Đức Chúa Trời dựa vào những kết quả gặt hái được qua công tác phục vụ của bạn để ban hào quang cho bạn. Ngài mong mỏi thấy bạn trung tín và kiên trì. Nên dành thì giờ cầu nguyện và lắng nghe Đức Chúa Trời nhắc bạn nhớ đến điều này.

NÊ-HÊ-MI

Ý chính: TUỜNG THÀNH (và) LUẬT PHÁP

Chủ đề chính: Công việc của Đức Chúa Trời

Cụm từ chính: ‘Đức Chúa Trời ôi, xin nhớ đến tôi’ (4 lần)

Câu chính: “Đức Chúa Trời ôi! Vì có điều này, xin nhớ đến tôi, và chớ bôi xóa các việc tốt lành mà tôi đã làm vì đền của Đức Chúa Trời tôi và về điều phải giữ gìn tại đó.” (Nê-hê-mi 13:14)

Bài học chính: Hãy tiếp tục làm công việc Đức Chúa Trời, và cầu xin Ngài chứ không phải xin người ta nhớ đến việc bạn đã thực hiện.

Ê-XƠ-TÊ

Tác giả: Không rõ (Mạc-đô-chê?)

Thời kỳ hình thành sách: Sau thời kỳ lưu đày

Mục đích: Nhằm cho chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời luôn che chở bảo vệ dân Ngài ngay cả khi họ sống ở nơi xa xăm, hẻo lánh.

Đối tượng: Dân Đức Chúa Trời là một thiểu số bị bắt bớ.

Tân mạn

Ngay trước và trong cuộc cách mạng ở Mỹ, một nhóm người có vũ trang tuyên thệ luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng nhập ngũ chiến đấu khi có lệnh điều quân khẩn cấp. Họ là những người nông dân bình thường, người chủ cửa hiệu và các cư dân khác trong thành phố. Để có thể làm trọn lời hứa nguyện, họ phải luyện tập cho thành thục, luôn luôn cảnh giác, và lúc nào cũng mang vũ khí bên mình. Do đó, người ta gọi họ là đội quân trừ bị ‘cấp giây’ (giây phút). Ngày nay, ở Mỹ có một loại vũ khí được đặt tên theo tên của đội quân này.

Sách Ê-xơ-tê bày tỏ rằng trong lĩnh vực thuộc linh, Đức Chúa Trời cũng cần những nam nữ dân quân trừ bị trong đội quân của Ngài. Ngài cho phép ‘những việc ngẫu nhiên’ xảy ra để đặt dân Ngài vào đúng vị trí và đúng thời điểm. Thường g thường dân của Đức Chúa Trời không hiểu vì sao Ngài đặt họ vào nơi đó. Năm này qua năm khác, họ sống và làm việc tương tự như láng giềng và đồng nghiệp chưa tin Chúa. Nhưng thành linh Đức Chúa Trời kêu gọi họ bắt tay vào việc. Luyện tập và trang bị đòi hỏi nhiều năm trời. Nhưng khi Đức Chúa Trời kêu gọi bạn phải sẵn sàng vào việc ngay trong thời gian ngắn. Có thể lắm Đức Chúa Trời muốn bạn bắt tay vào việc liền sau khi Ngài kêu gọi bạn.

Thâm nhập

Sách Ê-xơ-tê chép về câu chuyện dân Do Thái sống lưu đày tại đế quốc Ba Tư.

Thời nay cũng như thời xưa người Do Thái là thiểu số bị bắt bớ. Tuy vậy một số rất ít người vẫn đạt đến được những vị trí có quyền lực lớn. Họ là dân của Đức Chúa Trời. Nhưng sao họ lại bị bắt bớ? Và họ có thể làm gì để khỏi bị diệt chủng?

Sách Ê-xơ-tê sẽ trả lời cho chúng ta.

I. Dân của Đức Chúa Trời bị bức hại (1-5)

Năm chương đầu của sách này giải thích nguyên nhân dẫn đến việc tiêu diệt dân của Đức Chúa Trời. Ông Mạc-đô-chê, một người Do Thái tin kính Chúa và là anh họ của bà Ê-xơ-tê, khước từ tiếp nhận văn hoá của người Ba Tư vì điều đó có thể gây tổn hại đến đức tin của ông. Tể tướng Ha-man ra lệnh cho tất cả các quan chức khác trong hoàng cung đều phải cúi mình tỏ lòng tôn kính mình. Nhưng ông Mạc-đô-chê không cúi mình chào kính tể tướng Ha-man. Vì vậy tể tướng Ha-man âm mưu diệt trừ ông Mạc-đô-chê và toàn bộ dân tộc của ông Mạc-đô-chê - tức là dân Do Thái ([3:5-6](#)). Dường như đây cũng chính là hình ảnh mô tả cuộc sống của Cơ Đốc nhân. Thường thường là nếu bạn yêu mến Đức Chúa Trời và vâng giữ các

điều răn luật lệ của Ngài thì rốt cuộc bạn sẽ bị người ta bức hại (xem [Mat Mt 5:11](#); [2Ti 3:12](#)).

Nhưng vì sao Đức Chúa Trời để cho người ta bức hại dân của Ngài? Phải chăng Đức Chúa Trời cho phép điều đó xảy ra để giữ dân Ngài khỏi bị đồng hoá và khỏi mất dân tộc tính? Đức Chúa Trời đặt để chúng ta sống trong thế gian này. Trên nhiều phương diện Ngài đặt chúng ta sống trong lãnh thổ của kẻ thù nghịch. Thế gian này không phải là quê nhà của chúng ta. Nhưng đôi lúc chúng ta quên sự kiện này nên chuốc lấy khó khăn, rắc rối vì mãi lo rập theo tiêu chuẩn của thế gian. Nhưng khi nào người ta không chấp nhận những việc làm công chính của chúng ta thì lúc ấy chúng ta biết chắc rằng chúng ta được nhìn nhận là dân của Đức Chúa Trời.

Phần thứ nhất của sách không chỉ ghi lại nguyên nhân dẫn đến cuộc mưu sát mà còn ghi lại sự chuẩn bị cho dân sự Đức Chúa Trời. Mặc dầu sách này không nhắc đến danh của Đức Chúa Trời, nhưng rõ ràng có quá nhiều việc ngẫu nhiên xảy ra theo sự sắp đặt của Ngài mà người ta không giải thích được. Bà Ê-xơ-tê trở thành hoàng hậu của đế quốc Ba Tư trong hoàn cảnh khá đặc biệt. Ông Mạc-đô-chê tình cờ nghe được âm mưu sát hại vua và ông đã có thể chặn đứng âm mưu ấy. Rồi có một đêm, vì mất ngủ vua truyền đem sách lịch sử đất nước ra đọc. Nhờ đó vua mới đọc đến lòng can đảm của ông Mạc-đô-chê trong việc ngăn chặn âm mưu ám hại vua.

II. Dân của Đức Chúa Trời được bảo toàn (6-10)

Nhưng Đức Chúa Trời chuẩn bị ông Mạc-đô-chê và bà Ê-xơ-tê nhằm mục đích gì? Đức Chúa Trời muốn dùng họ để bảo toàn dân Ngài. Phần thứ hai của sách chép rất rõ ràng về điều này.

Nhờ cứu vua khỏi bị ám hại nên ông Mạc-đô-chê được vua ban thưởng. Ông Mạc-đô-chê đã chứng tỏ rằng ông là bầy tôi trung thành. Bà Ê-xơ-tê tự tìm cơ hội để yết kiến vua. Đây là một hành động rất nguy hiểm và khác thường, vì theo luật pháp, người ta phải chờ có lệnh vua triệu đến mới được yết kiến vua. Nếu vua không chấp nhận cho bà Ê-xơ-tê yết kiến vua, chắc chắn bà sẽ bị xử tử. Nhưng một lần nữa, có vẻ như tình cờ mà vua chấp nhận lời thỉnh cầu của bà Ê-xơ-tê. Bà bày tỏ cho vua biết rằng tể tướng Ha-man và phe phái của ông mưu toan tàn sát bà và toàn bộ dân tộc của bà, tức là dân Do Thái. Vua ra lệnh treo cổ tể tướng Ha-man rồi ban sắc lệnh cho phép người Do Thái tự vệ khi bị kẻ thù tấn công.

Đừng quên là sách còn gói ghém ý mỉa mai nữa. Phần nửa trước của sách trình bày một tình thế có vẻ như một cuộc khủng hoảng thực sự nhưng rốt cuộc biến thành cơ hội cho dân Đức Chúa Trời đắc thắng và ăn mừng. Sang phần sách thứ hai tình thế thay đổi hoàn toàn ([9:1](#)). Trong phần thứ nhất vua trao nhậm cho ông Ha-man ([3:10](#)). Sang phần thứ hai, người được vua trao nhậm là ông Mạc-đô-chê ([8:2](#)).

Trong phần một ông Mạc-đô-chê khước từ cúi mình xuống trước mặt ông Ha-man ([3:2](#)). Trong phần hai, ông Ha-man phủ phục nơi chân hoàng hậu Ê-xơ-tê và cầu

khẩn bà cứu mạng (7:8). Trong phần thứ nhất, ông Ha-man kiêu ngạo, khoe khoang về sự giàu có và địa vị của mình (5:11). Sang phần thứ hai, ông Ha-man bị treo cổ trên cây mộc hình mà chính ông cho dựng lên để treo ông Mạc-đô-chê (7:10). Trong phần thứ nhất, tất cả dân Do Thái đều kiêng ăn (4:3,16). Nhưng đến phần thứ hai, dân Do Thái mở tiệc ăn mừng (8:17; 9:17-22). Mở đầu sách, người ta gieo súc sắc để định ngày tàn sát dân Do Thái (3:7). Và kết thúc sách, dân Do Thái ấn định ngày lễ kỷ niệm chiến thắng của họ (9:24tt). Ngày lễ này được gọi là “Phu-rim” (số nhiều của từ ‘pur’, có nghĩa là ‘gieo súc sắc’). Vậy qua câu chuyện này chúng ta rút ra bài học rằng dầu sống trong hoàn cảnh đầy tuyệt vọng, nhưng nếu dân Đức Chúa Trời can đảm đứng về phía Ngài thì họ sẽ chiến thắng khái hoàn.

Trọng tâm

Cánh cửa cơ hội để bạn giúp đỡ dân Đức Chúa Trời sẽ không rộng mở cho bạn mãi mãi.

Thực hành

Đúng vậy, chính Đức Chúa Trời sẽ giải cứu dân của Ngài. Nhưng bạn có sẵn sàng dự phần vào chương trình của Ngài không? Đức Chúa Trời đặt chúng ta ở vị trí chiến lược, vào thời điểm chiến lược để chúng ta có thể giúp đỡ dân Ngài. Ngày nay, trên khắp thế giới, dân sự Đức Chúa Trời đang sống trong cuộc khủng hoảng. Nhiều người đang trải qua cuộc khủng hoảng kinh tế. Nông dân bị đe dọa mất đất canh tác. Người thuê nhà bị đe dọa mất nơi an thân. Công nhân lâm cảnh thất nghiệp. Cơ Đốc nhân nào đang ở trong những vị trí có quyền lực hoặc đang công tác với nhau vẫn có thể thực hiện lẽ công bằng. Một số dân của Đức Chúa Trời đang sống trong cuộc khủng hoảng chính trị. Một số người đang sống trong chốn lao tù. Chúng ta cần viết bài giúp người khác quan tâm đến cảnh khốn khó của họ. Còn một số khác sống trong những gia đình bị khủng hoảng. Họ bị hành hạ, bị lạm dụng nhục nhã. Số còn lại, như dân Do Thái lâm cảnh khổ đau bởi sự bức hại về tôn giáo và chủng tộc. Trước thực trạng này, tương tự như dân Do Thái, chúng ta cần làm ba điều. Thứ nhất, chúng ta phải kiêng ăn và cầu nguyện (4:16). Thứ hai, chúng ta cần lên tiếng và tận dụng cơ hội mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta (4:14). Thứ ba, chúng ta phải sẵn sàng hành động để tìm ra một giải pháp cho dù chính mình chúng ta phải trả giá. Khi ông Mạc-đô-chê kêu gọi bà Ê-xơ-tê cứu nguy dân tộc, bà đáp ứng ngay rằng: “Nếu con phải chết thì con chết” (4:16). Chúng ta phải trang bị cho chính mình một tinh thần sẵn sàng hi sinh giống như vậy.

Tôi thường tự hỏi rằng vì sao trong bữa ăn cuối cùng, không môn đệ nào tình nguyện rửa chân cho nhau? (GiGa 14:1-31) Phải chăng họ không sẵn lòng? Có lẽ vậy. Nhưng tôi nghĩ rằng họ chờ đợi nhau. Dĩ nhiên, tôi không dám võ đoán về điều này. Nhưng có lẽ ai nấy đều nghĩ rằng: “Tôi sẽ làm điều đó nếu không ai khác sẵn lòng làm”. Và kết quả là họ mất cơ hội phục vụ. Câu Kinh Thánh chính của

sách Ê-xơ-tê chép rằng: “Vì nếu con làm thình trong lúc này đây, dân Giu-đa hẳn sẽ được tiếp trợ và giải cứu bởi cách khác, còn con và nhà cha con đều sẽ bị hư mất; song nào ai biết rằng chẳng phải vì cơ cơ hội hiện lúc này mà con được vị hoàng hậu sao?” ([EtEt 4:14](#)). Sứ đồ Phao-lô cũng có cùng ý tưởng đó: “Vậy, đương lúc có dịp tiện, hãy làm điều thiện cho mọi người, nhất là cho anh em chúng ta trong đức tin.” ([GaGl 6:10](#)). Đức Chúa Trời huấn luyện chúng ta trong nhiều năm để chúng ta sẵn sàng bắt tay vào việc trong giây phút Ngài kêu gọi. Bạn có sẵn sàng đáp ứng tiếng kêu gọi của Đức Chúa Trời không? Bạn có phải là quân nhân trừ bị của Đức Chúa Trời, sẵn sàng tác chiến khi Ngài cần không?

Ê-XƠ-TÊ

Ý chính: Đế quốc Ba Tư (và) Lễ Phu-rim

Chủ đề chính: Dân của Đức Chúa Trời

Cụm từ chính: ‘dân Giu-đa’ (51 lần)

Câu chính: “Vì nếu con làm thình trong lúc này đây, dân Giu-đa hẳn sẽ được tiếp trợ và giải cứu bởi cách khác, còn con và nhà cha con đều sẽ bị hư mất; song nào ai biết rằng chẳng phải vì cơ cơ hội hiện lúc này mà con được vị hoàng hậu sao?” ([EtEt 4:14](#))

Bài học chính: Cánh cửa cơ hội để bạn giúp đỡ dân sự của Đức Chúa Trời không rộng mở mãi mãi.

GIÓP

Tác giả: Không rõ (ông Gióp?)

Thời kỳ hình thành sách: Không rõ (thời kỳ các tổ phụ?)

Mục đích: Nhằm ban cho chúng ta sự khôn ngoan để hiểu ý nghĩa của những thử thách trong cuộc đời.

Đối tượng: Dân Đức Chúa Trời đang lâm cảnh hoạn nạn mà không rõ nguyên do.

Tản mạn

Hơn 100 năm về trước, bốn người con của ông Horatio Spafford chết đuối trong một vụ đắm tàu ở Đại Tây Dương. Khoảng một tháng sau, chính ông Spafford đi tàu vượt Đại Tây Dương đến Châu Âu để đoàn tụ với vợ ông, là người sống sót sau vụ đắm tàu. Khi tàu đang đi vào một vùng biển nọ, viên thuyền trưởng báo cho ông Spafford biết rằng chiếc tàu chở các con ông bị đắm trong vùng biển này. Ông Spafford không ngủ được suốt đêm đó. Nhờ vậy ông viết bài thánh ca nổi tiếng ‘Tâm linh tôi, yên ninh thay’.

“Khi tôi được bình tĩnh dòng sông chảy theo đường đời ,

Hoặc lăm thống bi như ba đào sôi ;

Hoàn cảnh dầu ra sao , Christ khuyên cứ nói sắt định :

‘Linh hồn ôi , ta yên ninh , thật yên ninh’” .

Khi lâm cảnh khổ đau hoặc tang tóc, ai ai cũng thắc mắc: Nỗi đau này nhằm mục đích gì? Đức Chúa Trời có công bằng không? Đức Chúa Trời có quan tâm không? Ngài có hiện diện không? Những câu hỏi này ám ảnh chúng ta dù chúng ta đã đặt lòng tin cậy nơi Đức Chúa Trời.

Kinh Thánh dành trọn một sách để giải đáp những câu hỏi này. Đó là sách Gióp, một trong những sách dài nhất của Kinh Thánh. Như vậy chúng tỏ rằng đây là những câu hỏi quan trọng, phải có lời giải đáp thật rõ ràng, cụ thể chứ không mơ hồ, đại khái. Hầu hết các tôn giáo đều phải đối diện với nan đề này nhưng không tìm được lời giải đáp thỏa đáng. Riêng Cơ Đốc giáo có lời giải đáp nào tốt hơn không? Chúng ta hãy tìm câu trả lời trong sách Gióp.

Thâm nhập

Toàn bộ năm phần của sách này cho chúng ta biết con người có thể phản ứng theo một trong năm cách giữa cơn khổ đau. Phần thứ hai, phần dài nhất, viết về cách phản ứng thứ hai và ba - đó là phản ứng của ba bạn của ông Gióp và phản ứng của chính ông Gióp. Phần này ghi lại ba lượt phát biểu của ba bạn và của ông Gióp. Từng người (trong số ba) bạn của ông Gióp lần lượt phát biểu ý kiến. Riêng trong vòng 3, có một người bạn của ông Gióp không phát biểu và ông Gióp đáp lời họ. Nhưng trước khi bàn luận sâu hơn vào phần này, chúng ta cùng xem xét phản ứng thứ nhất đối với nỗi khổ đau.

I. Phản ứng thứ nhất (1-2)

Trước tiên là phản ứng của bà Gióp. Bà bảo ông hãy “nguyên rửa Đức Chúa Trời rồi chết đi” ([Gióp G 2:9](#)). Đây cũng là hướng quyết định của nhiều thanh niên ngày nay: nếu cuộc đời đau khổ, thì kết thúc cuộc đời cho rồi. Nhưng tự tử chẳng phải là giải pháp đâu. Trước hết, tự tử là giết chính mình, mà giết người là điều sai. Thứ hai, tự tử làm khổ người khác nhiều hơn. Thứ ba, một số người không thể tự giết mình được. Cô Joni Erickson muốn tự tử, nhưng cô ta không thể thực hiện việc đó. Cú nhảy làm cho cô ta liệt từ cổ xuống, hai cánh tay không còn cử động được nữa. Tự tử là phản ứng không thể chấp nhận được khi gặp khổ đau.

II. Phản ứng thứ hai (3-31)

Ăn năn là cách phản ứng thứ hai trong nỗi khổ đau. Đây là quan điểm của ba bạn của ông Gióp. Đối với họ, mọi khổ đau đều là hậu quả của tội lỗi. Do đó họ nghĩ rằng chắc ông Gióp có phạm tội nên ông mới lâm vào cảnh khổ đau. Chắc chắn hoạn nạn là kết quả của tội lỗi ([4:7,8](#); [8:20](#); [11:4-6](#); [15:6](#); [20:4-5](#)). Họ khuyên ông Gióp: “Hãy ăn năn đi rồi anh sẽ được phục hồi” ([8:5-6](#); [11:13-15](#); [22:21-28](#)).

Nhưng ông Gióp thấy là mình không phạm một tội nào cả. Phải chăng ông có lý còn các bạn của ông sai? Đúng vậy, đau khổ thường xảy ra vì có tội lỗi; nhưng không phải luôn luôn là như vậy. Cả ông Gióp lẫn các bạn của ông đều không ngờ có cuộc nói chuyện giữa Đức Chúa Trời với Sa-tan. Các bạn của ông Gióp làm tôi nhớ đến nhóm Cơ Đốc nhân ‘Xác định nhu cầu rồi xin cụ thể’ (‘Name it, claim it’) hiện nay. Họ cho rằng có người triền miên khổ đau vì thiếu đức tin nơi Đức Chúa

Trời - và đó là tội lỗi. Khi bạn cần họ nâng đỡ khích lệ nhất thì họ lại là người lên án bạn nhiều nhất. Trong khi phản ứng của bà Gióp là không thể chấp nhận được thì phản ứng của ba bạn của ông Gióp cũng không thể áp dụng được.

III. Phản ứng thứ ba (3-31)

Phản ứng thứ ba là phản ứng của chính ông Gióp. Ông kết luận rằng Đức Chúa Trời không quan tâm, chăm sóc ông. Trong nhiều khía cạnh ông Gióp suy nghĩ rất giống ông Rabbi Kushna trong quyển sách “Vì sao những điều tồi tệ lại xảy đến cho dân của Đức Chúa Trời” (Why Bad Things Happen to Good people) . Ông Rabbi Kushna giải thích rằng khi lớn khôn rồi trẻ em sẽ nhận ra rằng không phải lúc nào cha mẹ cũng có thể sửa chữa đồ chơi cho em được dù họ rất muốn. Tương tự, chúng ta phải thông cảm, chấp nhận hoàn cảnh khi Đức Chúa Trời không thể loại bỏ mọi khổ đau khỏi đời sống chúng ta. Đức Chúa Trời vẫn yêu thương chúng ta. Nhưng quyền năng Ngài có giới hạn, Ngài sẵn sàng loại bỏ khổ đau khỏi cuộc đời chúng ta nhưng không thể. Ngược lại, ông Gióp nghĩ rằng Đức Chúa Trời có quyền năng để loại bỏ khổ đau khỏi đời sống ông nhưng Ngài không sẵn lòng làm điều ấy. Ông gọi Đức Chúa Trời là Đấng Toàn năng (6:4). Ông không nghi ngờ về quyền tể trị cao cả của Đức Chúa Trời nhưng ông nghi ngờ về thái độ sẵn sàng giúp đỡ của Đức Chúa Trời. Cả hai ông Gióp lẫn ông Rabbi Kushna đều phản ứng sai. Kinh Thánh dạy chúng ta rất rõ ràng rằng Đức Chúa Trời vừa có năng lực vừa sẵn sàng giải thoát chúng ta khỏi nỗi khổ đau .

Chương 19:7 tóm tắt lời than vãn của ông Gióp. Giản lược lại thì chúng ta thấy ông than vãn về hai điều: “Đức Chúa Trời ôi, Ngài không quan tâm”, và “Đức Chúa Trời ôi, Ngài không công bằng”. Hàng ngàn năm qua, trên khắp thế giới khi gặp khổ đau, nhiều Cơ Đốc nhân cũng than vãn như vậy với Đức Chúa Trời. Cơ Đốc nhân nào kém cỏi về phần thuộc linh thì lo trấn áp tinh thần để không than vãn như thế. Còn Cơ Đốc nhân nào gần gũi với Đức Chúa Trời hơn thì dám trực diện với nan đề và nói ra những cảm nghĩ sâu xa nhất của họ đối với Đức Chúa Trời.

Dẫu vậy, ông Gióp có đôi điều đáng được công nhận. Dù ngoài miệng ông than phiền Đức Chúa Trời, nhưng sâu thẳm trong tâm hồn ông vẫn tin cậy Đức Chúa Trời. Ông nói rằng: “Dẫu Chúa giết ta, ta cũng còn nhờ cậy nơi Ngài; nhưng ta sẽ bình vực tánh hạnh ta trước mặt Ngài.” (Gióp G 13:15). Và “Còn tôi, tôi biết rằng Đấng Cứu chuộc tôi vẫn sống; đến lúc cuối cùng Ngài sẽ đứng trên đất”

(19:25-27). Khi chìm ngập trong nỗi khổ đau, chúng ta thường bị cám dỗ nói quá mầu còn hơn cả ông Gióp: ‘Đức Chúa Trời ôi, Ngài không quan tâm, Ngài không công bằng’; rồi chúng ta còn thêm: ‘Đức Chúa Trời ôi, Ngài không hiện hữu’. Hễ nói như thế tức là đã bước qua lằn ranh chân thành bộc lộ cảm nghĩ của mình và bước vào con đường dẫn xuống nỗi tuyệt vọng cùng cực. Người nào chối bỏ sự hiện hữu của Đức Chúa Trời thì người đó là kẻ ngu dại (Thi Tv 14:1). Khi hoạn nạn khổ đau có lẽ bạn đâm nghi ngờ về quyền năng của Đức Chúa Trời và nghĩ rằng Ngài không sẵn sàng giải thoát bạn khỏi cảnh ngộ khốn đốn đó. Nhưng đừng

bao giờ nghi ngờ về sự hiện hữu hoặc sự cứu rỗi của Ngài.

Người lâm cảnh, hoạn nạn khổ đau thường mắc phải cái bẫy cám dỗ thứ hai nữa. Đó là tự xem mình là trung tâm. Ông Gióp đã mắc vào bẫy cám dỗ này. Vì khôn đốn trong cảnh hoạn nạn ông không hề ngược đầu lên để thấy rằng dầu sao các bạn của ông vẫn có chủ ý tốt. Đức Chúa Trời vẫn quan tâm, chăm sóc và vẫn tể trị trên toàn thể giới. Ngược lại có những cảnh thật là đẹp khi mà một số Cơ Đốc nhân dù đang khổ đau vẫn quan tâm chăm sóc và an ủi người khác. Bằng chứng tốt đẹp mà ai nấy cần thấy là sự kiện họ sống gần gũi với Đức Chúa Trời.

IV. Phản ứng thứ tư (32-37)

Cách phản ứng thứ tư là phản ứng của ông Ê-li-hu. Ông cho rằng Đức Chúa Trời dùng khổ đau để dạy chúng ta những bài học quan trọng về cuộc sống ([33:14-19](#), [29-30](#); [36:10,15](#)). Hầu hết các mục sư truyền đạo đều chủ trương theo hướng này.

Họ nói rằng, sách này cho thấy khổ đau trong đời sống chúng ta nhắm đến ba mục đích sau đây:

(1) Làm vinh hiển Danh Đức Chúa Trời.

(2) Vô hiệu hoá sự dối trá của Sa-tan.

(3) Tinh luyện đức tin của Cơ Đốc nhân.

Dầu đúng 100% nhưng giải thích như thế là chưa đủ. Nỗi khổ đau dạy người ta nhiều điều hơn nữa. Nhưng vài tuần lễ là đủ cho họ tiếp thu bài. Vậy sao họ lại phải chịu khổ đau hàng mấy tháng trời, thậm chí suốt nhiều năm dài đằng đặc?

V. Phản ứng thứ năm (38-42)

Cuối cùng chính Đức Chúa Trời đưa ra lời giải đáp về sự khổ đau. Nhưng lời đáp của Ngài có tính cách rất huyền bí. Đức Chúa Trời nói chuyện trực tiếp với ông Gióp suốt 5 chương của sách. Nhưng Ngài không hề đề cập đến nỗi khổ đau của ông. Đức Chúa Trời không tiết lộ cuộc nói chuyện giữa Ngài với Sa-tan. Ngài cũng không giải thích nguyên nhân hoặc mục đích của nỗi đau khổ mà ông gánh chịu.

Đức Chúa Trời cũng không kết luận là ông Gióp đúng hoặc sai. Dù ông Gióp quả quyết rằng mình vô tội thì Đức Chúa Trời vẫn không phán quyết đúng sai gì cả. Trái lại, Ngài ‘dồn dập chất vấn’ ông với khoảng 70 câu hỏi về thiên nhiên và các loài thú. Các câu hỏi này có vẻ như chẳng có liên quan gì đến các câu hỏi của ông. Nhưng thật ra đó là các câu giải đáp mà ông Gióp thật sự cần biết.

Ông Gióp than phiền về hai điều chính. Thứ nhất, ông than phiền là Đức Chúa Trời ắt hẳn không đáp lời kêu cầu của ông trong cơn hoạn nạn

([13:3,24](#); [19:7](#); [23:3-5](#); [30:20](#); [31:35](#)). Thứ hai, ông than phiền là Đức Chúa Trời không xét lẽ công bình cho ông. Người công chính phải chịu nhiều khổ đau hoạn nạn còn kẻ ác lại được cường thịnh ([9:22](#); [19:7](#); [21:9](#); [24:1](#); [27:2](#); [34:5](#)). Đức Chúa Trời không quan tâm, Đức Chúa Trời không công bằng.

Đức Chúa Trời đáp lời than vãn của ông Gióp qua hai ‘bài giảng’. Ngài giảng bài thứ nhất từ giữa một trận cuồng phong ([38:1](#)). Các con của ông chết trong một trận

cuồng phong ([1:19](#)). Đức Chúa Trời tỏ cho ông rằng Ngài vẫn nắm quyền điều khiển trận cuồng phong ấy. Rồi Ngài nói đến thế giới tự nhiên. Ngài nhắc nhở ông rằng Ngài là Đấng tạo nên vũ trụ ([38:4tt](#)). Nếu Ngài đủ quyền năng để tạo nên vũ trụ thì Ngài cũng đủ quyền năng để kiểm soát vũ trụ. Kế tiếp, Ngài xác nhận Ngài bảo vệ, chăm sóc các thú vật mà Ngài dựng nên. Ngài cho ông Gióp biết rằng Ngài không chỉ kiểm soát thế giới sáng tạo mà còn bảo vệ, quan phòng, chăm sóc các tạo vật của Ngài nữa ([38:39](#) đến [39:30](#)). Đức Chúa Trời có quyền năng và luôn sẵn sàng chăm sóc, bảo vệ mọi thứ thuộc về Ngài. Ngài luôn luôn quan tâm ưu ái. Trong bài giảng thứ hai ([40:6-41:34](#)), Đức Chúa Trời trả lời vần đề thứ hai mà ông Gióp than phiền. Trước hết Đức Chúa Trời nói về sự công bình của Ngài ([40:8](#)). Ngài tỏ cho ông thấy sự hồ đồ của ông khi nhận xét về Vị Quan Tòa của thế gian ([40:6-14](#)). Trong bài giảng thứ nhất, Đức Chúa Trời bày tỏ cho ông Gióp thấy rằng ông tự cho mình là trung tâm. Trong bài giảng thứ hai, Ngài bày tỏ rằng ông Gióp là người tự phụ. Tiếp tục giảng, Ngài mô tả lại quyền năng của Ngài trên các loài thú vật ([40:15](#)). Ngài là Vị Quan Tòa quyền năng và là Đấng tể trị cao cả. Ngài có năng lực và thẩm quyền xét xử đúng đắn. Đức Chúa Trời là Đấng công bình. Sau khi Đức Chúa Trời phán dạy, ông Gióp đáp ứng hai điều ([40:3-5](#); [42:1-6](#)). Thứ nhất, ông công nhận mình thật bé nhỏ, tầm thường và chẳng ra gì ([40:4](#)). Thứ hai, ông công nhận rằng ông là kẻ vô tri ([42:3](#)). Với phản ứng thứ nhất, ông nhận ra rằng ông không xứng đáng được Đức Chúa Trời quan tâm và chăm sóc. Với phản ứng thứ hai, ông nhận thức rằng ông chưa thấu đáo lẽ công bình của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có quan tâm đến ông chăng? Dĩ nhiên, Ngài luôn quan tâm. Đức Chúa Trời có công bằng chăng? Dĩ nhiên, Ngài là Đấng công bằng.

Trọng tâm

Khi lâm cảnh khổ đau, thờ phượng Đức Chúa Trời luôn là chủ trương đúng đắn nhất.

Thực hành

Trong lúc trải qua cơn thử thách, chúng ta ai nấy đều có khuynh hướng hỏi “Vì sao?” thay vì hỏi “Ai?” Dù có hiểu biết chính xác nguyên nhân đằng sau sự khổ đau, chúng ta vẫn không thể xóa bỏ nỗi khổ đau khỏi đời sống của mình được. Người đang hấp hối cũng chẳng tìm được niềm an ủi nào khi biết rõ chứng ung thư này là do thuốc lá mà đương sự đã hút. Nhưng nếu chúng ta biết Ai đang ở bên cạnh chúng ta để giảm thiểu nỗi đau của chúng ta thì chúng ta sẽ cảm thấy ấm lòng hơn. Chúng ta nắm vững một điều duy nhất là không cần biết vì sao chúng ta chịu khổ đau. Chúng ta có thể nghi ngờ về quyền năng, về thái độ sẵn sàng hoặc về sự công bình của Đức Chúa Trời. Nhưng chúng ta đừng bao giờ giơ tay chỉ chỗ Đức Chúa Trời mà nói rằng: “Ngài không hiểu, Ngài chưa từng chịu khổ như con”. Thật ra Chúa rất hiểu nỗi khổ của chúng ta vì Ngài cũng từng chịu khổ như chúng ta vậy ([HeDt 2:17-18](#)).

Vậy đứng trước sự khổ đau của người khác, chúng ta phải an ủi như thế nào?

Chúng ta có thể an ủi họ bằng cách nhắc nhở họ rằng Đức Chúa Trời vẫn hiện hữu và Ngài không nín lặng. Ngài vẫn quan tâm, chăm sóc họ và Ngài sẽ can thiệp cách công bằng. Người sống trong cảnh khổ đau được an ủi nhiều nhất khi chính bản thân họ kinh nghiệm quyền tể trị tối cao của Ngài. Ngài chẳng hề hứa với chúng ta rằng Ngài sẽ chữa lành mọi bệnh tật cho chúng ta. Nhưng Ngài hứa rằng ân điển Ngài sẽ nâng đỡ chúng ta. “Ân điển ta đủ cho ngươi rồi, vì sức mạnh của ta nên trọn vẹn trong sự yếu đuối.” ([II Co 2 Cr 12:9](#)). Phép lạ ban năng lực chẳng kém gì phép lạ chữa bệnh.

Qua sách này, chúng ta cũng nhận biết những điều chúng ta không nên làm đối với bạn bè đang gánh chịu sự thử thách. Chúng ta không nên đoán già đoán non nguyên nhân khiến họ đau khổ theo kiểu ba bạn của ông Gióp. Ngay cả khi họ hỏi chúng ta “Vì sao?”, chúng ta chỉ nên chân thành trả lời rằng: “Tôi không biết vì sao nhưng tôi biết Chúa luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ bạn và chung chịu nỗi khổ đau với bạn...”

GIÓP

Ý chính: Lâm cảnh khổ đau dưới quyền tể trị cao cả của Đức Chúa Trời.

Chủ đề chính: Sự khổ đau

Cụm từ chính: ‘Đấng toàn năng’ hoặc ‘Đấng quyền năng’ (31 lần)

Câu chính: “Dẫu Chúa giết ta, ta cũng còn nhờ cậy nơi Ngài; Nhưng ta sẽ bình vực tánh hạnh ta trước mặt Ngài.” ([Giop G 13:15](#))

Bài học chính: Khi lâm cảnh khổ đau, thờ phượng Đức Chúa Trời luôn là chủ trương đúng đắn nhất.

THI THIÊN

Tác giả: Ông Đa-vít, ông A-sáp và nhiều người khác.

Thời kỳ hình thành sách: Từ thời ông Môi-se đến sau thời kỳ lưu đày.

Mục đích: Nhằm cung cấp cho dân sự Đức Chúa Trời những bài thánh ca để dùng khi thờ phượng Ngài.

Đối tượng: Dân của Đức Chúa Trời ở khắp nơi trong mọi thời đại, đặc biệt là những người đang từng trải những thăng trầm trong mối tương giao của họ với Đức Chúa Trời

Tản mạn

Nếu bạn vừa đọc xong sách Gióp có thể bạn sẽ cảm thấy còn thiếu điều gì đó. Có thể tâm trí của bạn chấp nhận rằng khi trải qua cảnh khổ đau, chúng ta cần học tập thờ phượng Chúa.

Dẫu vậy bạn vẫn thắc mắc: “Thờ phượng Đức Chúa Trời thật sự có giá trị gì không?” Vẫn còn thiếu một điều gì đó. Điều còn thiếu chính là sách Thi Thiên.

Sách Thi Thiên đáp lời chúng ta cách hùng hồn là: “Đúng vậy!” Sách mở đầu

(chương 1-2) và kết thúc (chương 146-150) bằng lời xác nhận rõ ràng rằng cuộc sống thờ phượng là cuộc sống duy nhất có giá trị. Hoàn toàn không phải ngẫu nhiên sách Thi Thiên được đặt sau sách Gióp.

Vì thế, sách Gióp (tương tự sách Truyền đạo) coi như chỉ là phần đầu của một bộ sách. Sách Gióp, sách rất dài trong Kinh Thánh, nêu ra vấn nạn về sự khổ đau; sách Thi Thiên sách thi ca dài nhất trong Kinh Thánh, giải quyết vấn nạn. Không nên chỉ căn cứ vào sách Gióp trong khi tìm cách giải toả tất cả thắc mắc chung quanh vấn nạn khổ đau. Cũng không nên chỉ quần quanh với sách Truyền đạo để tìm kiếm ý nghĩa của đời sống.

Sách Thi Thiên không chỉ giải đáp những thắc mắc thông qua những vấn nạn khổ đau mà thôi. Nhưng sách còn giải đáp mọi vấn đề liên quan đến toàn bộ cuộc sống. Ca ngợi Đức Chúa Trời và kính sợ Ngài trong mọi hoàn cảnh chính là ‘bí quyết’ cho trọn đời sống.

Thâm nhập

Khi đọc về cuộc đời của ông Môi-se, ông Đa-vít và nhiều nhân vật khác trong Kinh Thánh, chúng ta lầm tưởng rằng họ không phải đương đầu với sự giằng co nào trong nội tâm. Thật ra, họ phải đương đầu với nhiều vấn đề trong cuộc sống. Cho nên giờ đây ước gì chúng ta biết họ xử lý các vấn đề đó như thế nào? Vậy đâu là bí quyết của họ? Chẳng lẽ họ không hề ghen tị, không hề nản lòng, không hề thất vọng sao? Chẳng lẽ họ không một lần nào cầu mong cho tất cả thù địch của họ phải chết thê thảm đó sao? Các vị anh hùng trong Cựu Ước đều là những nhân vật nổi danh in trên giấy cứng để quảng cáo hay họ cũng là những người thật như chúng ta? Ước chi chúng ta có một quyển sách ghi lại những tình cảm, những cảm xúc của họ trong khi họ trải qua những thử thách như thế. Tuyệt diệu biết bao nếu chúng ta có thể nhìn thấu tâm can của họ để khám phá ra bí quyết nào khiến họ sống đắc thắng như vậy.

Thật ra Thi Thiên chính là quyển sách mà chúng ta ao ước. Hầu hết các Thi Thiên đều do ông Đa-vít viết, tuy vậy cũng có các Thi Thiên do các vị thánh khác viết. Tương tự như tám thiệp chúc mừng, coi như ít nhất là có một Thi Thiên viết về một cảnh ngộ hoặc một cuộc đấu tranh trong cuộc sống của con người. Một số Thi Thiên dành cho những người cảm thấy chán nản thất vọng. Thí dụ, như Thi Thiên 4 dành cho người mất ngủ. Thi Thiên 7 dành cho những người cảm thấy Đức Chúa Trời không bảo vệ họ khỏi kẻ thù nghịch. Trái lại, các Thi Thiên khác dành cho những người cảm thấy mình đang bay bổng, vui sướng. Thí dụ, như Thi Thiên 23 bộc lộ ý nghĩa và tình cảm của người kinh nghiệm sự bảo vệ, chăm sóc của Chúa. Thi Thiên 92 thích hợp với những người thờ phượng Đức Chúa Trời trong ngày Chúa nhật.

Dựa theo hướng nhận xét trên đây chúng ta có thể chia các Thi Thiên thành hai phần chính. Thi Thiên 1-89 chủ yếu mô tả kinh nghiệm của những người từng trải các cuộc phấn đấu trong đời sống họ. Thi Thiên 90 -150 chủ yếu tập trung mô tả

niềm vui của người sống vượt lên trên cảnh ngộ.

Phần thứ nhất chủ yếu viết về con người cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Phần thứ hai chủ yếu viết về con người ca ngợi Đức Chúa Trời. Phần thứ nhất dành cho người “thành khẩn, cầu xin” Đức Chúa Trời cứu giúp. Còn trong phần hai, tác giả Thi Thiên “tạ ơn” Đức Chúa Trời vì Ngài đã nhậm lời cầu nguyện của ông.

Chi tiết hơn nữa, sách Thi Thiên được chia làm năm quyển riêng biệt

([1:1-41:11](#); [42:1-72:20](#); [73:1-89:51](#); [90:1-106:48](#); [107:1-150:6](#)). Một số học giả nhận thấy chủ đề của năm sách này tương ứng chủ đề của năm sách luật pháp (từ Sáng Thế Ký đến Phục Truyền Luật Lệ Ký). Nhưng rõ ràng dù tóm tắt hoặc phân loại năm sách Thi-thiên theo hướng nào thì vẫn là có vẻ gượng ép.

Vì nội dung của nhiều Thi-thiên không phải là một quyển sách dùng để đọc theo thứ tự bài đầu đến bài cuối như kiểu người ta hát Thánh ca theo thứ tự bài đầu đến bài cuối. Dĩ nhiên, nếu bạn muốn đọc như vậy thì tùy ý bạn. Tôi chỉ muốn nói rằng người biên tập không trù liệu cho độc giả hướng đọc Thi Thiên theo cách đó. Vì thế, Thi Thiên sẽ được sử dụng theo một hướng khác hẳn các sách khác trong Cựu Ước.

Giờ đây chúng ta cùng nghiên cứu hai Thi Thiên tiêu biểu chuẩn cho hai phần chính của sách.

I. Lời cầu nguyện với Đức Chúa Trời - Thi Thiên 22 (1-89)

[Thi Tv 22:1-31](#) ghi lại cảm xúc của ông Đa-vít khi ông trải qua nỗi đau đớn và thống khổ tột độ. Không phải hoàn cảnh (câu 4-13), cũng không phải bệnh tật khiến ông thấy khổ cùng cực (câu 14-18), nhưng vì ông cảm thấy Đức Chúa Trời đã lìa bỏ ông (câu 1-2). Phần thứ hai của Thi Thiên này ghi lại lời ông ca ngợi Đức Chúa Trời (câu 23-31). Ông không chỉ ca ngợi Đức Chúa Trời mà còn khuyên người khác hãy ca ngợi Ngài (câu 23). Khi đọc Thi Thiên này, có thể chúng ta thấy dường như thiếu một điều gì đó chuyển tiếp giữa hai phần. Phải chăng ai đó đã ghép phần đầu và phần cuối Thi Thiên với nhau và bỏ sót phần giữa là phần chép về việc Đức Chúa Trời đáp lời và giải cứu ông Đa-vít. Thật sự có phải như vậy không?

Thật ra Thi Thiên chẳng thiếu phần nào cả. Phần giữa vẫn còn đó (câu 19-21).

Nhưng không theo như chúng ta mong đợi tức là không nói đến việc Đức Chúa Trời đáp lời ông Đa-vít và cũng chẳng có ý nói là Ngài đã giải cứu ông. Thế nhưng chúng ta có thể tìm thấy trong phần này bí quyết để đương đầu với những thử thách trong cuộc đời.

Sau khi trút bỏ mọi tâm tư ý tưởng cho Đức Chúa Trời. Ông Đa-vít bắt đầu cầu nguyện với Ngài (câu 19-21). Ông không cho phép cảm xúc điều khiển ông nữa. Dầu ông cảm thấy Đức Chúa Trời không đáp ứng lời ông kêu cầu (câu 2), nhưng ông vẫn biết rằng Ngài có nghe lời kêu cứu của ông (câu 21,24). Dù trong câu 1 ông có hỏi Chúa: “Nhân sao Ngài đứng xa, không giúp đỡ tôi?” trong câu 19, ông vẫn cầu nguyện với Ngài rằng: “Chớ đứng xa tôi... hãy mau mau đến giúp đỡ tôi”.

Mới nghe tưởng chừng chẳng có gì khác lạ cả nhưng thật ra có chuyện lạ thường. Cứ tiếp tục cầu nguyện với Đức Chúa Trời mặc dù cảm thấy Đức Chúa Trời đã từ bỏ mình là một việc hoàn toàn khác thường. Ông Đa-vít cứ cầu nguyện với Đức Chúa Trời dầu ông cảm thấy Ngài không lắng nghe lời cầu xin. Tuy nhiên, trong lời cầu nguyện ông không chỉ dẫn Đức Chúa Trời cách cứu ông. Lắm người muốn Đức Chúa Trời cứu giúp họ theo cách của họ. Vì thế họ trình bày phương cách với đầy đủ chi tiết mà Đức Chúa Trời phải áp dụng để giải quyết nan đề của họ. Nhưng tác giả Thi Thiên không làm như vậy, ông chỉ cầu xin những điều cần yếu nhất cho đời sống ông để ông có thể tiếp tục ca ngợi Đức Chúa Trời (câu 22).

Khi ông Đa-vít bắt đầu cầu nguyện, nội tâm ông liền có sự thay đổi. Sự cầu nguyện không đưa Đức Chúa Trời đến gần chúng ta hơn nhưng đem chúng ta đến gần Chúa hơn. Quyền năng và sự cứu giúp của Đức Chúa Trời vẫn không thay đổi. Nhưng ông Đa-vít lại tin chắc rằng quyền năng và sự sẵn sàng cứu giúp của Đức Chúa Trời có gia tăng khi ông cầu nguyện. Do đó ông kêu lên: “Tôi sẽ rao truyền danh Chúa cho anh em tôi, và ngợi khen Chúa giữa hội chúng” (câu 22. Xem thêm [HeDt 2:12](#)). Quyết tâm ca ngợi Đức Chúa Trời trong mọi lúc, mọi hoàn cảnh của cuộc sống đã dẫn dắt ông viết tiếp nửa phần sau của Thi Thiên này - ca ngợi Đức Chúa Trời (câu 23-31).

Thi Thiên 22 cũng tiên tri về sự chết của Đấng Cứu thế trên thập tự giá. Vì tội lỗi của nhân loại, trong khoảnh khắc ngắn ngủi, Đức Chúa Trời đã quay mặt khỏi Con yêu dấu của Ngài. Bởi đó, chúng ta có thể chắc chắn rằng chúng ta không bao giờ bị phân cách khỏi Ngài. Ngay cả khi Chúa Giê-xu khi bị treo trên thập tự giá Ngài cũng phải hỏi: “Vì sao?” ([Mat Mt 27:46](#)). Môi miệng Ngài đã thốt lên câu hỏi của mọi thời đại: “Vì sao con người phải chịu khổ đau?” “Vì có tội lỗi”. Tất cả chúng ta đều biết câu trả lời rồi. Nhưng biết như vậy vẫn chưa đủ. Chúng ta còn cần nhận biết Đức Chúa Trời một cách thân thiết và tin cậy Ngài hoàn toàn như con cái tin cậy cha mẹ mình vậy.

Trong cuộc sống thực tế, niềm tin cậy của tác giả Thi Thiên từng bị chao đảo dữ dội. Nhưng ông không bao giờ từ bỏ Chúa. Ngay cả khi ông chất vấn Đức Chúa Trời, ông cũng không gào lên: “Đức Chúa Trời ôi, Đức Chúa Trời ôi” nhưng ông thưa rằng: “Đức Chúa Trời tôi ôi, Đức Chúa Trời tôi ôi...” (câu 1-2). Ông tin chắc Đức Chúa Trời là Đấng thánh khiết (câu 3) và từ sự thánh khiết toả ra các đặc tính khác như quyền năng, yêu thương, công bình và nhân ái. Đức Chúa Trời giải cứu chúng ta không phải do chúng ta đáng được giải cứu, cũng không phải vì có chúng ta cầu xin Ngài. Đức Chúa Trời giải cứu chúng ta vì Ngài là Đức Chúa Trời thánh khiết đáng được ca ngợi. Nhưng cho đến khi kết thúc Thi Thiên này, ông Đa-vít vẫn chưa được nhìn thấy sự giải cứu của Đức Chúa Trời. Nhờ những sách khác trong Kinh Thánh chúng ta biết Đức Chúa Trời thật sự có giải cứu ông. Tuy thế, ông vẫn ca ngợi Đức Chúa Trời và tìm cách đắc thắng giữa cảnh đời khổ đau.

II. Ca ngợi Đức Chúa Trời -Thi Thiên 145 (90-150)

Thế nhưng sau khi được giải cứu, ông Đa-vít làm gì? Có lẽ bạn sẽ nói rằng: “Đương nhiên, ông tiếp tục ca ngợi Đức Chúa Trời”. Tuy nhiên không thể kết luận cách vội vã như thế. Nhiều người từ bỏ Đức Chúa Trời trong thời vất vả, khó khăn; ngược lại một số người khác lại quên Đức Chúa Trời ngay khi giàu sang, thịnh vượng. Còn một số khác lại sa ngã trong giai đoạn hòa bình, vui sướng. Chúng ta cần học tập ca ngợi Đức Chúa Trời khi gặp thử thách cũng như khi chiến thắng khải hoàn. Có lẽ cả hai bài học này đều khó như nhau. Một số người cảm thấy vô cùng khó khăn khi phải “khẩn xin” Đức Chúa Trời cứu giúp. Còn một số người khác lại không bao giờ nhớ “tạ ơn” Đức Chúa Trời.

Khác với những con người này, ông Đa-vít không hề cảm thấy khó khăn khi phải “khẩn xin” Đức Chúa Trời cứu giúp. Đồng thời ông luôn nhớ “tạ ơn” Ngài. Sau khi được Đức Chúa Trời giải cứu, ông Đa-vít viết Thi Thiên 145 để tỏ lòng biết ơn Đức Chúa Trời và ca ngợi Ngài (câu 19). Thi Thiên gồm có ba khổ thơ. Sau quyết định tiên khởi là ca ngợi Đức Chúa Trời, ông Đa-vít mở đầu với lời ca ngợi các công trình của Ngài (câu 3-7). Tiếp đến ông ca ngợi vương quốc của Ngài, là vương quốc được thiết lập bởi các bản tính của Ngài (câu 8-13). Rồi ông ca ngợi chính Đức Chúa Trời vì chỉ một mình Ngài có thể làm thỏa mãn sự khát khao sâu kín nhất trong linh hồn nhân loại (câu 14-20). Ông kết thúc Thi Thiên bằng một quyết định ca ngợi Chúa (câu 21). Trong khổ thơ thứ nhất, ông Đa-vít nhớ rằng chính Đức Chúa Trời, chứ không phải ông, đáng được ca ngợi về những việc mà Ngài đã làm. Trong khổ thơ thứ hai, ông tự hạ mình xuống trước vương quyền của Đức Chúa Trời. Trong khổ thơ thứ ba, ông nhìn nhận rằng nếu muốn sống thỏa nguyện, ông phải hoàn toàn tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Ông mở đầu Thi Thiên bằng sự quyết tâm ca ngợi Đức Chúa Trời. Và ông kết thúc Thi Thiên với lời khuyên mọi tạo vật hãy ca ngợi Ngài. Ông không chỉ muốn chính ông ca ngợi Đức Chúa Trời mà ông còn muốn mọi tạo vật chúc tụng danh thánh của Ngài mãi mãi (câu 21).

Khi lâm cảnh khổ đau tột độ cũng như khi vui sướng tràn dâng, ông Đa-vít đều thưa với Chúa rằng: “Tôi sẽ chúc tụng Chúa” ([22:22](#); [145:2](#)). Ông tập trung toàn bộ cuộc sống vào việc ca ngợi Đức Chúa Trời. Trong lúc phiền não, đau đớn, ông phủ phục trước mặt Đức Chúa Trời ([22:29](#)). Trong lúc vui mừng ông nhận biết rằng chính Đức Chúa Trời sẽ nâng những người đã phủ phục trước mặt Ngài ([145:14](#)). Cả những người khốn khổ, thấp hèn ([22:26](#)) lẫn những người giàu có, cao sang ([22:29](#)) đều phải thờ phượng Đức Chúa Trời. Tất cả đều thờ phượng Ngài không phải chỉ vì Ngài giải cứu mà còn vì Ngài là Đấng thánh khiết ([22:3](#); [145:21](#)) và công bình ([22:31](#); [145:17](#)).

Trọng tâm

Người tin kính Chúa luôn luôn ca ngợi Đức Chúa Trời khi bình an, thịnh vượng cũng như khi nghèo nàn hoặc bị bách hại.

[cd Thực hành

Có lẽ bạn không còn cách nào để lý giải cảnh khổ đau của mình (ông Gióp). Cũng có thể bạn không biết lý giải cuộc sống trên đời này ra làm sao (Truyền-đạo).

Nhưng bạn luôn luôn có lý do để ca ngợi Đức Chúa Trời (Thi Thiên). Vì khi bạn bắt đầu ca ngợi Đức Chúa Trời, bạn sẽ nhận biết nguyên nhân của mọi nỗi khổ đau trong cuộc sống và cũng nhận biết ý nghĩa của cuộc sống nữa.

Nhưng chúng ta phải thận trọng, đừng bao giờ xem việc ca ngợi Đức Chúa Trời như một liệu pháp chữa trị khổ đau hoặc nản lòng thất vọng. Trong thực tế, đúng là ca ngợi Đức Chúa Trời có tác dụng như liệu pháp rất hiệu nghiệm. Nhưng Đức Chúa Trời muốn chúng ta ca ngợi Ngài vì Ngài là Đức Chúa Trời đáng được ca ngợi. Tuy nhiên, không phải khi chúng ta bắt đầu ca ngợi Đức Chúa Trời thì lúc ấy Ngài mới trở nên Đáng đáng được ca ngợi. Chúng ta phải ca ngợi Đức Chúa Trời vì Ngài là Đáng đáng tôn vinh thờ phượng. Và thật ra, ca ngợi Đức Chúa Trời không phải là một việc làm theo đề nghị mà là theo mệnh lệnh buộc chúng ta phải tuân theo.

Khi sống trong cảnh khốn khó, buồn phiền, chúng ta không muốn ca ngợi Chúa. Nhưng khi sống giàu sang, vui sướng chúng ta lại quên ca ngợi Ngài. Chúng ta phải ca ngợi Đức Chúa Trời mỗi ngày. Chúng ta phải ca ngợi Ngài đời đời, mãi mãi ([Thi Tv 145:2](#)). Nếu thật sự bạn cảm thấy không thể nào ca ngợi Chúa, thì hãy đọc một Thi Thiên (xem [Eph Ep 5:19-20](#)).

THI THIÊN

Ý chính: CẦU NGUYỆN (trong) CA NGÖI

Chủ đề chính: Ca ngợi

Cụm từ chính: ‘Ca ngợi Đức Giê-hô-va’ (31 lần)

Câu chính: “Ha-lê-lu-gia! Tôi sẽ hết lòng ngợi khen Đức Giê-hô-va. Trong đám người ngay thẳng và tại hội chúng.” ([Thi Tv 111:1](#))

Bài học chính: Người tin kính Đức Chúa Trời luôn ca ngợi Ngài khi bình an, thịnh vượng cũng như khi nghèo nàn hoặc bị bách hại.

CHÂM NGÔN

Tác giả: Ông Sa-lô-môn và nhiều người khác.

Thời kỳ hình thành sách: Thời kỳ vương quốc còn thống nhất và đã bị chia đôi.

Mục đích: Nhằm chỉ dẫn chúng ta nghệ thuật sống thành công.

Đối tượng: Dân của Đức Chúa Trời sống ở mọi nơi trong mọi thời đại cần khôn ngoan để tránh những cạm bẫy trong cuộc đời.

Tản mạn

Điều bí hiểm về bầy mìn ấy là chúng ta không biết chỗ người ta đặt bầy cho đến lúc chúng ta đập trúng mìn. Không ai gài một cái bầy rồi giương bảng cảnh báo: BẦY ĐẶT NƠI ĐÂY! THẬN TRỌNG! DỪNG LẠI! NGUY HIỂM!

Nhưng trong cuộc sống đầy dẫy ‘cạm bẫy’. Một số bẫy có thể làm cho bạn vướng vào nhiều chuyện nghiêm trọng. Một số bẫy khác có thể giáng xuống bạn những đòn chí tử. Làm một Cơ Đốc nhân tốt không có nghĩa là bạn trở thành ngu ngơ như nhiều người nghĩ. Trái lại, phải khôn ngoan mới làm một Cơ Đốc nhân tốt được. Vậy, thế nào là khôn ngoan? Là nhận ra những cạm bẫy trong cuộc sống, đồng thời biết cách tránh bẫy. Thời nay, lắm người không muốn biết việc họ sắp làm là đúng hoặc sai, phải hoặc trái. Họ chỉ muốn biết làm việc đó là khôn ngoan hoặc ngu dại. Thật ra, làm điều đúng luôn là khôn ngoan; còn làm điều sai luôn là ngu dại. Sách Châm ngôn dạy chúng ta phương cách trở nên người đứng đắn và khôn ngoan. Sách Châm ngôn tương tự như một bản sơ đồ vạch rõ cạm bẫy nằm ở những nơi nào. Có người gọi sách này là ‘Phương Cách Đắc Thắng Trong Thế Gian Tội Lỗi’. Phụ đề này rất thích hợp cho sách Châm ngôn.

Thâm nhập

SỰ KHÔN NGOAN rõ ràng không thể nào nhầm lẫn được là chủ đề của sách Châm ngôn. Tác giả là vua Sa-lô-môn, một trong những người khôn ngoan nhất trên đời này ([1Vua 4:30](#)). Nhưng khôn ngoan không có nghĩa là chỉ cần biết điều đúng và tốt, mà còn phải biết sống theo những điều đó nữa. Theo triết lý sống của người Hê-bơ-rơ thì khôn ngoan là một điều thực tiễn, tức là ‘nghệ thuật sống’. Vì thế, khôn ngoan là biết học tập từ sai lầm của người khác, là lắng nghe người khác để không sa vào những cạm bẫy trong cuộc sống.

Nhưng phần đông chúng ta không tin vào kinh nghiệm của người khác. Chúng ta muốn chính tay mình sờ vào bếp lò rồi mới chịu tin là lò nóng. Chúng ta biết thế nào là đúng, là phải. Sao chúng ta không làm theo điều đúng, điều phải? Thế thì, đâu là bí quyết để được khôn ngoan?

I. Châm ngôn về sự khôn ngoan (1-9)

Có thể tìm thấy bí quyết của sự khôn ngoan trong lời mở đầu và lời kết của phần một trong sách này: “Kính sợ Đức Giê-hô-va ấy là khởi đầu sự khôn ngoan” ([1:7](#) và [9:10](#), lặp lại trong [15:33](#)).

Trong suốt phần một, trái ngược với khôn ngoan là ngu dại. Sự khôn ngoan được nhân cách hoá thành một phụ nữ tin kính, còn sự ngu dại được nhân cách hoá thành một dâm phụ. Sự khôn ngoan đem đến ơn cứu rỗi cho con người (Chương 1-4), còn sự ngu dại chỉ làm cho con người bị lên án (Chương 5). Sự khôn ngoan đem lại sự giàu có (Chương 8), còn sự ngu dại kết thúc trong nghèo nàn (Chương 6). Sự khôn ngoan tìm đến sự sống (Chương 9), nhưng sự ngu dại dẫn đến sự chết (Chương 7). Vì thế, chúng ta cũng có thể đặt đầu đề cho phần này là “Giá Trị Của Sự Khôn Ngoan”.

II. Nguyên tắc của sự khôn ngoan (10-30)

Trong khi phần một trình bày về sự khôn ngoan và ngu dại qua những lời giáo huấn, phần hai mô tả cụ thể và chi tiết các tánh tốt và tánh xấu. Phần một nhấn mạnh lý do khiến chúng ta phải làm theo sự khôn ngoan, còn phần hai nhấn mạnh

những điều được xem là khôn ngoan.

Phần hai gồm 3 phân đoạn. Hầu như toàn bộ phân đoạn 1 (Chương 10-15) là một bảng liệt kê những câu đối ý nhau. Tác giả dùng từ ‘nhưng’ để mô tả tính cách trái ngược giữa khôn ngoan và ngu dại. Hầu hết phân đoạn 2 (Chương 16-22) gồm các câu châm ngôn với ý tứ tổng hợp. Tác giả dùng từ ‘và’ để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc làm theo sự khôn ngoan và tránh xa sự ngu dại. (Trong văn thơ Hi-bá-lai, khi từ ‘và’ nối 2 vế trong một câu thì thông thường vế thứ 2 tương tự với vế thứ 1 về mặt cấu trúc và ngữ pháp lẫn về mặt ý nghĩa và nội dung). Trong phân đoạn 3 (Chương 23-30), các câu cách ngôn được gom lại với nhau theo chủ đề. Nhờ đó sự khôn ngoan và sự ngu dại được mô tả cách chi tiết hơn.

III. Những con người khôn ngoan (31)

Nếu phần hai viết về những điều được xem là khôn ngoan, thì phần ba viết về người được xem là khôn ngoan. Sách mở đầu và kết thúc với lời mô tả về người phụ nữ. Mở đầu sách là những lời khôn ngoan của một người cha răn dạy con trai mình ([1:8,15](#)), và kết thúc sách là lời khuyên dạy khôn ngoan của một người mẹ tin kính Chúa ([31:1](#)).

Nhưng làm sao tổng hợp tất cả những châm ngôn và nguyên tắc này nơi cùng một mẫu người? Chương cuối mô tả người phụ nữ tin kính giải tỏa thắc mắc này.

Người phụ nữ ấy được mô tả là một người nữ đức hạnh ([31:10](#)). Chính cụm từ này được dùng để mô tả bà Ru-tơ (Ru-tơ [3:11](#)). Bà là một người làm mẫu về cách ứng dụng 30 chương đầu của sách Châm ngôn. Vì thế, chương cuối cùng được xem như là phần ỨNG DỤNG của sách. Còn phần thứ nhất dùng làm phần TẢN MẠN. Phần thứ 2 với 3 phân đoạn tạo thành 3 điểm chính cho phần THÂM NHẬP của bài giảng. Thế Trọng tâm là gì?

Trọng tâm

“Kính sợ Đức Giê-hô-va, ấy là khởi đầu sự khôn ngoan”.

Thực hành

Làm sao sự kính sợ Đức Giê-hô-va có thể dẫn đến sự khôn ngoan? Mọi liên hệ giữa sự kính sợ Chúa với sự khôn ngoan thật là khó hiểu. Mọi liên hệ ấy trở nên rõ nghĩa và dễ hiểu khi bạn nghiên cứu định nghĩa dưới đây về ‘sự kính sợ Đức Chúa Trời’. Kính sợ Đức Chúa Trời là triết để chú trọng đến ý nghĩ và ý kiến của Đức Chúa Trời đối với chúng ta. Một cậu bé yêu thương và kính sợ cha thường sợ làm những điều có thể khiến cha cậu ta bất bình hoặc buồn lòng. Cả hai trạng thái tình cảm yêu thương lẫn kính sợ trong cậu ta bổ sung cho nhau chứ không mâu thuẫn với nhau. Dầu cha có mặt hoặc vắng mặt, cậu bé đều hành xử theo một cung cách làm cha cậu hài lòng ([II Co 2 Cr 5:9-11](#)). Vì thế, kính sợ Đức Giê-hô-va là khởi đầu sự khôn ngoan.

Chúng ta cần phải thừa nhận rằng đa số chúng ta đều muốn người khác nhận thấy chúng ta là người tốt. Mất mặt là một trong những điều mất mặt tồi tệ nhất trong cuộc sống. Muốn được người khác yêu thích tôn trọng, đánh giá cao là một năng

lực cơ bản có sức thôi thúc mạnh mẽ trong tất cả mọi người. Sự ham muốn này mạnh đến nỗi có thể khiến chúng ta nói dối, gian lận, trộm cắp và thậm chí giết người nữa. Trong cuộc sống chúng ta không thể nào hoàn toàn vô tình trước cảm nghĩ của người khác đối với chúng ta; tuy nhiên chúng ta có thể bận tâm nhiều hơn đến cảm nghĩ của Đức Chúa Trời đối với chúng ta. Tâm trạng kính sợ Đức Chúa Trời như vậy là khởi đầu của sự khôn ngoan.

Phải chăng bạn bận tâm đến cảm nghĩ của người khác đối với bạn nhiều hơn là bận tâm về cảm nghĩ của Đức Chúa Trời đối với bạn? Vua Sau-lơ đã làm như vậy và vua đã thất bại. Dứt khoát vua không phải là một người vô thần. Vua tin Đức Chúa Trời nhưng ông lại sợ người ta. Vì vậy, ông nghe theo tiếng nói của họ (). Trái lại, nếu bạn quan tâm đến cảm nghĩ của Đức Chúa Trời đối với bạn hơn là cảm nghĩ của người khác thì sự cám dỗ sẽ chẳng còn ảnh hưởng hoặc tác dụng gì trên đời sống bạn cả.

CHÂM NGÔN

Ý chính: Đường lối (của sự) khôn ngoan

Chủ đề chính: Sự khôn ngoan

Cụm từ chính: ‘Kính sợ Đức Giê-hô-va’ (17 lần)

Câu chính: “Kính sợ Đức Giê-hô-va, ấy là khởi đầu sự khôn ngoan; Sự nhìn biết Đấng Thánh, đó là sự thông sáng.” ([ChCn 9:10](#))

Bài học chính: Bí quyết giúp bạn tránh khỏi những cạm bẫy trong cuộc sống là quan tâm đến ý kiến của Đức Chúa Trời đối với bạn thay vì bận tâm với ý kiến của người khác đối với bạn.

TRUYỀN ĐẠO

Tác giả: Vua Sa-lô-môn

Thời kỳ hình thành sách: Cuối thời kỳ vương quốc còn thống nhất.

Mục đích: Nhằm tìm biết ý nghĩa thật của một cuộc sống có vẻ như rỗng tuếch, vô nghĩa.

Đối tượng: Những người tìm kiếm ý nghĩa của cuộc sống.

Tản mạn

“Cuộc đời thật khôn nạn!” Xin lỗi khi phải nói như thế, nhưng đó là cách mà nhiều người tổng kết về cuộc đời. Anh của tôi là một trong những người đó. Anh kể rằng anh vốn là một Cơ Đốc nhân, nhưng khi thấy những điều nghịch lý trong cuộc sống, anh từ bỏ niềm tin nơi Đức Chúa Trời. Trường hợp của chú chúng tôi là một trường hợp điển hình cho nghịch lý này. Ông vốn là một hiệu trưởng của một trường phổ thông trung học được nhiều người kính mến, là một trưởng lão được kính trọng của một hội thánh địa phương tương đối lớn. Ông là một người cha yêu thương con và là một người kính sợ Đức Chúa Trời. Chỉ một vài tháng trước khi

ông nghỉ hưu và nhận lương hưu, ông đột ngột qua đời trong một cơn đau tim. Đúng theo nghĩa đen ông đã làm việc đến chết.

Hiện giờ, anh tôi là một người nghiện thuốc lá. Anh tin rằng người không hút thuốc vẫn có khả năng mắc bệnh ung thư và anh cũng thấy một số người hút thuốc nhưng vẫn sống đến độ tuổi từ 90 đến 100, và nếu anh mắc bệnh ung thư, thì có sao đâu? Mọi người đều qua đời không lúc này thì lúc khác, đúng không? Không một Cơ Đốc nhân nào được miễn trừ khỏi những điều vô cùng nghịch lý trong cuộc sống. Lại thay, có cặp vợ chồng Cơ Đốc nhân tin kính chờ đợi trong nhiều năm mà không có một mụn con nào cả, trong khi đó một số cặp chưa được trang bị đầy đủ để nuôi dạy con thì lại đậu thai ngay trong đêm tân hôn! Có những Cơ Đốc nhân thật thà, trung thực lại bị quên lãng, xếp xó trong những lần xét thăng cấp trong khi đó những người chỉ có khả năng gây ấn tượng tốt với chủ lại được thăng tiến nhanh chóng trước những Cơ Đốc nhân này. Chúng ta phải thừa nhận rằng Cơ Đốc nhân không được miễn trừ khỏi sự chết, bệnh tật, tai họa - và vi-rút máy vi tính! Chỉ một con ruồi là có thể làm hôi thối bình đầy dầu thơm quý giá, đắt tiền. Sự chết, bệnh tật, tai họa là những điều có thật trong cuộc sống của mỗi người. Chỉ một tai họa xảy ra là có thể phá hủy cuộc sống yên bình của toàn bộ một gia đình. Dường như anh tôi có nhiều lý cứ vững chãi để củng cố cho kết luận của anh. Có phải vậy không?

Có thể nào tìm và hiểu được ý nghĩa của cuộc sống trong thế giới vô nghĩa này không? Có nên để cho sự vô nghĩa của cuộc sống làm cho chúng ta chán nản và thất vọng? Đây là những vấn đề đáng lo ngại. Có thể chúng ta nhận ra rằng cuộc sống thực sự là vô nghĩa. Nhưng chúng ta không cần phải lãng phí cuộc đời mình để tìm kiếm lời giải đáp đối với những vấn đề rắc rối ấy. Vua Sa-lô-môn, một trong những người khôn ngoan nhất từng sống trên đất, đã tìm tòi giùm chúng ta, và vua cũng đã ghi lại những lời đúc kết trong sách Truyền-đạo.

Thâm nhập

Nội dung của hai phần lớn trong sách có trùng lặp. Vì thế phần giải luận sau đây được lược giản tối đa. Nhưng trước khi bàn đến nội dung của sách, chúng ta cần xem xét tác giả (tức là vua Sa-lô-môn) có cái nhìn bi quan hoặc lạc quan về cuộc sống. Phần luận giải không dựa trên quan điểm bi quan hay lạc quan. Vua Sa-lô-môn có cái nhìn thực tiễn: cuộc sống đầy dẫy nghịch lý cùng thất vọng - và không ai được miễn trừ khỏi điều này.

I. Bằng cứ về sự hư không (1-6)

Trong phần đầu của sách này, tác giả chứng minh rằng cuộc sống là hư ảo. Trong lời mở đầu sách ông ghi lại những nỗ lực của ông trong việc tìm kiếm sự thỏa mãn hài lòng đối với cuộc sống (Chương 1 và 2). Công cuộc tìm kiếm này kết thúc trong sự vô nghĩa nhưng bản thân ông không nản lòng, thất vọng. Ông thấy Đức Chúa Trời vẫn đang điều động cuộc sống của ông ([2:24](#)). Trong chương 3, ông quan sát và thấy rằng Đức Chúa Trời ấn định cho mọi sự việc một thời điểm,

khoảng thời lượng. Nhưng ông không thể hiểu được công việc Ngài làm. Vì thế, ông kết luận rằng điều hay nhất cho con người là cứ vui vẻ làm việc lành và thụ hưởng công khó của mình ([3:12-13](#)). Trong chương 4 và 5 ông ghi lại cuộc sống vô nghĩa của những người chung quanh ông. Một lần nữa ông kết luận rằng con người có thể vui hưởng những điều đơn giản nhỏ nhất trong cuộc sống vì có chính Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta ([5:18](#)). Rồi trong chương 6 ông nhận thấy những điều vô cùng nghịch lý trong cuộc sống. Có người giàu sụ qua đời, không có con thừa hưởng của cải ([6:2](#)). Còn có người con đàn cháu đông nhưng khi chết chẳng được chôn cất tươm tất ([6:3](#)). Con người suốt đời làm lụng nuôi thân, thế mà cái đói chẳng bao giờ buông tha ([6:7](#)). Ông kết thúc phần này với nhiều câu hỏi về cuộc sống mà xem ra không có lời giải đáp.

II. Chỉ dẫn về một cuộc sống hư không (7-12)

Như vậy thì chúng ta nên sống như thế nào? Phần thứ 2 của sách giải đáp cho chúng ta. Chúng ta cần tiếp tục sống một cuộc đời phù hợp với niềm tin của chúng ta về những điều khôn ngoan và tốt lành. Mặc dù một chút tội lỗi có ảnh hưởng tai hại đến nhiều việc tốt ([10:1](#)), nhưng trong thực tế nhiều điều tốt vẫn còn lại. Mặc dù con người khôn ngoan có giới hạn ([8:17](#)) nhưng vẫn còn hơn là chẳng có chút khôn ngoan nào ([9:13-18](#)). Dù rằng có nhiều nghịch lý trong cuộc sống, cuộc sống vẫn còn nhiều phần thưởng cho chúng ta vui sướng thụ hưởng ([8:15](#); [9:9](#)).

Nhiều phân đoạn Kinh Thánh trong sách này có vẻ mâu thuẫn nhau và nặng tính cách hoài nghi. Nhưng tìm hiểu cho sâu cho sát thì không phải vậy, không mâu thuẫn nhau cũng chẳng hoài nghi. Muốn hiểu những phân đoạn này thì phải hiểu ý của tác giả đối với vấn đề đại dột. Ông có những nhận định về người đại (khoảng 20 lần). Sự đại dột ở đây không phải là ngu ngốc, đần độn mà là chủ trương quá mầu, quá đáng, cực đoan. Chẳng hạn như khổ công làm giàu là đại dột ([4:4,6](#)).

Lười biếng làm việc cũng là ngu đại ([4:5](#)). Ngay cả người khôn cũng không nên tỏ ra mình khôn ngoan quá ([7:16](#)). Thậm chí công bình quá cũng là đại dột ([7:15,17](#)). Khi tác giả nói rằng ngày chết hơn ngày sinh ([7:1](#), xem thêm [4:2](#)) là ông muốn chỉ trích lối sống chỉ nghĩ đến sung sướng hiện tại ([7:4](#)). Còn tác giả nói con chó sống hơn con sư tử chết ([9:4](#)) là nhằm công kích triết lý sống của chủ nghĩa hoài nghi cực đoan ([9:5-6](#)). Kẻ nào nói rằng chẳng có Đức Chúa Trời ([Thi Tv 14:1](#)) ấy là kẻ ngu đại. Kẻ ấy sẽ rơi vào tình trạng tuyệt vọng cùng cực, hoặc ngược lại rơi vào thái cực sống theo chủ nghĩa khoái lạc. Vì thế khi tác giả khuyên chúng ta cứ ăn uống và vui vẻ lên, ông ngụ ý khuyên chúng ta sống một cuộc sống điều độ điềm xuyết đôi chút xa hoa ([9:7-9](#)). Điều vua Sa-lô-môn nói ở đây không mâu thuẫn với điều Chúa Giê-xu phán dạy trong Tân Ước ([LuLc 12:19](#), xem thêm [LuLc 15:23](#)).

Như vậy sách Truyền đạo chuyển tải sứ điệp gì? Để hiểu điều này chúng ta cần nhận biết rằng không phải chỉ có một mà có đến ba chủ đề xuyên suốt sách này. Đương nhiên! Chủ đề thứ nhất là cuộc sống hư không hoặc cuộc sống vô nghĩa. Kính sợ Đức Chúa Trời là chủ đề thứ 2. Trong sách này tác giả ghi lại hai lần lời

khuyên dạy hãy kính sợ Đức Chúa Trời ([3:14](#); [8:12](#)). Chúng ta có thể tìm thấy chủ đề thứ 3 trong 5 ‘kết luận’ về cuộc sống ghi rải rác trong các chương sách ([2:23-24](#); [3:12-13](#); [5:17-18](#); [8:15](#) và [9:7-9](#)). Trong tất cả các phân đoạn này, ông đề cập đến 4 điều: ‘Hưởng thụ công khó của mình’, ‘ăn uống’, ‘những ngày của đời mình’, và ‘phần thưởng từ Đức Chúa Trời’. Chúng ta có thể tóm tắt tất cả những cụm từ này như sau: Tự do vui hưởng cuộc sống.

Tổng hợp ba chủ đề trên với nhau, chúng ta sẽ tìm được bài học chính của sách này. Cả ba chủ đề: Cuộc Sống Vô Nghĩa, sự Kính Sợ Đức Chúa Trời và sự Tự Do vui hưởng cuộc sống được đề cập chung trong hai phân đoạn Kinh Thánh: một phân đoạn thuộc phần thứ nhất ([3:11,14](#)) và phân đoạn còn lại thuộc phần thứ hai ([8:10-17](#)). Giờ đây, chúng ta dõi theo lập luận trong chương 8. Câu 10 và 11 đưa ra một ví dụ về sự Vô Nghĩa trong cuộc sống. Tuy nhiên Kính Sợ Đức Chúa Trời vẫn tốt hơn từ bỏ Ngài ([8:12-13](#)). Do đó, dầu trong cuộc sống vẫn còn những điều làm chúng ta Nản Lòng, Thất Vọng ([8:14](#)), nhưng chúng ta vẫn được Tự Do ăn uống, thụ hưởng vui sướng và làm việc trong những ngày của đời mình ([8:15](#)). Khi tác giả nói loài người không thể hiểu được công việc của Đức Chúa Trời ([8:16-17](#)), ông hàm ý rằng chúng ta hãy để cho Chúa Giê-hô-va giải quyết các vấn đề phi lý trong cuộc sống. Lẽ ra, sự vô nghĩa của cuộc sống phải khiến chúng ta tin cậy nơi Đức Chúa Trời. (Xem sự dạy dỗ tương tự trong Tân Ước, sách [RoRm 8:20](#)).

Nhưng thực tế lại trái ngược: những điều vô nghĩa xảy ra trên thế gian này lại dẫn chúng ta đến kết luận rằng chắc hẳn có một Đức Chúa Trời, nhưng Ngài không hiện hữu trong thế giới vô nghĩa này. Vì Ngài vốn là Đấng khôn ngoan, nên Ngài phải tạo nên những điều có ý nghĩa. Đúng ra, sự hỗn loạn trong thế giới mà chúng ta đang sống phải khiến chúng ta tin cậy nơi Đức Chúa Trời là Đấng sẽ tạo ra một trật tự mới trong tương lai.

Làm sao con người có thể sống một cuộc sống tự do trong một thế giới vô nghĩa? Nhờ kính sợ Đức Chúa Trời. Vì thế kính sợ Đức Chúa Trời là nguyên tố chính trong phương trình cuộc sống. Kính sợ Đức Chúa Trời là yếu tố khiến chúng ta sống trong thế giới vô nghĩa mà không nản lòng, thất vọng. Do đó, vua Sa-lô-môn tổng kết ở cuối sách này rằng: “Nếu bạn không thể nhớ mọi điều tôi đã trình bày thì nên ghi nhớ điều này: hãy kính sợ Đức Chúa Trời!” ([12:13](#)-diễn dịch). Nhưng nếu thật sự không có Đức Chúa Trời thì anh của tôi nói đúng: Cuộc đời thật khốn nạn!

Trọng tâm

Cuộc sống vô nghĩa khiến chúng ta kính sợ Đức Chúa Trời. Việc kính sợ Đức Chúa Trời cho phép chúng ta được Tự do vui hưởng cuộc sống.

HOẶC:

Đừng để sự nản lòng, thất vọng trong cuộc sống khiến chúng ta từ bỏ Đức Chúa Trời.

Khi từ bỏ Đức Chúa Trời chúng ta sẽ rơi vào một cuộc sống cực kỳ rồ dại.

Thực hành

Không phải toàn bộ cuộc sống đều như thể sa mạc nắng cháy, vì còn có rất nhiều ốc đảo phì nhiêu nơi đó nữa. Muốn tìm thấy các ốc đảo đó chúng ta phải tin rằng có một Đức Chúa Trời là Đấng đã tạo nên chúng. Chúng ta phải kính sợ Đức Chúa Trời và tin cậy Ngài. Điều này nghe có vẻ cũ rích thậm chí đến mức rỗng tuếch. Nhưng đây là một trong những lẽ thật sâu thẳm nhất: cuộc sống trong sa mạc của trần gian sẽ thúc đẩy chúng ta tìm kiếm ốc đảo của Đức Chúa Trời. Làm sao biết rằng Đức Chúa Trời không phải là một ảo ảnh? Vì con người khát khao tìm kiếm Ngài. Trong khi toàn bộ nhân loại đều biết khát thì làm sao lại không có cái gọi là nước được?

Vậy, điều vô nghĩa mà bạn đang đối diện trong cuộc sống là điều gì? Phải chăng bạn không thể tìm được một tâm chông dầu bạn đã cầu nguyện suốt nhiều năm? Có phải bạn vẫn mong đợi một mụn con? Hoặc giả bạn vẫn khao khát được thăng quan tiến chức? Hoặc giả bạn cứ tiếp tục chất vấn Đức Chúa Trời là có sao người mà bạn yêu quý lại qua đời? Chúng ta cứ muốn chất vấn Đức Chúa Trời “Vì sao?” Khi chúng ta đối diện với những câu hỏi như thế thì điều vô cùng nguy hiểm là chúng ta nghĩ rằng mình có thể phát hiện đường lối làm việc của Đức Chúa Trời. Nhưng chúng ta không thể hiểu được công việc của Ngài (8:17). Thật là vô vọng khi cứ chờ đợi cho được một giải đáp. Rồi nguy hại biết bao khi vì có không nhận được lời giải đáp về thắc mắc của mình, chúng ta sinh ra thái quá, sống cách rồ dại, sống phóng túng hoặc tích lũy một tài sản đồ sộ, lo trau dồi tri thức thật nhiều, miệt mài trong việc làm ăn hoặc các hoạt động khác, hoặc chìm đắm vào tâm trạng chán nản tuyệt vọng. Chúng ta muốn làm những chuyện điên dại như: buông trôi công việc hoặc lao vào con đường học vấn tìm thêm bằng cấp mà không có một mục đích nào cả, hoặc khổ công làm giàu, hoặc khép mình trong một cuộc sống ẩn dật, hoặc kết hôn với bất cứ chàng trai, cô gái nào xuất hiện trong đời sống của chúng ta mà không cần biết rõ người ấy là ai cả, hoặc thậm chí chúng ta tất bật với những sinh hoạt tôn giáo.

DỪNG LẠI NGAY! Biết đâu bạn không còn kính sợ Đức Chúa Trời nữa. Một người thật sự kính sợ Chúa luôn thực hiện phần việc của mình và để Đức Chúa Trời thực hiện phần của Ngài là chăm lo phần còn lại của thế giới. Nếu không có Đức Chúa Trời, chúng ta không thể nào chịu đựng nổi cuộc sống. Hoặc chúng ta nổi điên, hoặc sinh bản loạn, hoặc chúng ta lãnh đạm, thờ ơ đối với mọi sự. Chỉ có sự kính sợ Đức Chúa Trời mới cho phép chúng ta sống quân bình để hưởng thụ công khó mình và những niềm vui khiêm tốn trong cuộc sống. Kính sợ Đức Chúa Trời và cứ luôn giữ lòng kính sợ Ngài là lời giải đáp đúng đắn duy nhất cho cuộc sống. Không một điều nào khác có thể thay thế cho sự kính sợ Ngài được.

Nhưng ý nghĩa của cuộc sống là gì? Chúng ta có thể tìm thấy câu trả lời trong những sách khác của Kinh Thánh. Sách Truyền đạo không giải đáp mọi vấn đề trong cuộc sống cho chúng ta. Cứ truy tìm cho được một lời giải đáp trong sách

Truyền đạo là vô lý như thể đuổi theo luồng gió thoảng. Sách Truyền đạo chỉ là phần mở đầu, chớ không phải phần kết dù sách được viết trong giai đoạn cuối của đời sống của một người. Sách Truyền đạo chủ yếu cho chúng ta biết điều nào không có ích, điều nào không đem lại ý nghĩa cho cuộc sống. Các sách khác trong Kinh Thánh dạy chúng ta về những điều hữu ích, những điều đem lại ý nghĩa cho cuộc sống. Cứ như thể sách Truyền đạo đứng ở đầu đường giương lên mũi tên chỉ lối cho chúng ta dõi theo bằng một loạt câu hỏi. Mũi tên ấy hướng đến Đức Chúa Trời và Chúa Cứu Thế. Ngài là Đấng đem lại ý nghĩa cho cuộc sống của chúng ta. Ngài là Con đường - Chân lý - và Nguồn sống ([GiGa 14:6](#)).

TRUYỀN ĐẠO

Ý chính: HƯ KHÔNG

Chủ đề chính: Cuộc sống

Cụm từ chính: ‘Hư không của sự hư không, thấy đều hư không’ (8 lần)

Câu chính: “Chúng ta hãy nghe lời kết của lý thuyết này: Khá kính sợ Đức Chúa Trời và giữ các điều răn Ngài; ấy là trọn phận sự của người.” ([TrGv 12:13](#))

Bài học chính: Cuộc sống vô nghĩa khiến chúng ta kính sợ Đức Chúa Trời; sự kính sợ Đức Chúa Trời cho phép chúng ta được tự do thụ hưởng cuộc sống.

NHÃ CA

Tác giả: Vua Sa-lô-môn

Thời kỳ hình thành sách: Cuối thời kỳ vương quốc còn thống nhất.

Mục đích: Vui mừng đón nhận món quà tình yêu trong hôn nhân.

Đối tượng: Những người yêu nhau và tất cả những người cùng đến mừng ngày cưới của họ.

Tán mạn

Có người đặt vấn đề như sau: phụ nữ Cơ Đốc mua nội y gợi tình có phải là sai không? Vì sao?

Có lẽ nội y gợi tình là chuyện riêng tư của cá nhân. Nhưng phần đông chúng ta đều nhất trí rằng tình dục là một điều lành mạnh, tốt đẹp mà Đức Chúa Trời đã tạo nên cho các đôi vợ chồng tận hưởng. Đáng tiếc là các Cơ Đốc nhân chúng ta thường ngại đá động đến vấn đề tính dục. Nhưng nếu các Cơ Đốc nhân không dạy về tình yêu và tình dục cho giới thanh thiếu niên một cách lành mạnh thì họ học chuyện đó với ai? Chẳng lẽ học nơi đám thanh thiếu niên chỉ hiểu mơ hồ và lộn xộn về vấn đề này? Thực tế là hội thánh không lên tiếng giáo dục giới tính nên thường thường thanh thiếu niên hiểu rằng tình dục là tội lỗi.

Khi sinh hoạt tình dục một cách ích kỷ thì nó biến thành sự ham muốn, hiếp dâm, khiêu dâm. Đừng bao giờ để tình dục chiếm vị trí trung tâm. Phải luôn luôn giữ tình dục ở vị trí phụ mà thôi. Nếu đúng vậy thì đâu là chủ đề chính của sách Nhã

Ca?

Thâm nhập

Chủ đề của sách là tình yêu. Trong sách này, từ ‘tình yêu’ xuất hiện khoảng 60 lần qua những từ ngữ khác nhau. Phần thứ nhất viết về tình yêu giữa chàng Sa-lô-môn và nàng Su-la-mít trước ngày cưới. Phần thứ hai viết về tình yêu của họ trong ngày thành hôn và trong đêm tân hôn. Phần thứ ba chép về tình yêu mà họ dành cho nhau sau ‘tuần trăng mật’.

I. Người yêu tìm hiểu nhau (1:1-3:5)

Có thể xem phần thứ nhất như phiên khúc thứ nhất của một bài ca. Phiên khúc này mô tả hai người yêu nhau. Họ khát khao nhau nhưng trong mối liên hệ của họ còn có một yếu tố chưa được đáp ứng ([3:1-4](#)). Họ quan tâm đến tình yêu nhiều hơn quan tâm đến nhau.

Từ ‘tình yêu’ được dùng 11 lần trong khi từ ‘người yêu’ chỉ có 9 lần. Lời khuyên dạy xuất hiện ở cuối phần một là: “Chớ làm tỉnh thức ái tình cho đến khi nó (tức là ái tình) muốn” ([3:5](#)). Đó là câu Kinh Thánh trong bản chuyển ngữ theo từng từ. Bản New American Standard Bible dịch câu này như sau: “...người chớ kinh động, chớ làm tỉnh thức ái tình của ta cho đến khi nàng muốn.” Câu Kinh Thánh này đề cập đến ái tình của chàng Sa-lô-môn và ước muốn của nàng Su-la-mít. Nhưng theo bản Kinh Thánh nguyên ngữ, câu Kinh Thánh này không có từ ‘của ta’, còn từ ‘nàng’ thực ra là từ ‘nó’. Xem ra sự khác nhau giữa các câu Kinh Thánh này là không đáng kể. Tuy nhiên câu Kinh Thánh nguyên ngữ có ý nghĩa rõ ràng hơn: ái tình chẳng khác gì một bông hoa, phải nở đúng thời điểm của nó. Nếu người ta thử vạch cánh hoa cho nụ hoa nở ra, họ sẽ làm hư hại bông hoa ấy.

II. Tình yêu thăng hoa (3:6-5:8)

Phần thứ hai gồm có hai phần nhỏ. Phần thứ nhất mô tả ngày cưới của chàng và nàng ([3:6-11](#)). Phần đoạn Kinh Thánh này mô tả ngày thành hôn thật rõ ràng ([3:11](#)). Phần thứ hai mô tả đêm tân hôn của họ ([4:1-5:1](#)). Chúng ta biết đây là đêm tân hôn bởi đầu nàng vẫn đội lúp ([4:1-3](#)), chàng vẫn gọi nàng là tân phụ của chàng (6 lần và chỉ nhắc đến trong phần hai này). Đồng thời cũng có sự mô tả kín đáo, tế nhị sinh hoạt tình dục của họ: nàng chỉ mở vườn đóng kín cho riêng chàng ([4:12-16](#)).

Tình dục chiếm vị trí quan trọng trong phần giữa này. Cả hai từ ‘tình yêu’ và ‘người yêu’ chỉ được dùng hai lần. Tình dục là điều thật sự lành mạnh và do Đức Chúa Trời ban cho, nhưng con người chỉ được thụ hưởng điều đó trong giới hạn của hôn nhân. Lò sưởi đúng là nơi nhóm lửa để sưởi ấm căn phòng. Bể không thì lò sưởi dùng để làm gì? Chúng ta cần chú ý rằng ở đây không đề cập đến trẻ sơ sinh hoặc con cái. Dường như tác giả không ủng hộ chủ trương tình dục tạo giống nòi (tức là tình dục chỉ nhằm mục đích sinh con đẻ cái).

Tình yêu của đôi vợ chồng đề cập đến trong phần hai này là một tình yêu nồng cháy. Nhưng tình yêu của họ không phải chỉ cháy bỏng, nhưng nó còn bị từ chối

([5:2-7](#)). Tình yêu, ngay cả tình yêu giữa vợ chồng, nếu chỉ tập trung vào tình dục thì đó là một tình yêu chưa trưởng thành. Không có gì đáng ngạc nhiên khi tình yêu ấy đưa đôi vợ chồng đến chỗ cãi nhau ngay trong tuần trăng mật.

Phần thứ nhất kết thúc bằng một lời khuyên ([3:5](#)). Còn phần thứ hai kết thúc bằng một lời kêu gọi. Một lần nữa, nàng nói cùng các cô gái Giê-ru-sa-lem (và các độc giả của sách này) rằng: “Nếu gặp lương nhơn ta, khá nói rằng ta có bệnh vì ái tình” ([5:8](#))

Ở đây, nàng Su-la-mít muốn chàng biết rằng nàng rất thương nhớ chàng (nàng bệnh tương tư vì chàng). Đoá hoa tình yêu của nàng đã nở. Không thể nào ép các cánh hoa lại để tạo thành nụ hoa được nữa. Nỗ lực biến bông hoa trở thành nụ hoa chỉ làm hư hại bông hoa mà thôi.

III. Người yêu tìm hiểu nhau ([5:9-8:14](#))

Trong phiên khúc thứ ba, tác giả trở lại và lập lại những điều đã được đề cập trong phần thứ nhất. Nàng ví thân thể mình như vườn nho ([1:6](#); [8:2](#)) đã nứt đọt, trổ hoa ([2:13](#); [6:11](#); [7:12](#)). Chàng ngồi dưới gốc cây táo ([2:3](#); [8:5](#)) vì cơ họ khao khát những trái cây ngon ngọt của nhau ([2:5](#); [7:8](#)). Nàng cảm thấy yên tâm trong vòng tay của chàng ([2:6](#); [8:3](#)). Chàng chặn bầy mình giữa đám hoa huệ ([2:16](#); [6:2-3](#)). Chàng và nàng khẳng định rằng họ thuộc về nhau ([2:16](#); [6:3](#); [7:10](#)). Nàng cũng nhắc đến con hoàng dương hoặc con nai đồng nội ([2:7](#); [8:14](#)), nhà mẹ nàng ([3:4](#); [8:2](#)) và người nữ (tức là người yêu) từ sa mạc về kinh đô ([3:6](#); [8:5](#)).

Vậy mọi chi tiết này nhằm nói về điều gì? Phải tiếp tục tìm hiểu nhau chứ không nên kết thúc với hôn nhân. Hầu hết các cuộc hôn nhân thường dẫn đến bi kịch vì khi tuần trăng mật kết thúc vợ chồng không còn tìm hiểu nhau nữa. Tuy nhiên, tình yêu thật sự trưởng thành trong phần ba. Giờ đây chàng và nàng quan tâm đến nhau nhiều hơn là quan tâm đến tình yêu. Từ ‘tình yêu’, ‘ái tình’ chỉ được nhắc đến 7 lần trong khi từ ‘người yêu’ hoặc ‘người yêu dấu’ được nhắc đến 18 lần.

Tương tự phần thứ nhất, kết thúc phần thứ ba là lời khuyên dành cho các con gái Giê-ru-sa-lem ([8:4](#)). Đa số các bản Anh ngữ đều dịch câu Kinh Thánh này tương tự như câu kết của phần một ([3:5](#)). Nhưng câu Kinh Thánh trong nguyên ngữ có một sự khác biệt tinh tế so với những câu trong bản Kinh Thánh Anh ngữ. Nếu chuyển ngữ theo từng từ, câu Kinh Thánh này sẽ như sau: “Vì sao ngươi kinh động và làm tỉnh thức ái tình khi nó (đã) muốn (rời)?” Ở đây câu Kinh Thánh được diễn đạt dưới hình thức câu hỏi. Hoa đã nở rồi. Các cánh hoa đã tàn héo (cãi nhau) để rồi trái có thể lớn lên (tình yêu đạt đến mức trưởng thành). Thông thường cha mẹ và bạn bè luôn luôn dành nhiều thiện chí để giúp đỡ cuộc sống của vợ chồng mới cưới nhưng hoá ra tai hại nhiều hơn là hữu ích. Chúng ta cần thận trọng và bèn nhảy dõng với các nhu cầu riêng tư của họ. Hãy cứ để cho họ tự giải quyết các vấn đề riêng tư ấy để qua đó tình yêu của họ dần dần lớn lên và trưởng thành. Kết thúc sách là một lời tóm tắt về tình yêu. Hầu như những người học sách này đều đồng ý rằng chúng ta có thể tìm thấy câu Kinh Thánh chính của sách trong lời kết “Nước nhiều không

tươi tắt được ái tình; các sông chẳng nhận chìm nó được; nếu người nào đem hết tài sản nhà mình, dâng mua lấy ái tình, ắt người ta sẽ khinh dễ nó đến đều.” (8:7). Tình yêu có một sức mạnh mãnh liệt. Tình yêu có tính cách tự nguyện chứ không thể ép buộc. Nếu ép buộc tình yêu, đó là một hành động cưỡng hiếp. Tình yêu rất quý báu. Đó là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Vì thế, chúng ta cần phải tôn trọng tình yêu.

Trọng tâm

Tình yêu ví như một bông hoa, nở đúng thời điểm phải nở.

Thực hành

Thấy một người đang yêu ai nấy đều thương. Nhưng đôi khi thương kiểu đó hoá ra là xen vào chuyện thiên hạ. Không nên mai mối một cách nông nổi nhưng phải khéo léo tế nhị và cầu nguyện nhiều. Chỉ khi nào đôi nam nữ cần đến sự ủng hộ, khích lệ thì chúng ta mới ủng hộ, khích lệ. Bằng không hành động của chúng ta gây lúng túng, ngại ngùng, đồng thời có thể bóp nghẹt tình yêu khiến tình yêu không thể nảy nở như chúng ta mong muốn.

Về phần các bạn thanh niên (đặc biệt là các bạn trai!) bạn phải thận trọng. Nếu bạn không có ý định hoặc không thể kết hôn với người ta thì đừng bao giờ khơi dậy tình yêu nơi người ta. Một phần trong chúng ta chết khi tình yêu chết trong chúng ta. Một khi tình yêu nở hoa, nó phải kết quả, không thì nó chết. Mỗi thanh niên, mỗi thiếu nữ đều là một nụ hoa sẵn sàng nở. Do đó chúng ta phải đối xử với nhau, tôn trọng nhau như thể nâng niu một nụ hoa mong manh và dễ bị tổn thương vậy. Nhưng sự thể sẽ ra sao khi tình yêu của chàng và nàng phát triển ở tiến độ khác nhau? Chúng ta đừng nên cố gắng thúc đẩy hoặc giảm mức độ tình yêu trong người khác vì điều đó sẽ phá hủy tình yêu. Nhưng chúng ta có thể đều đặn bước đi trên con đường tình yêu để cùng song hành với người bạn đời của mình. Chúng ta cần phải thừa nhận rằng: một số người trong chúng ta ví như những lò vi-ba nhanh chóng nóng lên và nhanh chóng nguội. Còn một số người khác ví như những bếp than nóng lên rất chậm và giữ được độ nóng trong một thời gian dài. Dù bạn là ai bạn vẫn phải học tập thích ứng với những nhu cầu của người bạn đời của bạn - và giữ cho tình yêu của bạn luôn ấm áp. Nếu bạn tôn trọng tình yêu - tình yêu của bạn vẫn ấm áp. Còn nếu bạn bỏ mặc tình yêu - nó sẽ nguội lạnh đi.

Cho đến đây, vẫn chưa có chi tiết nào về Chúa Cứu Thế và hội thánh. Có nhiều lý do. Trước tiên, chúng ta không thể nào liên hệ nội dung của một vài phân đoạn (đặc biệt là chương 4 và chương 7) bằng cách đề cập với Chúa Cứu Thế và hội thánh Ngài trong khi bình giải. Rõ ràng là những phân đoạn này chỉ nói đến tình yêu nhục dục giữa nam và nữ mà thôi. Có thể nào bình giải câu Kinh Thánh mô tả chàng trèo lên cây vườn nàng và hái trái (7:7-8) theo nghĩa khác không? Ái chà, có người muốn đề nghị giải nghĩa rằng đó là những trái của Thánh Linh đấy!

Thứ hai, sách này không đề cập đến sự thờ phượng, tế lễ, nghi lễ, thầy tế lễ... gì cả. Thật vậy, toàn bộ sách không có hơi hướm thuộc linh gì cả! Lễ cưới mô tả

trong sách là một lễ cưới theo thể tục! Sách chỉ nhắc đến danh Đức Chúa Trời một lần mà lại viết tắt trong nguyên ngữ ([8:6](#)).

Thứ ba, Chúa Giê-xu lẫn các tác giả của Tân Ước đều không nhắc đến sách này. Tân Ước không hề trích dẫn một câu nào của sách này, cũng không hề hàm ý nói về sách này. Nếu đây thực sự là sách chép về Chúa Cứu Thế và hội thánh thì tại sao Kinh Thánh Tân Ước, là bộ sách mà Đức Chúa Trời ban cho hội thánh của Ngài, lại không hề đề cập đến sách đó một lần nào?

Như đã nói ở trên, chúng ta cần nhớ rằng chỉ có một cách giải thích Kinh Thánh nhưng có nhiều cách ứng dụng. Dầu chúng ta không thể bình giải rằng sách Nhã Ca nói về Chúa Cứu Thế và hội thánh, nhưng thực sự chúng ta có thể (nếu không nói là nên) ứng dụng sách Nhã Ca vào tình yêu giữa Chúa Cứu Thế và hội thánh của Ngài ([Eph Ep 5:22-23](#)). Chúa Cứu Thế luôn hiểu và biết rõ hội thánh, còn hội thánh (và các Cơ Đốc nhân) cần tiếp tục tìm hiểu và học biết về Ngài. Tình yêu giữa Chúa Cứu Thế và hội thánh được thể hiện qua sự vâng phục, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Không nên gây trở ngại cho tình yêu mạnh mẽ này trái lại phải lo vun quén. Chúng ta phải yêu mến Cứu Chúa chúng ta, không phải theo kiểu lãng mạn, băng quơ, nhưng một cách sâu đậm, tha thiết. Nếu chúng ta hờ hững lạnh nhạt đối với Chúa Cứu Thế thì tình yêu giữa chúng ta với Ngài sẽ trở nên hâm hâm ([KhKh 3:16](#)) rồi nguội hẳn đi ([Mat Mt 24:12](#)).

Tình yêu của bạn đối với Chúa Cứu Thế ở mức độ nào trong khoảng từ 1 đến 10? Nếu bạn đáp: “khoảng 4, 5 hoặc 6” thì bạn đang gặp trục trặc nghiêm trọng.

Đọc [KhKh 3:16](#) bạn sẽ rõ Đức Chúa Trời xử lý như thế nào đối với những tín hữu hâm hâm!

NHÃ CA

Ý chính: Sa-lô-môn và Su-la-mít

Chủ đề chính: Tình yêu

Cụm từ chính: ‘Lương nhân tôi’, ‘Bạn tình ta’ (28 lần)

Câu chính: “Nước nhiều không tưới tắt được ái tình; các sông chẳng nhận chìm nó được; nếu người nào đem hết tài sản nhà mình, đừng mua lấy ái tình, ắt người ta sẽ khinh dể nó đến đều.” ([Nha Dc 8:7](#))

Bài học chính: Tình yêu ví như một bông hoa, nở đúng thời điểm hoa phải nở.

Ê-SAI

Tác giả: Ông Ê-sai.

Thời kỳ hình thành sách: Thời kỳ vương quốc bị chia đôi.

Mục đích: Trước khi Sa-ma-ri thất thủ. Nhằm lên án tội lỗi và kêu gọi dân tộc ăn năn (chương 1-39) Nhằm an ủi dân của Đức Chúa Trời đang gánh chịu sự hình phạt của Ngài và ban cho họ niềm hy vọng về tương lai (chương 40-66)

Đối tượng: Dân của Đức Chúa Trời đang vương phải những nan đề có vẻ như không thể khắc phục

Tản mạn

Cuộc cải chánh được xây dựng trên nền tảng một từ thật ngắn gọn: CHỈ. Chúng ta được cứu chỉ nhờ ân điển, chỉ bởi đức tin và chỉ có Kinh Thánh là nền tảng, căn bản cho niềm tin chúng ta mà thôi.

Tín hữu các giáo hội cải chánh thường lầm tưởng là tín đồ Công Giáo La-mã (CGLM) không tin rằng họ được cứu là nhờ ân điển của Đức Chúa Trời, và bởi đức tin của họ. Thật ra họ có tin như vậy. Họ cũng tin vào thẩm quyền của Kinh Thánh. Nhưng, không phải là chỉ tin chừng nấy. Từ ‘chỉ’ nhỏ gọn này là điểm phân biệt giáo hữu cải chánh với giáo hữu CGLM. Các tín đồ CGLM tin rằng họ được cứu nhờ ân điển và các thánh lễ, nhờ đức tin và nhờ các biện pháp chuộc tội (đền tội). Họ tin vào Kinh Thánh và tin vào giáo hoàng.

Thời nay, trong hội thánh Tin Lành của chúng ta, nhiều tín hữu hành đạo theo kiểu CGLM. Về mặt giáo lý và tín điều họ công nhận mọi điểm trong tín lý xưa nay của giáo hội cải chánh. Nhưng trong thực tế, ngoài ân điển của Đức Chúa Trời họ còn trông cậy vào những phương cách khác để được cứu. Qua hành động trong thực tế họ tỏ ra họ tin là họ được cứu bởi đức tin và bởi công đức nữa. Họ vâng theo thẩm quyền của Kinh Thánh và tiếng nói của đời này nữa.

Đôi khi người ta gọi ông Ê-sai là vị tiên tri Phúc Âm (Tin Mừng). Có lẽ vì có tên của ông có nghĩa là: ‘Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi’. Hoặc có lẽ vì ông nhắc đến từ ‘sự cứu rỗi’ đến 26 lần trong sách. (Trong khi tất cả các sách tiên tri khác dùng từ này chỉ 8 lần thôi!) Hoặc có lẽ vì ông mô tả nhiều về Người Đầy Tớ chịu khổ. Dầu sao chúng ta có thể chắc chắn một điều là ông Ê-sai xác định một cách rõ ràng là chúng ta cần được giải cứu bởi Đức Chúa Trời. Hơn nữa, ông còn nhấn mạnh rằng chỉ một mình Đức Chúa Trời là Đấng giải cứu chúng ta mà thôi.

Thâm nhập

Đôi khi sách Ê-sai được xem là quyển Kinh Thánh thu nhỏ. Sách gồm 66 chương tương ứng với 66 sách trong Kinh Thánh. Kinh Thánh gồm hai phần: phần Cựu Ước có 39 sách và Tân Ước có 27 sách. Tương tự sách Ê-sai cũng có hai phần: 39 chương đầu tập trung rao báo sự lên án của Đức Chúa Trời đối với tuyến dân và 27 chương còn lại nhấn mạnh về sự yên ủi mà Đức Chúa Trời hứa ban cho họ.

I. Niềm tin cậy và sự giải cứu (1-39)

Thường thường hễ dân Do Thái không vâng lời Đức Chúa Trời họ liền mắc vào tình thế nguy hiểm về mặt chính trị. Rồi khi bí lối thì họ cầu cứu Đức Chúa Trời và các thế lực khác. Nhưng muốn hiểu những diễn biến trong thời ông Ê-sai, trước hết chúng ta cần hiểu tình hình chính trị quốc tế thời bấy giờ.

Vào thời ông Ê-sai có ba siêu cường quốc: A-si-ri, Ba Tư và Ai Cập. Tuy nhiên, mãi sau này Ba Tư mới phát lên. Thế là còn lại siêu cường A-si-ri và siêu cường Ai Cập. Tất cả các quốc gia nhỏ bé hơn, yếu thế hơn đều liên kết với một trong hai

siêu cường quốc này.

Khi quá nhiều quốc gia đứng về phía A-si-ri thì dân Giu-đa quay sang liên kết với Ai Cập để tạo sự cân bằng thế lực. Còn khi Ai Cập quá hùng mạnh, dân Do Thái quay qua cầu cứu A-si-ri. Xưa nay trên chính trường quốc tế, chỉ có người chơi thay đổi. Còn các luật chơi đại khái vẫn không thay đổi gì mấy.

Nhưng đúng ra dân I-xơ-ra-ên và dân Giu-đa phải quyết định và hành động theo luật khác. Gặp lúc nguy nan vua của hai nước này không được phép cầu cứu đại vương của các siêu cường quốc. Hai nước này thuộc chế độ thần quyền nằm dưới quyền cai trị của vua và Chúa trên muôn Chúa. Họ phải nhờ cậy một mình Đức Chúa Trời mà thôi.

Sứ điệp chính trong phần thứ nhất của sách Ê-sai là chớ nhờ cậy con người nhưng phải nhờ cậy Đức Chúa Trời ([2:22](#)). Ai Cập là một cây gậy không đáng tin cậy. Nếu dân Giu-đa nương dựa vào đó, nó sẽ gãy và đâm lủng tay ([36:6](#)). Ê-sai chương 7 và 9 là hai chương sách rất quen thuộc, chép việc Đức Chúa Trời cho phép A-cha, vua Giu-đa (xin đừng nhầm với A-háp, vua I-xơ-ra-ên) xin một dấu lạ nhằm chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời sẽ giải cứu Giu-đa khỏi quân thù. Nhưng vua A-cha từ khước với sự khiêm tốn giả tạo. Vì vậy Đức Chúa Trời tự ý ban cho vua một dấu lạ: một trinh nữ sẽ chịu thai, và sinh ra một con trai và đặt tên là Em-ma-nu-ên ([7:14](#)). Trong chương 8 một bé ra đời là dấu hiệu báo trước rằng lời tiên tri trên đây sẽ được ứng nghiệm ([8:3](#)). Trong chương 9, ông Ê-sai nói tiên tri rằng: “Vì có một con trẻ sanh cho chúng ta, tức là một con trai ban cho chúng ta” ([9:5](#)). Con trai này là dự ngôn về Chúa Cứu Thế, là dấu lạ mà Đức Chúa Trời ban để bày tỏ rằng Ngài là Đấng quyền năng và Ngài sẽ giải cứu dân Ngài.

Nhưng họ phải tin cậy Ngài. Trong toàn bộ Kinh Thánh hai từ ‘giải cứu’ và ‘tin cậy’ xuất hiện bên nhau trong cùng một câu Kinh Thánh, thì sách Ê-sai, nội phần thứ nhất này đã chiếm 4 lần rồi. Đối với vấn đề cứu rỗi, chúng ta phải tin cậy một mình Đức Chúa Trời mà thôi.

II. Sự công nghĩa và sự cứu rỗi (40-66)

Trong khi phần thứ nhất xác quyết mạnh mẽ là sự giải cứu đến từ Đức Chúa Trời chớ không phải từ con người thì phần thứ hai xác quyết rằng sự giải cứu đến từ Đức Chúa Trời chớ không phải đến từ thần tượng. Ông Ê-sai dành trọn từ chương 40 đến chương 48 để lên án thần tượng. Ông chế nhạo dân chúng nhằm vạch rõ tính cách phi lý lố bịch của thói thờ hình tượng. Họ dùng cùng một khúc gỗ để tạc tượng làm thần, phân nửa còn lại họ làm củi chụm bếp nấu ăn, sưởi ấm và nói rằng: “Hà, hà, ấm áp quá!” ([44:16-17](#)).

Phần thứ nhất nhấn mạnh niềm tin cậy và sự giải cứu. Còn phần thứ hai nhấn mạnh sự công nghĩa và sự giải cứu. Trong phần thứ hai của sách Ê-sai, từ ‘sự giải cứu’ và ‘sự công nghĩa’ xuất hiện chung với nhau 10 lần trong tổng số 18 lần mà hai từ này xuất hiện chung trong Kinh Thánh. Dầu vậy tác giả nói đến sự công nghĩa của ai? Đó là sự công nghĩa của Đức Chúa Trời chớ không phải của chúng ta ([57:12](#)).

Mọi việc công bình của chúng ta giống như giẻ rách bẩn thỉu ([64:6](#)). Trong Hi-bá-lai ngữ, từ ‘giẻ rách bẩn thỉu’ có nghĩa (xin lỗi quý bà quý cô) là ‘vải lót lúc hành kinh’.

Sự cứu rỗi chúng ta phải đặt cơ sở trên sự công nghĩa của một mình Đức Chúa Trời mà thôi. Phần còn lại của phần thứ hai mô tả phương cách mà Đức Chúa Trời ban sự công nghĩa của Ngài cho chúng ta. Chúng ta được xưng công nghĩa qua Người đầy tớ chịu đau khổ của Đức Chúa Trời. Và khi việc ấy được thể hiện thì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời đến cho dân của Ngài (Chương 60-66).

Câu Kinh Thánh chính của sách này nói đến niềm tin cậy, sự giải cứu và sự công nghĩa: “Sự công nghĩa của ta đã gần; sự cứu rỗi của ta đã ra, cánh tay ta sẽ xét đoán các dân. Các cù lao sẽ trông đợi ta, và chúng nó sẽ nhờ cậy cánh tay ta” ([EsIs 51:5](#)).

Trọng tâm

Hãy tin cậy vào sự công nghĩa của một mình Đức Chúa Trời về vấn đề cứu rỗi đời sống của bạn.

Thực hành

Nhưng làm sao chúng ta có thể biết rằng chúng ta đang chỉ tin cậy một mình Đức Chúa Trời? Bạn hãy chồng một quyển Kinh Thánh lên một quyển sách khác. Rồi đặt một cây bút lên quyển Kinh Thánh đó. Như vậy, cây bút nằm trên quyển Kinh Thánh hay quyển sách? Dĩ nhiên câu trả lời là “cả hai”.

Bây giờ, bạn hãy đặt quyển Kinh Thánh cách xa quyển sách. Như vậy có thể nào cây bút vừa nằm trên quyển Kinh Thánh và vừa nằm trên quyển sách không? Dĩ nhiên là không rồi.

Nhiều lúc trong cuộc đời, chúng ta có tin cậy nơi Đức Chúa Trời, nhưng đồng thời chúng ta cũng nương nhờ một con người hoặc một điều khác nữa. Chúng ta vừa tin Đức Chúa Trời vừa tin chủ của chúng ta sẽ cung cấp thực phẩm hằng ngày cho chúng ta. Chúng ta tin cậy nơi Đức Chúa Trời đồng thời cũng tin vào vị bác sĩ chữa bệnh cho con chúng ta. Làm như thế cũng giống như cây bút vừa nằm trên quyển Kinh Thánh vừa nằm trên quyển sách vậy. Nhưng đến một lúc nào đó trong cuộc sống, chúng ta buộc phải chọn một trong hai mà thôi.

Khi ông chủ bảo chúng ta làm điều gian lận thì chúng ta phải chọn một trong hai hoặc tin và làm theo chủ hoặc tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Nếu từ khước làm điều chủ bảo, có lẽ chúng ta sẽ bị sa thải. Vậy ai sẽ cung cấp thực phẩm hằng ngày cho chúng ta? Đức Chúa Trời. Nếu bạn được kêu gọi đi đến một vùng quê xa xôi, hẻo lánh là nơi thiếu thốn mọi tiện nghi y tế, trong khi đó sức khỏe của con trai bạn rất kém, bạn quyết định ra sao? Bạn phải quyết định chọn một trong hai? Hoặc tin cậy bác sĩ hoặc tin cậy Đức Chúa Trời. Đây là lúc đức tin của bạn được thử nghiệm (với hy vọng là đức tin của bạn sẽ mạnh mẽ hơn). Đây là lúc bạn có thể vui mừng trong thử thách ([Gia Gc 1:2](#)). Con thử thách luyện lọc cho đức tin của bạn được thuần khiết. Nếu qua cơn thử thách mà bạn vẫn giữ được đức tin thuần khiết thì

đức tin đó quý hơn vàng ròng (). Đây là lúc bạn chứng tỏ bạn chỉ tin cậy một mình Chúa Giê-xu mà thôi. Khi biết chắc rằng chúng ta chỉ tin cậy một mình Chúa Giê-xu về những nhu cầu tạm bợ trong cuộc sống, thì điều đó đảm bảo rằng chúng ta cũng chỉ tin cậy nơi sự công nghĩa của một mình Ngài để được sự cứu rỗi đời đời.

Tôi có quen một bà trong một Hội thánh Phúc Âm thuần túy. Bà tin rằng nếu bà làm càng nhiều việc lành, thì Đức Chúa Trời càng công nhận bà và do đó bà càng chắc chắn là được lên thiên đàng. Có lẽ, bà hiểu sai ý của ông Gia-cơ nên mới tin như thế. Dầu vậy chúng ta cần nhớ rằng ông Gia-cơ đã nói sự thử thách đức tin dẫn đến sự trưởng thành trọn lành chứ không phải việc làm ([Gia Gc 1:2-4](#)). Đức tin cứu được người là đức tin có việc làm ([Gia Gc 2:17-18](#)). Nhưng chúng ta được cứu chỉ bởi đức tin mà thôi ([Eph Ep 2:8-9](#)).

Ê-SAI

Ý chính: GỐC đền CHỜ

Chủ đề chính: Sự giải cứu

Cụm từ chính: ‘Niềm tin cậy, sự giải cứu’ (4 lần) ‘Sự công nghĩa, sự giải cứu’ (10 lần)

Câu chính: “Sự công bình của ta đã gần; sự cứu rỗi của ta đã ra, cánh tay ta sẽ xét đoán các dân. Các cù lao sẽ trông đợi ta, và chúng nó sẽ nhờ cậy cánh tay ta.” ([EsIs 51:5](#))

Bài học chính: Hãy tin cậy vào sự công nghĩa của một mình Đức Chúa Trời về sự cứu rỗi đời đời của bạn.

GIÊ-RÊ-MI

Tác giả: Ông Giê-rê-mi

Thời kỳ hình thành sách: Trước thời kỳ lưu đày

Mục đích: Nhằm khuyên dân Do Thái đầu hàng quân xâm lược Ba-by-lôn coi như một cử chỉ chấp nhận kỷ luật của Đức Chúa Trời.

Đối tượng: Những người triền miên chống nghịch Chúa đến độ Đức Chúa Trời không thể không dùng kỷ luật mà để sửa đổi họ.

Tản mạn

Sau khi khám bệnh, bác sĩ kết luận bệnh nhân sẽ chết. Căn bệnh của bệnh nhân đã đến thời kỳ cuối cùng. Tuy nhiên vẫn còn một phương cách. Phải thực hiện một cuộc đại phẫu thay tim mới cứu được bệnh nhân.

Bệnh nhân là người Giu-đa. Vị bác sĩ là Đức Chúa Trời. Căn bệnh là sự thờ lạy hình tượng. Phương cách cứu chữa là triệt để thay đổi nội tâm. Dân chúng không ưa, không thích nghe sứ điệp của ông Giê-rê-mi. Về cơ bản, ông khuyên đồng bào nên đầu hàng con dao giải phẫu của Đức Chúa Trời, tức là quân Ba-by-lôn. Vì vậy,

không có gì đáng ngạc nhiên khi họ cho rằng ông là kẻ phản quốc. Và khi họ không muốn nghe sứ điệp thì họ quay sang tấn công sứ giả. Ông Giê-rê-mi ném trái nhiều nổi đoạn trường trong tay đồng bào. Dầu dân chúng không chấp nhận sứ điệp đó chút nào, ông vẫn không thể giảng khác đi vì đó là sứ điệp của Đức Chúa Trời. Bệnh hoành hành tận nguồn tận gốc. Không dễ lành bệnh với lối chữa bệnh sơ sài. Sứ điệp của sách này không chỉ dành cho dân Do Thái thời ông Giê-rê-mi mà thôi nhưng vẫn ứng dụng cho những ai hiện nay còn muốn chữa trị căn bệnh thuộc linh hiểm nghèo của mình bằng những phương cách sơ sài và không đau đớn.

Thâm nhập

Chính Đức Chúa Trời dùng hình ảnh một căn bệnh nan y để minh họa tình trạng trầm trọng của dân Giu-đa. Ngài phán: “Vết thương người không chữa được, dấu vết người nặng lắm. Chẳng ai lấy có người cầu thay, để người được ràng buộc, người chẳng còn thuốc chữa.” ([30:12-13](#)). Có thể phân tích Giê-rê-mi làm sáu cột, minh họa ở mỗi cột là một loại bình gốm. Phải chăng vì vậy mà ông Ma-thi-ơ cho rằng ông trưng dẫn sách Giê-rê-mi (đúng là sách Xa-cha-ri) khi ông nói về ba mươi miếng bạc và ruộng của thợ gốm? (Xem [Mat Mt 27:9-10](#) và [XaDr 11:12-13](#)).

I. Bình nước sôi (1)

Cái bình thứ nhất thật ra là một nồi nước sôi đồ nghiêng trên dân Giu-đa. Đây là khái tượng mà Chúa tỏ ra cho ông Giê-rê-mi thấy ([1:13](#)). Nồi nước sôi văng nước về phương nam tức là sự đoán phạt của Đức Chúa Trời sẽ xuất phát từ phương bắc. Con dao giải phẫu của Đức Chúa Trời chính là quân Ba-by-lôn. Họ sẽ tấn công dân Giu-đa từ phương bắc.

Phần thứ nhất tóm tắt về sứ điệp mà ông Giê-rê-mi rao truyền cho dân Do thái. Đức Chúa Trời dùng ông để báo cho họ những điều Ngài sẽ làm: Ngài sẽ nhỏ, phá, lật đổ, tiêu diệt trước khi Ngài xây dựng và vun trồng ([1:10](#)).

II. Bể nước nứt (2-15)

Cái bình thứ hai thật ra là một bể chứa nước. Đức Chúa Trời kết án dân Giu-đa đã phạm hai tội: họ đã lìa bỏ Đức Chúa Trời, là nguồn nước sống rồi tự đào lấy hồ (bể), nhưng hồ (bể) nứt ra không chứa nước được ([2:13](#)). Họ kiếm một vị thần khác thay thế cho Đức Chúa Trời trong cuộc sống của họ. Nguyên nhân gây ra căn bệnh của họ là do nhiễm một loại ‘siêu vi yêu mến thần tượng’. Họ phạm tội tà dâm thuộc linh và thờ hình tượng.

III. Bình gốm hư (16-20)

Cái bình kế tiếp thực sự là một cặp bình gốm. Chương mười tám chép chuyện bình gốm thứ nhất. Đức Chúa Trời bảo ông Giê-rê-mi đến nhà người thợ gốm để xem thao tác của người thợ. Người thợ gốm dùng một thoi đất sét để nắn. Khi cái bình sắp hình thành nhưng coi bộ không hoàn hảo lắm, ông nắn lại một cái bình khác. Ông Giê-rê-mi truyền cho dân chúng sứ điệp này: Đức Chúa Trời rao báo cho một dân tộc biết rằng Ngài sắp tiêu diệt họ. Nếu họ ăn năn thì Đức Chúa Trời sẽ không

huỷ diệt họ ([18:9-10](#)).

Tuy nhiên, dân Giu-đa không nghe lời tiên tri Giê-rê-mi. Chương 19 viết về ‘cái bình gốm bị hu’ thứ hai. Đức Chúa Trời bảo ông đem theo một cái bình gốm rồi đập bể bình ngay trước mắt một nhóm người lãnh đạo. Đây là hình ảnh minh họa việc Đức Chúa Trời sẽ thực hiện đối với họ nếu họ không chịu ăn năn.

Cái bình trong chương 18 vẫn còn mềm, ướt và có thể nắn lại được, còn cái bình trong chương 19 đã cứng rắn rồi, và cách duy nhất là phải đập vỡ bình mới mong đổi khác được. Bệnh tình của dân Giu-đa được chẩn định như vậy đó. Họ mắc phải bệnh tim chai cứng.

Bệnh nhân phải chọn một trong hai phương cách chữa trị: hoặc ăn năn ngay và tránh được một cuộc đại phẫu hoặc tiếp tục nếp sống gian ác, tội lỗi rồi về sau chịu một cuộc phẫu thuật đau đớn.

IV. Bình gốm bể (21-28)

Tương lai bệnh tình xem ra còn trầm trọng hơn. Giu-đa từ chối phương cách chữa trị. Vì thế Đức Chúa Trời buộc phải thực hiện một cuộc giải phẫu. Giê-hô-gia-kin, vua dân Giu-đa là người đại diện cho dân tộc. Ông được ví như cái bình gốm bể để làm dấu hiệu báo trước cho dân Giu-đa biết về mệnh hệ của toàn dân ([22:28](#)). Quân Ba-by-lôn sẽ đến xâm chiếm đất nước của họ, còn chính họ sẽ bị lưu đày trong bảy mươi năm ([25:11](#)). Đó là hình ảnh của cuộc giải phẫu mà dân Giu-đa phải trải qua. Sau đó Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt dân Ba-by-lôn ([25:12](#)).

V. Bình gốm chôn (29-33)

Tuy nhiên, vẫn còn một niềm hy vọng cho dân Giu-đa. Bệnh nhân vẫn sống sót sau cuộc giải phẫu. Đức Chúa Trời bảo ông Giê-rê-mi mua một đám ruộng rồi cất chứng từ sở hữu ruộng trong một bình đất ([34:42](#)). Theo cách thức thời bấy giờ, người ta thường chôn cái bình này ở một nơi an toàn rồi lâu năm về sau họ có thể đào bình ấy lên.

Chúa bảo ông Giê-rê-mi làm một việc có vẻ rất khác thường vì đất nước ông đang lâm chiến. Nghĩ lại xem nào, có ai dám mua bất động sản khi đất nước sắp bị xâm chiếm. Nếu có thì điên rồ quá chừng! Nhưng đây là dấu hiệu mà Đức Chúa Trời dùng để bày tỏ rằng, rồi đây dân Do thái sẽ trở về quê hương của họ.

Kết quả của cuộc giải phẫu là dân chúng có một tấm lòng mới ([24:7](#)). Trong quá khứ, bút sắt với đầu ngòi bút làm bằng kim cương đã ghi tội lỗi của dân Giu-đa lên bảng lòng họ ([17:1](#)). Nhưng sau cuộc giải phẫu, Đức Chúa Trời ghi chép luật pháp của Ngài vào lòng họ (31-33). Hai mươi tám chương đầu mô tả tội lỗi của Giu-đa với cụm từ ‘ý tưởng của lòng gian ác xấu xa của họ’ (tám lần). Nhưng rồi đây Đức Chúa Trời sẽ đặt sự kính sợ Ngài vào lòng họ (30-40).

VI. Bọn độc tài sụp đổ (34-52)

Có thể bạn thắc mắc rằng: “Còn các dân tộc khác thì sao? Vì sao Ngài không sai các vị tiên tri đến với họ?”

Thật ra, Đức Chúa Trời đã sai các đấng tiên tri đến với họ. Ông Giê-rê-mi là một

trong những tiên tri đó. Nên nhớ rằng sứ điệp của Đức Chúa Trời không phải chỉ dành cho dân Giu-đa, nhưng cũng dành cho mọi dân tộc, mọi quốc gia nào chịu nghe theo lời của Đức Chúa Trời ([1:10](#); [25:12](#)).

Hầu hết phần cuối sách Giê-rê-mi ghi lại lời cảnh báo dành cho các dân tộc chung quanh Giu-đa. Nếu họ không ăn năn, họ sẽ cùng chung số phận với Giu-đa. Nước Mô-áp tiêu biểu cho những dân tộc này. Mô-áp cũng được ví như như cái bình bể, bị loại bỏ và bị khinh dể ([48:38](#)).

Bài học cho chúng ta rất rõ ràng: nếu mắc bệnh mà còn từ khước sự điều trị của Đức Chúa Trời thì bạn sẽ chết. Ngoài phương cách của Đức Chúa Trời, không còn phương cách cứu chữa nào cả. Dù bạn tự xem mình là Cơ Đốc nhân hoặc ngoại đạo chẳng nữa vẫn không có gì quan trọng. Không ai có thể quay lại đồ lỗi cho vị bác sĩ về bệnh tật của mình. Vị bác sĩ quyền năng đã định bệnh cho bạn và báo trước căn bệnh ấy sẽ tiến triển ra sao rồi.

Trọng tâm

Nếu chúng ta không chịu ăn năn, thì Đức Chúa Trời phải đập vỡ chúng ta, để có thể tái tạo chúng ta.

Thực hành

[Gie Gr 29:11](#) là câu mà nhiều người thích ghi vào thiệp chúc mừng: “Đức Giê-hô-va phán: Vì ta biết ý tưởng ta nghĩ đối cùng các ngươi, là ý tưởng bình an, không phải tai họa, để cho các ngươi được sự trông cậy trong lúc cuối cùng của mình.” Đúng là một câu Kinh Thánh tuyệt diệu. Nhưng chúng ta không nên tách câu Kinh Thánh này ra khỏi ngữ cảnh. Đức Chúa Trời luôn có chương trình tốt đẹp cho đời sống chúng ta sau khi Ngài cho phép tai họa xảy đến với chúng ta.

Trước [Gie Gr 29:11](#) có câu [Gie Gr 18:11](#). Trong [Gie Gr 18:11](#), Đức Chúa Trời phán: “Vậy nên bây giờ, hãy nói cùng người Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem, bảo họ rằng: Đức Giê-hô-va phán như vậy: Nay, ta đương gây tai vạ đánh các ngươi, đặt mưu kế hại các ngươi. Ai nấy khá day lại khỏi đường ác mình, chữa đường lỗi mình và

công việc mình.” Chỉ có thể phục hồi sau khi bị lưu đày. Đôi khi Đức Chúa Trời chỉ có thể cải tạo chúng ta sau khi đập vỡ chúng ta. Hồi còn nhỏ tôi bị gãy tay. Lúc đầu người ta bó bột tay tôi lại nhưng hai đầu xương nằm không chính xác cho lắm, thế là bác sĩ phải cưa mỗi nối đó cho hai đầu xương gãy rời ra rồi mới bó lại. Tôi không có ý khuyên bạn nên ghi [Gie Gr 18:11](#) vào thiệp chúc mừng. Nhưng khi ghi [Gie Gr 29:11](#) vào thiệp chúng ta cần làm trong tinh thần cầu nguyện để tránh hiểu lầm.

Chúng ta phải công nhận việc định bệnh của Đức Chúa Trời về căn bệnh của chúng ta. Không ai bệnh nặng bằng người nghĩ rằng mình khoẻ mạnh. Đức Chúa Trời chỉ chữa trị cho những người mắc bệnh ([Mat Mt 9: 12](#)). Căn bệnh của chúng ta là thờ hình tượng. Nếu chúng ta cho rằng không có thần tượng nào trong đời sống của chúng ta cả thì chúng ta tự lừa dối mình. Hãy tin lời chẩn đoán của Đức Chúa Trời.

Thần tượng đang thực sự hiện diện trong cuộc sống của bạn. Thần tượng là bất cứ điều gì chiếm vị trí của Đức Chúa Trời trong đời sống của bạn. Tiếng tăm của chúng ta có thể trở thành thần tượng khi chúng ta xem tiếng tăm là quan trọng đến mức chúng ta sẵn sàng nói dối và lừa gạt người khác để giữ vẹn tiếng tốt cho mình. Thành quả có thể trở thành ‘một con bò vàng’. Thần tượng hiện diện trong đời sống Cơ Đốc nhân là một điều có thật, ngay cả đối với các vị chăn bầy cho Chúa. Làm sao biết khi có một điều nào đó đang trở thành thần tượng của bạn? Hãy quan sát phản ứng của bạn khi bị phê phán về điều đó. Nếu tôi nổi giận khi người ta phê bình bài giảng của tôi, phê bình đề án mà tôi thực hiện, ngôi nhà mà tôi trang trí hoặc ngay cả cấp dưới mà tôi đang huấn luyện, thì những điều đó đã trở thành những thần tượng của tôi. Nếu tôi cảm thấy khó chịu khi không ai khen cách nấu ăn của tôi hoặc khi một người nào đó đề nghị nấu theo cách khác hoặc đề nghị thay ý của tôi bằng ý của người khác thì tôi đã phạm tội thờ thần tượng. Khi chúng ta không để cho Đức Chúa Trời có quyền thực hiện điều mà Ngài muốn đối với con cái, gia đình hoặc nghề nghiệp của chúng ta, thì những điều ấy đã trở nên đối tượng mà chúng ta tôn thờ. Khi chúng ta không cho ai khác mượn xe hơi, máy quay phim hoặc thậm chí là cây đàn tây ban cầm của chúng ta, thì những thứ đó đã trở nên hình tượng của chúng ta. Khi chúng ta dựa vào con người hoặc những điều khác để tìm cảm giác an toàn hoặc nếu chúng ta trông ngóng thành quả của việc chúng ta làm, thì chúng ta phạm tội thờ hình tượng. Hãy quay về và làm thỏa mãn sự khát khao của chúng ta nơi nguồn nước sự sống.

Cần ghi nhớ điều này: Đức Chúa Trời không bao giờ khiển trách chúng ta vì chúng ta khao khát. Ngài chỉ khiển trách khi chúng ta uống sai nguồn nước. Ngài không trách bạn vì bạn muốn được an toàn, thỏa mãn hoặc vì bạn tìm kiếm một cuộc sống có ý nghĩa. Nhưng Ngài sẽ không dung thứ khi bạn tìm kiếm một thần khác thay thế cho Ngài. Ngày nay, tâm lý học có thể giải toả các vấn đề rắc rối trong chúng ta. Có người chấp nhận tốn kém tiền bạc để nhờ các chuyên gia tâm thần phân tích và lý giải mớ ‘bông bong’ của mình, nhưng không muốn tìm đến các vị mục sư là người có thể giúp tìm ra ngọn nguồn tội lỗi trong chúng ta. Vì thế chẳng có gì lạ khi chẳng một vấn đề nào được tháo gỡ mà chỉ bị che phủ, khoả lấp đi thôi. Chẳng cần học cách tự tin tại một khoá hội thảo nào, trái lại chúng ta cần ăn năn.

Bạn cần ăn năn lập tức tội thờ thần tượng của mình! Nếu bạn trì hoãn, không chịu dứt khoát với tội thờ thần tượng thì vô tình có thể bạn đi quá mức mà Đức Chúa Trời đã ấn định đến nỗi không còn cơ hội quay lại. Càng trì hoãn thì tâm lòng bạn càng cứng cõi, chai lì hơn. Và khi lòng đã cứng cõi thì không thể thay đổi được nữa, chỉ còn cách chờ đợi Đức Chúa Trời giải phẫu. Khi cuộc giải phẫu diễn ra, nhớ bày tỏ lòng ăn năn chân thành bằng cách tiếp nhận những việc Đức Chúa Trời làm trong đời sống của bạn. Không còn một phương cách chữa trị nhẹ nhàng nào có thể áp dụng cho bạn nữa. Đến lúc đó Đức Chúa Trời sẽ phải đập vỡ bạn để có thể tái tạo bạn.

GIÊ-RÊ-MI

Ý chính: Bình gốm và tay độc tài

Chủ đề chính: Sự huỷ diệt (Kỷ luật của Đức Chúa Trời)

Cụm từ chính: ‘Gươm đao và đói kém’

Câu chính: “Hãy xem, ngày nay ta đã lập người trên các dân các nước, đặng người hoặc nhỏ, hoặc phá, hoặc diệt, hoặc đổ, hoặc dựng, hoặc trồng.” ([Gie Gr 1:10](#))

Bài học chính: Nếu chúng ta không chịu ăn năn, thì Đức Chúa Trời phải đập vỡ chúng ta, để có thể tái tạo chúng ta.

CA THƯỜNG

Tác giả: Không rõ (ông Giê-rê-mi?)

Thời kỳ hình thành sách: Khi thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy.

Mục đích: Khóc về tội lỗi của dân Do Thái và thành Giê-ru-sa-lem bị hủy phá.

Đối tượng: Những người đang chịu khổ bởi kỷ luật của Đức chúa Trời.

Tán mạn

Tôi luôn luôn ngạc nhiên khi thấy nhiều thiếu nhi vừa bị cha mẹ đánh đòn xong lại chạy đến với cha mẹ để tìm sự an ủi, vỗ về. Riêng tôi khi bị đòn thì không khóc nhưng thầm quyết định là không bao giờ thèm nói với cha mẹ một câu nào nữa. Nếu bạn có tánh tình bất trị giống như tôi, bạn nên đọc sách này. Sách cho chúng ta một gương mẫu về phản ứng của người tin kính khi bị Đức Chúa Trời sửa dạy.

Thâm nhập

Tác giả (có lẽ là ông Giê-rê-mi) chứng kiến cảnh thành phố Giê-ru-sa-lem bị phá hủy. Ông biết rõ thành phố mà ông yêu quý rơi vào hoàn cảnh đó là do Đức Chúa Trời. Ngài đang hình phạt tội lỗi của dân I-xơ-ra-ên. Nhưng nhận biết nguyên nhân tai họa vẫn không đem lại cho ông một chút an ủi nào cả. Trong nỗi tuyệt vọng và thống khổ cực độ, ông viết ai ca này để bày tỏ nỗi niềm của ông. Một người bạn kia lưu ý tôi là có quá ít bài ca cho người Cơ Đốc hát khi xuống tinh thần. Đây này, đây là một sách tỏ cho chúng ta biết đúng là có những lúc người tin kính Chúa cảm thấy chán nản, thất vọng. Chủ đề của 5 chương trong sách này là Than Khóc.

Chương 1,2 và 3 đều kết thúc bằng lời cầu nguyện của tác giả với Đức Chúa Trời.

Còn toàn bộ chương 5 là lời cầu nguyện tiếp theo chương 4 nên chương 4 gộp với chương 5 thành phần thứ tư của sách này.

I. Than vãn vì thiếu người an ủi: (1)

Tác giả than vãn vì thiếu người an ủi 5 lần trong chương này ([1:2,9,17,21](#)). Nỗi đau khổ của ông càng nặng nề hơn bởi ông phải chịu khổ một mình. Ông thay mặt cho dân tộc bày tỏ nỗi đau của họ. Ông tìm đến người khác nhưng họ không thể nào an ủi ông ([1:19](#)). Vì vậy, ông hướng đến Đức Chúa Trời và kêu than với Ngài ([1:20-22](#)).

II. Than vãn vì thiếu lòng thương xót của Đức Chúa Trời (2)

Thế nhưng khi tìm đến Đức Chúa Trời, ông vô cùng khiếp sợ trước phản ứng của Ngài. Đức Chúa Trời không thương xót ông (2:2,17,21). Trong thực tế là Đức Chúa Trời đã trở nên ‘Kẻ Thù’ tồi tệ nhất của ông (2:4,5). Trong chương 1 ông than vãn là không có người an ủi, nhưng vẫn hy vọng Đức Chúa Trời sẽ an ủi ông. Giờ đây, vỡ lẽ ra, ông thấy là không tìm được sự an ủi nào nơi Đức Chúa Trời cả. Trong chương 1 ông xin Đức Chúa Trời đoái xem sự thống khổ, khốn cùng của ông (1:20). Và ông kết thúc chương 2 với lời nài xin Đức Chúa Trời đoái xem dân sự, là kẻ mà Ngài chẳng thương xót (2:20)

III. Than vãn vì lời cầu xin chưa được trả lời (3)

Nhưng Đức Chúa Trời không đáp lời cầu xin của ông (3:8). Trong cơn tuyệt vọng hầu như ông hết hy vọng trông đợi nơi Đức Chúa Trời (3:18).

Tiếp đến là điểm chủ chốt của sách này. Ông nhớ đến đức nhân ái và lòng thương xót của Đức Chúa Trời. Vì thế, niềm hy vọng lại tràn ngập trong tâm hồn ông (3:19-21). Mặc dầu ông cảm thấy dường như không có người an ủi và Đức Chúa Trời không có lòng thương xót, nhưng ông vẫn nhớ đến đức nhân ái cùng lòng yêu thương của Đức Chúa Trời (3:22-23). Bốn lần ông lặp lại rằng hiện ông đã có niềm hy vọng (3:21, 24, 26, 29). Từ đó về sau, ông bắt đầu hiểu nỗi khổ đau theo một tầm nhìn khác. Ông nhận biết rằng chẳng phải Đức Chúa Trời không thương xót. Ông nhận biết rằng Ngài sẽ bày tỏ lòng nhân từ và thương xót của Ngài (3:32). Chẳng phải Ngài muốn gây đau khổ cho dân của Ngài. Giờ đây ông hiểu vì sao Đức Chúa Trời không đáp lời cầu nguyện của ông (3:44). Một lần nữa, ông lại đến với Đức Chúa Trời và cầu xin Ngài xem xét những kẻ bắt bớ ông và báo trả họ tùy theo việc họ đã làm (3:50, 63)

IV. Than vãn vì có nhiều tội lỗi và gian ác (4-5)

Trong phần cuối, tác giả bắt đầu than vãn về tội lỗi. Ông bắt đầu bằng sự than vãn về tội lỗi của những người khác (4:6,13,22; 5:7). Và ông kết thúc bằng việc nhận biết và xưng ra tội lỗi của ông chung với họ (5:16). Đến đây lời cầu nguyện của ông với Đức Chúa Trời rất dài và chiếm toàn bộ chương cuối cùng. Trong ba chương đầu, tác giả cầu xin Đức Chúa Trời đoái xem cảnh khốn cùng của ông, những người chịu khốn khổ và những kẻ bắt bớ họ. Trong phần cuối này, ông cầu xin Đức Chúa Trời quan tâm đến sự sỉ nhục của ông (5:1). Trong ba chương đầu, tác giả cầu xin Đức Chúa Trời quan tâm đến sự khốn cùng của dân chúng (2:20) và báo trả những kẻ bắt hại họ (3:64). Ở đây, trong phần cuối, ông cầu xin Đức Chúa Trời phục hồi và làm mới lại cuộc sống của họ (5:21). Tác giả mở đầu sách này trong nỗi tuyệt vọng. Nhưng kết thúc sách trong niềm hy vọng.

Do đó chúng ta có thể đặt tựa đề cho sách này là: “Làm thế nào hy vọng trong cảnh khổ đau”. Câu Kinh Thánh chính của sách này là: “Thật tốt cho người trông mong và yên lặng đợi chờ sự cứu rỗi của Đức Giê-hô-va.” (3:26). Niềm hy vọng của chúng ta nằm trong Đức Chúa Trời, là Đáng có vẻ như không an ủi và thương xót

chúng ta vì Ngài hình phạt chúng ta. Chúng ta phải trông mong, hy vọng vào chính bản tánh nhân từ và thương xót của Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời hình phạt tôi, tôi có cảm tưởng như Ngài là kẻ thù tôi tệ nhất của tôi. Tôi muốn quay lưng tránh Ngài, rồi tỏ ra mình mạnh mẽ, dành ‘ngâm đắng nuốt cay’ với quyết tâm là không thừa chuyện với Ngài nữa. Nhưng rõ ràng chúng ta không nên làm như vậy. Nếu không có Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ chìm đắm trong tuyệt vọng. Ngoài Ngài chẳng có niềm hy vọng nào cho chúng ta cả.

Trọng tâm

Khi bị Đức Chúa Trời hình phạt, niềm hy vọng duy nhất cho chúng ta là tìm đến ‘Kẻ Thù’ của chúng ta.

Thực hành

Bài thánh ca ‘Sự thành tín Chúa rất lớn thay’ không phải là bài ca của một thương gia phát tài ngồi sau tay lái chiếc Mercedes Benz của mình. Trái lại lời của bài ca này được sáng tác bởi một người tị nạn cùng khốn chạy trốn khỏi thành phố đang bị phóng hoả. Ông viết những lời này giữa lúc khốn đốn chớ không phải sau khi nhìn thấy sự giải cứu của Đức Chúa Trời.

Khi bạn bị ‘dồn vào bước đường cùng’ tức là không còn ai khác để bạn nhờ cậy ngoài Đức Chúa Trời, mà lòng bạn lại không muốn nhờ cậy Ngài, thì hãy lo cầu nguyện đi. Ông Giê-rê-mi không hề quên cầu nguyện trong suốt thời gian ông trải qua cảnh khốn cùng, tuyệt vọng. Ngay cả khi ông thấy lời cầu nguyện của ông không thấu đến thiên đàng thì ông vẫn tiếp tục cầu nguyện. Khi cầu nguyện, ông không còn chú tâm đến nỗi khổ đau của mình nữa. Nhưng ông bắt đầu chú tâm vào bản tính của Đức Chúa Trời. Trong lúc cầu nguyện, ông than phiền Chúa rất nhiều điều. Tuy nhiên ông không than van với con người, ông than van với Đức Chúa Trời.

Nhiều Cơ Đốc nhân ngày nay khi gặp khốn đốn khổ đau thường tìm đủ mọi cách để thoát ra mà không lo cầu nguyện. Họ rên siết, than van với mọi người ngoại trừ Đức Chúa Trời. Có lẽ họ e ngại rằng nếu kêu than với Đức Chúa Trời, Ngài sẽ vạch trần tội lỗi của họ và tuyên án rằng họ đáng bị hình phạt. Có lẽ họ muốn tiếp tục sống trong tình cảnh cho phép họ tha hồ than thân trách phận. Hoặc có lẽ họ không đủ kiên nhẫn để chờ đợi lời giải đáp của Đức Chúa Trời. Chúng ta cần tự nhắc nhở mình rằng nếu chúng ta không ‘lặng lẽ đợi chờ sự cứu rỗi của Đức Giê-hô-va’ thì chúng ta không thể tránh khỏi tình trạng tuyệt vọng.

Khi gặp đau thương, khốn khó, bạn hãy nhớ cầu nguyện. Và tiếp tục cầu nguyện cho đến khi bạn hiểu bản tính của Đức Chúa Trời.

CA THƯƠNG

Ý chính: THAN KHÓC (trước) khi trời sáng.

Chủ đề chính: Sự than khóc

Cụm từ chính: ‘Hình phạt về tội lỗi’ (4 lần)

Câu chính: “Thật tốt cho người trông mong và yên lặng đợi chờ sự cứu rỗi của Đức

Giê-hô-va.” ([CaAc 3:26](#))

Bài học chính: Khi bị Đức Chúa Trời hình phạt, niềm hy vọng duy nhất cho chúng ta là tìm đến ‘Kẻ Thù’ của chúng ta.

Ê-XÊ-CHI-ÊN

Tác giả: Ông ê-xê-chi-ên

Thời kỳ hình thành sách: Trước và sau sự kiện thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ.

Mục đích: nhằm nêu ra những nguyên nhân khiến vinh quang Đức Chúa trời rời khỏi dân Do Thái và nhằm báo trước rằng Đức chúa trời hứa ban vinh quang ấy trở lại.

Đối tượng: Những người cứ ngang bướng bác bỏ lời cảnh cáo của Đức chúa trời.

Tán mạn

Có bao giờ bạn cho chó uống thuốc viên chưa? Nếu là chủ nhân của con chó thì bạn hẳn biết rằng việc này không dễ chút nào. Tôi có nuôi một con Doberman tên là Lickie. Tôi nhớ lần đầu tiên tôi cho nó uống thuốc, người ta bảo tôi phải đặt viên thuốc vào tận cổ họng nó. Nhưng tôi nghĩ rằng mình có thể dụ nó uống thuốc một cách nhẹ nhàng, lịch sự.

Trước tiên, tôi tự tay dứt cho nó một ít thức ăn ngon rồi sau đó đặt viên thuốc vào giữa hai miếng thức ăn. Nhưng không có hiệu quả!

Kế đến, tôi giấu thuốc trong tô thức ăn của nó. Nó ăn hết thức ăn, nhưng để lại viên thuốc.

Tôi xoay cách khác bằng cách đặt viên thuốc vào giữa một miếng thịt. Con chó nhả cả thịt lẫn thuốc ra. Thật là vô ích. Cuối cùng tôi phải banh miệng nó ra rồi đẩy thuốc vào tận cổ họng theo đúng như cách người ta chỉ dẫn.

Thâm nhập

Viên ‘thuốc’ mà Đức Chúa Trời muốn dân Do Thái uống là nhận biết về chính Ngài. Họ vốn là những người ngang bướng, cứng cỏi. Đức Chúa Trời đã dùng mọi phương cách ‘dễ dàng, nhẹ nhàng’ để khiến họ lắng nghe Ngài. Nhưng họ không chịu nghe. Thật ra Đức Chúa Trời biết trước là họ sẽ chống đối Ngài. Đó là lý do Ngài làm cho trán ông Ê-xê-chi-ên cứng như kim cương, cứng hơn đá lửa ([3:7-9](#)). Ông quả là can trường dũng cảm khi tiếp tục chức vụ dù biết ngay từ đầu rằng mình sẽ thất bại (theo tầm nhìn của con người).

I. Dân I-xơ-ra-ên sẽ nhận biết Đức Chúa Trời (1-24)

Chủ đề chính của sách Ê-xê-chi-ên là nhận biết Đức Chúa Trời. Cụm từ chính của sách: ‘Họ sẽ nhận biết rằng Ta là Đức Giê-hô-va’ được dùng gần bảy mươi lần trong sách này. Tuy nhiên muốn dạy tuyên dân nhận biết Ngài, trước tiên Đức Chúa Trời phải bày tỏ Ngài là Đức Giê-hô-va cho tiên tri của Ngài. Chương một mở đầu bằng lời kêu gọi độc đáo của Đức Chúa Trời dành cho ông Ê-xê-chi-ên.

Ngài bày tỏ cho ông thấy sự vinh quang của Ngài không phải tại Giê-ru-sa-lem mà tại Ba-by-lôn. Ngài không chỉ là Đức Chúa Trời, và Chúa tối cao tại Giu-đa mà còn là Đức Chúa Trời và Chúa tối cao của toàn thể nhân loại.

Nhưng thế nào là nhận biết và công nhận Đức Chúa Trời? Theo sách Ê-xê-chi-ên, đó là nhận biết Đức Chúa Trời là Đấng thánh khiết ([36:23](#); [38:23](#); [39:7](#)). Dân Do Thái học biết về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời bằng cách nào? Thông qua sự kiện thành Giê-ru-sa-lem bị triệt phá. Cụm từ chính trong phần thứ nhất của sách Ê-xê-chi-ên là: ‘Mắt Ta chẳng đoái tiếc ngươi, Ta chẳng thương xót ngươi đâu’ (7 lần). Ông Ê-xê-chi-ên dàn dựng cảnh thành Giê-ru-sa-lem bị vây một cách đầy kịch tính cho dân chúng xem (chương 4,5). Rồi Đức Chúa Trời đưa ông đến thành Giê-ru-sa-lem để chứng kiến sự vinh quang của Ngài rồi bỏ đền thờ ([10:18,19](#)). Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là rất rõ ràng: dân chúng phạm tội thờ thần tượng rành rành ([6:5](#); [8:3,5-7](#); [20:30-32](#)). Sau đó Đức Chúa Trời phán dạy dân chúng thông qua mấy chuyện ẩn dụ (Chương 12-14).

Vì sao ông Ê-xê-chi-ên phải giảng đạo cho họ bằng ẩn dụ? Vì có họ có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe ([12:2](#)). Thái độ của họ cũng tương tự như của ba con khỉ khôn ngoan. Không thấy tội lỗi, không nghe tội lỗi và không nói tội lỗi. Chuyện ẩn dụ bày tỏ sứ điệp của Đức Chúa Trời cho những ai chịu nghe và tiếp nhận. Nhưng đối với những người ngang bướng, không chịu tiếp nhận thì sứ điệp đó coi như bị bung bít trong ẩn dụ. Các trưởng lão đến cầu hỏi ông Ê-xê-chi-ên về lời của Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời vạch trần lòng họ cho thấy tội thờ hình tượng ở nơi họ ([14:3,4,5,7](#); [20:1](#) tiếp theo). Đúng là họ vẫn thờ Đức Chúa Trời. Nhưng đồng thời họ cũng muốn bám víu các thần tượng. Cần chú ý rằng đây không phải các thần tượng do tay họ làm ra mà là những thần tượng của lòng họ. Bởi sự thờ lạy thần tượng, họ làm ô danh Đức Chúa Trời và làm ô uest đền thánh Ngài. Thế nhưng dân chúng không màng đến lời giảng của tiên tri Ê-xê-chi-ên. Lòng họ chai cứng tận cốt lõi rồi! Vì có họ không chịu ăn năn nên họ đã vượt quá giới hạn còn có thể ăn năn để tránh khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chán họ đến mức Ngài bảo họ cứ tiếp tục thờ lạy các thần tượng của họ đi. Vì có họ không chịu ngưng thờ thần tượng nên Đức Chúa Trời sẽ phá hủy Đền Thờ của Ngài. Và đưa họ vào chốn lưu đày để họ không còn làm ô uest danh thánh Ngài nữa ([20:39](#)).

II. Các dân tộc sẽ nhận biết Đức Chúa Trời (25-32)

Nếu phần thứ nhất chép về số phận của dân Giu-đa thì phần hai chép về kẻ thù của Giu-đa. Tương tự các vị đại tiên tri khác, ông Ê-xê-chi-ên cũng dành trọn một phần của sách để lên án các dân tộc láng giềng của Giu-đa. Tuy nhiên ông Ê-xê-chi-ên có một mục đích hơi khác. Ông viết phần này trong thời gian thành Giê-ru-sa-lem bị hủy phá. Vì thế qua phần này, ông muốn đem sự an ủi và niềm hi vọng đến cho dân của Đức Chúa Trời, là những người gánh chịu cơn thịnh nộ của Ngài. Ông biết rằng rồi đây các dân tộc lân bang sẽ không còn ngược đãi và đàn áp họ nữa

([28:24-26](#)). Về sau, thông qua sự hình phạt của Đức Chúa Trời, các dân tộc sẽ nhận biết Đức Chúa Trời là Chúa thánh khiết ([36:23](#)).

III. Thế giới sẽ nhận biết Đức Chúa Trời (33-48)

Tác giả viết về tương lai của Giu-đa trong phần thứ ba. Đức Chúa Trời có còn ban ân huệ cho dân Do Thái không? Có chứ. Ông Ê-xê-chi-ên thấy một khái tượng về vinh quang của Đức Chúa Trời trở lại Đền Thờ. Vinh quang của Chúa từ phương đông mà đến ([43:1](#)). Đây là sự kiện rất ý nghĩa. Sau khi từ chốn lưu đày trở về, dân chúng bắt tay vào công tác tái thiết Đền Thờ dưới sự lãnh đạo của ông Xô-rô-ba-bên. Nhưng lúc ấy vinh quang của Đức Chúa Trời không trở về với Đền Thờ nữa. Phải đến hơn năm trăm năm sau, vào chủ nhật trước khi Chúa Giê-xu phục sinh, từ phương đông, bên sườn núi Ô-li-ve, Ngài cỡi trên lưng lừa con đi vào thành phố Giê-ru-sa-lem ([Mat Mt 21:1](#)). Khi Chúa Giê-xu vào thành, dân chúng đồng thanh tung hô rằng: “Hô-sa-na con vua Đa-vít” ([Mat Mt 29:1](#)). Họ nhận biết lời tiên tri được ứng nghiệm trước mắt họ. Ngay sau khi tiến vào thành Giê-ru-sa-lem, Chúa Giê-xu tẩy sạch Đền Thờ. Các thầy tế lễ vô cùng tức giận đối với việc này ([Mat Mt 21:15](#)). Khi thấy các thầy tế lễ chống đối, Chúa Giê-xu lại bỏ họ theo hướng đông tiến về phía núi Ô-li-ve mà rời khỏi thành phố ([Mat Mt 21:17](#)). Vì thế, việc Chúa Giê-xu vào thành Giê-ru-sa-lem được xem như lần tổng dợt báo trước về việc Ngài sẽ trở lại trong vinh quang (xem thêm [XaDr 14:4](#)). Hầu như tác giả dành trọn phần thứ ba của sách để mô tả các chi tiết Đền Thờ đã tái thiết. Nhiều nhà giải kinh đã thử đưa ra hướng bình giải cho các chương này. Nhưng tốt nhất chúng ta nên tìm ý nghĩa mà Đức Chúa Trời gói ghém trong đó. Đức Chúa Trời bày tỏ mục đích của Ngài cho chúng ta cách rất rõ ràng: Đền Thờ bày tỏ sự thánh khiết của Đức Chúa Trời và tội lỗi của dân chúng ([43:8,10-12](#); so sánh với [5:11](#)).

Thông qua sự hình phạt ([20:39](#)), dân Do Thái sẽ nhận biết sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Đó là sứ điệp của phần một. Sang phần hai, các dân tộc cũng nhận biết Đức Chúa Trời thánh khiết thông qua sự hình phạt của Ngài ([36:23](#)). Nhưng khác với hai phần trên, trong phần cuối này, toàn thế giới sẽ nhận biết Đức Chúa Trời thánh khiết qua sự phục hồi của dân Do Thái. Câu Kinh Thánh chính của phần ba cũng là câu Kinh Thánh chính của sách này: “Ta sẽ tỏ danh thánh ta ra giữa dân I-xơ-ra-ên, và ta không để cho nói phạm đến danh thánh ta nữa. Các dân tộc sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng thánh trong I-xơ-ra-ên.” ([39:7](#); xem thêm [38:16](#)).

Trọng tâm

Hiện nay đừng để các thần tượng trong đời sống bạn làm ô uế sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Bằng không bạn sẽ phải học tập để nhận biết sự thánh khiết của Ngài thông qua sự hình phạt.

Thực hành

Sứ điệp sách Ê-xê-chi-ên dành cho những ai ngang bướng và cứng cõi. Cụm từ

‘nhà phản nghịch’ được dùng để mô tả dân Do Thái mười lăm lần trong sách này. Những người ngang bướng thường nghĩ rằng chính họ là người có niềm tin vững chắc. Họ khư khư giữ quan niệm sai nhưng phổ biến trong thời ông Ê-xê-chi-ên và cũng là quan niệm phổ biến trong thời nay. Họ cho rằng thông thường tội nhân không muốn lắng nghe lời Đức Chúa Trời. Còn về phần họ, họ vẫn thích nghe lời giảng của ông Ê-xê-chi-ên ([33:31-32](#)). Vì vậy, không thể nào kể họ là tội nhân được, đúng không?

Không! Chúng ta có thể tự thuyết phục cách hiệu quả rằng chúng ta không phải là kẻ thờ thần tượng vì chúng ta vui thích nghe các diễn giả rao giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời cách hùng hồn sống động như ông Ê-xê-chi-ên. Nếu chúng ta nghĩ như thế, chúng ta trở nên những kẻ ngang bướng chẳng khác gì các thánh giả của ông Ê-xê-chi-ên. Có thể thần tượng lặn lẽ len lỏi vào đời sống chúng ta mà chúng ta không hề hay biết. Xe cộ, nhà cửa, con cái, nghề nghiệp, dự án, công trình mà chúng ta đang thực hiện đều có thể trở thành thần tượng của chúng ta. Bất cứ điều gì soán chiếm vị trí của Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta, đều trở nên thần tượng của chúng ta. Quyền sách mà tôi đang biên soạn đây có thể hóa thành thần tượng của tôi. Trong đời sống của hết thảy chúng ta đều chất chứa nhiều thần tượng. Một số các thần tượng đó là thần tượng vật chất do con người làm ra. Còn lại là thần tượng chúng ta áp ủ trong lòng ([14:3](#)). Mong thẳng quan tiền chức, mong mọi những thành quả trông thấy, uy tín ‘thánh thiện’ mà bạn bảo vệ bằng mọi giá, chiếc xe mà bạn yêu quý như người bạn đời của bạn... đều có thể trở thành thần tượng của bạn. Khi viết về chủ đề tình yêu thương trong bức thư thứ nhất, đến cuối thư sứ đồ Giăng ‘bắt chợt’ cảnh báo chúng ta hãy lánh xa thần tượng ([5:21](#)). Vừa yêu mến thần tượng vừa yêu mến Đức Chúa Trời là việc không thể nào chấp nhận được.

Thế nhưng những người ngang bướng cứ muốn hành xử như thế. Chẳng những họ không chịu thú nhận việc làm sai trái của mình mà còn biện minh đủ kiểu giống như dân chúng sống thời ông Ê-xê-chi-ên vậy. Sứ điệp của Đức Chúa Trời bày tỏ rất rõ cho hạng người như thế: Vinh quang và ân huệ của Đức Chúa Trời sẽ rời khỏi họ. Bởi hành động thờ thần tượng, bạn đã ‘xua đuổi Ngài đi’. Ngài không cho phép bạn tiếp tục làm ô uế sự thánh khiết của Ngài nữa. Ngài phán bảo bạn thông qua sự im lặng của Ngài. Rồi bạn sẽ thốt lên: “Đức Chúa Trời ở đâu? Sao tôi cảm thấy Ngài xa cách tôi thế này? Quyền năng và vinh quang của Ngài trong đời sống tôi đi đâu cả rồi?” Nếu bạn không nhận biết sự thánh khiết của Đức Chúa Trời thông qua việc vâng lời Ngài thì bạn sẽ phải nhận biết Ngài thông qua sự hình phạt vậy. Bạn chỉ được phục hồi sau khi bạn nhận biết Ngài. Chỉ khi ấy bạn mới tìm được giải đáp cho câu hỏi của bạn. Và lời giải đáp sẽ là: “Đức Giê-hô-va ở đó” ([48:35](#)).

Ê-XÊ-CHI-ÊN

Ý chính: Đế quốc BA-BY-LÔN (và) HÀI CỐT

Chủ đề chính: Nhận biết Đức Chúa Trời

Cụm từ chính: ‘Các người sẽ biết Ta là Đức Giê-hô-va’ (65 lần)

Câu chính: “Ta sẽ tỏ danh thánh ta ra giữa dân I-xơ-ra-ên, và ta không để cho nói phạm đến danh thánh ta nữa. Các dân tộc sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng thánh trong I-xơ-ra-ên.” ([Exe Ed 39:7](#))

Bài học chính: Hiện nay đừng để các thần tượng trong đời sống bạn gây ô uế cho sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Bằng không sau này sẽ phải học tập nhận biết sự thánh khiết của Ngài thông qua sự hình phạt.

ĐA-NI-ÊN

Tác giả: Ông Đa-ni-ên.

Thời kỳ hình thành sách: Trong suốt thời kỳ lưu đày.

Mục đích: Nhằm bày tỏ chương trình của Đức chúa trời đối với lịch sử thế giới suốt thời kỳ thống trị của dân ngoại bang .

Đối tượng: Tuyển dân trung thành của Đức Chúa Trời nôn nóng chờ đợi Ngài trở lại thống lĩnh hoàn cầu.

Tân mạn

Đa-ri-út, vua đế quốc Ba Tư vừa ném ông Đa-ni-ên, một vị quan thượng thư trong hội đồng nội các vào hang sư tử. Vua mắc mưu bọ gian thần. Những vị quan ghen ghét ông Đa-ni-ên thỉnh cầu vua ra sắc lệnh cấm tất cả thần dân không ai được thờ phượng và cầu nguyện với người nào khác ngoài vua. Nếu ai phạm sắc lệnh ấy sẽ bị quăng vào hang sư tử. Khi thuận theo lời thỉnh cầu của họ, vua Đa-ri-út quên rằng ông Đa-ni-ên chỉ thờ phượng Đức Chúa Trời, Đấng cao cả nhất mà thôi. Giờ đây vua vô cùng ân hận vì đã ban hành sắc lệnh đó. Nhưng vua không thể bãi bỏ lệnh đó vì làm như vậy vua mất hết uy quyền. Vua rất yêu thương ông Đa-ni-ên nên suốt đêm đó vua không ngủ được. Vua thầm nghĩ không biết Đức Chúa Trời của ông Đa-ni-ên có giải cứu ông khỏi hang sư tử không.

Vừa rạng đông, vua thức dậy, áo quần sơ sài vội vã đến hang sư tử. Vừa đến miệng hang, vua liền gọi:

“Đa-ni-ên ! Người còn sống không?”.

Ông Đa-ni-ên thì thầm: “Suyt! Nói nhỏ thôi! Coi chừng bệ hạ đánh thức sư tử dậy đấy!”.

Ông Đa-ni-ên trả lời như thế phải không? Dĩ nhiên là không! Ông Đa-ni-ên lớn tiếng đáp lời vua và ông quy sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời vì Ngài Đã giải cứu ông ([6:22](#)).

Tương tự như ông Đa-ni-ên, thường thường chúng ta cũng cảm thấy như chúng ta đang sống trong hang sư tử. Trong cơ quan, trường học hoặc ngay cả trong gia đình, chúng ta trở nên một thiểu số sống theo tiêu chuẩn đạo đức mà không mấy ai

ưa thích. Như vậy, làm sao có đủ khôn ngoan để tránh khỏi những cảnh ngộ đó. Chúng ta hãy học tập nơi ông Đa-ni-ên. Có thể ông là người khôn ngoan nhất sống trong địa cầu này ([Exe Ed 28:3](#)). Vua Sa-lô môn là người khôn ngoan về phương diện tri thức. Còn ông Đa-ni-ên là người khôn ngoan trong cách sống giữa thế gian. Ông Đa-ni-ên đã thực hiện điều mà vua Sa-lô-môn giảng dạy.

Thâm nhập

Ông Đa-ni-ên viết sách này trong thời kỳ ông bị lưu đày tại Ba-by-lôn (I-rắc ngày nay). Khi còn niên thiếu, ông bị bắt sang triều đình Ba-by-lôn. Tại đó họ áp dụng một chương trình tẩy não và huấn luyện ông trở thành nhà lãnh đạo tại nước Ba-by-lôn trong tương lai. Tương tự cô Ru-tơ, lòng tin kính của ông vẫn tồn tại và tương phản rõ rệt với môi trường mà ông đang sống. Đức tin mà ông đặt nơi Đức Chúa Trời vẫn nổi trội ở giữa dân ngoại giáo.

Cho nên, những ai muốn học tập sống gương mẫu giữa một xã hội suy đồi và tội ác đều cần học sách này. Bên cạnh đó, sách này cũng dùng cho những người nôn nóng trông chờ Đức Chúa Trời sớm quét sạch tình trạng tham ô những nhiều trên thế giới.

I. Đức Chúa Trời ban sự khôn ngoan (1-6)

Ở đây, HANG là từ chính tóm gọn trọn phần thứ nhất. Ông Đa-ni-ên bị quăng vào hang sư tử (Chương 6) vì ông quyết định vâng lời Đức Chúa Trời chứ không bắt tuân Ngài để làm điều sai như bao người khác. Ông gặp phải rất nhiều tình huống nguy nan trong đời. Và hang sư tử chỉ là một trong những tình huống ấy. Tuy nhiên ông lâm vào những tình cảnh đó vì có ông quyết tâm đơn thuần làm điều phải chứ không phải vì có ông phạm tội. Chúng ta cũng có thể thấy nơi ba bạn của ông Đa-ni-ên một lòng quyết tâm tương tự.

Trong chương ba, ba bạn ông bị quăng vào lò lửa hực vì không chịu quỳ xuống thờ lạy thần tượng mà vua đã dựng nên. Khi nhà vua chất vấn họ trả lời rằng: “Này hỡi vua, Đức Chúa Trời mà chúng tôi hầu việc, có thể cứu chúng tôi thoát khỏi lò lửa hực, và chắc cứu chúng tôi khỏi tay vua. Dầu chẳng vậy, hỡi vua, xin vua biết rằng chúng tôi không hầu việc các thần của vua, và không thờ phượng pho tượng vàng mà vua đã dựng” ([3:17-18](#)). Đức Chúa Trời thật sự giải cứu họ khỏi lò lửa hừng. Họ được đồng đi với Đức Chúa Trời vì họ từ chối thờ lạy thần tượng. Họ vẫn quyết tâm làm điều phải cho dù phải trả giá đắt đến đâu.

Phần thứ nhất còn ghi lại hai câu chuyện khác nữa nhằm tạo sự tương phản và làm nổi bật tấm lòng tin kính của ông Đa-ni-ên cùng ba người bạn. Cả hai vua Nê-bu-cát-nết-xa (Chương 4) và cháu của vua, tức là vua Bê-nê-xát-xa (Chương 5) đều phải gánh chịu sự hình phạt của Đức Chúa Trời vì có họ tự cao tự đại. Hai vị vua này minh họa cho những người không tin Chúa, không hiểu biết Đức Chúa Trời và cũng chẳng biết điều mà Ngài muốn họ thực hiện.

Trong Cựu ước, bên cạnh sự tin kính không phải là sự trong sạch mà là sự khôn ngoan. Đối với người Do Thái, người khôn ngoan là người tin kính Chúa. Theo

quan điểm của người Hê-bơ-rơ cốt lõi của sự khôn ngoan không phải là uyên bác mà chủ yếu là mức độ biết cách sống một cuộc đời thành công theo quan điểm của Đức Chúa Trời. Sự khôn ngoan này chỉ đến từ Đức Chúa Trời mà thôi ([1:17](#); [2:20-23](#); [5:11,14](#)). Trong khi đó đứng trước một cuộc khủng hoảng, các ‘học giả’ Ba-by-lôn đành bất lực và họ không biết phải làm gì cả ([2:14](#); [4:6](#)). Sự khôn ngoan của họ là sự khôn ngoan của con người. Theo quan điểm của Đức Chúa Trời, bạn là người khôn ngoan nếu bạn quyết tâm làm những việc đúng bất chấp giá phải trả, tương tự như ông Đa-ni-ên và ba bạn ông vậy.

II. Hiểu ý khái tượng (7-12)

Ông Đa-ni-ên đã từng rơi vào hang sư tử ra sao thì đến thời kỳ cuối cùng dân I-xơ-ra-ên cũng sẽ thấy mình ở giữa vòng thú dữ như vậy. Phần thứ hai ghi lại các chiêm bao và khái tượng mà Đức Chúa Trời dùng để bày tỏ cho ông Đa-ni-ên về thời kỳ cuối cùng. Phần này nhắc đến từ ‘CUỐI CÙNG’ 13 lần. Vì vậy từ ‘cuối cùng’ được chọn làm tiêu đề cho phần này (đặc biệt xem [12:13](#)). Thời kỳ cuối cùng là thời kỳ thống trị của dân ngoại. Các khái tượng mô tả các siêu cường ngoại bang và những kẻ chiến thắng qua hình ảnh thú vật hoang. Đức Chúa Trời đã định đoạt quyền lực cho họ và cảnh báo trước qua vị tiên tri của Ngài. Vào cuối thời kỳ lưu đày, một trong những mối băn khoăn của dân Do Thái là: “Chẳng lẽ Đức Chúa Trời không có khả năng tái lập vương quyền cho I-xơ-ra-ên?” Đương nhiên Ngài có quyền và có thể thực hiện điều đó. Tuy nhiên, họ (dân Do Thái) phải chờ đợi một thời gian cho đến chừng vị vua đích thực của họ ngự đến. Trong thời gian chờ đợi, dân ngoại sẽ cai trị họ. Thế nhưng Đức Chúa Trời vẫn nắm quyền điều khiển và kiểm soát đời sống họ cho dù dân ngoại bang vẫn cai trị họ.

Các dân tộc ngoại bang này gồm có:

- a. Con sư tử có cánh tượng trưng cho người Ba-by-lôn.
- b. Con gấu tượng trưng cho người Ba Tư .
- c. Con beo tượng trưng cho người Hy-lạp.
- d. Một con thú không tên ([7:4-7](#)) tượng trưng cho người La-mã.

Con Người chỉ đến sau khi các con thú này đã xuất hiện ([7:13-14](#))

Phần hai của sách Đa-ni-ên tương đối khó hiểu. Một số vị mục sư tránh bàn đến mấy chương này. Còn một số người khác, tương tự như ông Đa-ni-ên thì phát bịnh khi nỗ lực tìm hiểu ý nghĩa của những khái tượng này ([8:27](#)). Nếu vậy, trong những chương này Đức Chúa Trời dành cho chúng ta những bài học gì? Làm thế nào vận dụng các chương này vào cuộc sống thường nhật của chúng ta? Phần một và phần hai của sách Đa-ni-ên đồng nhất với nhau ra sao? Để tìm lời giải đáp cho câu hỏi này, trước tiên chúng ta cần nhận biết chủ đề chính của phần thứ hai.

Phải chăng quyền tể trị tối cao của Đức Chúa Trời là chủ đề chính? - Có thể lắm.

Quyền tể trị tối cao của Đức Chúa Trời được đề cập đến trong [7:14,27](#) lần phần thứ nhất ([4:17,25,32](#); [5:18,21](#)). Nhưng những phần khác của sách chỉ ngụ ý chứ không nhấn mạnh vào quyền tể trị cao cả của Đức Chúa Trời. Thế còn thời kỳ cuối cùng

thì sao? Chúng ta đã thấy tác giả dùng từ ‘cuối cùng’ mười ba lần trong phần hai như thế nào rồi. Còn từ ‘kỳ cuối cùng’ nói về nội dung của phần hai này. Vậy phần hai gói ghém ‘sứ điệp’ nào? Chúng ta rút ra được bài học gì từ những khái tượng này. Điều lạ và mỉa mai là tác giả đặt nặng vấn đề ‘hiểu ý nghĩa’ các khái tượng đó ([8:15,16,17,27](#); [9:23](#); [10:1,11-12,14](#); [12:10](#)). Dầu vậy khi rà xét kỹ hơn thì vấn đề ‘hiểu ý nghĩa’ các khái tượng là một thách thức hoàn toàn hợp lý, vì đây đúng là điểm khó hiểu của phần hai này. Làm thế nào chúng ta có thể hiểu thấu những khái tượng này? Bí quyết nằm trong câu Kinh Thánh chính ở phần kết của sách: “Sẽ có nhiều kẻ tự làm nên tinh sạch và trắng, và được luyện lọc. Nhưng những kẻ dữ sẽ cứ làm điều dữ, trong những kẻ dữ chẳng ai sẽ hiểu, song kẻ khôn sáng sẽ hiểu.” (So sánh với [2:21](#) và [12:3](#)).

Người khôn sáng sẽ hiểu khái tượng. Có lẽ bạn hỏi vặn lại: “Như vậy rõ ràng là Đức Chúa Trời không muốn người đại hiểu phải không?” Nhưng xin lưu ý rằng trong câu Kinh Thánh này trái ngược với ‘người khôn sáng’ không phải là ‘kẻ đại’ mà ‘kẻ ác’. Kẻ ác như vua Nê-bu-cát-nét-xa và vua Bên-xát-xa chẳng hạn sẽ không thể hiểu việc Đức Chúa Trời làm cũng như không thể hiểu điều mà Ngài muốn họ làm. Nhưng người khôn sáng như ông Đa-ni-ên và ba bạn ông chẳng hạn, là những người chuyên tâm tận lực làm điều ngay lẽ phải mới có thể hiểu rằng Đức Chúa Trời dùng những tai ương và các con thú hoang trong thời hiện tại và kỳ tương lai nhằm luyện lọc đức tin của chúng ta đối với Ngài. Họ cũng hiểu rằng bốn phần của chúng ta là vâng lời Đức Chúa Trời, còn phần của Đức Chúa Trời là bảo đảm rằng cuối cùng chúng ta sẽ được giải cứu. Hơn nữa, họ cũng hiểu rằng chúng ta nên để Đức Chúa Trời thực hiện công việc của Ngài.

Trọng tâm

Nếu bạn quyết tâm làm điều ngay lẽ phải bất chấp giá phải trả thì dù bạn sống trong bất kỳ cuộc khủng hoảng nào, Đức Chúa Trời cũng sẽ bày tỏ cho bạn biết việc Ngài sẽ thực hiện.

Thực hành

“Nhưng thưa Mục sư, ông đâu có hiểu những con người mà hằng ngày tôi phải giao tiếp và làm việc chung. Ông đâu có biết là làm theo lời Kinh Thánh dạy đôi khi không thực tế chút nào cả.”

Đúng là thế đấy! Nhưng Đức Chúa Trời dùng chính những nghịch cảnh, tức là những tình huống mà chúng ta thấy vâng lời Đức Chúa Trời là không thực tế, để tinh luyện chúng ta. Khi chúng ta phát hiện rằng mình đang làm việc giữa những bạn đồng nghiệp hoặc người cộng sự tham danh hám lợi, chúng ta có sẵn sàng làm điều ngay thẳng bất kể giá phải trả không? Hoặc chúng ta chỉ ngay thẳng và làm điều phải khi biết chắc chắn là sẽ không bị tổn hại gì?

Có lúc thà bạn chịu đói khát nhọc nhằn gian khổ còn hơn là nhận hối lộ khiến cho đời đạo đức của bạn bị thối nát. Biết đâu bạn chẳng rơi vào ‘hang sư tử’ hoặc ‘lò lửa hừng’ khi bạn không chấp nhận những lẽ thói thối nát, thái độ tôn sùng đoàn

thể hoặc những truyền thống trái với đạo lý. Biết đâu chừng bạn có thể mất việc làm khi bạn từ chối đi nhậu hoặc đi giải trí với khách hàng ở một số nơi. Những phẩm cách trong sạch chính trực không quan trọng hơn chỗ làm của bạn sao?

Một khi tội lỗi trở thành một nền văn hóa thì sự cám dỗ phải cúi đầu thuận theo tội lỗi càng trở nên mạnh mẽ hơn. Mong bạn quyết tâm luôn luôn làm điều ngay lành, chính trực bằng mọi giá. Đôi khi cho đến chừng bạn có quyết tâm như vậy Đức Chúa Trời mới bày tỏ cho bạn điều Ngài đang thực hiện qua bạn và trong đời sống bạn. Phần của chúng ta là làm điều khôn ngoan theo nhãn quan của Đức Chúa Trời. Còn phần của Đức Chúa Trời là giải cứu chúng ta khỏi ‘hang sư tử’ và ‘lò lửa hừng’ của cuộc sống. Nhưng kẻ ác sẽ không hiểu. Họ thích bơi chung với cá mập.

ĐA-NI-ÊN

Ý chính: Vào hang sư tử trước đấng thắng sau.

Chủ đề chính: Sự khôn sáng

Cụm từ chính: ‘(Đức Chúa Trời ban) sự khôn ngoan’ (6 lần) ‘Hiểu biết (sự hiện thấy)’ (11 lần)

Câu chính: “Sẽ có nhiều kẻ tự làm nên tinh sạch và trắng, và được luyện lọc. Nhưng những kẻ dữ sẽ cứ làm điều dữ, trong những kẻ dữ chẳng ai sẽ hiểu; song kẻ khôn sáng sẽ hiểu.” ([DaDn 12:10](#))

Bài học chính: Nếu bạn quyết tâm làm điều ngay lẽ phải bất chấp giá phải trả thì dù bạn sống trong bất kỳ cuộc khủng hoảng nào, Đức Chúa Trời cũng sẽ bày tỏ cho bạn biết việc Ngài sẽ thực hiện.

Ô-SÊ

Tác giả: Ông Ô-sê

Thời kỳ hình thành sách: Thời kỳ vương quốc bị chia đôi, trong thời gian thành Sa-ma-ri còn tồn tại.

Thời kỳ vương quốc bị chia đôi, trong thời gian thành Sa-ma-ri còn tồn tại.

Mục đích: Nhằm nhẹ nhàng thuyết phục dân Do Thái không nên tin cậy vào các “vị cứu nguy” khác, nhưng hãy trung thành với Đức Chúa Trời.

Đối tượng: Dân của Đức Chúa Trời đang sa ngã vì họ đã đánh mất tình yêu với Đức Chúa Trời.

Tàn mạn

“Có bao giờ bạn tính chuyện đi làm gái điếm chưa?” Khiếp quá! Tôi nghĩ rằng tự thân câu hỏi cũng đủ ghê tởm vô cùng rồi. Theo tôi trong cả triệu triệu gái điếm trên khắp thế giới, không có người nào vào thời còn mài đũng quần trên ghế nhà trường lại viết một bài luận văn đại khái là: “Sau này lớn lên tôi muốn làm gái điếm”. Thế nhưng sao cuối cùng họ lại đi làm điếm? Chắc hẳn người nào cũng có lý do riêng, đến nỗi số lý do cũng nhiều như số gái điếm vậy. Nhưng một lý do

chung cho tất cả là: không một người nào trù tính cho mình một nếp sống như vậy. Vào năm 1990, bộ phim về một cô gái điếm được nhiều người yêu thích so với tất cả những bộ phim khác. Bộ phim có tựa đề: “Người phụ nữ xinh đẹp” (Pretty woman). Một số người cho rằng đó chỉ là một câu chuyện thần tiên hiện đại. Tuy nhiên dầu thú vị đến đâu bộ phim vẫn ẩn chứa một điểm sai trái nghiêm trọng. Bộ phim mô tả một cô gái điếm xinh đẹp, phúc hậu đáng yêu. Tệ hơn là bộ phim mô tả gái điếm là con người xứng đáng được công nhận. Dầu trong phim ảnh, cuộc sống của gái điếm có vẻ như được con người chấp nhận. Nhưng trong cuộc sống xưa nay điều đó chưa bao giờ, không bao giờ và sẽ không bao giờ đáng được tán dương khâm phục cả.

Sách Ô-sê cũng chép về một cô gái điếm. Nàng tên là Gô-me, tiêu biểu cho dân Do Thái. Thay vì chung thủy với chồng, nàng lại làm dâm phụ. Vậy qua sách này bạn thử tìm xem Đức Chúa Trời có khen ngợi mãi dâm, có cho đó là một ngành nghề toả hào quang hoặc không?

Thâm nhập

Sách Ô-sê làm nổi bật tấm lòng của Đức Chúa Trời chứ không phải sự thánh khiết của Ngài. Nếu không có sách Ô-sê biết đâu chúng ta lại có ấn tượng sai lầm cho rằng Đức Chúa Trời là một vị quan toà vô tâm, xét xử người Ngài ghét một cách tàn nhẫn. Nhưng nghĩ như thế là lệch lạc, không đúng với sự thật. Đức Chúa Trời tha thiết mong muốn, thậm chí mòn mỏi trông chờ thiết lập mối tương quan với chúng ta. Nên nhớ đó không chỉ là mối tương quan thông thường mà là mối tương quan hoàn toàn riêng tư và mật thiết như mối tương quan giữa vợ chồng, giữa cha con.

Đức Chúa Trời của sách Ô-sê là Đức Chúa Trời như thế nào? Ngài là một Đức Chúa Trời yêu thương. Ngài yêu thương dân Ngài hơn hết. Những ai cho rằng Đức Chúa Trời của Cựu ước chỉ là một Đức Chúa Trời thanh nộ thì rõ ràng họ bỏ sót sách Ô-sê.

I. Đức Chúa Trời ban cho sự hiểu biết (1-3)

Phần thứ nhất của sách Ô-sê ghi lại một thảm kịch thật sự diễn ra trong cuộc đời được tác giả dùng để minh họa cho tấm lòng của Đức Chúa Trời. Ngài bảo tiên tri Ô-sê đi cưới một cô gái điếm và có con với nàng. Lần lượt ba người con ra đời và ông Ô-sê đặt tên là: ‘Gít-rê-ên’, ‘Không thương xót’, ‘Không thuộc về ta’. (Thắc mắc làm chi về chuyện các em này đổi phó ra sao khi đến trường với những tên như thế!) Gít-rê-ên là nơi Đức Chúa Trời xét đoán dân Ngài tức là dân Do Thái. Còn tên riêng của hai người con kia có nghĩa là Đức Chúa Trời không còn thương xót họ nữa và Ngài không nhìn nhận họ là dân sự của Ngài nữa. Có lẽ ông Ô-sê không phải là cha của hai người con sau vì bà Gô-me, vợ ông, tiếp tục lối sống trụy lạc như trước.

Dân của Đức Chúa Trời phạm cả tội tà dâm trong lãnh vực tôn giáo (thờ lạy thần tượng) lẫn tội tà dâm trong lãnh vực chính trị (nhờ các dân ngoại bang cứu giúp).

Kết quả là Đức Chúa Trời sẽ vạch trần tội lỗi của họ và làm nhục họ trước mắt các dân tộc khác. Dầu Ngài yêu thương họ nhưng Ngài không thể bỏ qua tội lỗi của họ được. Ngài phải áp dụng kỷ luật đối với họ. Tuy vậy, sau khi gánh chịu sự nhục nhã, Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ ba điều mà họ không có:

1. Lòng nhân ái .
2. Lòng trung thành .
3. Hiểu biết Đức Chúa Trời (2:19-20)

Thay vì nơi xét đoán, Gít-rê-ên sẽ trở thành nơi vui mừng phước hạnh (2:22). Đức Chúa Trời sẽ đem dân Do Thái trở về làm vợ Ngài và thương xót họ. Một lần nữa, Ngài lại sẽ gọi họ là ‘dân Ta’ (2:23). Đức Chúa Trời bảo ông Ô-sê thực hiện một việc để minh họa cho lời hứa của Ngài, tức là ông đi chuộc nàng Gô-me ở nơi mà nàng đã tự bán mình (3:1-3). Nàng Gô-me tiêu biểu cho dân Do Thái, là dân được nhắc dưới tên riêng Ép-ra-im trong suốt sách này. Ép-ra-im vốn là chi phái đông dân nhất ở Vương Quốc Phía Bắc của nước Do Thái.

II. Dân của Đức Chúa Trời không có sự hiểu biết (4-14)

Phần thứ hai mở đầu bằng lời buộc tội (Chương 4) và kết thúc bằng lời kêu gọi (Chương 14). Đức Chúa Trời buộc tội dân Do Thái đã thiếu mất ba điều sau đây:

1. Sự chân thật hoặc lòng trung thành .
2. Lòng nhân ái .
3. Sự hiểu biết Đức Chúa Trời ([đc 4:1;]) .

Thử so sánh ba điều này với ba điều Đức Chúa Trời hứa ban cho họ trong phần thứ nhất (2:19-20). Chủ đề chính của sách này là: ‘không nhìn biết Đức Chúa Trời’ (6:6). Sách này dùng cụm từ: ‘nhìn biết Đức Chúa Trời’ mười một lần và ‘Đức Chúa Trời biết dân Do Thái’ đến ba lần. Trong sách Ê-xê-chi-ên sự nhận biết Đức Chúa Trời có liên quan đến sự thánh khiết của Ngài, còn trong sách Ô-sê nhận biết Đức Chúa Trời là sự hiểu biết riêng tư của cá nhân (tức là kinh nghiệm, từng trải) về lòng yêu thương và thành tín của Đức Chúa Trời.

Đan xen những lời buộc tội và kêu gọi (Chương 5-13) là lời Đức Chúa Trời mô tả về chính Ngài trong ba vai trò khác nhau. Thứ nhất, Ngài là Chồng dân I-xơ-ra-ên thông qua Giao ước (6:7). Dân Do Thái là Vợ nhưng ngoại tình. Thứ hai, Đức Chúa Trời là vua dân Do Thái thông qua sự chu cấp, che chở và bảo vệ của Ngài. Dân Do Thái được ví như những thần dân bội nghịch Ngài. Mía mai thay, họ lấy nguồn thực phẩm dồi dào mà Đức Chúa Trời ban cho họ để dâng cho thần Ba-anh. Họ lấy vàng bạc mà Đức Chúa Trời ban cho để đúc tượng thần Ba-anh (8:4; so sánh với 2:8). Từ thời đó đến nay, lòng con người cũng chẳng đổi khác, phải không? Các thương gia được Đức Chúa Trời ban phước lại đem tiền đồ vào ‘bảo hiểm’ thay vì nương cậy nơi Ngài. Các bậc phụ huynh được Đức Chúa Trời ban cho những đứa con thông minh và xinh đẹp thì dâng vào tháp ngà học vấn và các tòa nhà chọc trời của nền kinh tế vàng son thay vì ‘phí phạm’ tài năng của con cái vào công tác phục vụ Đức Chúa Trời. Phải chăng họ quên mất rằng họ chỉ là quần

gia của vị Vua Vĩ Đại?

Thứ ba, Đức Chúa Trời là Cha của dân Do Thái thông qua việc ‘nhận làm con’ và sự cứu chuộc. Trước kia Đức Chúa Trời đã cứu họ ra khỏi Ai-cập như thế nào, thì một lần nữa, Ngài lại cứu họ ra khỏi A-si-ri như thế ấy. Đức Chúa Trời gọi con trai Ngài ra khỏi Ai-cập ([11:1](#)) (theo bản gốc ‘Xuất Châu Phi’). Dân Do Thái được ví như con trai hoang đàng của Đức Chúa Trời. Mỗi liên hệ đầy tính cách mĩa mai này lại được nhấn mạnh một lần nữa. Dầu họ sẽ bị hình phạt từ tay Ai-cập ([11:5,11](#)), nhưng lòng họ vẫn hướng về ‘Ai-cập’ ([12:1](#); xem thêm [7:11](#)). Chú ý là trong sách này tác giả đề cập đến Ai-cập và A-si-ri đi cặp với nhau.

Dân chúng thiếu mất ba điều: lòng trung thành, tình yêu thương và sự hiểu biết. Đây cũng chính là ba mỹ đức phản ánh mỗi liên hệ đặc biệt giữa họ và Đức Chúa Trời. Lẽ ra họ phải trung thành với Đức Chúa Trời như vợ đối với chồng. Song họ đã bất trung với Đức Chúa Trời. Lẽ ra họ phải yêu mến Đức Chúa Trời như con trai yêu thương cha. Nhưng họ đã không yêu mến Ngài. Lẽ ra họ phải công nhận Đức Chúa Trời như dân trong một vương quốc công nhận vua của mình. Nhưng họ không có thái độ đó. Dầu vậy Đức Chúa Trời vẫn thành tín, yêu thương và công nhận họ là vợ, là con và là thần dân của Ngài.

Câu Kinh Thánh chính, là câu cuối của chương cuối cùng trong sách này: “Ai là người khôn ngoan mà hiểu những sự này? Ai là giới giang mà biết những sự đó? Vì các đường lối của Đức Giê-hô-va là ngay thẳng: những kẻ công bình sẽ bước đi trong đó, còn những kẻ phạm phép thì vấp ngã trong đó.” ([14:9](#)) Trong sách Đa-ni-ên, người khôn ngoan sẽ hiểu công việc của Đức Chúa Trời. Còn ở đây, trong sách Ô-sê, người khôn sáng sẽ hiểu biết bản tánh của Đức Chúa Trời. Trong sách Đa-ni-ên, dân Đức Chúa Trời phải hiểu cách sống ở giữa thế gian. Còn trong sách Ô-sê, họ phải hiểu cách sống trong mối tương quan với Đức Chúa Trời. Nói cách khác, họ phải sống cuộc đời trung thành, yêu thương và đầu phục Đức Chúa Trời. Thế nhưng họ vẫn tiếp tục chống nghịch Đức Chúa Trời và tiếp tục gian dâm. Rồi họ phải chịu hình phạt vì có lối sống của họ. Và họ phải chịu lăm truân chuyên khi kinh nghiệm tình yêu của Chúa.

Trọng tâm

Hãy nhận biết rằng tình yêu của Đức Chúa Trời luôn có kỷ cương.

Thực hành

Trong đêm tân hôn, cô dâu nói với chồng rằng: “Anh yêu, em sẽ luôn tha thứ cho anh nếu anh có làm gì chẳng nữa.”

Nhưng cũng có cô dâu khác nói với chồng rằng: “Nếu anh không chung thủy với em thì em sẽ bỏ anh”.

Trong hai trường hợp trên, ai đúng, ai sai? Điều đó còn tùy thuộc vào ý họ muốn nói. Quyển sách của ông James Dobson: “Love must be tough” (“Yêu bằng tình yêu rắn rỏi”) gói trọn lời giải đáp của Đức Chúa Trời. Người vợ cần tha thứ cho người chồng không chung thủy của nàng. Nhưng điều đó không có nghĩa là vẫn

tiếp tục sống với người chồng ấy như thể không có điều gì xảy ra cả. Nàng phải đối diện với tội lỗi của anh ta. Vì nếu anh không ăn năn, nàng phải cắt đứt quan hệ với anh ta. Nàng phải ngưng gặp anh ta, nhưng vẫn tiếp tục yêu thương anh. Đây là cách Đức Chúa Trời đối xử với dân Ngài khi họ phạm tội.

Tình yêu của Đức Chúa Trời là tình yêu bền vững nhưng nghiêm minh. Khi chúng ta phạm tội, Đức Chúa Trời thường đưa chúng ta ra khỏi sự hiện diện cùng sự che chở của Ngài. Những người khôn ngoan sẽ ăn năn và trở lại với Đức Chúa Trời. Họ nhận biết rằng dầu Đức Chúa Trời là Đấng yêu thương nhưng Ngài không thể bỏ qua tội lỗi.

Bên cạnh đó cũng có một số người buông mình vào nếp sống gian dân với đời này. Họ bị lôi cuốn với những cảm giác hạnh phúc, sung sướng, an toàn, hãnh diện và thành đạt giả dối mà thế gian đem lại cho họ. Họ đánh đổi điều thiêng liêng trong mối tương quan duy nhất của họ với Đức Chúa Trời để nhận lấy điều vui sướng tạm thời trong sự tự mãn.

Vì sao chúng ta vẫn mơ ước giàu có hoặc nổi tiếng hoặc thậm chí chúng ta thêm thường lối sống của giới giàu sang và nổi danh? Một số người trong chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời là Cứu Chúa mình. Nhưng chúng ta còn phải biết Ngài là Cha, chồng và vua của chúng ta. Khi nào chúng ta nhận biết Ngài là Cha, là chồng và vua của chúng ta, khi ấy chúng ta thật sự biết Ngài đúng theo ý Ngài? Và bây giờ chúng ta nhận biết rằng theo quan điểm của Ngài chúng ta thật sự giàu có và nổi tiếng rồi.

Ô-SÊ

Ý chính: GÁI MẠI DÂM

Chủ đề chính: Lòng nhân ái

Cụm từ chính: ‘Không nhìn biết Đức Chúa Trời’ (7 lần)

Câu chính: “Ai là người khôn ngoan mà hiểu những sự này? Ai là giới giang mà biết những sự đó? Vì các đường lối của Đức Giê-hô-va là ngay thẳng: những kẻ công bình sẽ bước đi trong đó, còn những kẻ phạm phép thì vấp ngã trong đó.”

Bài học chính: Hãy nhận biết rằng tình yêu của Đức Chúa Trời có kỷ cương

GIÔ-ÊN

Tác giả: Ông Giô-ên

Thời kỳ hình thành sách: Không rõ, ngay sau một tai họa.

Mục đích: Nhằm cảnh báo dân Do Thái về sự hình phạt của Đức Chúa Trời sắp giáng trên họ nếu họ không ăn năn dù đã trải qua đợt “kiềm khôn” của sự hình phạt rồi.

Đối tượng: Những người vừa mới trải qua một tai họa mà không nhận ra rằng đó là biện pháp kỷ luật của Đức Chúa Trời.

Tản mạn

Khi Đức Chúa Trời ra lệnh cho dân Do Thái tiến vào chiếm Đất Hứa thì họ than vãn rằng: “Chúng tôi thấy mình khác nào con cào cào và họ thấy chúng tôi cũng vậy” ([Dan Ds 13:33](#)). Họ không mấy may ngờ là cào cào có thể làm nên chuyện đến cỡ nào!

Tai vạ cào cào thực ra là tình trạng cào cào đập xuống từng đàn. Tai vạ cào cào là một trong những tai họa đáng sợ nhất đối với con người. Chúng có sức tàn phá triệt để đến mức con người đành bó tay bất lực. Dù có trong tay mọi thiết bị kỹ thuật tân tiến, con người cũng chỉ làm được một điều duy nhất là cầu nguyện cho gió đổi hướng mà thôi.

Trong sách Giô-ên, Đức Chúa Trời dùng nạn cào cào vừa diễn ra để cảnh báo về sự hủy diệt mà Ngài sẽ giáng trên những người vẫn tiếp tục coi thường các tiên tri của Ngài. Tất cả những ai nghĩ rằng ‘điều đó không thể xảy ra với tôi’ đều cần đọc sách này. Đối với những người đó, Đức Chúa Trời nhắc đến một thiên tai mới diễn ra và bảo họ “Suy nghĩ lại đi”.

Thâm nhập

Chủ đề chính của sách Giô-ên là ‘Ngày của Chúa’. ‘Ngày’ là thời điểm mà Đức Chúa Trời sẽ chinh đốn lại mọi điều bất công trên thế giới và xét xử con người. Trong quá khứ đã có nhiều ‘Ngày của Chúa’ và trong tương lai, sẽ có nhiều ‘Ngày của Chúa’ hơn nữa. ‘Ngày của Chúa’ ở thời Cựu Ước là thời thành Giê-ru-sa-lem thất thủ và dân Do Thái bị lưu đày năm 586 TC. Vào năm 70 SC, thành Giê-ru-sa-lem lại bị phá hủy một lần nữa, đó cũng là ‘ngày của Chúa’. Một số học giả tin rằng ‘Ngày của Chúa’ mà sách Giô-ên nhắm đến chính là sự kiện thành Giê-ru-sa-lem thất thủ năm 586 TC. Còn các học giả khác lại tin rằng những chi tiết mô tả trong sách này ([3:2](#)) cho thấy thành Giê-ru-sa-lem đã thất thủ rồi. Có lẽ chúng ta không bao giờ dám quyết đoán về việc này. Nhưng chúng ta có thể biết chắc rằng ngày Đức Chúa Trời xét xử chúng ta sắp đến rồi.

I. Ngày của Chúa vô cùng kinh khiếp (1:1-2:17)

Ông Giô-ên dùng nạn cào cào vừa mới diễn ra làm dấu hiệu về sự hình phạt của Đức Chúa Trời giáng trên dân Ngài. Trong bối cảnh ngày nay, dấu hiệu đó có thể là: hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, núi lửa... một trận cuồng phong hoặc bất kỳ ‘thiên tai’ nào khác. Hễ khi nào các tai họa trên xảy ra, chúng ta phải tự xét xem đó có phải là sự hình phạt của Đức Chúa Trời hay không. Còn trường hợp nạn cào cào trong thời ông Giô-ên, chúng ta có thể chắc chắn rằng đó là hình phạt của Đức Chúa Trời.

Nạn cào cào chỉ về điều gì? Sự tàn phá nghiêm trọng và triệt để. “Cái gì sâu keo còn để lại, cào cào ăn; cái gì cào cào còn để lại, sâu lột vỏ ăn; cái gì sâu lột vỏ còn để lại, châu chấu ăn” ([1:4](#)). Các đợt cào cào, châu chấu lần lượt tràn tới đã tàn phá toàn bộ đất đai, xứ sở. Khi nào hết tai họa này, đến tai họa khác liên tiếp đổ xuống trên chúng ta, đó là dấu hiệu cho chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời muốn cảnh báo

về tội lỗi chúng ta.

Tuy nhiên, sứ điệp của sách Giô-ên không chỉ có chừng đó. Nạn cào cào chỉ là hình ảnh minh họa cho tai họa lớn hơn sắp xảy ra. Trong chương 2 ông Giô-ên mô tả một đạo quân đông đảo với sức mạnh vô song sẽ đến trong ‘ngày vĩ đại và vô cùng kinh khiếp’ của Chúa ([2:11](#)). Rồi ông kết thúc phần thứ nhất bằng lời kêu gọi dân chúng hãy ăn năn ([2:12-17](#)). Chỉ nhờ ăn năn mà họ có thể tránh khỏi ngày hình phạt của Đức Chúa Trời trong tương lai mà thôi.

II. Ngày của Chúa đến gần rồi ([2:18-3:21](#))

Chốt chuyển hướng của sách nằm giữa [2:17](#) và [2:18](#): Khi dân chúng ăn năn ([2:17](#)), Đức Chúa Trời sẽ động lòng thương xót họ ([2:18](#)). Phần thứ nhất chủ yếu chép về kỷ luật của Đức Chúa Trời đối với dân của Ngài. Phần thứ hai chủ yếu tập trung vào việc Đức Chúa Trời giải cứu dân của Ngài. Trong phần một, Đức Giê-hô-va chiến đấu chống dân của Ngài. Còn trong phần hai, Đức Giê-hô-va chiến đấu cho dân của Ngài. Phần một mô tả ngày của Chúa là ngày kinh khiếp, nhưng phần hai mô tả ấy là ngày hi vọng ([2:32](#); [3:16](#)).

‘Tai vạ’ là từ ngữ chính tóm tắt phần một của sách. Còn từ ngữ ‘lễ ngũ tuần’ tóm tắt phần hai của sách. Câu Kinh Thánh mà ông Phi-e-rơ trưng dẫn trong bài giảng vào ngày Lễ ngũ tuần ([Cong Cv 2:16-31](#)) trích từ phần thứ hai của sách này ([2:28-32](#)). Vì thế câu Kinh Thánh chính của toàn sách này cũng nằm trong phần hai: “Mặt trời sẽ đổi ra tối tăm, mặt trăng ra máu, trước khi ngày lớn và kinh khiếp của Đức Giê-hô-va chưa đến. Bấy giờ ai cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va thì sẽ được cứu; vì theo lời Đức Giê-hô-va, thì ở trên núi Si-ôn và trong Giê-ru-sa-lem sẽ có những người trốn khỏi, và trong những người còn sống sót, sẽ có kẻ mà Đức Giê-hô-va kêu gọi.” ([Gio Ge 2:31-32](#)).

Khác với hầu hết các tiên tri khác, tiên tri Giô-ên không dành nhiều thời gian mô tả tội lỗi của dân chúng. Vai trò của sách Giô-ên tương tự như của một đèn đỏ chớp liên hồi nhằm cảnh báo dân chúng về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời sắp giáng trên họ nếu họ cứ tiếp tục đi trên con đường dẫn đến sự hủy diệt. Ông kêu gọi dân chúng hãy quay lại và trở về cùng Đức Chúa Trời.

Trọng tâm

Phải chăng Đức Chúa Trời phải lột sạch mọi thứ khỏi bạn rồi bạn mới chịu ăn năn? Thực hành

Một số Cơ Đốc nhân tương tự như những tay cờ bạc ngoan cố tin rằng họ sắp gặp ‘vận may’. Nhưng trong kế hoạch của Đức Chúa Trời thì chỉ khi nào chúng ta thay đổi thì chúng ta mới gặp ‘vận may’.

Trong thời gian gần đây, bệnh tật có liên tiếp hành hạ bạn không? Bạn có liên tiếp chịu đựng những đợt thất bại tổn hại không? Trong những tháng gần đây, bạn có thường gặp ‘tai bay vạ gió’ ở nơi làm việc không? Mới đây, chiếc xe của bạn có thường bị hỏng không? Chẳng phải vì cũ kỹ nhưng vì một vài lý do khó hiểu nào đó. Biết đâu vì bạn đang thực hiện một công việc lớn cho Đức Chúa Trời, Sa-tan

cố tìm mọi cách để ngăn trở bạn. Tuy nhiên, cũng có thể Đức Chúa Trời muốn bạn xem xét lại một vài lãnh vực nào đó trong cuộc sống của bạn.

Biết đâu vì bạn lạm dụng cơ thể của bạn nên bạn rước bệnh tật vào thân? Phải chăng bạn lo tích lũy của cải một cách ích kỷ nên bạn liên tiếp bị mất mát, thiệt hại? Có phải vì bạn không còn ngay thật ở sở làm mà bạn gặp phải nhiều rắc rối không? Phải chăng vì bạn sử dụng xe trong ý hướng hoàn toàn không làm vinh danh Đức Chúa Trời nên xe của bạn bị hỏng hóc.

Vấn nạn thông thường của Cơ Đốc nhân không phải là thiếu hiểu biết, mà không biết liên hệ điều đã đọc trong Kinh Thánh vào hoàn cảnh hiện tại của mình. Chúng ta không biết liên hệ giữa tật lái xe cẩu thả của mình với chuyện chiếc xe bị hỏng mà không rõ nguyên do. Chúng ta không biết liên hệ giữa sự bất bình ở cơ quan với thói xấu của chúng ta là dùng điện thoại của công ty để gọi những cú điện thoại đường dài về việc riêng của chúng ta. Tôi cũng không biết liên hệ chuyện máy vi tính của tôi bị hỏng hóc hoài với chuyện tôi mơ tưởng quyển sách này sẽ đem lại cho tôi nhiều tiền. Tuy nhiên, khi áp dụng cách liên hệ này cách triệt để, chúng ta có thể bị ám ảnh rồi hoang tưởng. Nhưng chúng ta vẫn cần đến sách Giô-ên để nhắc chúng ta tự xét mỗi khi hàng chuỗi tai họa xảy đến cho chúng ta.

GIÔ-ÊN

Ý chính: TAI VẠ (và) LỄ NGŨ TUẦN

Chủ đề chính: Sự đoán phạt

Cụm từ chính: ‘ngày của Đức Giê-hô-va’ (5 lần)

Câu chính: “Mặt trời sẽ đổi ra tối tăm, mặt trăng ra máu, trước khi ngày lớn và kinh khiếp của Đức Giê-hô-va chưa đến. Bấy giờ ai cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va thì sẽ được cứu; vì theo lời Đức Giê-hô-va, thì ở trên núi Si-ôn và trong Giê-ru-sa-lem sẽ có những người trốn khỏi, và trong những người còn sống sót, sẽ có kẻ mà Đức Giê-hô-va kêu gọi.” ([Gio Ge 2:31-32](#))

Bài học chính: Phải chăng Đức Chúa Trời phải lột sạch mọi thứ khỏi bạn rồi bạn mới chịu ăn năn?

A-MỐT

Tác giả: A-mốt.

Thời kỳ hình thành sách: Thời kỳ hưng thịnh tột độ của vương quốc đã bị chia đôi.

Mục đích: Nhằm bộc lộ cơn giận của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi trắng trợn và tà ý của dân Do Thái.

Đối tượng: Những người tưởng rằng cuộc sống an ninh và phồn thịnh mà đang hưởng là kết quả của sinh hoạt tôn giáo nặng mùi sùng đạo của họ.

Tán mạn

Có người cho rằng: TỘI là việc làm có thể khiến bạn bị bắt khi thực hiện việc đó.

Bạn nghĩ thế nào về định nghĩa trên?

Định nghĩa này có ít nhất hai điều sai. Thứ nhất, nó hàm ý rằng nếu bạn không làm việc gì khiến bạn bị bắt giữ thì bạn không phạm tội. Định nghĩa này không tính đến vô số tội lỗi nằm trong mục ‘tội lỗi đáng tôn trọng’ hoặc ‘tội lỗi hợp pháp’.

Thứ hai, định nghĩa này giao cho con người, chứ không phải Đức Chúa Trời quyền thẩm định thế nào là tội lỗi. Đâu có thể kết luận một việc nào đó là đúng, là tốt lành khi mà ai ai cũng hành xử như nhau trước việc đó. Nào có phải hề việc gì hợp pháp là cũng đạt tiêu chuẩn đạo đức đâu! Không thể căn cứ vào chuẩn mực của thế gian đời này mà định đoạt việc nào là tội lỗi hoặc không. Nhưng chúng ta phải xét theo chuẩn mực của Kinh Thánh.

Chúng ta không căn cứ vào chuẩn mực của xã hội để xác định một người là lừa đảo hoặc không lừa đảo. Nhưng chúng ta phải dùng chuẩn mực của Đức Chúa Trời để đánh giá một người có ‘đạt tiêu chuẩn’ hoặc không?

Thâm nhập

Đó là sứ điệp của A-môt. Nhìn bề ngoài, dân chúng có vẻ đáng tôn trọng lắm thậm chí rất tin kính. Thế nhưng khi so sánh với dây dọi của Đức Chúa Trời thì rõ ràng là lòng họ không ngay thẳng (7:8). Nhưng vì sao ngay từ bước đầu, dân chúng lại nương theo một định nghĩa sai lạc về tội lỗi. Thoạt tiên biết đâu họ chẳng nghĩ rằng: Nếu ông Giô-ên dạy chúng ta rằng hoạn nạn, tai ương là tín hiệu báo về sự phản nộ của Đức Chúa Trời, thì chắc chắn sự phồn thịnh là tín hiệu của ân huệ của Đức Chúa Trời. Phải không?

Không đúng! Ông A-môt rao giảng cho dân Do thái ở vương quốc miền bắc đúng lúc họ sống trong cảnh thái bình và phồn vinh. Họ tin rằng họ được sống như vậy là nhờ họ sùng đạo và chăm lo hành đạo đầy thôi. Đức Chúa Trời muốn dùng sách A-môt để tạo thế cân bằng với sứ điệp của sách Giô-ên và phản bác quan niệm sai lầm của dân chúng. Sách Giô-ên nói về nạn cào cào vừa xảy ra, còn sách A-môt nói về cơn động đất sắp xảy đến (1:1). Dân chúng sai lầm nặng nề khi nghĩ rằng sẽ chẳng có tai họa nào cả. Dân Do thái được phồn thịnh nhờ địa vị được ưu đãi của họ chứ không phải nhờ họ mộ đạo.

I. Bất công đối với người bị áp bức (1-2)

Phần thứ nhất gồm tám lời tiên tri chống các dân tộc. Mở đầu phần này ông A-môt không tiên tri chống dân Do thái nhưng ông tiên tri chống các dân tộc Ca-na-an: dân Am-môn, Sy-ri, Phi-li-tin và Phê-ni-xi. Sau đó, ông liệt kê các tội lỗi của dân Ê-dôm, Am-môn và Mô-áp, là anh em họ của dân Do thái. Cuối cùng, ông tập trung vào tội lỗi của Giu-đa, là anh em của I-xơ-ra-ên.

Đối với bảy dân tộc đầu tiên, Đức Chúa Trời mở đầu lời buộc tội bằng cụm từ “tội ác đến gấp ba gấp bốn lần”. Ngày nay, chúng ta cũng có kiểu nói tương tự: “ba tội, à không, bốn tội lận”. Ông dùng cụm từ này để nhấn mạnh số lượng tội lỗi của họ. Dầu vậy, trong tất cả bảy lời buộc tội này, Đức Chúa Trời không liệt kê hết bốn tội của từng dân tộc.

Theo cách suy nghĩ của người Do thái, số bảy tiêu biểu cho sự trọn vẹn. Sau khi nghe bản cáo trạng kết tội bảy dân tộc đó, có lẽ dân Do thái “thở phào nhẹ nhõm”. Đã bảy lần, Đức Chúa Trời phán rằng: “tội ác đến gấp ba bốn lần”. Bây giờ dường như Ngài sắp phán: “Bảy dân tộc, à không, tám dân tộc lận”. Dân tộc thứ tám chính là dân I-xơ-ra-ên. Bản cáo trạng của Đức Chúa Trời dành cho I-xơ-ra-ên là nghiêm khắc nhất liệt kê cách chi tiết tội lỗi của họ (2:6-8).

Có lẽ Đức Chúa Trời phải dùng cách nói quanh co để thu hút sự chú ý của dân Do thái. Đa số trong chúng ta thường không quan tâm lắng nghe người khác liệt kê tội lỗi của chúng ta. Nhưng chúng ta lại thích nghe Đức Chúa Trời xét xử tội lỗi của kẻ thù và những người xung quanh chúng ta. Chỉ khi nào họ chú ý lắng nghe, Đức Chúa Trời mới bắt đầu nêu ra lý do thực khiến Ngài phán dạy họ về tội lỗi của họ. Vậy họ đã phạm tội gì? Tội bất công với người bị áp bức (2:6-7.)

Trong khi tất cả các sách tiên tri khác cũng nói về sự xét đoán của Đức Chúa Trời, chủ đề của sách A-mốt tập trung một cách cụ thể vào tội bất công đối với người nghèo khó. Các tiên tri khác cũng đề cập tình trạng thiếu công bằng của dân chúng. Tuy nhiên chỉ có ông A-mốt làm nổi bật tội lỗi này trong sách của ông.

II. Bất công đối với người nghèo khó (3-6)

Phần thứ nhất chứng minh dân chúng can tội bất công đối với người bị áp bức, phần thứ hai kêu gọi họ chấm dứt những việc bất công đối với người nghèo khó (5:7,12). Phần thứ nhất gồm tám lời tiên tri, phần hai ba bài giảng. Cả ba bài giảng đều mở đầu bằng lời kêu gọi: “Hãy nghe” (3:1; 4:1; 5:1).

Trong bài giảng đầu tiên (Chương 3), Đức Chúa Trời tỏ cho dân Ngài biết rằng sự hình phạt trên họ sẽ tính theo tỷ lệ thuận với đặc ân mà Ngài đã ban cho họ. Đức Chúa Trời đã chọn họ trong tất cả các dân tộc trên đất (3:1-2). Hiện tại họ được phồn thịnh là nhờ đặc ân của Đức Chúa Trời ban cho chứ không phải là nhờ niềm tin của họ. Kèm với đặc ân là trách nhiệm. Thế nhưng dân sự cứ can tội không làm điều ngay lẽ phải (3:10)

Trong bài giảng thứ hai (Chương 4), Đức Chúa Trời tỏ cho dân Ngài biết rằng họ phải chịu hình phạt tương xứng với những lời cảnh báo mà họ đã nhận trước đó (4:6-11). Nhiều lần Đức Chúa Trời phán dạy họ thông qua các nạn dịch và tai vạ. Nhưng họ vẫn tiếp tục hà hiếp, bắt chẹt người nghèo khó (4:1). Năm lần Đức Chúa Trời phán với họ rằng: “Dầu vậy, các ngươi cũng không trở lại cùng ta”. Cuối cùng Ngài bảo họ: “Khá sửa soạn mà gặp Đức Chúa Trời ngươi” (4:12).

Trong bài giảng thứ ba (Chương 5 và 6), Đức Chúa Trời tỏ cho dân Ngài biết rằng họ phải chịu sự hình phạt tương xứng với việc họ bẻ cong lẽ phải. Họ ghét các quan tòa công minh chính trực (5:10). Họ bóc lột người nghèo khó (5:11). Họ áp bức người công chính, nhận của hối lộ, đối xử bất công với người nghèo. Trong thời như thế người khôn ngoan phải nín lặng (5:12-13). Họ đòi sự chánh trực thành cay đắng, và đối trái công bình ra thành ngãi cứu (6:12). Vì có họ gây đau khổ cho người công bình (5:12) nên Đức Chúa Trời cũng sẽ gây đau khổ (tức là áp bức)

cho họ (6:14).

III. Bất công với người cùng túng (7-9)

Trong phần thứ nhất gồm tám lời tiên tri, phần hai gồm ba bài giảng còn phần thứ ba gồm năm khái tượng. Mỗi khái tượng đều mở đầu bằng cụm từ ‘Chúa Giê-hô-va cho ta xem thấy’ hoặc ‘Ta xem thấy’. Hai khái tượng đều là khái tượng về sự hình phạt dưới hình thức cào cào và ngọn lửa. Nhưng nhờ ông A-môt nài xin Đức Chúa Trời đừng áp dụng biện pháp hình phạt nặng nề đến thế nên Ngài đã không giáng tai họa ấy (7:1-6).

Thứ ba là khái tượng về dây dọi của Đức Chúa Trời. Lẽ ra dân I-xơ-ra-ên tương tự như một bức tường đứng thẳng tắp vì được xây theo chuẩn mực của dây dọi.

Nhưng vì có họ không ngay thẳng, lươn lẹo, phạm tội nên Đức Chúa Trời phải hủy phá các nơi thờ phượng và lật đổ cấp lãnh đạo của họ (7:7-9).

Thứ tư là khái tượng về giỏ trái cây chín muồi đến mức hư thối. Bởi sự tham lam gian lận, cư xử bất công đối với người cùng túng (8:4,6), họ đã trở nên những kẻ thối nát, đồi bại. Vì thế, thời điểm mà Đức Chúa Trời đoán phạt dân Do thái cũng đã chín muồi (8:2). Trong quá khứ, họ đã không chịu nghe theo lời của Đức Chúa Trời khi Ngài giáng nạn đói thực phẩm trên họ. Vì vậy, Ngài cũng sẽ giáng nạn đói khát về lời của Ngài trong tương lai. Lời tiên tri này được ứng nghiệm khoảng bốn trăm năm yên lặng giữa thời ông Ma-la-chi và ông Ma-thi-ơ.

Cuối cùng là khái tượng về chính Chúa (9:1). Theo khái tượng thì chẳng có ai thoát khỏi sự hình phạt của Đức Chúa Trời. Ông A-môt kết thúc phần một và phần hai bằng lời cảnh cáo dân sự rằng kẻ lanh lợi (2:14) cùng người mạnh sức đến đâu cũng không trốn khỏi cơn hình phạt (6:9,13). Ở đây, ông kết thúc phần ba bằng cách bày tỏ cho họ rằng người khôn khéo, tài tình đến đâu cũng không thể trốn khỏi Đức Chúa Trời (9:1-4). Dầu họ trốn ở đâu Đức Chúa Trời cũng sẽ đeo đuổi và bắt họ cho kỳ được.

Tuy nhiên, tác giả không kết thúc trong tuyệt vọng, trái lại đầy niềm hy vọng. Chẳng có ai thoát cơn đoán phạt là lời cảnh báo chắc chắn như thế nào, thì rồi đây Đức Chúa Trời sẽ cho dân Do thái nhận lại địa vị đặc biệt và sự thịnh vượng là một lời hứa cũng chắc chắn như thế ấy (9:11-15).

Câu Kinh Thánh chính của sách này gói trọn sứ điệp của ông A-môt: “Thà hãy làm cho sự chánh trực chảy xuống như nước, và sự công bình như sông lớn cuộn cuộn.” Từ ‘sự chánh trực’ trong bản King James Version cũng có thể dịch là ‘sự công bình’.

Trọng tâm

Đức Chúa Trời không đánh giá sự công nghĩa của chúng ta căn cứ vào mô nghi thức tôn giáo nhưng căn cứ vào cung cách xử sự công bằng của chúng ta đối với người bị áp bức.

Thực hành

Có người nói rằng nếu mọi Cơ Đốc nhân trong thế giới này đều sống làm Cơ Đốc

nhân đúng nghĩa thì con người không cần đến chủ nghĩa cộng sản. Một sự thật đáng buồn là tình trạng bóc lột người nghèo khổ vẫn tồn tại ở cấp độ quốc tế, quốc gia cũng như cá nhân. Hễ người chủ nào trả lương cho công nhân căn cứ vào tỷ lệ đình trệ trên thị trường chứ không căn cứ vào công sức lao động thì người chủ ấy đang bóc lột công nhân. Nếu ai bán hàng trả góp để thu được nhiều lợi hơn giá thị trường thì người đó đang bóc lột người cùng túng. Hễ ai không góp phần vào việc bảo vệ luật pháp trong đất nước của mình thì người đó cũng can tội. Những hạng người dính dáng đến hối lộ và tham nhũng cũng vậy. Có bao nhiêu Cơ Đốc nhân nhận ra rằng số lợi nhuận mà họ thu được từ việc buôn bán hàng hóa và thị trường chứng khoán thường là đồng tiền bòn rút từ đồng lương ít ỏi của tầng lớp nghèo khổ và tầng lớp bị bóc lột? Tuy họ làm ăn hợp pháp và vượt tiêu chuẩn yêu cầu nhưng trong thực tế họ có đáp ứng tiêu chuẩn trong lời Đức Chúa Trời không? Tiền từ việc chúng ta kiếm được từ việc mua bán tài sản thế chấp với giá rẻ có thể lại là những mảnh vụn sự nghiệp của ai đó đang tan tành. Phải chăng chúng ta nhận tiền lãi từ cổ phần của chúng ta trong một công ty lợi dụng giá nhân công rẻ tại các nước chậm phát triển trong thế giới thứ ba? Và phải chăng chúng ta sử dụng những lợi nhuận đó để đi nghỉ hè và thưởng ngoạn các danh lam thắng cảnh tại một nơi nào đó rồi chúng ta làm ngơ trước cảnh nghèo khổ của người khác? Có thể bạn chỉ đủ sức làm cho sự công bình nhỏ xuống từng giọt. Nhưng nếu mỗi Cơ Đốc nhân đều góp phần nhỏ bé của mình thì sự công bình sẽ thực sự cuộn cuộn như dòng nước trào dâng.

Nội dung sứ điệp loại này hẳn đã gây bất ổn trong lòng chúng ta. Bảng liệt kê những tội lỗi ‘đáng tôn đáng nể’ đã đánh trúng tim đen của chúng ta. Có một người I-xơ-ra-ên tên là A-ma-xia đã không chịu tiếp nhận sứ điệp loại này. Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời giáng trên ông A-ma-xia chính là lời cảnh báo đáng sợ cho tất cả những ai có tai mà không lắng nghe ([7:16-17](#)). Tuy rằng khó lắng nghe sứ điệp của tiên tri A-mốt lắm nhưng buộc lòng chúng ta phải lắng nghe thôi.

A-MỐT

Ý chính: DÂY DỌI (và) DÂN NGHÈO

Chủ đề chính: Sự công bình

Cụm từ chính: ‘Sự công bình và chánh trực’ (3 lần)

Câu chính: “Thà hãy làm cho sự chánh trực chảy xuống như nước, và sự công bình như sông lớn cuộn cuộn.”

Bài học chính: Đức Chúa Trời không đánh giá sự công nghĩa của chúng ta căn cứ vào mớ nghi thức tôn giáo nhưng căn cứ vào cung cách xử sự công bằng của chúng ta đối với người bị áp bức.

ÁP-ĐIÀ

Tác giả: Ông Áp-đi-a

Thời kỳ hình thành sách: không rõ

Mục đích: Nhằm tuyên bố bản án của Đức Chúa Trời trên dân Ê-đôm vì đã vui mừng khi dân Do Thái bị huỷ diệt.

Đối tượng: Những người chưa tin Chúa có đặc ân nghe sứ điệp của Đức Chúa Trời nhưng không tiếp nhận (lời Ngài).

Tản mạn

Kiến trúc nào cao nhất trong thành phố của bạn? Ở thành phố nơi tôi cư trú, kiến trúc cao nhất là một nhà băng rồi kể đến là một khách sạn. Thế cũng đủ cho bạn hiểu đôi điều về thành phố tôi cư trú, phải không? Nhiều năm về trước, kiến trúc cao nhất trong thành phố cư trú, là một đại thánh đường. Từ xa, người ta có thể nhìn thấy tháp chuông nhà thờ. Nhưng bây giờ thánh đường đó chìm giữa biển cao ốc bao quanh.

Trong một khía cạnh, độ cao của các tòa kiến trúc ở thành phố quê tôi phản ánh thang giá trị trong dân chúng. Nên chẳng lạ gì khi càng ngày càng có nhiều có nhiều nhà băng nằm trong số những tòa kiến trúc cao nhất thành phố. Dân Ê-đôm cũng rất tự hào về những ‘nhà băng’ của họ. Sự giàu có khiến Ê-đôm trở nên kiêu ngạo vì của cải, vật chất cho họ cảm giác an toàn. Ông Áp-đi-a dành riêng sách này để cảnh báo dân Ê-đôm về sự hình phạt sắp đến của Đức Chúa Trời. Không một thành trì hoặc một lực lượng quân sự nào có thể bảo vệ họ tránh khỏi sự hình phạt của Đức Chúa Trời.

Thâm nhập

Hầu như chúng ta không biết gì về tác giả hoặc thời kỳ hình thành sách này cả. Nhưng chúng ta biết rất nhiều về đối tượng mà ông Áp-đi-a nghĩ đến khi viết sách này, dân Ê-đôm. Trong thực tế dân Ê-đôm có họ hàng rất gần với dân Do Thái. Họ hiểu rất rõ Do Thái giáo (Vua Hê-rôt là người Ê-đôm). Thế nhưng thay vì sử dụng mối quan hệ gần gũi đặc biệt với dân Do Thái để tìm kiếm phước hạnh, dân Ê-đôm lại lạm dụng địa vị của họ. Vì thế sứ điệp của ông Áp-đi-a rất phù hợp với những người hiểu biết Kinh Thánh nhiều nhưng vẫn khăng khăng chối bỏ dân của Đức Chúa Trời và sứ điệp của Ngài. Họ cứ tự cao tự đại và tìm sự an toàn trong của cải, vật chất. Thường thường những người đó là bà con ruột thịt của người tin Chúa, nhưng họ thích ngược đãi, bắt bớ bà con ruột thịt của mình. Trong một khía cạnh, Áp-đi-a là sách duy nhất trong Kinh Thánh viết cho những người không tin Chúa. Ngay cả sách Na-hum, chủ yếu cũng viết cho dân của Đức Chúa Trời ([NaNk 1:15](#)). Đức Chúa Trời nhận thấy cần dành riêng một sách trong Kinh Thánh để nói với thành phần chưa tin nhưng có đặc ân nghe và biết về Ngài thông qua bà con của mình mà vẫn ngang bướng khước từ Ngài.

I. Kiêu ngạo vì của cải (1-14)

Mười bốn câu đầu tiên tạo nên phần thứ nhất của sách nhỏ này (sách Áp-đi-a chỉ có một chương). Tội kiêu ngạo của dân Ê-đôm là trọng tâm của phần này. Có hai

nguyên nhân khiến họ kiêu ngạo. Thứ nhất, họ kiêu ngạo vì địa thế đất nước của họ gồm núi cao đồi dốc (câu 3) nên dễ dàng tổ chức phòng thủ. Cho đến ngày nay chúng ta vẫn có thể nhìn thấy tàn tích của thành phố Petra đã vang bóng một thời (cảnh trong phim: ‘Cuộc thập tự chinh cuối cùng’). Hầu như không cách nào đột nhập những đồn lũy này được. Muốn đến đó phải đi qua một khe hẹp và phải leo nhiều con dốc thẳng đứng. Thứ hai, dân Ê-đôm kiêu ngạo về sự giàu có của họ. Các thương gia quốc tế trong khu vực đều ngược xuôi qua Ê-đôm trên Thông lộ Hoàng Gia. Vì thế dân Ê-đôm kinh doanh phát đạt trong ngành ngân hàng và quán trọ cho lữ hành. Nhưng Đức Chúa Trời sẽ tước bỏ mọi của cải đó khi Ngài trừng phạt Ê-đôm (câu 5). Sự kiêu hãnh về địa thế và của cải khiến dân Ê-đôm khinh dễ kẻ khác (câu 11,12) và ăn nói tự cao (câu 12). Đặc biệt, họ vui mừng khi dân Giu-đa bị hủy diệt và thậm chí họ còn tham gia vào việc bắt bớ dân Giu-đa (câu 12-14). Tội ác của dân Ê-đôm càng nghiêm trọng hơn vì họ là ‘anh em’ của dân Do Thái (câu 12).

II. Bị hạ nhục vì trở thành của cải của người khác.

Câu chìa khoá (câu 15) cũng là câu chốt trong cấu trúc của sách, chia sách này ra làm ba phần. “Người đối xử (với người khác) thế nào” mô tả nửa phần của sách. “Người ta sẽ đối xử với người thế ấy” mô tả nửa phần sau của sách. Nửa phần trước chép về tội ác của dân Ê-đôm. Còn nửa phần sau viết về tai ương giáng trên họ. Trong khi nửa phần trước nói với dân Ê-đôm, nửa phần sau nói với các dân tộc chung quanh. Trong phần thứ nhất, dân Ê-đôm tiến công nhà Gia-cốp (tức là dân Giu-đa). Trái lại, trong phần thứ hai, nhà Gia-cốp tiến công lại dân Ê-đôm. Trong phần thứ nhất, dân Ê-đôm coi thường Đức Chúa Trời, trong phần thứ hai, Đức Chúa Trời lên án họ.

Như vậy, câu chủ đề của sách Áp-đia là sự công bằng của Đức Chúa Trời được diễn tả bằng văn thơ. Họ đã làm ô uế núi thánh của Đức Chúa Trời bằng những buổi tiệc rượu tại đó thế nào, thì Đức Chúa Trời cũng sẽ khiến họ và các dân tộc khác uống sự hình phạt đắng cay của Ngài thế ấy (câu 16). Họ đã kiêu ngạo về của cải của họ như thế nào thì Đức Chúa Trời cũng sẽ khiến dân Giu-đa chiếm hữu họ và các dân tộc khác như thế ấy (câu 17,19,20). Điều đáng chú ý là sách A-mốt nói về sự bất công của dân Do Thái còn sách Áp-đia nói đến sự hình phạt công bình của Đức Chúa Trời. Chú ý là chủ đề của sách Áp-đia không đơn thuần nói đến sự hình phạt của Đức Chúa Trời mà còn nói đến phương cách Ngài thực hiện sự hình phạt.

Câu chìa khoá (câu 15) gói trọn chủ đề: sự hình phạt của Đức Chúa Trời. Bảng King James Bible dùng một từ rất chuẩn trong phần cuối của câu Kinh Thánh: “phần thưởng của người sẽ đổ trên đầu người”. Ở đây, từ phần thưởng được dùng với ý châm biếm. Các bản dịch khác chuyển ngữ từ câu này như sau: “những việc làm (hoặc cách đối xử) của người sẽ đổ lại trên đầu người” (NIV và NASB).

Nhưng có lẽ sử dụng từ ‘phần thưởng’ là thích hợp nhất. Nếu chúng ta đối xử với

người khác như thế nào, hoặc tốt hoặc xấu thì người ta sẽ đối xử với chúng ta như thế đó.

Trọng tâm

Đức Chúa Trời sẽ ‘thưởng’ cho bạn tùy theo cách mà bạn đã ‘thưởng’ người khác.
Thực hành

Có một vài tài sản người ta gọi là ‘vật bảo đảm’. Thật ra chúng chẳng ‘bảo đảm’ chút nào cả. Chúng chỉ khiến bạn cảm thấy bảo đảm mà thôi. Những tài sản đó cũng có thể làm cho người sở hữu trở nên kiêu ngạo. Chẳng mấy ai thừa nhận mình kiêu ngạo. Nhưng càng giàu thâm tâm bạn cảm thấy an tâm, bạn càng có khuynh hướng kiêu ngạo.

Sự kiêu ngạo lộ ra trong cách chúng ta đối xử với người khác, nhất là đối với người thuộc tầng lớp xã hội kém hơn chúng ta. Nếu chúng ta đối xử với họ như thể chúng ta sở hữu họ cho dù họ là con cái, là người dưới quyền của chúng ta, hoặc là người chạy bàn, bán hàng, hoặc bất cứ ai thì sau này Đức Chúa Trời khiến người khác đối xử với chúng ta như vậy (chúng ta sẽ trở thành người sở hữu của người khác). Nếu chúng ta vui mừng trong việc chèn ép, xô đẩy người khác thì Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng ta phải chịu đựng sự chèn ép của người khác. Nếu bạn cảm thấy vui thích khi nhìn thấy dân Do Thái hoặc Cơ Đốc Nhân trượt chân té sấp trong cuộc đời thì đừng ngạc nhiên khi đến phiên mặt đất hôn lên má của bạn.

Thật đáng buồn khi có người vui mừng vì thấy người khác thất bại, dù họ tin Chúa hoặc chưa tin. Nhưng đáng buồn hơn nếu có người vì kiêu ngạo mà không chịu tiếp nhận Chúa Giê-xu làm Cứu Chúa mình. Nếu ai nghĩ rằng mình không cần đến Đức Chúa Trời vì mình giàu có, an toàn, mạnh mẽ và khôn ngoan thông sáng, hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời ban cho chúng ta những điều đó để chúng ta nhận biết ân điển của Ngài, chứ không phải để chúng ta độc lập với Ngài. Đức Chúa Trời phán rằng Ngài có thể lấy đi bất cứ điều gì khỏi chúng ta vào bất cứ thời điểm nào mà Ngài muốn.

ÁP-ĐIÀ

Ý chính: Ê-đôm chịu ĐẠI HOA

Chủ đề chính: Sự hình phạt

Cụm từ chính: ‘Trong ngày đó’

Câu chính: “Vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần trên hết thảy các nước: bấy giờ người ta sẽ làm cho người như chính mình người đã làm; những việc làm của người sẽ đổ lại trên đầu người!” ([ApOv 15](#))

Bài học chính: Đức Chúa Trời sẽ ‘thưởng’ bạn tùy theo cách mà bạn đã ‘thưởng’ người khác.

GIÔ-NA

Tác giả: Không rõ (ông Giô-na?)

Thời kỳ hình thành sách: Trong thời kỳ vương quốc bị chia đôi.

Mục đích: Nhằm dạy dân Do Thái về lòng nhân từ của Đức Chúa Trời đối với các dân tộc khác.

Đối tượng: Thành phần không (thể) tha thứ cho người đã gây thương tổn cho mình.

Tán mạn

Tôi xin kể một câu chuyện có thật. Hôi Ái Liên (không phải là tên thật của cô ta) còn bé, ‘người bạn thân thiết’ của cha cô đã lừa gạt cha cô một số tiền rất lớn. Sự việc này đã đẩy gia đình cô ngập sâu vào nợ nần đến mức họ phải thay đổi hoàn toàn lối sống của họ. Mỗi người trong gia đình cô Ái Liên đều phải làm việc vất vả để kiếm tiền trang trải nợ nần và phải hi sinh nhiều điều trong nhiều năm. Rồi sức khỏe của cha cô giảm sút và cuộc hôn nhân của cha mẹ cô lâm vào tình trạng đáng lo ngại. Còn bản thân cô thì không thể tiếp tục con đường học vấn vì cô phải tìm việc làm càng sớm càng tốt.

Lâu năm về sau, người đã lừa gạt cha cô tin nhận Chúa và trở thành một Cơ Đốc nhân. Nhưng ông không thể nào hoàn lại số tiền cũng như không thể bù đắp mọi nỗi đau khổ mà ông đã gây ra cho gia đình của Ái Liên. Vì giờ đây ông đã vỡ nợ. Cô Ái Liên hỏi một người bạn Cơ Đốc nhân: “Mọi tội lỗi ông ta có được tha không? Chẳng lẽ ông ta không bao giờ đền bù mọi nỗi đau khổ mà ông đã gây ra cho gia đình tôi sao?” Bạn của Ái Liên cảm thấy rất khó trả lời cho câu hỏi này lắm. Tuy vậy chúng ta có thể tìm thấy câu trả lời trong sách Giô-na. Ông Giô-na cũng gặp phải một vấn đề tương tự như vậy. Ông không hiểu làm sao Đức Chúa Trời có thể thương xót và tha thứ cho kẻ thù độc ác và đáng ghét của dân Do Thái - dân thành Ni-ni-ve. Dân Ni-ni-ve (Ni-ni-ve là thủ đô của đế quốc A-si-ri, tức là nước I-rắc ngày nay) đã thực hiện vô số hành động tàn ác với dân tộc của ông Giô-na - dân Do Thái. Bây giờ Đức Chúa Trời lại sắp tha thứ cho họ sao? Đức Chúa Trời còn muốn ông Giô-na rao truyền sứ điệp của Ngài cho dân thành Ni-ni-ve nữa? Phản ứng của ông Giô-na đối với Đức Chúa Trời là (bạn đoán được chưa?): “Ngài đùa đấy thôi!”

Thâm nhập

Trong con người của mỗi chúng ta đều có một ‘Giô-na’. Đức Chúa Trời bảo chúng ta tha thứ cho người khác. Nhưng chúng ta không (thể) tha thứ được. Hoặc hơn nữa, chúng ta còn tự nhủ là sẽ không bao giờ tha thứ. À, chúng ta có thể tỏ lòng thương xót đối với người ăn mày trên đường phố. Nhưng chúng ta thừa với Chúa rằng: Chúa ơi, xin đừng bảo con thương xót kẻ mà con căm ghét nhất; Ngài biết mà, đó là người hàng xóm đáng ghét ở bên cạnh, người đã giết chết con chó cưng của con!

I. Đức Chúa Trời thương xót thủy thủ đoàn (1)

Chủ đề chính của sách Giô-na là lòng thương xót .

Chương 1 cho chúng ta thấy lòng thương xót của Đức Chúa Trời đối với thủy thủ

đoàn. Ông Giô-na nhận mệnh lệnh rất minh bạch của Đức Chúa Trời là đi đến thành Ni-ni-ve. Nhưng ông đi về một hướng khác hoàn toàn - Ta-rê-si (có lẽ là nước Tây Ban Nha ngày nay). Ông mua vé lên tàu cách bình an vô sự. Nhưng rồi Đức Chúa Trời khiến gió to thổi mạnh tạo nên một trận bão lớn. Các thủy thủ trên tàu đều kinh hoàng. Họ tập hợp lại, bốc thăm để tìm xem ai đã làm 'các thần' nổi giận đến nỗi thần giáng tai họa này. Ông Giô-na bốc trúng thăm. Thế là ông phải thú nhận tất cả - ông nhận mình là người thờ phượng Đức Giê-hô-va (theo nghĩa đen là 'người kính sợ' Đức Giê-hô-va) là Đấng cai trị trên trời, đất và biển (1:9). Ông thú nhận rằng ông lên tàu để chạy trốn Đức Chúa Trời. Rồi ông Giô-na bảo các thủy thủ hãy ném ông xuống biển. Bất đắc dĩ họ buộc phải làm theo lời ông Giô-na dù trong lòng rất sợ Đức Chúa Trời. Họ ăn năn và kêu cầu Đức Chúa Trời cứu mạng sống họ. Khi họ ném ông Giô-na xuống biển thì bão liền ngớt, biển trở nên hiền hòa vô cùng. Ngoài ông Giô-na ra, hầu như mọi người đều ăn năn tội của mình.

II. Đức Chúa Trời thương xót ông Giô-na (2)

Khi ông Giô-na từ từ chìm sâu xuống biển, rong biển bao phủ đầy mặt ông, Đức Chúa Trời đưa đầy một con cá lớn đến chỗ ông. Nó ngoan ngoãn nuốt ông Giô-na vô bụng. Mọi thứ (gió, biển, cá) và mọi người khác trong sách này đều vâng lời Đức Chúa Trời ngoại trừ tiên tri của Ngài là ông Giô-na! Khi nhận biết Đức Chúa Trời đã giải cứu mình, ông Giô-na dâng lời ca ngợi, cảm tạ Ngài (2:9). Nhưng trong bài thi thiên, ông không đá động đến chuyện ông sẽ vâng lời Đức Chúa Trời mà đi đến thành Ni-ni-ve. Dầu ông ngang bướng và bất tuân, nhưng Đức Chúa Trời vẫn thương xót ông.

III. Đức Chúa Trời thương xót dân thành Ni-ni-ve (3)

Một lần nữa Đức Chúa Trời truyền cho ông Giô-na đi đến thành Ni-ni-ve rao báo sứ điệp của Ngài cho dân thành ấy. Khi đến nơi, ông rao ra một sứ điệp thật ngắn gọn (theo Hi Bá Lai ngữ, sứ điệp này chỉ có 5 từ). Thế nhưng theo nội dung ghi chép trong Kinh Thánh thì sứ điệp này khiến đông đảo người ăn năn nhất. Mọi người trong thành Ni-ni-ve đều ăn năn, ngay cả bầy bò cũng bị quán bao gai (3:8). Khi Đức Chúa Trời thấy tinh thần ăn năn, thống hối như vậy, Ngài đổi ý và ngưng phần nộ đối với họ.

IV. Ông Giô-na thiếu lòng thương xót đối với người khác (4)

Tuy nhiên, các diễn biến trên làm cho ông Giô-na tức giận. Thật ra ông nổi giận hai lần và ông xin Đức Chúa Trời cho ông chết (4:3,8). Đây là trường hợp một vị tiên tri thất vọng khi thành công trong chức vụ! Ông không muốn Đức Chúa Trời thương xót dân thành Ni-ni-ve.

Để dạy dỗ ông Giô-na Đức Chúa Trời cho một cây leo mọc lên rậm rạp nội trong một đêm. Cây leo phủ bóng mát che trên đầu ông và làm giảm bớt nỗi khổ sở của ông dưới ánh nắng. Rồi Đức Chúa Trời sắp xếp cho một con sâu cắn dây leo, cây liền khô héo. Ông Giô-na nổi giận một lần nữa. Nhưng Đức Chúa Trời nhẹ nhàng

nhắc nhở ông vì ông thiếu lòng thương xót đối với dân thành Ni-ni-ve mà Ngài đã dựng nên.

Trọng tâm

Hãy bày tỏ lòng thương xót của Đức Chúa Trời đối với những con người đắm chìm trong sự hư mất và tuyệt vọng.

Thực hành

Có người cho rằng ông Giô-na cần đến thành Ni-ni-ve cũng giống như thành Ni-ni-ve cần đến ông Giô-na. Đức Chúa Trời dùng thành Ni-ni-ve để bày tỏ tình yêu thương và lòng thương xót của Ngài (xem câu chính [4:2](#)). Ông Giô-na cũng không xứng đáng với sự thương xót của Đức Chúa Trời chẳng khác gì dân thành Ni-ni-ve. Khi chúng ta còn là tội nhân và là ‘kẻ thù nghịch’ thì Đức Chúa Trời đã sai Chúa Giê-xu, Con Ngài, chịu chết vì tội chúng ta ([RoRm 5:8](#)). Ngay cả người không tin Chúa cũng có thể thương xót những trẻ em đói khát ở các quốc gia chậm phát triển thuộc thế giới thứ ba. Nhưng chỉ có Cơ Đốc nhân, là những người giống Chúa Cứu Thế, mới có thể thương xót những kẻ mà họ căm thù nhất.

Trong vương quốc Đức Chúa Trời, không có chỗ nào cho người kỳ thị chủng tộc cách triệt để như ông Giô-na. Chúng ta cần làm việc và cầu nguyện để đem sự cứu rỗi đến với mọi dân tộc, kể cả ‘kẻ thù’ cá nhân và kẻ thù của dân tộc. Nguyện Đức Chúa Trời dạy chúng ta vui mừng, như các thiên sứ trên trời vui mừng về sự cứu rỗi của những người mà chúng ta không ưa nổi.

Mong rằng Đức Chúa Trời không cần sai một ‘con sâu’ đến để phá hủy những thứ mà chúng ta vô cùng quý trọng nhằm dạy chúng ta biết yêu thương và thương xót người hư mất, tuyệt vọng trên thế giới này.

Còn cô Ái Liên thì sao? Tôi không rõ. Lần cuối mà tôi nghe về cô thì cô vẫn chưa tiếp nhận Chúa Cứu Thế. Nhưng tôi hy vọng rồi đây cô ta sẽ tiếp nhận Ngài. Và tôi cũng hy vọng rằng bạn không phải học tập thương xót người khác một cách đắt giá như ông Giô-na. Trong tuần này, sao bạn không làm một việc tốt nào đó cho ‘kẻ thù’ của bạn? Hoặc tình nguyện coi nhà cho anh ta, hoặc giữ trẻ hộ cho cô ta, được không? Hoặc đãi họ một bữa ăn và tạo cơ hội nói về Chúa Cứu Thế cho họ? Bạn nghĩ sao? Mong rằng Đức Chúa Trời chẳng bao giờ cần sai một con cá lớn bơi đuổi theo bạn!

GIÔ-NA

Ý chính: CÁ (và) KIÊNG ĂN

Chủ đề chính: Sự thương xót

Cụm từ chính: ‘Không xuống tai vạ’ (2 lần)

Câu chính: “Người cầu nguyện Đức Giê-hô-va rằng: Hỡi Đức Giê-hô-va, tôi cầu xin Ngài, ấy há chẳng phải là điều tôi đã nói khi tôi còn ở trong xứ tôi sao? Vì đó nên tôi lật đật trốn qua Ta-rê-si vậy. Bởi tôi biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời nhân từ, thương xót, chậm giận, giàu ơn, và đời ý không xuống tai vạ.” ([Gion Gn](#)

[Gion4:2](#))

Bài học chính: Hãy bày tỏ lòng thương xót của Đức Chúa Trời đối với thế gian hư mất, tuyệt vọng.

MI-CHÊ

Tác giả: Ông Mi-chê.

Thời kỳ hình thành sách: Trong thời kỳ vương quốc bị chia đôi, khi thành Sa-ma-ri sụp đổ.

Mục đích: Nhằm thúc giục dân sự sống theo chánh đạo để đạt đến sự công bình, chánh trực hằng ngày

Đối tượng: những người giàu có cho rằng mình biết Đức Chúa Trời nhưng lòng họ cách xa Ngài.

Tán mạn

Có những điều không thể đi đôi với nhau: Ánh sáng và bóng tối không thể tồn tại cùng một nơi trong cùng một thời điểm. Hai nước I-ran và I-rắc không thể nào chiếm cứ trên cùng một lãnh thổ trong cùng một thời gian. Sự tin kính và giàu có cũng không thể tồn tại song đôi với nhau.

Bạn có đồng ý với điểm chót không? Có thể nào sự tin kính lẫn sự giàu có cùng tồn tại trong lòng người không? Có thể, nhưng khó lắm! Dưới hình thức này hoặc hình thức khác, hầu hết mọi người đều bị trần tục chi phối mạnh mẽ. Vì thế cụm từ ‘một triệu phú tin kính’ nghe có vẻ nghịch lý chẳng khác gì một ‘viên kim cương rẻ thối’, một ‘cầu thủ bóng rổ lùn’ hoặc một ‘gã khờ thông minh’. Rất hiếm người giàu có còn tin kính Chúa. Dường như phương cách duy nhất để người giàu có vẫn tiếp tục sống cuộc đời tin kính ấy là của cải không hề xâm chiếm tâm lòng của ông. Đặc biệt, các đối tượng của sách Mi-chê rất giàu có. Chẳng có gì lạ vì họ đều không hết lòng tin kính Chúa. Hằng ngày họ toan tính làm sao cho giàu hơn. Đêm đến họ vẫn thao thức nghĩ đến chuyện làm giàu. Vậy, làm giàu có sai không? Chẳng có gì sai cả, trừ phi giàu lên bằng cách làm cho người khác trở nên nghèo thiếu.

Thâm nhập

Sách Mi-chê gồm có ba phần. Trong mỗi phần, ông Mi-chê đều nhắc đến của cải hai lần, ông tố cho chúng ta biết ảnh hưởng của của cải trên đời sống con người. Có 3 dấu hiệu cảnh báo về việc của cải có thể làm hỏng niềm tin của chúng ta. Ba phần của sách Mi-chê lần lượt cho chúng ta biết về ba dấu hiệu này:

I. Của cải khiến bạn kiêu ngạo (1-2)

Dấu hiệu cảnh báo thứ nhất là lòng kiêu ngạo ([2:8-12](#)). Ông Mi-chê mở đầu phần này bằng lời kêu gọi dân chúng hãy lắng nghe ([1:2](#)). Đức Giê-hô-va rất giận dân Ngài. Cơn giận Ngài nổi lên đến nỗi khi Ngài ngự xuống, đập trên các đỉnh núi cao núi liền tan chảy dưới chân Ngài như sáp gặp lửa ([1:4](#)). Kể đến ông kể ra tội lỗi của

dân chúng và ông dùng liên từ ‘vậy nên’, ‘vì thế’ để nối liền giữa phần liệt kê tội lỗi của Giu-đa với phần mô tả về tai họa sẽ giáng trên họ (2:3). Ông kết thúc phần một với lời đề cập đến dân Do Thái như bày của Đức Chúa Trời với ngụ ý rằng Ngài là Người Chăn của dân Do Thái (2:12). Đừng bao giờ lầm tưởng rằng Đức Chúa Trời không nổi giận đối với tội kiêu ngạo. Nhưng cần nhận biết rằng Ngài vô cùng căm ghét tội lỗi ấy.

Hai chỗ đầu tiên đề cập đến của cải là 2:1-2 và 2:8-12. Phần thứ nhất nhấn mạnh rằng của cải có thể khiến người ta kiêu ngạo (2:3). Dân chúng trong các thành phố Giu-đa rất kiêu hãnh. Họ đặt tên cho thành phố của họ là Gát: Thành phố ép nhỏ (1:10), và Sa-phi-rơ: thành phố an lạc (1:10-15). Đem đến họ thao thức vì lo tính kẻ chiếm đoạt ruộng đất, nhà cửa, sản nghiệp của người khác (2:1-2). Họ thích nghe các tiên tri giả, là người chỉ thích nói tiên tri về chuyện nhảm nhí, hư không (2:11). Vì thế Đức Chúa Trời sẽ hạ nhục họ và khiến họ phải than van khóc lóc (2:3-4).

II. Của cải khiến bạn không công bình (3-5)

Dấu hiệu cảnh báo thứ hai là sự bất công. Tác giả trình bày lời cảnh cáo trong phần hai cũng tương tự như cách trình bày trong phần một. Ông Mi-chê kêu gọi các nhà lãnh đạo của Gia-cốp hãy lắng nghe (3:1). Rồi ông nêu ra các tội lỗi của dân Giu-đa (3:2-11). Kế đến, ông dùng liên từ ‘vì thế’ để mô tả về tai họa sẽ giáng trên họ (3:12; 5:3). Cuối cùng, ông ví dân chúng với một bày chiên (5:8).

Hai phân đoạn 3:1-3 và 3:9-11 nói về việc của cải làm cho con người hư hỏng. Ở đây tác giả tập trung vào thực trạng thiếu công bình của dân chúng (3:1,9). Ông so sánh thực trạng này với hình ảnh của Chúa, là Đức Chúa Trời công bình (3:8).

Chen giữa phần này là lời tiên tri về thành Bết-lê-hem, nơi Đấng Mê-si sắp ra đời (5:2). Trong phần thứ nhất, ông Mi-chê công kích các thành phố kiêu ngạo của xứ Giu-đa (1:10-15). Rồi ông nói đến một làng nhỏ bé của người chăn chiên sẽ là nơi Đấng Cứu Thế giáng sinh. Vì có tội lỗi của dân Giu-đa, nên Đức Chúa Trời không chọn thành phố quan trọng, giàu có để thực hiện mục đích của Ngài (5:11; 6:9).

III. Của cải khiến bạn không thương xót (6-7)

Lời cảnh cáo thứ ba về niềm tin giả dối là không có lòng thương xót.

Chương 6:10-12 và 7:1-6 là hai phân đoạn nói về của cải trong phần này. Ở đây, ông Mi-chê nhấn mạnh của cải có thể khiến con người không có lòng thương xót. Tác giả trình bày lời cảnh cáo trong phần này cũng tương tự như đã trình bày trong phần 1 và 2. Sau lời kêu gọi dân chúng hãy lắng nghe (6:1) và phần mô tả tội lỗi của họ, ông Mi-chê dùng từ ‘vì thế’ để mở đầu lời tiên tri về tai họa giáng trên dân Giu-đa (6:13). Giống như phần 1 và 2, một lần nữa phần này lại kết thúc với cảnh dân chúng là bày chiên của Đức Chúa Trời (7:14).

Như vậy, qua ba phần trên, chúng ta có ba phân đoạn mô tả về các phương diện mà của cải có thể thay đổi con người: của cải có thể khiến con người kiêu ngạo, không công bình và không có lòng thương xót. Câu Kinh Thánh chính của sách này là lời

kêu gọi hãy loại bỏ ba điều này khỏi cuộc sống của chúng ta: “Hỡi người! Ngài đã tỏ cho người điều gì là thiện; cái điều mà Đức Giê-hô-va đòi người há chẳng phải là làm sự công bình, ưa sự nhân từ và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời người sao?” (6:8). Cụm từ “bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời người” ở đây có nghĩa gì? Cần giải nghĩa đôi điều về từ này. Câu Kinh Thánh tiếp theo giải nghĩa giúp chúng ta rồi (6:9). Người khiêm nhường trước mặt Đức Chúa Trời là người chấp nhận cây roi kỷ luật của Đức Chúa Trời trên đời sống mình. Vì Đức Chúa Trời là Người Chấn của chúng ta (5:4), nên Ngài toàn quyền sử dụng cây roi của người chấn trên chúng ta. Nếu chúng ta giàu có, chúng ta phải bảo đảm rằng của cải của mình là từ Đức Chúa Trời mà đến. Chúng ta đừng bao giờ làm cho mình mập mạp bằng cách ‘ăn thịt chiên khác’ (3:2-3;).

Trọng tâm

Đặc điểm của niềm tin chân chính không phải là sự giàu có mà là cuộc sống công bình, nhân từ và khiêm tốn trước mặt Đức Chúa Trời.

Thực hành

Khi nói đến “Tà đạo”, bạn thường nghĩ về điều gì? Các cuộc thờ phượng phải không? Những người dạy giáo lý sai lệch phải không? Có lẽ hầu hết chúng ta đều nghĩ như vậy.

Nhưng Đức Chúa Trời có ý gì khi tiên tri của Ngài nói đến tà giáo? Ngài chủ yếu muốn nói về tôn giáo “tân thời”. Mi-chê là sách công kích loại tôn giáo này. Nhà giải kinh Leslie Allen mô tả niềm tin sai lạc ấy như “Niềm tin căn cứ vào hộp lời hứa”. Ông cho rằng “Niềm tin căn cứ vào hộp lời hứa” là một cạm bẫy của mọi thời đại. Khi cuộc sống của Cơ Đốc nhân tùy thuộc vào câu Kinh Thánh rút ra từ ‘hộp lời hứa’ mỗi ngày thì chúng ta biến Đức Chúa Trời thành lá số tử vi không hơn không kém. Nếu để cho sự giàu sang lấn chiếm chỗ của tình yêu thương, lòng nhân từ và sự khiêm tốn thì chúng ta bắt đầu theo tín ngưỡng của Cơ Đốc giáo tân thời. Phật giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo “tân thời” đã xuất hiện như thế nào thì Cơ Đốc giáo “tân thời” cũng xuất hiện như thế ấy. Yếu tố quyết định cho dạng Cơ Đốc giáo này là văn hoá chứ không phải là Kinh Thánh. Người ta giải nghĩa, giảng dạy sao cho phù hợp với thị hiếu của giới giàu sang. Nhưng qua tầm nhìn của Đức Chúa Trời, đó chỉ là niềm tin giả dối mà thôi. Đức Chúa Trời chán ngấy những lễ vật mà họ dâng cho Ngài. Nếu chúng ta trở nên giàu có cách bất chính thì tiền mà chúng ta dâng cho hội thánh hoặc các việc nhân đạo không thể giải tội cho chúng ta. Đừng bao giờ dâng hiến và ban cho với chủ ý xoa dịu lương tâm của chúng ta. Những của lễ như thế chỉ là điều gớm ghiếc trước mặt Đức Chúa Trời.

Chúng ta hãy thận trọng khi nhận thấy càng ngày mình càng giàu hơn. Có thể chúng ta cho rằng mình chưa giàu có. Nhưng khi nào chúng ta thấy bắt đầu xuất hiện dấu hiệu của sự kiêu ngạo, bất công và không có lòng thương xót, lúc ấy chúng ta cần xưng những tội đó ra và sửa đổi lại đời sống mình. Trong khi Ê-sai là sách trong Cựu Ước tương ứng với sách Rô-ma, thì sách Mi-chê, cùng thời kỳ với

sách Ê-sai, là sách trong Cựu Ước tương ứng với Gia-cơ. Sách Ê-sai nhấn mạnh rằng chúng ta được cứu chỉ bởi đức tin mà thôi. Còn sách Mi-chê tập trung vào vấn đề đức tin cứu người không phải chỉ là tin suông, mà phải kèm theo việc làm thể hiện sự công bình, nhân từ và khiêm tốn nữa.

MI-CHÊ

Ý chính: THÀNH PHỐ của NGƯỜI CHẶN

Chủ đề chính: Niềm tin chân chính

Cụm từ chính: ‘Phản sát lại’ (6 lần)

Câu chính: “Hỡi người! Ngài đã tỏ cho người điều gì là thiện; cái điều mà Đức Giê-hô-va đòi người há chẳng phải là làm sự công bình, ưa sự nhân từ và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời người sao?” ([MiMk 6:8](#))

Bài học chính: Đặc điểm của niềm tin chân chính không phải là sự giàu có, mà là cuộc sống công bình, nhân từ và khiêm tốn trước mặt Đức Chúa Trời.

NA-HUM

Tác giả: Ông Na-hum.

Thời kỳ hình thành sách: Sau khi A-si-ri tàn phá Xa-ma-ri.

Mục đích: Nhằm rao báo sự hình phạt sẽ giáng trên dân tộc gian ác đã đàn áp dân Do Thái cách tàn nhẫn độc ác.

Đối tượng: Dân của Đức Chúa Trời đang hoặc sẽ chịu đựng sự bắt bớ khốc liệt.

Tán mạn

Cơn giận của Đức Chúa Trời tương tự như một quả bom lớn thật lớn có ngòi nổ rất dài. Ngòi nổ dài mà cháy thật là chậm. Thật vậy ngòi cháy rất chậm, cháy từ từ trong một thời gian rất dài đến mức một số người quên mất rằng ngòi nổ đang cháy. Còn một số người khác lại quên rằng cuối ngòi nổ là một quả bom lớn vô cùng. Trong thực tế thì kích thước của quả bom rất tương xứng với chiều dài ngòi nổ.

Ngòi nổ cháy lâu báo cho chúng ta biết quả bom sắp nổ đó lớn ra sao! Dân Ni-ni-ve là nhóm người quên mất cơn giận đáng kinh sợ của Đức Chúa Trời. Sau khi nghe ông Giô-na giảng, họ ăn năn. Nhưng chẳng bao lâu họ lại rơi vào tình trạng ‘ngựa quen đường cũ’, trở lại lối sống gian ác như trước. Giống như dân Ê-đôm, họ sống dựa trên cảm giác an toàn giả dối của họ. Họ tự hào về các thành lũy kiên cố, vững chắc của mình và tin tưởng là họ dư khả năng đương đầu chống lại mọi cuộc tấn công. Chẳng bao lâu sau, họ nhận ra rằng chẳng một thành trì nào của con người có thể đứng vững trước cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã kiên nhẫn đến mức độ nào thì Ngài cũng sẽ nổi giận đến mức độ ấy. Cơn giận của Đức Chúa Trời luôn tỷ lệ thuận với lòng kiên nhẫn của Ngài.

Thâm nhập

Chủ đề của sách Na-hum là sự báo trả. Đức Chúa Trời sẽ dùng một trận lụt lớn (1:8; 2:6) và ngọn lửa lớn (1:10; 2:13; 3:13,15) để đoán phạt thành Ni-ni-ve. Cụm từ chính “không còn... nữa” được nhắc đến bốn lần trong sách này (1:12, 14, 15 và 2:13). Về trước của câu Kinh Thánh chính (1:3): “Đức Giê-hô-va chậm giận và có quyền lớn” mô tả phần nửa trước của sách. Về sau: “nhưng Ngài chẳng cảm kẻ mắc tội là vô tội” là lời tóm tắt rất phù hợp cho phần nửa sau của sách.

I. Đức Giê-hô-va chậm giận (1)

Sách mở đầu bằng lời công bố Đức Chúa Trời là Đấng đoán phạt (trong phần một). Phần hai tiếp tục mô tả sự hình phạt của Đức Chúa Trời. Dầu khi nổi giận Đức Chúa Trời là Đáng đáng khiếp sợ (1:3-6), nhưng Ngài cũng là Đức Chúa Trời tốt lành và Ngài “làm đồn lũy trong ngày hoạn nạn” (1:7). Đối tượng đón nhận lời tiên tri trong phần một này là dân Giu-đa (1:15). Do đó, phần này toát ra giọng an ủi, lòng nhẫn nại. Đức Chúa Trời chỉ là Đáng đáng khiếp sợ đối với kẻ thù nghịch Ngài (1:8-11). Nhưng đối với dân Giu-đa, Đức Chúa Trời sẽ “chẳng còn” làm khổ họ nữa (1:12). Kẻ gian ác sẽ “chẳng còn” quấy nhiễu họ nữa (1:15)

II. Ngài chẳng cảm kẻ mắc tội là vô tội (2-3)

Phần thứ nhất mô tả đặc tính của Đức Chúa Trời. Còn phần thứ hai mô tả việc Ngài sẽ thực hiện. Phần thứ nhất viết về đặc tính cùng mối quan tâm của Đức Chúa Trời. Phần thứ hai viết về sứ điệp của Đức Chúa Trời lên án thành Ni-ni-ve. Phần một nhắc đến cơn giận của Đức Chúa Trời nghịch cùng Ni-ni-ve. Phần hai chép lời buộc tội của Đức Chúa Trời chống lại Ni-ni-ve. Trong khi phần thứ nhất gọi cho dân Giu-đa (1:15), phần thứ hai gọi cho Ni-ni-ve (3:18). Chúng ta có thể đặt tựa đề cho nửa phần trước là ‘Tin mừng cho Giu-đa’ và nửa phần sau là ‘Tin dữ cho Ni-ni-ve’. Phần nửa trước mô tả ngòi nổ dài và cháy chậm của Đức Chúa Trời. Phần nửa sau mô tả kích thích khủng khiếp của quả bom thanh nộ của Đức Chúa Trời.

Nhưng vì sao Đức Chúa Trời nổi giận kinh khiếp như vậy? Vì có sự gian ác và tàn bạo của dân thành Ni-ni-ve (3:19). Ông Robert G. Hamerton - Kelly diễn tả mức tàn ác họ như sau: “Đức Chúa Trời chịu thống khổ bởi hành động tàn bạo của họ và chịu đóng đinh bởi cách đối xử nhẫn tâm của họ.” Vì họ dùng bạo lực mà đối xử với người khác nên Đức Chúa Trời cũng sẽ dùng bạo lực nghịch cùng họ. Địa ngục hiện hữu là chuyện có thật, mặc dù không ai ưa địa ngục cả. Đức Chúa Trời không thể tha bổng cho người gian ác.

Trọng tâm

Đừng lầm tưởng rằng khi Đức Chúa Trời nhẫn nại là Ngài bất năng.

Thực hành

Giữa vòng Cơ Đốc nhân hiếm khi nghe nói đến tội tàn ác, nhưng như vậy không có nghĩa là tội ấy không phổ biến, mà có nghĩa là Cơ Đốc nhân giấu diếm tội đó quá khéo. Giữa vòng chúng ta có vài người phạm tội dùng bạo lực đối với người khác. Nhưng chúng ta thường phạm tội tàn bạo trong lời nói và tình cảm hơn. Chúng ta

có mục đích hấn hoi và biết phải nhắm vào nhược điểm nào. Hầu hết những người mà chúng ta làm tổn thương thường là các con cái yêu dấu của Đức Chúa Trời. Tôi xuất thân từ một gia đình mà việc nhục mạ bằng lời nói đã phát huy đến ‘trình độ nghệ thuật’. Đây là một trong những ‘kỹ năng’ không làm cho tôi tự hào gì cả. Tuy nhiên, tôi không thể đổ lỗi cho môi trường gia đình đã hình thành và phát huy ‘nghệ thuật’ đó trong đời sống tôi. Khi tôi làm tổn thương người thuộc về Đức Chúa Trời, thì tôi làm tổn thương Đức Chúa Trời. Không có lý do bào chữa nào cả. Có thể bạn không phạm tội tàn bạo trong lời nói mà có lẽ là trong một việc nào khác. Có thể là lợi dụng quyền lực để điều khiển người khác cách tàn nhẫn hoặc gây áp lực tình cảm trên người khác. Nhưng bất cứ làm việc gì, chúng ta đừng bao giờ để cho lẽ thật “Đức Chúa Trời chậm nóng giận” làm cho chúng ta quên rằng “Ngài chẳng cảm kẻ có tội là vô tội.” Nguyên dòng huyết Chúa Cứu Thế Giê-xu tẩy sạch mọi tội chúng ta để chúng ta có thể nhận được sự tha thứ ở trong Ngài.

NA-HUM

Ý chính: NƯỚC LỤT và LỬA

Chủ đề chính: Sự báo trả

Cụm từ chính: ‘chẳng (không) ... nữa’ (4 lần)

Câu chính: “Đức Giê-hô-va chậm giận và có quyền lớn; nhưng Ngài chẳng cảm kẻ mắc tội là vô tội. Đức Giê-hô-va đi trong gió lốc và bão tố, những đám mây là bụi dưới chân Ngài.” ([NaNk 1:3](#))

Bài học chính: Đừng lầm tưởng rằng khi Đức Chúa Trời nhẫn nại là Ngài bất năng.

HA-BA-CÚC

Tác giả: Ông Ha-ba-cúc

Thời kỳ hình thành sách: ngay trước thời kỳ lưu đày.

Mục đích: Nhằm lý giải vì sao Đức Chúa Trời có vẻ yên lặng và bất công.

Đối tượng: những người tin kính đang hoang mang bởi sự yên lặng và chương trình có vẻ khó hiểu của Đức Chúa Trời trong một thế giới hỗn độn.

Tàn mạn

Trong vở kịch Chờ đợi Godot (Waiting for Godot) của ông Samuel Beckett, nhân vật Godot không bao giờ xuất hiện. Dĩ nhiên, Godot tiêu biểu cho Đức Chúa Trời. Nhiều người trong chúng ta cũng thường thắc mắc rằng: Bao giờ Đức Chúa Trời mới ngự đến? Khi nào Đức Chúa Trời sẽ hành động để xóa bỏ mọi điều bất công trên trần gian này? Phải chăng chúng ta chỉ là những con tốt trên bàn cờ vũ trụ của Đức Chúa Trời bị sử dụng làm vật hi sinh trong cuộc ‘bỏ con tép bắt con tôm’? Vì sao những cuộc xung đột và xâu xé vẫn gia tăng?

Ông Ha-ba-cúc cũng thắc mắc như vậy. Ông là một vị tiên tri tin kính luôn luôn yêu mến và tin cậy Đức Chúa Trời. Thế nhưng ông cảm thấy thật sự hoang mang

ngại vì Đức Chúa Trời có vẻ yên lặng trước sự bất công của con người? Nhiều đồng bào của ông vẫn tiếp tục chìm đắm trong cuộc sống tội lỗi. Nhưng dường như Đức Chúa Trời chẳng hề hình phạt họ.

Tuy nhiên, không giống như nhân vật Godot trong vở kịch của ông Samuel Beckett, Đức Chúa Trời trong sách Ha-ba-cúc ngự đến và Ngài đáp lời ông Ha-ba-cúc. Tuy ông không hài lòng với câu trả lời của Đức Chúa Trời, nhưng ông vẫn kết thúc sách trong tinh thần ca ngợi Ngài. Nào, chúng ta cùng tìm hiểu xem làm thế nào từ chỗ hoang mang, lo sợ, tiên tri Ha-ba-cúc lại có thể hết lòng ca ngợi Chúa.

Thâm nhập

Sách này mở đầu bằng tiếng than thở nức nở, nhưng lại kết thúc bằng một bài ca. Mở đầu sách là một cuộc đối thoại và kết thúc là một bài thánh ca. Trong toàn bộ Kinh Thánh, chỉ có sách Ha-ba-cúc hoàn toàn là cuộc đối thoại giữa hai nhân vật - Đức Chúa Trời và ông Ha-ba-cúc. (Sách Nhã Ca có liên quan đến những nhân vật phụ khác.)

I. Chất vấn trong đức tin (1-2)

Hai chương đầu ghi lại hai điều ông Ha-ba-cúc chất vấn Đức Chúa Trời, cùng hai lời giải đáp mà Ngài truyền dạy ông. Trước tiên ông hỏi Chúa: “Chúng tôi phải chờ đợi Ngài cho đến bao giờ?” ([1:2](#)). Chú ý nghi vấn tự mà ông Ha-ba-cúc dùng khi hỏi Đức Chúa Trời. Ông nói “đến bao giờ?” chứ không phải là “vì sao Ngài không?” Như vậy chứng tỏ ông Ha-ba-cúc có đức tin nơi Đức Chúa Trời. Nhưng ông chỉ hoang mang, lo ngại. Bạn nhớ lời Đức Chúa Trời phán trong sách Na-hum chứ? Đức Chúa Trời phán rằng: “Ngài chẳng cần kẻ mắc tội là vô tội” ([NaNk 1:3](#)). Chắc chắn ông Ha-ba-cúc cũng tin như vậy. Ông biết Đức Chúa Trời là Vị Quan Toà công bình. Nhưng ông không hiểu vì sao Đức Chúa Trời chậm xét xử như vậy. Ông Na-hum viết lời tiên tri để trả lời cho câu hỏi: “Đức Chúa Trời có đoán phạt không?”, còn ông Ha-ba-cúc chú trọng đến vấn đề khi nào Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt.

Lời giải đáp của Đức Chúa Trời được ghi trong [1:5-11](#). Đức Chúa Trời sẽ dùng dân Ba-by-lôn để hình phạt dân Giu-đa. Ông Ha-ba-cúc vô cùng kinh hãi vì ông không mong một câu trả lời như vậy. Vì thế sau khi nhận câu trả lời, ông lại càng hoang mang hơn. Rồi ông hỏi Đức Chúa Trời câu thứ hai: Sao Đức Chúa Trời công bình lại dùng một dân tộc gian ác làm công cụ? Dân Ba-by-lôn vốn nổi tiếng về sự tàn ác. Sao Đức Chúa Trời có thể dùng một dân tộc gian ác hơn cả dân Giu-đa làm công cụ hình phạt dân Giu-đa? ([1:13](#)) Lời giải đáp thứ hai của Đức Chúa Trời được ghi lại trong chương 2. Thật ra Đức Chúa Trời cũng sẽ hình phạt dân Ba-by-lôn. Ngoài người công bình ra, Ngài sẽ tiêu diệt tất cả mọi người. Còn người công bình sẽ sống bởi đức tin của mình ([2:4](#)). Đây là câu Kinh Thánh chính của sách. Kinh Thánh Tân Ước trích dẫn đến ba lần câu này ([RoRm 1:17](#); [GaGl 3:11](#); [HeDt 10:38](#)).

II. Ca ngợi trong đức tin (3)

Đến chương cuối cùng, ông Ha-ba-cúc bật lên tiếng ca ngợi Đức Chúa Trời. Điều gì đã xảy ra? Đức Chúa Trời vẫn chưa hình phạt dân Giu-đa. Ngài cũng chưa hình phạt dân Ba-by-lôn. Vậy vì sao ông Ha-ba-cúc ca ngợi Đức Chúa Trời? Vì Đức Chúa Trời đã dạy ông biết cách sống - Sống bởi đức tin.

Ông Ha-ba-cúc không cần nhìn thấy Đức Chúa Trời hành động. Chỉ cần nghe lời Đức Chúa Trời hứa rằng Ngài sẽ hành động là đủ rồi. Đó là đức tin. Đức tin có nghĩa là chúng ta không sống bằng mắt thấy. Trong khi mọi người khác cho rằng “thấy là tin” thì đức tin nói rằng “tin là thấy”. Mở đầu sách ông Ha-ba-cúc cầu nguyện rằng: “Hỡi Đức Giê-hô-va, tôi kêu van mà Ngài không nghe tôi cho đến chừng nào?... mà Ngài chẳng khứng giải cứu tôi!” (1:2). Kết thúc sách, ông tuyên bố rằng: “Tôi sẽ hớn hờ trong Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi tôi” (3:18). Chắc chắn là ông Ha-ba-cúc chưa hề nhìn thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời diễn ra. Mấy năm kế tiếp có lẽ xúr lâm vào cảnh đói kém lớn. Cây vả, cây nho, cây ô-li-ve không ra trái. Chiên và bò không còn trong chuồng nữa (3:17). Dầu vậy ông Ha-ba-cúc vẫn vui mừng trong Đức Giê-hô-va (3:18). Tất cả chỉ vì Đức Chúa Trời đã phán dạy và trả lời cho ông. Đức tin của ông chỉ yêu cầu chừng nấy thôi.

Trọng tâm

Phải chăng bạn chỉ tin cậy Đức Chúa Trời trong những ngày tươi sáng mà thôi? Hoặc ngay cả trong những ngày đen tối bạn vẫn tin cậy Ngài?

Thực hành

Chúng ta phải thừa nhận rằng: Rất dễ tin cậy Đức Chúa Trời khi mọi việc đều thuận lợi. Nhưng khi chúng ta cảm thấy dường như Đức Chúa Trời không hành động trong đời sống của chúng ta, khi chúng ta không lý giải được sự trì hoãn của Ngài, thì chúng ta phản ứng ra sao? Có tiếp tục tin cậy Ngài không?

Khi Đức Chúa Trời thử nghiệm đức tin của bạn, bạn phản ứng ra sao? Bạn làm gì khi nạn bất công trên thế giới này vẫn tràn lan không sao ngăn chặn được? Bạn tìm đến ai khi phát hiện kẻ ‘ném đá giấu tay’, kẻ khát máu được thăng quan tiến chức? Khi xung quanh bạn đầy dẫy cảnh xấu xí xung đột bạn tâm sự và cầu cứu với ai? (1:3). Hoặc chúng ta trở thành một bộ phận trong guồng máy bất công, hoặc chúng ta tiếp tục cuộc chiến xóa bỏ bất công. Thay vì than vãn với con người, chúng ta hãy chân thành và kính cẩn đến với Đức Chúa Trời và trình dâng nỗi chán nản, tuyệt vọng cùng hoang mang lo sợ cho Ngài. Khi đó Đức Chúa Trời sẽ trò chuyện với chúng ta. Có thể Ngài không trả lời đúng theo lòng mong mỏi của chúng ta. Nhưng một khi Đức Chúa Trời thực hữu là sự kiện chắc chắn như thế nào thì chúng ta có thể tin chắc chung cuộc Ngài sẽ xóa bỏ mọi điều bất công trên thế gian như thể ấy.

Sách Ca Thương kêu gọi chúng ta cầu nguyện trong niềm hy vọng. Còn ở đây, sách Ha-ba-cúc cho chúng ta một lời cầu nguyện mẫu trong đức tin. Hễ khi nào Đức Chúa Trời hình phạt tội lỗi của chúng ta thì khi ấy chúng ta cần cầu nguyện

trong niềm hi vọng. Còn khi không thấy Đức Chúa Trời hình phạt tội lỗi của kẻ khác, chúng ta cần cầu nguyện trong đức tin. Nhưng trong thực tế lắm lúc rơi vào hai hoàn cảnh này chúng ta lại chẳng muốn cầu nguyện chút nào. Tuy nhiên, đó là lúc chúng ta cần cầu nguyện hơn hết.

HA-BA-CÚC

Ý chính: ĐỨC TIN trong NẠN ĐÓI

Chủ đề chính: Đức tin

Cụm từ chính: ‘Sự bạo ngược’(5 lần)

Câu chính: “Này lòng người kiêu ngạo, không có sự ngay thẳng trong nó; song người công bình thì sống bởi đức tin mình.” ([HaKb 2:4](#))

Bài học chính: Phải chăng bạn chỉ tin cậy Đức Chúa Trời trong những ngày tươi sáng mà thôi? Hoặc ngay cả trong những ngày đen tối bạn vẫn tin cậy Ngài?

SÔ-PHÔ-NI

Tác giả: Ông Sô-phô-ni

Thời kỳ hình thành sách: Ngay trước thời kỳ lưu đày.

Mục đích: Nhằm cảnh báo về sự hủy diệt sắp tới đối với tội ác. sự hủy diệt này đến từ Đức Chúa trời và không ai có thể ngăn chặn được.

Đối tượng: Những người liên tục phớt lờ lời cảnh báo về sự hình phạt của Đức Chúa Trời.

Tán mạn

“Thông báo cuối cùng về chuyến bay 586 của Hãng hàng không Giê-hô-va ra khỏi thành phố Tội Lỗi!” Đó là sứ điệp của sách Sô-phô-ni. Trải qua mấy thế kỷ Đức Chúa Trời đã cảnh cáo dân Giu-đa hãy ăn năn những tội lỗi của họ. Ông Sô-phô-ni là một trong những vị tiên tri cuối cùng được Đức Chúa Trời dùng ngay trước thời điểm thành Giê-ru-sa-lem thất thủ vào năm 586 TC (trước Chúa) và thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn. Trước đó rất nhiều lần Đức Chúa Trời đã cảnh cáo dân Giu-đa về tội lỗi họ. Giờ đây, Ngài cảnh cáo họ lần cuối cùng: nếu người cứ sống như dân ngoại, thì người sẽ chết như họ.

Thâm nhập

Chủ đề xuyên suốt sách Sô-phô-ni là ‘ngày của Chúa’. Trong sách Giô-ên ‘Ngày của Chúa’ được mô tả một cách chung chung, có lẽ chỉ về ngày tận thế. Ngày của Chúa thật vĩ đại và kinh khiếp. Nhưng ở đây, ‘Ngày của Chúa’ trong sách Sô-phô-ni rõ ràng là chỉ về sự kiện thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ vào 586 TC. Sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem được mô tả rất chi tiết ([1:4-13](#)).

Có thể chia sách này làm 2 phần. Phần thứ nhất, ngày của Chúa là ngày hủy diệt. Nhưng sang phần thứ hai, ngày đó sẽ hoá ra ngày giải cứu.

I. Ngày diệt vong (1:1-3:8)

Nhưng dân Giu-đa bị hình phạt vì tội gì? Vì tội đồng hoá Đức Chúa Trời với thần khác. Dân Giu-đa thờ lạy tất cả ‘các thần’ của các dân tộc lân bang (1:4-5). Họ mặc áo của những người lảng giềng vô đạo, họ chấp nhận những thói tục ngoại đạo và sống theo lối sống gian ác, lừa gạt của những kẻ chung quanh họ (1:8-9). Tội tệ hơn hết là họ cứ phớt lờ mọi lời cảnh cáo liên tiếp của Đức Chúa Trời (3:1-4). Giữa hai phân đoạn mô tả tội lỗi của dân Giu-đa (1:4-9 và 3:1-4) là hai phân đoạn về sự hình phạt dân Giu-đa (1:10-18) và các dân tộc chung quanh (2:1-15). Sách Sô-phô-ni đề cập đến sự hủy diệt các dân tộc ngoại bang với một mục đích khác hẳn mục đích trong các sách Ê-sai, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên và A-mốt. Sách Sô-phô-ni nhằm bày tỏ cho dân Giu-đa biết rằng nếu họ cứ sống như những người lảng giềng ngoại bang thì họ sẽ chết giống như những ngoại bang ấy vậy. Phần thứ nhất kết thúc bằng lời Đức Chúa Trời kêu gọi dân Giu-đa hãy chờ đợi Ngài (3:8). Sự hình phạt kẻ ác mà tiên tri Ha-ba-cúc chờ đợi trước đây sắp xảy ra. Trong ngày đó, Đức Chúa Trời sẽ tập hợp các dân tộc để đổ cơn giận của Ngài trên họ.

II. Ngày giải cứu (3:9-20)

Dẫu vậy sách Sô-phô-ni không chỉ đe dọa về đại họa. Phần hai là thông báo cuối cùng của Đức Chúa Trời về chuyến bay ra khỏi thành phố Giê-ru-sa-lem. Ai lên chuyến bay của Đức Chúa Trời cũng nhận được vé khứ hồi, chứ không phải vé đi luôn không có ngày về. Rồi đây Đức Chúa Trời sẽ đem họ từ chốn lưu đày trở về. Chương 3:9 là phần chuyển tiếp mở đầu với từ ‘bấy giờ’, ‘lúc ấy’. Ngày hủy diệt mới chỉ là khởi đầu của cuộc chiến, theo sau đó là ngày giải cứu. Tuy nhiên, ngày giải cứu không đến trước ngày hủy diệt. Trước hết Đức Chúa Trời phải hình phạt dân sự rồi sau đó Ngài mới khôi phục họ.

Phần thứ hai mô tả rằng ngày đại lễ đầy vui mừng, phần khởi sẽ lại đến với thành phố Giê-ru-sa-lem. Dân chúng Giê-ru-sa-lem sẽ reo vui vì Đức Chúa Trời cất đi mọi tội lỗi cùng nỗi nhục của họ (3:15,18). Đức Chúa Trời tập hợp dân chúng một lần nữa. Nhưng khác hẳn lần trước, lần này Ngài họp họ lại để đem họ trở về quê hương (3:20).

Trọng tâm

Nếu bạn cứ sống như dân ngoại thì bạn cũng sẽ chết như họ.

Thực hành

Thôi đừng giả vờ nữa. Về nhiều phương diện, sống theo thể gian là lối sống dễ dàng và hấp dẫn hơn nhiều so với lối sống theo tiêu chuẩn Kinh Thánh. Nhưng thờ các thần tượng của thể gian này chỉ gây thích thú trong một thời gian ngắn. Bất chước và tôn sùng lối sống trụy lạc của các ngôi sao điện ảnh chỉ đem lại niềm vui thú tạm thời mà thôi. Chúng ta thường cảm thấy vui thích khi nghe các lãnh đạo của thể giới tài chính nói chuyện, nhưng phải khó khăn vất vả lắm chúng ta mới có thể làm ra của cải, vật chất. Những cuộc thương lượng, đổi chác bất hợp pháp trong các ‘đền’ của các công ty ở khu thương mại nghe có vẻ lý thú thật. Lối sống

theo đời này cũng có ‘phần thưởng’ của nó. Lối sống pha trộn Cơ Đốc giáo với ‘lệ thường trần tục’ không khác như lối sống thánh khiết. Hiện đại hoá tôn giáo để ‘thích nghi’ với sự thay đổi của thời đại là dễ chấp nhận hơn sự công nghĩa thật. Nhưng khoan đã! Đừng quên lời cảnh báo của Đức Chúa Trời: hễ ai sống như dân ngoại thì sẽ chết như họ. Đừng bao giờ chờ đợi ‘thông báo’ cuối cùng của Đức Chúa Trời khi bạn chưa ra khỏi thành phố Tội Lỗi. Biết đâu bạn có thể trở chuyển bay của Đức Chúa Trời!

SÔ-PHÔ-NI

Ý chính: NGÀY HỦY DIỆT trước NGÀY GIẢI CỨU

Chủ đề chính: Con thành nô của Đức Chúa Trời

Cụm từ chính: ‘Ngày ... của Đức Giê-hô-va’ (7 lần)

Câu chính: “Trước khi mạng lệnh chưa ra, ngày giờ chưa qua như trấu, trước khi sự nóng giận của Đức Giê-hô-va chưa đến trên các người, trước khi ngày thanh nộ của Đức Giê-hô-va chưa đến trên các người. Hỡi các người là mọi kẻ nhu mì của đất, làm theo mạng lệnh của Chúa, hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va, tìm kiếm sự công bình, tìm kiếm sự nhu mì, hoặc giả các người sẽ được giấu kín trong ngày thanh nộ của Đức Giê-hô-va.” ([SoXp 2:2-3](#))

Bài học chính: Đừng sống giống như dân ngoại nếu bạn không muốn chết như họ.

A-GHÊ

Tác giả: Ông A-ghê.

Thời kỳ hình thành sách: Sau thời kỳ hồi hương (từ chốn lưu đày.)

Mục đích: nhằm kêu gọi dân Do Thái ưu tiên cho việc hoàn tất công cuộc tái thiết Đền Thờ.

Đối tượng: Dân Đức Chúa Trời lầm đường lạc hướng vì cứ theo đuổi lợi ích cá nhân.

Tân mạn

Có bao giờ bạn gặp trường hợp nhà thầu nhận sửa chữa nhà của bạn, nhưng ông ta đập đổ 4 bức tường, phá nền nhà rồi bỏ dở không? Có bao giờ bạn gặp một người thợ máy tháo rời các bộ phận trong xe của bạn rồi bỏ dở và nhận sửa xe của người khác không? Gặp chuyện như vậy chắc bạn nổi giận phải không?

Bây giờ bạn thử tưởng tượng xem Đức Chúa Trời cảm thấy như thế nào khi bạn bắt tay làm việc cho Ngài rồi bỏ dở để làm việc khác cho bản thân bạn. Theo bạn Đức Chúa Trời có nổi giận không?

Ở đây, ông A-ghê rao giảng cho những người đã khởi công tái thiết Đền Thờ của Đức Chúa Trời sau khi họ từ xứ lưu đày trở về vào năm 536 TC. Nhưng nửa chừng kẻ thù chống đối nỗ lực tái thiết của họ, thế là công trình phải tạm ngưng. Suốt mười sáu năm Đền Thờ nằm trong tình trạng dở dang. Trong lúc đó dân chúng bắt

đầu xây dựng nhà riêng cho họ và kết thúc là những ngôi nhà đẹp đẽ, sang trọng đáng được đưa hình lên mặt báo. Đức Chúa Trời cảm thấy như thế nào trước thực trạng đó?

Có lẽ Ngài rất đau lòng. Nhưng thay vì quở trách họ, Đức Chúa Trời sai tiên tri A-ghê đem bốn sứ điệp đến an ủi và khích lệ họ.

Thâm nhập

Ông A-ghê giảng bốn bài trong ba ngày khác nhau. Mỗi bài giảng đều mở đầu bằng cụm từ ‘Có lời của Đức Giê-hô-va phán’ kèm theo ngày tháng mà Đức Chúa Trời phán lời ấy ([1:3](#); [2:1](#), [10](#), [20](#)). Tuy nhiên, cả bốn bài giảng đều tập trung vào một chủ đề: sự tái thiết Đền Thờ.

I. Tái thiết với Thực Lực Tự Phát (1:1-15)

Bài giảng thứ nhất được rao truyền vào tháng 9 năm 520 TC. Trong bài giảng này, ông A-ghê tập trung giục giã lòng dân sự tiếp tục chương trình xây dựng. Dân sự nói: “Chưa đến lúc” ([1:2](#)). Vì cơ đồ công lao làm ăn cực nhọc của họ chỉ là những đồng lương ít ỏi ([1:6](#)). Và Đức Chúa Trời phán: “Ta đã gọi con hạn hán đến”. Vì trong Cựu Ước hạn hán luôn luôn là dấu hiệu của sự hình phạt của Đức Chúa Trời đối với lòng bất tuân của dân sự.

II. Tái thiết với Tinh Thần Tận Hiến (2:1-9)

Một tháng sau, tức là tháng 10 năm 520 TC, ông A-ghê giảng bài thứ hai. Dân sự đã tiếp tục tái thiết Đền Thờ. Nhưng rõ ràng Đền Thờ mà họ xây dựng không thể nào sánh với vẻ huy hoàng long lẫy của Đền Thờ mà vua Sa-lô-môn xây khi xưa. Vì thế nhiều người, đặc biệt là giới lớn tuổi cảm thấy nản lòng khi nhớ đến vẻ đẹp của Đền Thờ khi xưa. Trước tình trạng đó, bài giảng thứ hai của ông A-ghê nhắm vào mục đích dùng lời Chúa khuyên giục dân sự hãy can đảm làm việc vì Đức Chúa Trời có phán cùng họ rằng: “Ta ở cùng các ngươi” ([2:4](#)). “Chẳng bao lâu nữa” Đức Chúa Trời sẽ làm rung động thế giới và làm cho vinh quang Ngài đầy đầy Đền Thờ ([2:6-7](#)).

III. Tái thiết với Tinh Thần Thánh Khiết (2:10-19)

Hai tháng sau (tháng 12 năm 520 TC) bài giảng thứ ba và bốn được rao truyền trong cùng một ngày. Trong bài giảng thứ ba, ông A-ghê thách thức dân sự với một câu hỏi: Làm sao một dân tộc bất khiết có thể xây dựng một Đền Thờ thánh khiết cho Đức Chúa Trời? Rồi ông đưa ra hai hình ảnh minh họa: Thứ nhất, nếu quần áo của một người đựng những vật thánh thì quần áo đó có nên thánh không? Không. Thứ hai, nếu một người đựng vào xác chết thì người đó có bị ô uế không? Người đó bị ô uế.

Nói cách khác, khi dân sự khởi công xây dựng một đền thánh, đền thánh đó sẽ không khiến họ được nên thánh. Trái lại, sự bất khiết của họ sẽ làm ô uế Đền Thờ. Đức Chúa Trời hứa ban phước cho họ ([2:19](#)) và làm cho nỗ lực tái thiết của họ được vững vàng khi họ lo tái lập cuộc sống thánh khiết.

IV. Tái thiết với Tinh Thần Tin Cậy (2:20-23)

Sứ điệp cuối cùng dành cho độc nhất một người: ông Xô-rô-ba-bên vì ông là người lãnh đạo công cuộc tái thiết (do đó, Đền Thờ thứ hai này thường được gọi là Đền Thờ của ông Xô-rô-ba-bên). Đức Chúa Trời hứa cùng ông rằng Ngài sẽ lật đổ ngai các vương quốc, diệt thế lực các nước ([2:22](#)), tức là Ngài sẽ loại bỏ mọi trở ngại ngăn cản công cuộc tái thiết Đền Thờ. Ông Xô-rô-ba-bên tái thiết Đền Thờ trong niềm hy vọng vì có Đức Chúa Trời đã chọn ông làm dấu ấn, chứng tỏ Ngài hài lòng về toàn bộ công cuộc tái thiết ([2:23](#)).

Trọng tâm

Đừng quên đặt công việc Đức Chúa Trời vào hàng ưu tiên và thực hiện cho đến khi hoàn tất.

Thực hành

Nhiều người trong chúng ta khi trả lời cho Chúa thường tránh nói câu: “Không, thưa Chúa”. Thay vào đó chúng ta nói với Ngài rằng: “Xin Chúa chờ một chút”. Khi bạn nhờ ai đó làm giúp bạn một công việc trong hội thánh, họ thường trả lời rằng: “Tôi sẽ làm nếu tôi có thì giờ.” Họ không trả lời “À, được” mà cũng chẳng nói “Không”. Nhưng họ chỉ nói: “Tôi sẽ làm nếu có thì giờ.” Có thể bạn tưởng rằng họ đồng ý giúp nhưng khi bạn trở lại kiểm tra công việc thì chưa ai động tay cả. Thế là bạn tức giận, bao nhiêu bản tính thánh thiện của bạn chợt biến mất rồi bạn trách cứ họ rằng: “Nếu không muốn làm việc đó sao không nói sớm, ít ra tôi còn thì giờ nhờ người khác làm chứ?” Thế là họ trả lời: “Tôi có nhận lời làm việc đó đâu!” Vì sao? Bởi vì họ chỉ nói: “Tôi sẽ làm nếu tôi có thì giờ” mà thôi. Thường thường câu đó có nghĩa là họ không thể hoặc không muốn làm việc đó.

Sách A-ghe dạy chúng ta phải đặt công việc của Đức Chúa Trời vào hàng ưu tiên dù là góp phần vào công tác xây dựng nhà thờ hoặc tham gia ban hát tại hội thánh và cần ghi nhớ rằng phải hoàn tất công việc mà chúng ta đã nhận. Bạn có bỏ rơi hoặc chưa hoàn thành công việc nào của Đức Chúa Trời không? Nếu bạn đang góp phần vào chương trình xây dựng nhà thờ thì hãy tiếp tục cho đến khi hoàn tất. Nếu bạn đang tham gia vào ban hát lễ của hội thánh thì hãy trung tín trong việc ca ngợi Chúa. Nếu có người nhờ bạn làm một công việc nào trong hội thánh, xin bạn đừng trả lời: “Tôi sẽ làm nếu tôi có thì giờ.” Nhưng nên nói: “Được, tôi làm liền”.

Nguyện Chúa ban phước cho bạn và đóng ấn của Ngài trên công việc của bạn.

A-GHÊ

Ý chính: NHÀ của SỰ THÁNH KHIẾT

Chủ đề chính: Đền Thờ

Cụm từ chính: ‘Khá xem xét’, ‘Hãy suy nghĩ’ (5 lần)

Câu chính: “Các ngươi trông nhiều mà được ít; các ngươi đem vào nhà, thì ta đã thổi lên trên. Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Ấy là làm sao? Ấy là tại nhà ta thì hoang vu, mà các ngươi ai nấy lo xây nhà mình.” ([AgKg 1:9](#))

Bài học chính: Đừng quên đặt công việc của Đức Chúa Trời ở hàng ưu tiên và thực hiện cho đến khi hoàn tất.

XA-CHA-RI

Tác giả: Ông Xa-cha-ri

Thời kỳ hình thành sách: Sau thời kỳ hồi hương từ chốn lưu đày.

Mục đích: Nhằm thúc đẩy dân sự hoàn tất công cuộc tái thiết Đền Thờ và sống cuộc đời tin kính trong niềm hy vọng về sự hiện đến của Đấng mê-si của Đức Chúa Trời.

Đối tượng: Những người không nhận biết sự kiện Đức Chúa Trời sẵn sàng tha thứ và phục hồi.

Tân mạn

Chúng ta thử tưởng tượng xem điều gì xảy ra nếu chuyện Người Con Trai Hoang Đàng kết thúc theo cách khác: “Vây, nó mới tỉnh ngộ và thâm nghĩ: ‘Tại nhà cha ta, biết bao người làm muốn được bánh ăn dư dật, mà ta đây phải chết đói! Nhưng cha ta là người bần tính, ưa nổi giận, chẳng bao giờ tha thứ cho ta đâu.’ Rồi nó ra đồng chăn heo và lấy vỏ đậu của heo mà ăn cho no. Còn người cha cứ mơn mõi đợi chờ con trai mình. Nhưng đứa con chẳng bao giờ trở về nhà.” (So sánh với phần kết thật của chuyện ẩn dụ này trong [LuLc Lu15:17-24](#).)

Đau buồn nhất là chuyện một người chẳng bao giờ nhận được sự tha thứ vì anh ta không hề biết rằng người mà anh đã xúc phạm sẵn sàng tha thứ cho anh.

Thâm nhập

Cả hai sách Giê-rê-mi và Xa-cha-ri đều tập trung nói nhiều về vấn đề cần ăn năn. Lời kêu gọi ăn năn của tiên tri Giê-rê-mi đặt cơ sở trên sự cảnh báo của Đức Chúa Trời về biện pháp hình phạt sắp đến. Còn lời kêu gọi của tiên tri Xa-cha-ri đặt cơ sở trên tấm lòng sẵn sàng tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời. Thời kỳ lưu đày đã kết thúc. Dân sự đã hồi hương. Họ đã chịu hình phạt vì có tội lỗi của họ rồi. Nhưng Đền Thờ vẫn nằm trong tình trạng đổ nát. Đức Chúa Trời có ý định phục hồi dân Giu-đa, thành Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ không? Ông Xa-cha-ri, người đồng thời với ông A-ghê cho họ biết câu trả lời: Có! Nhưng với điều kiện là họ phải trở lại với Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ trở lại với họ. Vì vậy, chủ đề của sách Xa-cha-ri là ‘quay về với Đức Chúa Trời’.

I. Bảo đảm đối với việc tái thiết (1-6)

Toàn bộ sách này hướng đến mục tiêu bảo đảm và an ủi. Sách chỉ đề cập đến cơn giận và cơn phẫn nộ của Đức Chúa Trời 3 lần và luôn luôn là nhân cơ hội nói về quá khứ ([7:12](#); [8:14](#); [10:3](#)). Phần thứ nhất là lời kêu gọi tái thiết Đền Thờ Giê-ru-sa-lem ([1:16](#)) vì Đức Chúa Trời sẽ quay về với Giê-ru-sa-lem với lòng thương xót.

Có thể chia phần thứ nhất làm ba phân đoạn:

(a) Lời đề nghị về sự phục hồi ([1:1-6](#))

(b) Tám khải tượng về sự phục hồi ([1:7-6:8](#));

(c) Dấu hiệu của sự phục hồi ([6:9-15](#)).

Chúng ta có thể thấy lời đề nghị về sự phục hồi ngay trong câu Kinh Thánh chính của sách này: “Hãy trở lại cùng ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán, thì ta sẽ trở lại cùng các ngươi” ([1:3](#)). Toàn bộ tám khải tượng của ông Xa-cha-ri đều có liên quan đến sự phục hồi của Đức Chúa Trời. Nhiều độc giả ngại đọc tám khải tượng này. Nhưng thật ra chẳng có gì là bí hiểm lắm đâu.

Các phân đoạn Kinh Thánh ghi lại các khải tượng bày tỏ cho chúng ta ý nghĩa thiêng liêng của từng khải tượng ấy. Tiếp theo sau mỗi khải tượng Kinh Thánh đều ghi lời giải nghĩa mạch lạc:

(a) Khải tượng thứ nhất ngụ ý rằng Đức Chúa Trời không hài lòng đối với các dân tộc chung quanh đang sống yên vui và Đức Chúa Trời sẽ trở về cùng Giê-ru-sa-lem ([1:15-17](#)).

(b) Khải tượng thứ hai bày tỏ rằng Đức Chúa Trời sẽ hình phạt các dân tộc ngoại bang này ([1:21](#)).

(c) Khải tượng thứ ba là lời hứa Ngài sẽ tái lập thành Giê-ru-sa-lem ([2:4](#)).

(d) Khải tượng thứ tư mô tả việc thanh tẩy tội lỗi của dân Giu-đa ([3:9](#)).

(đ) Khải tượng thứ năm bảo đảm rằng ông Xô-rô-ba-bên sẽ hoàn tất công cuộc tái thiết Đền Thờ ([4:9](#)).

(e) Khải tượng thứ sáu tiên tri về ngày mà Chúa sẽ thực hiện lẽ công bằng đối với dân của Ngài ([5:3-4](#)).

(g) Khải tượng thứ bảy là lời tiên tri về cách Đức Chúa Trời xua đuổi sự gian ác sang đất Sê-ni-a, tức là Ba-by-lôn ([5:8,11](#)).

(h) Và trong khải tượng cuối cùng, Đức Chúa Trời sẽ hình phạt Ai Cập và Ba-by-lôn, là hai nước nằm về phía nam ([6:6](#)) và phía bắc của lãnh thổ I-xơ-ra-ên và Giu-đa ([6:8](#))#.

Phần thứ nhất của sách Xa-cha-ri kết thúc bằng dấu hiệu của sự phục hồi. Đó là sự kiện đội mào miện lên đầu thầy tế lễ thượng phẩm Giê-hô-sua. Dấu hiệu này cũng được giải nghĩa rất rõ ràng: dấu hiệu cho biết rằng chắc chắn toàn bộ tám khải tượng sẽ ứng nghiệm ([6:15](#)).

II. Bảo đảm đối với việc trở về (7-8)

Bài học chính trong phần thứ nhất là trừ bỏ đường tà ác ([1:4](#)). Bài học chính trong phần thứ hai là quay về cùng chân lý ([8:3](#)). Từ ‘chân thật’ được nhắc đến năm lần trong phần này ([8:3](#), [8](#), [16](#), [19](#)).

Dân sự nêu lên thắc mắc là họ có nên tiếp tục kiêng ăn, khóc lóc bốn lần trong một năm hay không ([7:3](#), [5](#); [8:19](#)). Họ đã giữ lễ kiêng ăn trong suốt thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn. Trong chương 7, Đức Chúa Trời trách họ kiêng ăn cách giả dối. Trong chương 8, Ngài kêu gọi họ hãy giữ lễ kiêng ăn cách chân thành. Trong chương 7, Đức Chúa Trời tỏ cho dân sự biết rằng trong quá khứ Ngài phần bỏ vì họ giả vờ sốt sắng ([7:13-14](#)). Trong chương 8, Đức Chúa Trời hứa với họ rằng Ngài sẽ đem

những người còn sót lại trở về Giê-ru-sa-lem ([8:6-8](#)). Trong chương 7 dân sự hỏi Đức Chúa Trời xem họ có nên kiêng ăn, khóc lóc hay không ([7:3](#)). Trong chương 8, Đức Chúa Trời đáp rằng Ngài sẽ đổi những ngày kiêng ăn của họ thành những ngày lễ vui mừng ([8:19](#)).

Phần thứ nhất của sách Xa-cha-ri là lời kêu gọi tái thiết Đền Thờ. Phần thứ hai, kêu gọi hãy cùng dân Do Thái trở về với Đức Chúa Trời ([8:21](#), [23](#)). Trong cả hai phần Đức Chúa Trời đều kêu gọi họ hãy trở lại cùng Ngài ([1:3](#); [8:22](#)) đồng thời Ngài cũng hứa với họ rằng chính Ngài sẽ trở về cùng họ và Giê-ru-sa-lem ([1:16](#); [8:3](#)).

III. Bảo đảm đối với việc ăn năn (9-14)

Trong cả hai phần một và phần hai đều có nhắc đến sự khước từ của dân Đức Chúa Trời trong quá khứ - họ không lắng nghe ([1:4](#); [7:13](#)). Nhưng trong phần ba, nói về sự từ chối trong tương lai - họ sẽ phải lắng nghe ([11:3](#)). Phần thứ nhất chép về 8 khả tượng. Phần thứ hai gồm có 4 bài giảng. Phần thứ ba gồm có hai lời tiên tri. Lời tiên tri thứ nhất (Chương 9-11) chủ yếu báo trước sự hiện đến lần thứ nhất của Đấng Mê-si. Lời tiên tri thứ hai (Chương 12-14) liên quan đến sự hiện đến lần thứ hai của Đấng Mê-si. Lời tiên tri thứ nhất hứa rằng hễ ai ăn năn thì sẽ được phục hồi ([10:9](#)). Còn lời tiên tri thứ hai cảnh báo rằng những kẻ chống nghịch sẽ bị loại bỏ ([13:2](#)). Nói cách khác, Chúa chúng ta hiện đến lần thứ nhất để ban sự tha thứ và phục hồi, và Ngài hiện đến lần thứ hai để thực hiện sự hình phạt.

Phần thứ hai tập trung nói về thành Giê-ru-sa-lem. Địa danh ‘Giê-ru-sa-lem’ xuất hiện hai mươi hai lần trong sáu chương cuối của sách Xa-cha-ri. (Trong khi đó, “Giê-ru-sa-lem” cũng được nhắc đến hai mươi hai lần trong tất cả các sách tiên tri khác gộp chung lại.) Trong phần thứ nhất và thứ hai, chúng ta phải từ bỏ tội lỗi và quay về với chân lý. Còn trong phần thứ hai, chúng ta sẽ trở về cùng Giê-ru-sa-lem ([10:9](#)). Khi Chúa Giê-xu hiện đến lần thứ nhất, Ngài đến cùng Giê-ru-sa-lem ([9:9](#)), và trong lần hiện đến thứ hai, Ngài lại cũng đặt chân trên Giê-ru-sa-lem ([14:4](#)). Thành Giê-ru-sa-lem tức là ‘Thành phố bình an’ đã bị xâu xé vì những cuộc xung đột trong suốt lịch sử của thành phố. Nhưng rồi đây hoà bình thế giới sẽ phát khởi từ Giê-ru-sa-lem, không phải do con người, mà do Đức Chúa Trời ([9:10](#)).

Trong sách Sử Ký, chúng ta thấy ba phần ưu tiên trong chương trình của Đức Chúa Trời là Đền Thờ, (mười hai) Chi Tộc và Ngôi Vua (của Đa-vít). Sách Xa-cha-ri cũng ưu tiên nói về ba điều này. Nhiều học giả thắc mắc là làm sao Đấng Mê-si có thể vừa làm thầy tế lễ vừa làm vua ([6:13](#)). Thầy tế lễ phải là người trong chi phái Lê-vi, còn vua là người trong chi phái Giu-đa. Tân Ước trả lời rằng: Ngài là thầy tế lễ theo dòng Mên-chi-xê-đéc chứ không theo dòng Lê-vi ([HeDt 7:11](#)).

Trọng tâm

Chúng ta phải luôn luôn bằng lòng ăn năn vì Đức Chúa Trời luôn luôn sẵn sàng phục hồi đời sống chúng ta.

Thực hành

Sách Ca Thương dạy chúng ta nên làm gì khi bị Đức Chúa Trời hình phạt. Còn sách Xa-cha-ri dạy chúng ta nên làm gì sau khi chịu hình phạt. Chúng ta phải ăn năn và trở về cùng Đức Chúa Trời. Sách Xa-cha-ri không tập trung nói về một tội lỗi cụ thể nào của dân Giu-đa. Như vậy có nghĩa là chúng ta cần ăn năn về mọi tội lỗi dù chúng ta là người tin Chúa hoặc là người chưa tin. Chúng ta ăn năn như thế nào? Từ bỏ tội lỗi, quay về với chân lý và cùng Giê-ru-sa-lem trở về để chờ đợi sự kiện Chúa Cứu Thế hiện đến lần thứ hai.

Một trong những bi kịch đen tối nhất thường xảy ra cho đời sống tâm linh là sau khi chúng ta bị Đức Chúa Trời sửa trị, chúng ta không chịu để cho Đức Chúa Trời phục hồi đời sống chúng ta. Có thể chúng ta muốn tự mình chuộc lại tội lỗi của chính mình. Hoặc có thể chúng ta nghi ngờ rằng Đức Chúa Trời không sẵn sàng tha thứ cho mình. Đôi khi chúng ta chỉ muốn tránh đối diện với chân lý của Đức Chúa Trời. Hoặc giả chúng ta không muốn từ bỏ con đường tội lỗi đã trở nên quá thân thiết. Hoặc giả chúng ta nghĩ rằng có ăn năn hoặc không cũng chẳng quan trọng: “Vì dù sao, chắc Đức Chúa Trời sẽ không thêm sử dụng chúng ta trong tương lai”. Dù là chúng ta nêu ra lý do nào đi nữa tình trạng này vẫn là một thảm kịch nghiêm trọng.

Nếu Đức Chúa Trời sẵn sàng tha thứ thì sao bạn lại không được tha thứ? Nếu bạn không ăn năn thì đương nhiên bạn sẽ gánh chịu hậu quả của những tội lỗi chưa được tha thứ. Nếu bạn không chết vì mặc cảm tội lỗi và nỗi ân hận thì bạn cũng chết vì sự hình phạt của Đức Chúa Trời.

XA-CHA-RI

Ý chính: THẦY TẾ LỄ và VUA

Chủ đề chính: Sự phục hồi

Cụm từ chính: ‘trong ngày đó’ (20 lần)

Câu chính: “Vậy người khá nói cùng chúng rằng: Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Hãy trở lại cùng ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán, thì ta sẽ trở lại cùng các ngươi, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.” ([XaDr 1:3](#))

Bài học chính: Chúng ta phải luôn luôn bằng lòng ăn năn vì Đức Chúa Trời luôn luôn sẵn sàng phục hồi đời sống chúng ta.

MA-LA-CHI

Tác giả: Ông Ma-la-chi

Thời kỳ hình thành sách: sau thời kỳ lưu đày.

Mục đích: Nhằm đánh thức dân Giu-đa đang trong tình trạng mê muội thuộc linh.

Đối tượng: Những người nghĩ rằng mình thiêng liêng và không chịu ăn năn.

Tán mạn

Một hôm, một người mẹ về đến nhà thấy tô kem sữa không trong bồn rửa chén. Bà

liền hỏi mấy cậu con trai: “Đứa nào ăn tô kem sữa của mẹ?” Mấy cậu bé đồng thanh trả lời rằng: “Mẹ ơi, con mèo ăn đấy.” Người mẹ đáp: “Vậy sao?” Rồi bà chỉ vào chiếc muỗng dơ bên cạnh cái tô và hỏi vặn lại: “Con mèo cũng biết cầm muỗng sao?”

Nhiều năm sau thời kỳ lưu đày, ông Ma-la-chi nói tiên tri cho một dân tộc tìm cách phủ nhận tội lỗi của họ. Dầu dọ bị bắt quả tang “tay cầm súng còn toả khói”, nhưng họ vẫn hùng hổ chối tội liên tiếp sáu lần. “Chúng tôi đã ăn năn rồi, không phải vậy sao?” là câu trả lời xem như gói trọn lối chống chế khá đui lý. Họ không nhận ra rằng chống chế kiểu đó chỉ làm cho họ phạm tội ngày càng tinh vi hơn mà thôi. Thường thường tội nhân là người cuối cùng nhận ra tội lỗi của mình, chuyện lạ phải không? Sách này dành cho những người cho rằng mình không cần đến sách này!

Thâm nhập

Muốn hiểu được sách này chúng ta cần xác định chủ đề chính của sách như vẫn làm xưa nay. Tương tự như trong Đa-ni-ên, chủ đề sách này khá lạ: ‘Danh của Đức Chúa Trời’. Chủ đề của sách Ma-la-chi là ‘Danh Đức Chúa Trời’. Cụm từ chính ‘danh ta’ được nhắc đến 7 lần trong 4 chương ngắn ngủi. Mỗi chương đều có đề cập đến sự ‘kính sợ danh của Đức Chúa Trời’ 1 lần ([1:14](#); [2:5](#); [3:16](#); [4:2](#)).

I. Nếu người không tôn trọng Danh Ta (1:1-3:15)

Trong 3 chương đầu, ông Ma-la-chi nêu lên ba hình thức đầu tiên chứng tỏ họ không tôn trọng Danh của Đức Chúa Trời. Họ:

(1) Phủ nhận tình yêu thương của Ngài ([1:2-5](#))

(2) Xem thường Danh của Ngài ([1:6-2:9](#)).

(3) Vi phạm giao ước của Ngài ([2:10-16](#)).

Chương 3 ghi thêm 3 hình thức tiếp theo. Họ:

(4) Chán ngấy lòng nhản nại của Ngài ([2:17-3:5](#))

(5) Ăn trộm 1/10 của Ngài ([3:6-12](#)); và cuối cùng họ

(6) Phản đối lời của Ngài, nói nghịch cùng Ngài ([3:13-15](#))

Như vậy, ý chính của toàn bộ các hình thức trên đây là không tôn trọng danh của Đức Chúa Trời ([1:6](#)). Ngài cảnh báo họ rằng nếu họ không dâng sự vinh hiển cho Ngài, thì Ngài sẽ giáng sự rửa sả trên họ ([2:2](#) so sánh [1:14](#); [3:9](#); [4:6](#).)

II. Nếu người tôn trọng Danh Ta (3:16-4:6)

Tuy nhiên ông Ma-la-chi không để họ ở trong tình trạng tuyệt vọng. Những ai nhớ đến danh của Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ chép tên họ vào một quyển sách để ghi nhớ ([3:16](#)). Và đối với những người kính sợ danh của Đức Chúa Trời, Mặt Trời Công Bình sẽ mọc lên, có quyền năng chữa bệnh ([4:2](#)). Nếu họ tôn kính Đức Chúa Trời, Ngài sẽ chúc phước cho họ.

Nhưng chương 4 (và thực sự là toàn bộ Cựu Ước) không kết thúc bằng lời chúc phước, mà bằng lời rửa sả như thể dân sự định nói rằng: “Cầu Chúa rửa sả tôi nếu tôi không tôn kính Ngài” ([4:6](#)). Từ ‘rửa sả’ và ‘bị rửa sả’ được dùng 7 lần trong

sách ngấn ngủi này. Đó cũng là một chủ đề quan trọng khác của sách này. Sách Sáng Thế Ký bắt đầu bằng lời chúc phước. Bây giờ sách Ma-la-chi kết thúc bằng lời rửa sả. Nhưng bởi ân điển Ma-la-chi không phải là sách cuối cùng của Kinh Thánh. Sứ giả của Đấng Mê-si là ông Ê-li (tức là ông Giăng Báp-tít) sẽ đến (4:5). Ông phải đến trước ngày của Chúa để dọn đường cho Chúa.

Trọng tâm

Tất cả những người làm ô danh Đức Chúa Trời qua cách theo đạo bề ngoài đều bị rửa sả.

Thực hành

Bạn có thể quen với việc phạm tội như bạn quen với môi trường nóng, lạnh, tiếng ồn, mùi vị, ánh sáng, bóng tối. Vì vậy chúng ta rất dễ rơi vào tình trạng chai lì thuộc linh trong khi chúng ta không mảy may ngờ đến. Trong vài năm qua có lẽ nhiệt độ thuộc linh của chúng ta đã hạ xuống mà chúng ta không ngờ. Quan niệm của chúng ta về Đức Chúa Trời có lẽ đã tuột dốc theo thời gian rồi.

Chúng ta bắt đầu ngờ vực tình yêu thương của Đức Chúa Trời và cuối cùng chúng ta nghi ngờ lời của Ngài. Trong khoảng thời gian đó, chúng ta không dâng 1/10 và nói phạm đến danh của Ngài. Có thể lắm trong suốt thời gian này chúng ta vẫn nghĩ rằng hằng ngày mình vẫn tin kính Chúa hơn. Hội thánh chúng ta nhan nhản những Cơ Đốc nhân không ăn năn, thống hối về những việc tội lỗi mà họ đã phạm trong một thời gian dài. Họ nghĩ rằng ăn năn là chuyện dành cho người chưa tin Chúa. Có lẽ họ không nhận ra rằng càng gần gũi với Đức Chúa Trời thì càng nhận biết mình có nhiều tội hơn. Có lẽ họ nghĩ ngược lại: “Trong thời gian gần đây, người ta chẳng phát hiện được tội lỗi nào nơi tôi. Như vậy chắc chắn tôi sống tốt về mặt thuộc linh.”

Một lần nữa, chúng ta hãy quay về với thời gian mà chúng ta luôn đặt danh của Đức Chúa Trời trên hết mọi sự trong đời sống của mình, và chúng ta sẵn sàng vâng lời Đức Chúa Trời thay vì tìm những kẽ hở trong Kinh Thánh để khỏi làm theo lời Đức Chúa Trời. Thế còn việc dâng hiến thì sao? Chúng ta nên bắt đầu dâng cho Đức Chúa Trời đầy đủ 1/10 của mình thay vì viện lý do là chúng ta còn phải chi tiêu cho các nhu cầu khác nữa, phải không?

Chúng ta nên dâng cho Đức Chúa Trời điều tốt nhất của mình thay vì những đồ thừa, phải không? Có phải chúng ta nên dành cho Chúa thì giờ tốt nhất trong ngày để tĩnh nguyện không? Phải chăng chúng ta nên dâng cho Đức Chúa Trời thì giờ tốt nhất trong tuần để thờ phượng Ngài? Chúng ta nên dâng phần tốt nhất trong đời sống mình cho công việc Ngài, đúng không?

Mỗi lần chúng ta làm ô danh Đức Chúa Trời là chúng ta không tôn kính Ngài. Hễ chúng ta làm một việc bôi nhọ danh Đức Chúa Trời và hội thánh của Ngài là chúng ta không tôn trọng danh Ngài. Hễ khi nào người không tin Chúa chế giễu Đức Chúa Trời vì có những việc làm của Cơ Đốc nhân thì khi đó danh Đức Chúa Trời bị khinh bỉ. Còn nếu chúng ta làm những việc tốt đẹp khiến người khác tạ ơn hoặc

ca ngợi Đức Chúa Trời thì đó là chúng ta làm vinh danh Ngài. Trong quá khứ, hội thánh luôn luôn khéo giấu diếm nỗi ô nhục của mình thay vì trút bỏ nỗi ô nhục ấy. Nguyên đời sống của bạn là một bằng chứng giúp thay đổi mọi thực trạng đó.

MA-LA-CHI

Ý chính: SỨ GIẢ của Đấng MÊ-SI

Chủ đề chính: Danh Đức Chúa Trời

Cụm từ chính: ‘danh ta’ (7 lần)

Câu chính: “Bấy giờ những người kính sợ Đức Giê-hô-va nói cùng nhau thì Đức Giê-hô-va để ý mà nghe; và một sách để ghi nhớ được chép trước mặt Ngài cho những người kính sợ Đức Giê-hô-va và tưởng đến danh Ngài.” ([MaMi 3:16](#))

Bài học chính: Tất cả những người làm ô danh Đức Chúa Trời qua cách theo đạo bề ngoài đều bị rửa sả.

GHI CHÚ DÀNH CHO GIÁO VIÊN

và NGƯỜI GIẢNG DẠY

SỬ DỤNG SÁCH NÀY

Nội dung hai phần Thâm nhập và Trọng tâm trong sách này được xem luôn luôn phù hợp ở mọi nơi và mọi lúc. Còn nội dung của hai phần Tản mạn và phần Thực hành thì chắc là sẽ phù hợp hơn cho hội thánh của bạn hoặc học viên của bạn nếu bạn tự soạn. Do đó trong sách này hai phần trên chỉ được xem là mẫu gợi ý.

Khi soạn phần Tản mạn, tức là phần dẫn nhập, bạn nên cố gắng thực hiện ít nhất là hai trong ba điểm sau đây:

(1) Thu hút sự chú ý của độc giả hoặc thính giả.

(2) Làm sao cho thính giả muốn nghe thêm hoặc độc giả muốn đọc thêm.

(3) Giới thiệu đề tài hoặc chủ đề chính.

Bạn có thể đưa vào phần Tản mạn một câu chuyện, một mẫu tin cắt từ báo chí, một bài hát hoặc một tấm hình. Bạn nên chọn tư liệu sao cho phù hợp với độc giả hoặc thính giả.

Cũng nên soạn lại phần Thực hành hoặc phần áp dụng của mỗi chương, vì có khi áp dụng Kinh Thánh (ứng dụng bài học Kinh Thánh vào cuộc sống) chúng ta cần tôn trọng hai tiền đề sau đây: Thứ I, một phân đoạn Kinh Thánh chỉ có một ý nghĩa chính xác, nhưng có thể vận dụng sự dạy dỗ của Kinh Thánh vào cuộc sống bằng nhiều hình thức. Tiền đề thứ hai là mặc dù lời của Đức Chúa Trời được rao giảng ra dưới dạng những mệnh lệnh yêu cầu mọi người phải tuân theo, nhưng chúng ta không thể ép buộc người khác phải áp dụng lời Đức Chúa Trời theo hình thức riêng của chúng ta. Chẳng hạn như Chúa dạy rằng tất cả chúng ta phải trở nên nguồn phước cho người khác (phần áp dụng của sách Sáng Thế Ký), nhưng mỗi người trong chúng ta sẽ trở thành nguồn phước cho người khác thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Khi soạn phần Thực hành, bạn cần lưu tâm đến cảnh ngộ mà thính giả của bạn đang hoặc sẽ trải qua. Đừng quên thính giả của bạn là người công nhân, sinh viên,

nông dân, giám đốc doanh nghiệp hoặc nội trợ. Hãy gợi ý cho họ ít nhất 1 hoặc 2 cách chuyển nguyên tắc Kinh Thánh thành kế hoạch cụ thể và khả thi.

Hầu hết các giáo viên và người giảng đạo đều mắc phải một khuyết điểm là áp dụng một cách chung chung. Một số mục sư, truyền đạo tổng quát hoá tới mức lồng tất cả các sách trong Kinh Thánh và các phân đoạn Kinh Thánh vào cùng một khung áp dụng duy nhất: ai nấy phải lo đọc Kinh Thánh và cầu nguyện nhiều hơn. Vì vậy họ đánh mất những bài học sâu sắc, phong phú trong Kinh Thánh. Do đó chúng ta đề ra những phương hướng áp dụng lời Đức Chúa Trời cách cụ thể để giúp thính giả của chúng ta chuyển tất cả lời của Đức Chúa Trời qua khâu thực hành. Một phần Thực hành bổ ích phải xác định 3 điều sau đây:

(1)Điều cần áp dụng

(2)Cách áp dụng

(3)Thời điểm áp dụng

Sau nhiều nỗ lực soạn một vài phần Tản mạn và Thực hành có lẽ bạn nhận thấy rằng trái với suy đoán của bạn lâu nay, là soạn phần Thực hành cho thật tốt khó hơn nhiều so với phần Tản mạn. Nhưng Đức Chúa Trời ban Kinh Thánh cho chúng ta không phải chỉ nhằm cung cấp một số thông tin mà chủ yếu là nhằm biến đổi chúng ta. Do đó chúng ta cần tận tâm tận lực để tìm ra những đường lối Thực hành cho riêng chúng ta.

Nguyện Đức Chúa Trời ban thưởng cách dư dật cho nỗ lực của bạn.